

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á

ແບບຮຽນພາສາລາວ
SÁCH HỌC TIẾNG LÀO



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
NHÀ XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH SÁCH
NHÀ NƯỚC CHDCND LÀO

ឃុំកោះ... ឆ្នាំ ៣៣៩

ឃុំកោះ... ឆ្នាំ ៣៣៩

ឃុំកោះ... ឆ្នាំ ៣៣៩

ឃុំកោះ... ឆ្នាំ ៣៣៩

ឃុំកោះ... ឆ្នាំ ៣៣៩

ឆ្នាំ ៣៣៩ (៣៣៩)

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á

ແບບຮຽນພາສາລາວ
SÁCH HỌC TIẾNG LÀO

ຜູ້ແຕ່ງ: ຫງຽນຈິທິງ

ສຳນັກຜິມການເມືອງແຫ່ງຊາດ
ສຳນັກຜິມ ແລະ ຈຳໜ່າຍປຶ້ມແຫ່ງລັດສປປ ລາວ

ຮ່າໂນ້ຍ-1996



LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Từ lâu, nhân dân hai nước Việt-Lào đã có mối quan hệ gắn bó, gần gũi. Tình đoàn kết gắn bó đó càng được củng cố và phát triển trong những năm tháng kề vai, sát cánh cùng chiến đấu chống kẻ thù chung để giải phóng đất nước, giành độc lập dân tộc.

Ngày nay nhân dân hai nước cùng bước vào giai đoạn mới trong công cuộc xây dựng đất nước, quan hệ anh em, đồng chí càng thêm thân thiết, sự giao lưu về mọi mặt càng được tăng cường. Trong mối quan hệ giao lưu giữa nhân dân hai nước, ngôn ngữ trở thành một phương tiện hết sức quan trọng và cần thiết.

Để góp phần tăng cường mối quan hệ, sự hợp tác toàn diện giữa nhân dân hai nước Việt-Lào, gần đây NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA VIỆT NAM và NHÀ XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH SÁCH NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO đã liên kết xuất bản cuốn “Từ điển Lào-Việt” và cuốn “Sách học tiếng Việt” (dùng cho người Lào), lần này chúng tôi tiếp tục cho ra mắt bạn đọc cuốn “Sách học tiếng Lào”

(cho người Việt). Cuốn sách nằm trong bộ sách dạy các ngôn ngữ Đông Nam Á, do Viện nghiên cứu Đông Nam Á hợp tác với trường Đại học ngoại ngữ quân sự biên soạn, Giáo sư ngôn ngữ học Phạm Đức Dương nguyên Viện trưởng làm chủ nhiệm. Đây là cuốn sách giáo khoa vừa đơn giản, dễ hiểu, dễ học, vừa mang tính chất khoa học, thiết thực. Mong rằng cuốn sách đáp ứng được yêu cầu học tập của các bạn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc và mong nhận được ý kiến xây dựng của đông đảo bạn đọc hai nước Việt-Lào.

Tháng 8 năm 1996

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

NHÀ XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH SÁCH

NHÀ NƯỚC CHDCNN LÀO

ຄຳນຳຂອງສຳນັກພິມຈຳຫນ່າຍ

ນັບຕັ້ງແຕ່ໃດມາ, ປະຊາຊົນຫວຽດນາມ-ລາວສອງປະເທດໄດ້ມີຄວາມພົວພັນ ໃກ້ຊິດສະໜິດສະໜົມແລ້ວ. ຄວາມສາມັກຄີເປັນປົກແຜ່ນດັ່ງກ່າວນັບມື້ນັບໄດ້ຮັບ ການປັບປຸງ ແລະ ຂະຫຍາຍຕົວໃນຊຸມປີ ແຫ່ງການຮຽງບ່າຮຽງໄຫລ່ກັນພ້ອມກັນ ສູ່ຮົບຕ້ານສັດຕູລວມເພື່ອປົດປ່ອຍປະເທດ, ຍາດເອົາເອກະລາດແຫ່ງຊາດ.

ໃນຊຸມນີ້, ປະຊາຊົນສອງປະເທດຕ່າງກໍ່ພ້ອມກັນກ້າວເຂົ້າສູ່ໄລຍະໃໝ່ໃນພາ ລະກິດກໍ່ສ້າງປະເທດຊາດບ້ານເມືອງ. ການພົວພັນຖານອ້າຍນ້ອງ, ສະຫາຍ ດ້ວຍກັນກໍ່ຍິ່ງສະໜິດສະໜົມຂຶ້ນຕື່ມ, ການແລກປ່ຽນໃນທຸກດ້ານກໍ່ຍິ່ງທະວີຂຶ້ນຕື່ມ. ໃນສາຍພົວພັນແລກປ່ຽນລະຫວ່າງປະຊາຊົນສອງຊາດນັ້ນ ພາສາຈິ່ງກາຍເປັນພາ ຫະນະອັນສຳຄັນ ແລະ ຈຳເປັນທີ່ສຸດ.

ເພື່ອປະກອບສ່ວນເພີ່ມທະວີສາຍພົວພັນ ແລະ ການຮ່ວມມືຮອບດ້ານລະຫວ່າງ ປະຊາຊົນຫວຽດ-ລາວສອງປະເທດ, ສະນັ້ນຫວ່າງມື້ນີ້ສຳນັກພິມການເມືອງ ແຫ່ງຊາດຂອງ ຫວຽດນາມ ແລະ ສຳນັກພິມ ແລະ ຈຳຫນ່າຍປຶ້ມແຫ່ງລັດ ສປປລາວຈິ່ງໄດ້ຮ່ວມສຳພັນຈັດພິມປຶ້ມ “ອັດຈະນານຸກົມລາວ-ຫວຽດ” ແລະ ປຶ້ມ “ແບບຮຽນພາສາຫວຽດ” (ສຳລັບຄົນລາວ); ເທື່ອນີ້ພວກຂ້າພະເຈົ້າສືບ ຕໍ່ຈັດພິມປຶ້ມ “ແບບຮຽນພາສາລາວ” (ສຳລັບຄົນຫວຽດ) ເຊິ່ງປະກົດຕົວຕໍ່ໜ້າ ເພື່ອນຜູ້ອ່ານທັງຫລາຍ. ປຶ້ມດັ່ງກ່າວນີ້ຖືກຈັດວາງໃນຊຸດປຶ້ມສອນພາສາປະເທດ ຕ່າງໆ ໃນອາຊີອາຄະເນໂດຍສະຖາບັນຄົ້ນຄວ້າອາຊີອາຄະເນຮ່ວມມືກັບໂຮງຮຽນ ນະຫວີທະຍາໄລພາສາຕ່າງປະເທດການທະຫານທຳການຮຽບຮຽງ, ສາດສະດາ

ຈາມພາສາວິທະຍາ ຝ່າມດຶກເຍືອງເປັນຫົວໜ້າສະຖາບັນເດີມເປັນເຈົ້າໜ້າທີ່. ປຶ້ມດັ່ງກ່າວທັງເປັນຫລັກສູດອັນງ່າຍດາຍ, ຮຽນງ່າຍ, ເຂົ້າໃຈງ່າຍ, ທັງມີລັກສະນະວິທະຍາສາດ, ແທດຈິງ. ຫວັງວ່າຈະຕອບສະໜອງຄວາມຕ້ອງການໃນການຮຳຮຽນຂອງເພື່ອນທັງຫລາຍ.

ດ້ວຍຄວາມນັບຖືຢ່າງສູງຂໍແນະນຳປຶ້ມເຫລົ່ານີ້ຕໍ່ເພື່ອນຜູ້ອ່ານ ແລະ ຫວັງວ່າຈະຮັບເອົາຄຳຄິດຄຳເຫັນກໍ່ສ້າງຈາກເພື່ອນຜູ້ອ່ານສ່ວນຫລວງຫລາຍໃນສອງປະເທດຫວຽດ-ລາວ.

ເດືອນ ສິງຫາ 1996

ສຳນັກພິມການເມືອງແຫ່ງຊາດ,

ສຳນັກພິມ ແລະ ຈຳໜ່າຍປຶ້ມແຫ່ງລັດ

ສປປລາວ

ພາກທີ I
NGŨ ÂM - CHÍNH TẢ
ອັກຂະລະ-ຂຽນທວາຍ

Bài 1

ບົດທີ 1

Những câu chào hỏi trong lớp:

ຄໍາຖາມສະບາຍໃນຫ້ອງຮຽນ

ທັງໝົດກົງ

(Thăng mốt công) = Tất cả “Nghiêm !”

ເຊີນນັ່ງ

(Xơn nằng) = Xin mời ngồi.

ສະບາຍດີສະຫາຍ

(Xạ bài đi xấ hải) = chào đồng chí.

1. Các nguyên âm

ɤ ɤə ɨ ɨ̃ ɨ̄ ɨ̅ ɤ̌ ɤ̍

ບັນດາສະຫລະ

ă a ị i ư ư ư ư

2. Các phụ âm

ก ข ฉ ฅ จ

ບັນດາພະຍັນຊະນະ

co khổ kho ngo ngỏ

3. Thanh điệu và dấu thanh:

ວັນນະຍຸກ ແລະ ໝາຍສຽງ

1- Các nguyên âm

a) Cách viết:

Tên gọi	Chữ in	Chữ đánh máy	Viết nắn nét	Viết thấu	Cách viết
Xấ lấ ă	x ă	x ă	1  2 	:	Viết sau phụ âm đầu vần: bắt đầu từ vành khuyên vòng sang trái hất ngược lên như 2 dấu ă. Khi viết thấu chỉ chấm 2 chấm.
Xá lă-a	x ă	x ă	1  2 	1	Viết sau phụ âm đầu vần bắt đầu từ trái về sang phải rồi sổ thẳng xuống như nét đầu của

Tên gọi	Chữ in	Chữ đánh máy	Viết nắn nót	Viết thấu	Cách viết
xá-lă-ì					“n”. Viết thấu như số 1 không có chân. Viết trên phụ âm đầu vần; vẽ thành hình tròn không khép kín từ dưới lên trên sang phải. Viết thấu như hình ô van không khép kín.
xă-lă-ì					Viết trên phụ âm đầu vần như chữ ỉ (i) rồi nối thêm gạch ngang sang phải.

Tên gọi	Chữ in	Chữ đánh máy	Viết nắn nét	Viết tháu	Cách viết
xấ-lấ-ứ					Viết trên phụ âm đầu vẫn như chữ ấ(i) rồi thêm dấu chấm ở giữa
xấ-lấ-ừ					Viết trên phụ âm đầu vẫn chữ ấ(ư) rồi thêm gạch ngang sang phải
xấ-lấ-ứ					Viết dưới phụ âm đầu vẫn bắt đầu từ vành khuyên vẽ ngược từ trái sang phải cong xuống như dấu hỏi (?). Khi viết tháu làm dấu sổ ngắn (').

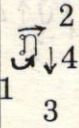
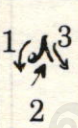
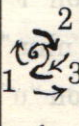
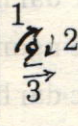
Tên gọi	Chữ in	Chữ đánh máy	Viết nắn nét	Viết tháu	Cách viết
Xấ-lấ-ù	u	x u	x u 2 1 3 4	u	Viết dưới phụ âm đầu vần, bắt đầu như chữ "u" rồi vẽ thẳng lên. Viết tháu như chữ "u" (bo)

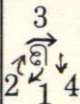
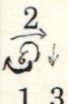
b. Cách đọc:

Chữ	Âm vị	Cách đọc
x ă	(ă ?)	Đọc như "ă" tiếng ác, ăn
x ơ	(a)	Đọc dài hơn chữ "a" tiếng Việt
ĩ	(ĩ?)	Đọc ngắn như i "trong ịch"
ĩ	(i)	Đọc dài hơn "i" tiếng Việt
ũ	(ũ?)	Đọc ngắn như "u" trong "úc"
ũ	(w)	Đọc dài hơn "u" tiếng Việt
ư	(ư ?)	Đọc ngắn như "u" trong "úc"
ư	(u)	Đọc dài hơn "u" tiếng Việt

2- Các phụ âm:

a. Cách viết.

Tên gọi	Chữ in	Chữ đánh máy	Viết nắn nót	Viết tháu	Phân loại	Cách viết
Tô co	ᵿ	ᵿ			dòng trung bình	-Bắt đầu từ vành khuyên từ dưới ngược sang phải thẳng lên uốn một vòng lượn sang phải thẳng lên uốn một vòng lượn sang phải trở xuống kiểu chữ "r" viết tay. Viết tháu từ vành khuyên lên gấp xuống như dấu ô.
Tô khô	ᵿ	ᵿ			dòng cao	-Bắt đầu từ vành khuyên uốn tròn lên sang phải lượn

Tên gọi	Chữ in	Chữ đánh máy	Viết nắn nốt	Viết thấu	Phân loại	Cách viết
Tô kho	๑	๑			dòng thấp	xuống như đầu số hai, lượn như dấu mũ “ô”. Viết thấu như số 2 (hai) viết thấu. -Bắt đầu từ vành khuyên cong lên nửa chừng lại xuống vòng tròn rồi uốn cong lên trên vê cong sang phải sổ thẳng xuống. Viết thấu bắt đầu từ giữa uốn cong nghiêng xuống bên trái vê từ trái vòng lên lượn nghiêng sang phải xuống.

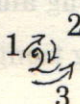
Tên gọi	Chữ in	Chữ đánh máy	Viết nắn nót	Viết tháu	Phân loại	Cách viết
Tô ngo	๑	๑	๑ 2 3 1 4	1 ๑ 2	dòng thấp	- Bắt đầu từ vành khuyên vẽ cong ngược lên, sang phải, sổ thẳng dài xuống quá dòng dưới, uốn sang trái như đuôi số 9.
Tô ngỏ (tô ngo hỏ năm)	๓๑	๓๑	๓๑ 1 2 4 ๓ 5	1 ๓ 2 3	cao	- Bắt đầu viết chữ thứ nhất (๓) từ vòng khuyên lượn cong xuống, vòng lên như chữ " ๓ " viết tay, vòng một vòng khuyên sang phải trở thẳng xuống. Viết tháu như chữ " ๓ " viết tháu nhưng kéo phần đuôi xuống thấp. Sau đó viết chữ ๑ (ngo)

b-Cách đọc

Chữ	Âm vị	Cách đọc
ก	(k)	Như chữ c, k, q
ข	(k)	Như kh có dấu (๑) hỏi
ค	(k)	Như kh
ง		Như ng
ฅ		Như ng có dấu hỏi (๑)

3. Thanh điệu và dấu thanh

a. Cách viết:

Dấu thanh	Tên gọi	Cách viết
↓	Mạc ặc	- Như dấu sắc (') nhưng đứng thẳng.
	Mạc thô	- Bắt đầu từ vòng khuyên lượn, nghiêng xuống, hất ngược lên bên phải.
	Mạc ti	- Bắt đầu từ vành khuyên uốn cong lên, gấp khúc sang phải,

Dấu thanh	Tên gọi	Cách viết
	Mạỵ-chất tá-va	uốn cong xuống, hất ngược lên bên phải. - Như dấu cộng (+) Các dấu thanh đặt trên phụ âm đầu vần Ví dụ: វាវ, ខ្មា

b. Thanh điệu

Thanh điệu	Tên gọi	So sánh thanh tiếng Việt
Thanh xả măn	Xiểng xả măn	- Như thanh không tiếng Việt. Ví dụ: វាវ ខ្មា ca xa
Thanh ệc	Xiểng ệc	- Như thanh huyền trong âm ngắn hoặc thanh nặng trong vần dài. Ví dụ: កះ (cặ) ខះ (khạ) វាវ (cà) ខាវ (khà)

Thanh điệu	Tên gọi	Sơ sánh thanh tiếng Việt
Thanh thô	Xiềng Thô	- Bắt đầu như thanh sắc, luyến xuống thanh nặng và kéo dài. <i>Ví dụ:</i> ກ້າ (cạ ạ) ຂ້າ (khá ạ) ຂ້າ (khạ ạ)
Thanh Tì	Xiềng Tì	- Như thanh sắc. <i>Ví dụ:</i> ຂ້າ (khắ) ນີ້ (ní)
Thanh Chat tava	Xiềng Chắt ta va	- Như thanh hỏi kéo dài. <i>Ví dụ:</i> ຂ່າ (khả) ນ່າ (ngả) ນູ (củ)

c- Cách dùng dấu thanh

Theo quy tắc chính tả, phụ âm Lào chia làm 3 loại: dòng trung, dòng thấp và dòng cao. Mỗi dòng có cách đọc thanh điệu riêng. Cùng một dấu thanh nhưng sẽ đọc khác đi tùy theo loại phụ âm đầu và vần.

Loại phụ âm	Dấu thanh	Vần ngắn	Vần dài
Dòng trung	Không dấu	Thanh ệc, Ví dụ: ဧ (cặ) ဂိ (ki)	Thanh xả măn. Ví dụ: ဂာ (ca) ဂိ (ki)
	Mạy ệc (')		Thanh ệc ဂာ (cà) ဂိ (ki)
	Mạy thô (ˊ)		Thanh thô. Ví dụ: ဂာ (cá ạ) ဂ္ဂ (cú ụ)
	Mạy ti (ˆ)		Thanh ti. Ví dụ: ဂါ (cá) ဂီ (ki)
	Mạy chất ta va (ˆ)		Thanh chất ta-va Ví dụ: ဂိ (ki)
Dòng thấp	Không dấu	Thanh ệc ဧ (khắ) ဂု (khú)	Thanh xả măn Ví dụ: ဧာ (kha) ဂာ (nga)
	Mạy ệc (')		Thanh ệc Ví dụ: ဧာ (khà) ဂ္ဂ (khù)

Loại phụ âm	Dấu thanh	Vần ngắn	Vần dài
Dòng cao	Mạy Thô (ˊ)		Thanh thô Ví dụ: 𑜀𑜂𑜆 (khạ) 𑜀𑜃𑜆 (khụ)
	Không dấu	Thanh ti 𑜀𑜂 (khă) 𑜀𑜃 (khủ)	Thanh chất-ta-va Ví dụ: 𑜀𑜂𑜆 (khả) 𑜀𑜃𑜆 (khỉ)
	Mạy ệc (ˋ)		Thanh, ệc. Ví dụ: 𑜀𑜂𑜆 (khà) 𑜀𑜃𑜆 (khù)
	Mạy thô (ˊ)		Thanh, thô. Ví dụ: 𑜀𑜂𑜆 (khạ ạ) 𑜀𑜃𑜆 (khỉ ị)

Bài tập:

1. Viết và đọc các nguyên âm: 𑜀𑜂 𑜀𑜂𑜆 𑜀𑜃 𑜀𑜃𑜆 𑜀𑜂𑜆 𑜀𑜃𑜆 𑜀𑜂 𑜀𑜃

2. Viết và đọc các phụ âm: 𑜀, 𑜂, 𑜃, 𑜆, 𑜇

3. Chép và đọc các âm tiết không dấu thanh

𑜀𑜂 𑜀𑜂𑜆 𑜀𑜃 𑜀𑜃𑜆 𑜀𑜂𑜆 𑜀𑜃𑜆 𑜀𑜂 𑜀𑜃

𑜀𑜂 𑜀𑜂𑜆 𑜀𑜃 𑜀𑜃𑜆 𑜀𑜂𑜆 𑜀𑜃𑜆 𑜀𑜂 𑜀𑜃

𑜀𑜂 𑜀𑜂𑜆 𑜀𑜃 𑜀𑜃𑜆 𑜀𑜂𑜆 𑜀𑜃𑜆 𑜀𑜂 𑜀𑜃

ຫງະ ຫງາ ຫງິ ຫງີ ຫງຸ ຫງູ

4. Chép và đọc các âm tiết có dấu thanh: ກ່າ ກ້າ ກົາ ກໍາ

ຂ່າ ຂ້າ

ຄ່າ ຄ້າ

ຫງ່າ ຫງ້າ

Bài tập ở nhà:

(ວຽກບ້ານ)

1. Viết các phụ âm đã học, chia thành 3 dòng: trung bình, cao, thấp.

2. Viết và đọc những âm tiết mở gồm các phụ âm đầu vẫn dòng trung bình, cao, thấp, với nguyên âm ngắn.

3. Viết và đọc những âm tiết mở gồm các phụ âm thuộc ba dòng với nguyên âm dài.

4. Viết và đọc các âm tiết mở gồm các phụ âm thuộc cả ba dòng với âm tiết mở có mang các dấu thanh thích hợp.

(ghi chú: Viết kiểu nắn nót và viết tháu).

Bài 2

Bình 2

ຄຳເວົ້າໃນຫ້ອງຮຽນ:

Những câu nói trong lớp học:

- ຂໍໂທດ, ສະຫາຍຊື່ຫຍັງ?

Xin lỗi, đồng chí tên là gì ?

Khổ thật, xạ hải xử nhằng ?

- ຂ້ອຍຊື່ວ່າ ບຸນມີ ວົງສະຫວັນ

Tên tôi là Bun Mi Vông xạvăn

Khởi xử và Bun Mi Vông

xạvăn.

- ຂອບໃຈ

Cảm ơn

Khộp chay

1. Các nguyên âm : ຄະ ຄ ຄະ ຄ ຄະ ຄ ຄະ ຄະ

ສະຫລະ ກ ຄ ຄ

2. Các phụ âm: ຈ ສ ຊ ຍ ຫຍ ອ

ພະຍັນຊະນະ

1. Các nguyên âm : ຄະ ຄ ຄະ ຄ ຄະ ຄ ຄະ ຄະ

ສະຫລະ ະ ື ຸ ູ ົ ັ ິ

0 0' 0'

ວິທີຂຽນ

24

Ghi chú:

- Viết nguyên âm ໂx (ô), viết ໂx (ô) trước phụ âm rồi viết tiếp nguyên âm x (a) đặt sau phụ âm đầu.
- Nguyên âm ໂx (ô) viết trước phụ âm đầu.
- Nguyên âm ແx (ơ) khi phát âm, vẫn là nguyên âm đơn (ngắn) nhưng khi viết biểu hiện một nguyên âm ghép bao gồm ແx (ê) viết trước phụ âm rồi đến x (a và ă) viết sau phụ âm đầu.
- Nguyên âm ໑ (o) đặt trên phụ âm đầu.

b. Cách đọc

ວິທີອ່ານ

Nguyên âm ສະຫລະ	Cách đọc ວິທີອ່ານ
ແx	- Đọc ngắn hơn “ê”. Ví dụ: ເກx ເງx ເຂx kế nghệ khế
ໂx	- Đọc dài hơn “ê”. Ví dụ: ເກ ເງ ເຂ kê nghê khê
ໂx	- Đọc ngắn hơn “ê”.

Nguyên âm ສະຫລະ	Cách đọc ວິທີອ່ານ
ແX	Ví dụ: ແກະ ແງະ ແຄະ ké nghe khệ - Đọc dài hơn “e”.
ໂXະ	Ví dụ: ແກ ແຄ ແຊ ke khe xe - Đọc ngắn hơn “ô”.
ໂX	Ví dụ: ໂກະ ໂງະ ໂຄະ cố ngộ khộ - Đọc dài hơn “ô”.
ເXາະ	Ví dụ: ໂກ ໂຄ ໂງ cô khô ngô - Đọc ngắn hơn “ô”.
໋X	Ví dụ: ແກະ ແຄະ ແງະ có khọ ngọ - Đọc dài hơn “o”.
ເXິ	Ví dụ: ກໍ ຄໍ ງໍ ຂໍ co kho ngo khỏ - Đọc như “â”.
ເXື	Ví dụ: ເກີ ເງີ cố ngợ - Đọc như “ơ”.
	Ví dụ: ເກີ ເງີ cơ ngơ

c. Bài tập
 ໓. ບົດຝຶກຫັດ

1. Viết tắt cả các nguyên âm mới học, mỗi chữ 3 dòng.

ຂຽນໂຕສະຫລະທຸກໂຕທີ່ຫາກໍ່ຮຽນ, ໂຕລະ 3 ບັນທັດ.

2. Viết và đọc các nguyên âm đó ghép với các phụ âm đã học ở bài 1.

ຂຽນ ແລະ ອ່ານບັນດາສະຫລະ ເຫລົ່ານັ້ນປະສົມກັບພະຍັນຊະນະທີ່ຂຽນແລ້ວໃນ ບົດທີ 1.

3. Tập đọc:

ຫັດອ່ານ

ເງິ	ເກີ	ເຄີ	ໂງ່	ເກະກະ	ຂີ້ໂກະ	ໂງງ	ຂາເຄ
ngư	ơ	khơ	ngồi	có cá	khị cố	ngô nghe	khả khê
ເກາະງ່າ	ຂີ້ໂຄ່	ແກະແງະ	ງໍ່ແງ	ຂໍ່ເກາະ	ແກ່ໂຄະ		
có ngà	khì khô	kệ nghe	ngo nghe	khỏ có	kề khộ		
ຂ້າຂີ້ໂຄຂາເຄ							
khạ khì khô khạ khê							
ງໂງ່ເກາະງ່າ							
ngu ngồi có ngà							
ແກະແກ່ງ່າງໍ່							
kề kờ ngà ngo							

ຂໍ້ເກາະເກາະ

khỏ có kể cá

ເກໂງະຂໍເກາະ

cơ nhẹ khỏ có

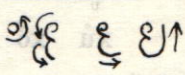
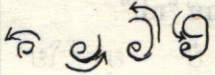
2. Các phụ âm

ພະຍັນຊະນະ

a. Cách viết

ກ. ວິທີຂຽນ

Phụ âm ພະຍັນຊະນະ	Tên gọi ຊື່ຂອງ ພະຍັນຊະນະ	Cách viết ວິທີຂຽນ	Ghi chú
ຈ	Tô cho	๑ ๑๑ ๑๑๑ ๑๑๑๑ 1 2 3 4	
ສ	Tô xỏ	๒ ๒๒ ๒๒๒ ๒๒๒๒ 1 2 3 4	
ຊ	Tô xo	๓ ๓ 1 2	Viết như ๓ rồi kéo dài phần đuôi xuống quá dòng hất lên.

Phụ âm ພະຍັນຊະນະ	Tên gọi ຊື່ຂອງ ພະຍັນຊະນະ	Cách viết ວິທີຂຽນ	Ghi chú
ຍ	Tô nhỏ	 1 2 3 4 5	
ຫຍ	Tô nhỏ		Viết chữ ຫ trước chữ ຍ
ອ	Tô o	 1 2 3 4	Viết từ dưới lên trên

b. Cách đọc

ຂ. ວິທີອ່ານ

Phụ âm ພະຍັນຊະນະ	Cách đọc
ຈ	- Đọc như “ch”. Ví dụ: ຈາ ຈີ ຈິ ໂຈະ cha chi chư chố
ສ	- Đọc như “x”.

Phụ âm ຜະຍັນຊະນະ	Cách đọc
ຊ	Ví dụ: “x” ສູ ໂສ ສໍ xủ xổ xỏ - Đọc như “x”.
ຍ	Ví dụ: “x” ຊໍ ເຊ ເຊີ xo xê xơ - Đọc như “nh”. Ví dụ: ຍໍ ຍຸ ໂຍ nho nhự nhô Làm phụ âm cuối như “i”. Ví dụ: ກາຍ cai
ຫຍ	- Đọc như “nh ” (có dấu hỏi) Ví dụ: ຫຍາ ຫຍ້າ nhả nhạ
ອ	- Dùng làm phụ âm đầu vẫn trong các âm tiết không có phụ âm đầu vẫn. Ví dụ: ອາ ອິ ໂອ a i ô Trong âm tiết đóng làm nguyên âm “x” thay “xoX” Ví dụ: ກອງ ສອງ ຄອງ coong xoong khoong

c. Bài tập

ຄ. ບົດເຝິກຫັດ

1. Viết tất cả các phụ âm mới học, mỗi phụ âm 3 dòng.

ຂຽນພະຍັນຊະນະທີ່ຫາກໍຮຽນທຸກໂຕ, ໂຕລະ 3 ບັນທັດ

2. Viết và đọc các phụ âm đó ghép với các nguyên âm đã học ở bài 1.

ຂຽນ ແລະ ອ່ານພະຍັນຊະນະເຫລົ່ານັ້ນປະສົມກັບສະຫລະທີ່ຮຽນແລ້ວໃນບົດທີ 1

3. Tập đọc:

ຫັດອ່ານ:

ກ. ຈາ ຈີ ຈື ໂຈະ ສັ ສີ ເສາະ ເຊ ຊູ ຊື່ ຍໍ
cha chì chừ chộ xỏ xỉ xọ xê xu xừ nho
ແຍ ຫຍ້າ ຍ່າ ໂຍະ ກາຍ ຈ່າຍ ງ່າຍ ຂາຍ ເຂີບ ໂອຍ
nhe nha nhà nhộ cai chài ngài khái khởi ôi
ຈ່ອຍ ຍຸ ຍາ ຍີ່ ຍູ້ ເຈີ ເກີ ເຂີ ເຈີ ສະເອີ
chòì nhu nha nhì nhự chơ cơ khó chơ xạ ơ
ເຊີເລີ ເຈີງ ຊູຂາ ຫຍ້າຄາ ອາຊີ ສີຊຸ່ ຍ່ງ່າ
xơ lơ chơng xu khá nhà kha a xi xỉ xo nho nga
ກາກີ ຂີ້ໂງ່ ໂງເງ ເກະກະ ຍະໂສ ໂຍຄະ
ca ki khi ngồ ngồ nghê ké cá nhà xổ nhô kha

ຄະຍະ ຊະເງີ ເງິໂງ ຈໍແຈ ແກ້ເກີ ເຍີ່ຍ່າ
 khạ nhạ xạ ngợ ngợ ngổ cho che kẹ cợ nhợ nhà.

ຂ. - ຂ້າຈີ່ຊີ່ຄູ.

- ຍຸເກີສີ່ຊຸ່

- ຍິ່ຍ່າສະງ່າ

- ອາຍຸກະເຊີ

4. Chính tả:

ຂຽນໜ້າຍ:

ຄູສີ່ຊຸ່ ບໍ່ໜ້າຄາ ອາຊີ່ແກະ ແຂ້ເຈິງ ກູຂໍ່ຈີ່ ຊີ່ສະງ່າ ກາຍແກ
 ແກ້ສະເອີ ເກີຊະເງີ ເອີໂຈະສາ

d. Bài tập ở nhà:

໑. ວຽກບ້ານ

1. Tập viết tất cả các phụ âm và nguyên âm đã học ở bài 1 và 2

ຫັດຂຽນພະຍັນຊະນະ ແລະ ສະຫລະທີ່ຮຽນແລ້ວໃນບົດທີ 1 ແລະ 2 ທຸກໂຕ.¹⁾

2. Tập ghép vần có và không có dấu thanh với các phụ âm cả ba dòng cao, trung bình và thấp.

¹⁾ Trong một câu văn hoặc một đoạn văn, nếu không có các dấu câu, các từ ngữ đều viết liền nhau.

Ví dụ: 𐄀 𐄁 𐄂

kê thê kẹ

𐄃 𐄄 𐄅

khê khề khệ

𐄆 𐄇 𐄈

khẻ khề khệ

3. Tập đọc phần b (cách đọc)

Bài 3

Bíth 3

Những câu nói trong lớp học:

ຄຳເວົ້າໃນຫ້ອງຮຽນ

- ເລີ່ມ ຮຽນ ກັບ ເທາະ **bắt đầu học nhé**

lờm hiên cấp thó

- ເຊີນຝັກ **mời nghỉ**

xơn phắc

1. Các nguyên âm ເັຍ ; ເຊຍ; ເຊອ; ເຊ໊ອ; ເືວະ; ເືວ
ສະຫລະ

2. Các phụ âm đầu ດ; ຕ; ຖ; ທ; ນ; ຫ
ພະຍັນຊະນະ

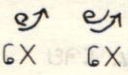
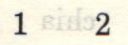
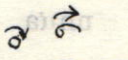
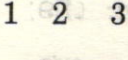
3. Âm tiết đóng với các phụ âm cuối ງ; ນ; ດ; ກ; ມ; ຍ
ພະຍາງສະກົດ ແມ່ກົງ; ກົບ

4. Dấu " và "
ໄມ້ກົງ ແລະ ໄມ້ກັນ

1. Các nguyên âm: ເັຍ ເຊຍ ເຊອ ເຊ໊ອ ເືວະ ເືວ
ສະຫລະ ía ía úa úa úa ua

a. Cách viết

ກ. ວິທີຂຽນ.

nguyên âm ສະຫລະ	Tên gọi ຊື່ອັກສອນ	Cách viết ວິທີຂຽນ	Ghi chú ໝາຍເຫດ
ເຊັຍ	Xấ lă ía	 	Như ເຊັຍ bỏ mạy căn ັ
ເຊຍ	Xấ lă ia		
ເຊ໊ອ	Xấ lă úa		
ເຊ໊ອ	Xấ lă ưa		
ໂຂະ	Xấ lă úa		
ໂຂ	Xấ lă ua		Viết như: ໂຂ bỏ chữ: ະ

b. Cách đọc

ຂ. (ວິທີອ່ານ)

Nguyên âm ສະຫລະ	Cách đọc ວິທີອ່ານ
ເຊັຍ	- Đọc ngắn hơn “ia, iê”. Ví dụ: ເຊັຍ ເສັຍ ເຂັຍ chia xia khía
ເຊຍ	- Đọc như “ia, iê”.

Nguyên âm ສະຫລະ	Cách đọc ວິທີອ່ານ
ເຂືອ	Ví dụ: ເຈຍ ເສຍ chia xĩa - Đọc ngắn hơn “ưa”.
ເຍືອ	Ví dụ: ເຍືອ như - Đọc như “ư”.
ເຂືວະ	Ví dụ: ເກືອ; ເສືອ cư xĩa - Đọc ngắn hơn “ư”.
ເຂືວ	Ví dụ: ຂົວະ; ສົວະ khúa xúa - Đọc như “ư”.
	Ví dụ: ກົວ; ງົວ; ຂົວ cua ngua khũa

(ເຂັຽະ), (ເຂັຽ) hiện nay không dùng cách viết này.

c. Bài tập:

ຄ. ປິດຝຶກຫັດ

1. Tập viết và đọc tất cả các nguyên âm vừa mới học, mỗi chữ 3 dòng.

ຫັດຂຽນ ແລະ ອ່ານສະຫລະທຸກໂຕທີ່ຫາກໍ່ຮຽນ, ໂຕລະ 3 ບັນທັດ.

2. Ghép các nguyên âm mới học với các phụ âm đã học cùng với dấu thanh

ໃຊ້ຜະຍັນຊະນະທີ່ຮຽນແລ້ວ ປະສົມກັບສະຫລະທີ່ຫາກໍ່ຮຽນ ພ້ອມກັບວັນນະຍຸກ

3. Tập đọc

ຫັດອ່ານ

ເກ້ຍ	ເຈ້ຍ	ເຂ້ຍ	ເສ້ຍ		
kia	chia	khía	xía		
ເຍຍ	ເຈຍ	ເຂຍ	ເສຍ	ເຊຍ	
nhia	chia	khía	xía	xia	
ເກືອ	ເກື້ອ	ເຄືອ	ເຂືອ	ເຊືອ	
cưa	cưà	khưa	khừa	khửa	xưa
ກົວ	ກົ່ວ	ຈົວ	ຈົ່ວ	ຈົວະ	
cua	cùa	chua	chùa	chụa	
ຊົວ	ຊົ່ວ	ຊົ້ວ	ຊົວະ	ງົວ	ຍົວ
xua	xùa	xưa	xụa	ngua	nhua
ເຊືອຄູ	ສູ່ງໍ່	ສໍ່ສີ	ຂໍ່ເກືອ	ເຂືອເຄືອ	
xừa khu	xù khô	xỏ xỉ	khỏ cưa	khửa khưa	

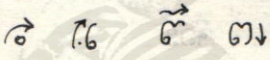
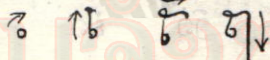
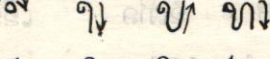
ខាវ័្វ ខ័្វឌ័្វ ខាខ័្វ ម័្វះម័្វ ភ័្វន័្វ
 khả ngua xùà xạ kha khủa nhựa nhự cù xựạ
 វិវម័្វ ឡ័្វន័្វ ន័្វន័្វ ម័្វះម័្វ ម័្វខ័្វ
 chua nho khu khu cù xựạ xủa xủa khả nhà xự ngua
 ឡ័្វន័្វន័្វន័្វន័្វ
 khu xả xự xựạ xỉ cả ki

2. Các phụ âm đầu

ព័្វះម័្វន័្វ

a. Cách viết

ក. វិវិវ

Phụ âm ព័្វះម័្វន័្វ	Cách viết វិវិវ	Ghi chú ព័្វះម័្វ
ក	 1 2 3 4	
ត	 1 2 3 4	
ព	 1 2 3 4	Duỗi dài xuống quá 1 dòng.
ហ	 1 2 3 4	

Phụ âm ໂຕພະຍັນຊະນະ	Cách viết ວິທີຂຽນ	Ghi chú ໝາຍເຫດ
ມ	    1 2 3 4	Có thể viết tách thành hai chữ: ຫ and ມ thành ຫມ
ຫມ	   1 2 3	

b. Cách đọc:

ຂ. ວິທີອ່ານ

Phụ âm ພະຍັນຊະນະ	Cách đọc ວິທີອ່ານ
ດ	Đọc như “đ”. Ví dụ: ດີ ແດ ເດີ đi đê đơ
ຕ	Đọc như “t”. Ví dụ: ຕາ ໂຕ ຕູ້ ta tô tụ

Phụ âm ພະຍັນຊະນະ	Cách đọc ວິທີອ່ານ
ຖ	Đọc như “th”. Ví dụ: ຖີ ຖູ ໂຖ thử thử thử
ທ	Đọc như “th”. Ví dụ: ທີ ເທ ທາ thi thê tha
ນ	Đọc như “n”. Ví dụ: ນາ ເນ ນີ na nơ nị
ໝ	Đọc như “m”. Ví dụ: ໝາ ໝີ ໝີ້ mả mĩ mị

c. Bài tập

ຄ. ບົດຝຶກຫັດ

1. Tập viết và đọc các phụ âm mới học, mỗi chữ 3 dòng:

ຫັດຂຽນ ແລະ ອ່ານພະຍັນຊະນະທີ່ຫາກໍຮຽນ, ໂຕລະ 3 ບັນທັດ:

2. Ghép các phụ âm mới học với các nguyên âm đã học cùng với dấu thanh.

ໃຊ້ພະຍັນຊະນະທີ່ຫາກ່ຽນປະສົມກັບສະຫລະທີ່ຮຽນແລ້ວພ້ອມທັງວັນນະຍຸກ

3. Tập đọc

ຫ້ດອ່ານ

di đơ đu đự đà đứ tổ ti té túa thử thủ
 ໂຖ ເຖະ ຖົວ ຫາ ໂທ ທີ ເທະ ເທືອ ທົ່ວ
 thỏ thọ thừa tha thô thì thợ thừa thù
 na nì nị nọ ne nả nỉ nủ nẻ nủ
 ທີ່ນີ້ ຫນີເສືອ ເທື່ອຫນ້າ ນາເກືອ ເຊື່ອຖື ຄືແທ້
 thì nị nỉ xử thừa nạ na cửa xử thử khư the
 ແຕ່ນີ້ ຂີ້ຕົວະ ທົ່ວຫນ້າ ຫາສີ ດີເກືອ ເສື້ອຫນາ
 tè kị khị túa thừa nạ tha xỉ đi cửa xử nả
 ນາດີ ສີສະ ກະທໍ ຫຍໍ້ທໍ ຕໍ່ສູ້ ຫມຸນາ ຂາໂຕະ
 na đi xỉ xá cạ tho nhọ thợ tò xử mủ na khả tộ
 ໂອນໍ ຕໍ່ແຍ ແຈຕູ້ ຖູຂາ ຕາຕໍ່ ຂໍ້ສະເໜີ ເຈິກະສາ
 ô no tò nhe che tú thử khả ta tộ khọ xá nỏ chơ cá xá
 ທາກະແຈະ ແກ້ສະເອີ

tha cạ chệ	kệ xạ ơ				
ຕາສາຖືກະຕ່າຖົ່ວ					
ta xá thử cá tà thừa					

ຈົວເທກະທໍເກືອ

chùa thê cạ tho cưa

ເສື້ອໂຕນີ້ດີເມາະ

xưa tô nị đi đi nọ

ຂໍສະເຫມີນີ້ດີແທ້

khọ xá nỏ nị đi đi the

3. Âm tiết đóng với các phụ âm cuối : ๑ ๓ ๓ ๓

ພະຍາງສະກົດແມ່ ກົງ, ກົບ, ກົກ,

Âm tiết đóng có phụ âm cuối là ๑, ๓, ๓, ๓

có quy tắc thanh điệu như âm tiết mở có nguyên âm dài.

Những âm tiết này, trong ngữ pháp Lào gọi là “vần sống”

(ຄໍາເປັນ)

ພະຍາງສະກົດແມ່ກົງ, ກົນ, ກົນ, ເກີຍ

ຜົນວັນນະຍຸກຕາມຫລັກກ່ຽວກັບ ແມ່ ກໍກາ ພະຍາງເຫລົ່ານີ້ຕາມຫລັກໄວຍາກອນລາວເອີ້ນວ່າ “ຄໍາເປັນ”.

Bảng quy tắc đọc “vần sống”

ຕາຕະລາງຫລັກການອ່ານ“ຄໍາເປັນ”

Dấu thanh ວັນນະຍຸກ	Phụ âm đầu ພະຍັນຊະນະ			ໝາຍເຫດ
	Trung bình ກາງ	Cao ສູງ	Thấp ຕໍ່າ	

ວັນນະຍຸກ		ພະຍັນຊະນະ			ໝາຍເຫດ
		ກາງ	ສູງ	ຕ່ຳ	
Nguyên âm dài	Xả mắt	ກາ	ຂາ	ຄາ	
	ສາມັນ	ca	khả	kha	
	thanh	ກາງ	ຂາງ	ຄາງ	
	không	cang	khảng	khang	
ສະຫລະ ສຽງຍາວ	ệc	ກ່າ	ຂ່າ	ຄ່າ	
	ເອກ	cà	khà	khà	
		ກ່າງ	ຂ່າງ	ຄ່າງ	
		càng	khàng	khạng	
	Thô	ກ້າ	ຂ້າ	ຄ້າ	- Đọc như thanh điệu của nguyên âm dài tương xứng trong âm tiết mở.
	ໂທ	cạ	kha	kha	
		ກ້າງ	ຂ້າງ	ຄ້າງ	
		cạng	khảng	khạng	
Nguyên âm ngắn	Thanh	ກິ	ຮິ	ຊິ	nt
	không	kí	xí	xi	
	ສາມັນ	ກິນ	ສິນ	ຊິນ	
		khin	xin	xin	

ວັນນະຍຸກ		ພະຍັນຊະນະ			ຫມາຍເຫດ
		ກາງ	ສູງ	ຕ່ຳ	
ສະຫລະ	Êc ເອກ	ກີ	ສີ	ຊີ	ສະຫລະ
ສຽງ		kì	xì	xì	nt
		ກິນ	ສິນ	ຊິນ	
		kìn	xìn	xìn	
ສັມ	Thô ໂທ	ກັ	ສັ	ຊັ	ສັມ
		kị	xị	xị	
		ກັນ	ສັນ	ຊັນ	
		kịn	xịn	xịn	

4. Dấu ǣ và ǣ̃

ໄມ້ກັນ ແລະ ໄມ້ກົງ

- Nguyên âm ngắn ɤ (ə) (ă) khi ghép thành âm tiết đóng điều đổi thành dấu ǣ(mạ căn) đặt trên phụ âm đầu. Ví dụ:

Phụ âm đầu	Nguyên âm	Phụ âm cuối vẫn	ghi chú
ກ	ɤ	ງ ມ ກັງ ກັນ căng căn	

Phụ âm đầu	Nguyên âm	Phụ âm cuối vẫn	ghi chú
ກ	ເຯ	ເກັງ ເກ້ມ kêng kên	
ຂ	ເຼຯ	ເຂັງ ເຂ້ມ khêng khên	
ກ	ໂຮ	ກັງ ກ້ມ cuông cuôn	

- Nguyên âm ໂຮ trong âm tiết đóng phải đổi thành dấu ư (mạ công).

Ví dụ: ໂກະ ກົງ ກົມ
cố công còn
ໂຈະ ຈົງ ຈົມ
chố chông chôn

Nguyên âm ເື້ຍ và ເື່ຍ trong âm tiết đóng phải ັຍ, ể

ເຂັຍ ຂັງ ຂັມ

khĩa khiểng khiể

ເສຍ ສັງ ສັມ

xĩa xiểng xiể

1) Chỉ viết: ັ (ia) trong âm tiết đóng.

Phụ âm cuối vẫn đọc như “i”

Ví dụ: ກາຍ

cai

Bài tập

ບົດເຝິກຫັດ

1. Lập một bảng quy tắc đọc âm tiết đóng “vần sống”

ຂຽນຕາຕະລາງຫລັກການອ່ານຄໍາເປັນ

2. Ghép vần sống với các nguyên âm sau:

ໃຊ້ສະຫລະຕໍ່ໄປນີ້ປະສົມເປັນຄໍາເປັນ

xe, xe, xe, xe, xe, xe, xe, xe, xe, xe, xe, xe

3. Tập đọc

ຫັດອ່ານ

kin chinh khun khong khun khung thìn ăng iêng
қин чинх кхун кхонг кхун кхунг тшин ӑнґ ӡӡӑ
xôn nôi xing xịn xựn nghìn nhing nhon khui khoi
ຍົນຍົງ ກົງເສືອ ເທື່ອຫນ້າ ຄ້າຂາຍ ສາຍສົນ ຍົນດີ
nhưn nhong công xửa thừa nà khạ khái xải xỉn nhìn đi
ຕິສັ່ງ ເສັ້ງຊ່ວງ ຫວງຫນີ ຂີ້ໂກງ ໂຄງການ
ti xing xẻng xuống thương nị khị công không can

ຈາມສຽງ ຄຽງຄູ່ ຫມູນ້ອຍ ຂ້າແກງ ແຂ່ງຂັນ
 chan xiéng khiéng khù nủ nọi khạ keng khèng khản
 ຊັ້ນຊົນ ຄົນງານ ການເງິນ ເຊີນຊວນ ຄວນຊື້
 xăn xôn khôn ngan càn ngon xơn xuôn khuôn xự
 ດີ້ດ້ານ ສາມສັ້ນ ຊົນເຊີຍ ເງິຍໜ້າ ທ່າທີ ດີເດ່ນ
 đự đạn xảm xộm xôm xơi ngời nạ thà thi đi đến
 ເອ້ນດູ ຊູທຸງ ມຸ່ງໂສ້ງ ຈົງອາງ ທາງໜີ ນີ້ເດີ
 ên đu xu thung nùng xỏđong chôông ang thang nỉ nị đơ
 ຢ່າງຄຽງຄູ່ ເອ້ນດູນ້ອງນ້ອຍ
 nhàng khiéng khù ên đu nong nọi
 ຄ້ອຍເກື້ອກູນກັນ ຜັນອ້າຍນ້ອງຄິງ
 khọi cựa cun căn phản ại noọng khing
 ສູນກາງຊົນເຊີຍຄົນງານແຂ່ງຂັນກັນສ້າງສັນສັງຄົມນິຍົມ
 xủn càng xôm xơi khôn ngan khèng khản căn xạng xản xẳng
 khôm ni nhôm
 ນາຍທຶນດີ້ດ້ານຕ້ານການຕໍ່ສູ້ຂອງຄົນງານ
 nai thưn đự đạn tạn càn tò xự khoỏng khôn ngan.

Bài 4

Bíthì 4

Những câu nói trong lớp học

ຄໍາເວົ້າໃນຫ້ອງຮຽນ

- ຝັງໃຫ້ດີເດີ

Nghe cho kỹ nhé

phăng hay đi đờ

- ເອົາລະ, ບາດນີ້ອ່ານຕາມຂໍ້ອຍ

Nào, bây giờ đọc theo tôi.

au la, бат нї àn tam khoi

- ສະຫາຍລອງອ່ານເບິ່ງດຸ່

Đồng chí Long thử đọc xem nào

Xá hải loong àn bõng đứ

- ຜິດແລ້ວ, ອ່ານໃໝ່

Sai rồi. Đọc lại

Phít lẹo , àn mầy

- ຖືກແລ້ວ, ເຊີນນັ່ງ

Đúng rồi. Mời ngồi

thực lẹo , xơn nằng

1. Các nguyên âm hỗn hợp:

ໄ໊, ໄຂ, ໄຂົາ, ຳ

ສະຫລະປະສົມ

2. Các phụ âm đầu ບ ປ ຜ ຝ ພ ຟ ມ ຫມ

ພະຍັນຊະນະ

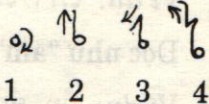
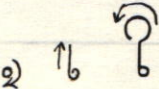
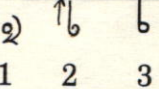
3. Âm tiết đóng với các phụ âm cuối: ກ. ດ. ບ. ມ.

ພະຍາງສະກົດແມ່ກົກ, ກົດ, ກົບ, ກົມ.

1. Các nguyên âm hỗn hợp: ໄx ໃອ ເອົາ ອຳ

ay ay au 'ăm

a. Cách viết:

nguyên âm ສະຫລະ	Tên gọi ຊື່ອັກສອນ	Cách viết ວິທີຂຽນ	Ghi chú ໝາຍເຫດ
ໄx	ay	 1 2 3 4	Viết trước phụ âm đầu.
ໃx	ay	 1 2 3	Viết trước phụ âm đầu
ເອົາ	au	 1 2 3	Viết theo thứ tự phụ âm, dấu
້ຳ	ăm		Viết theo thứ tự phụ âm, dấu

b. Cách đọc

ຂ. ວິທີອ່ານ

Nguyên âm ສະຫລະ	Cách đọc ວິທີອ່ານ
ໄx 	Đọc như "ay"

Nguyên âm ສະຫລະ	Cách đọc ວິທີອ່ານ
ê	Ví dụ: ê, ơ, ơ, ơ Trong, ơ, ơ, ơ Đọc như “au”
ơ	Ví dụ: ơ, ơ, ơ Đọc như “âm” Ví dụ: ơ, ơ, ơ
c. Bài tập d. Viết theo mẫu	

1. Tập viết và đọc tất cả các nguyên âm vừa mới học, mỗi chữ 3 dòng.

Thật đúng và dễ dàng các nguyên âm và âm vị, âm vị 3 âm vị

2. Ghép các nguyên âm đã học với các phụ âm đã học cùng với các dấu thanh.

Để học sinh học và đọc các nguyên âm và âm vị, âm vị 3 âm vị

3. Tập đọc:

ຫັດອ່ານ

ໃກ້ ໄກ ໄກ່ ໄກ້ ໄຂ ໄຂ່ ໄຂ້ ໄຄ ໄຄ້

cay cay cày cạy khảy khày khạy khay khày

ໄຄ້ ໄຄ້ໄຕ້ ໄງ ໄງ່ ໄງ້ ໄຈ ໄຈ້ ໄສ ໄສ້

khạy khày tay ngay ngày ngay chay chạy xáy xáy

ໄສ່ ໄສ້ ໄຊ່ ໄຊ້ ໄຊ ໄຍ ໄໃ ໄຕ້ ໄຕ ໄຕ້

xày xay xày xay xay nhay đẩy đày tay tay

ໄຕ້ ໄຕ້ ໄຖ ໄຖ່ ໄຫ ໄຫ້ ໄຍ ໄຍ່ ໄຍ

tày tay thày thày thay thay nhày nhày nhay

ໄຫຍ່ ໄຫຍ້ ໄກ່ກຸ່ມ ໄກ່ຂົວ ໄກ່ງວງ ໄກ່ແຈ້

nhày nhày cày cùn cày khũa cày nguổng cày chệ

ໄກ່ຕີ ໄກ່ເຖື່ອມ ໄກ່ນາ ໄກ່ຍອງ ໄກ່ອູ ໄກ່ສີ

cày ti cày thườn cày na cày nhoong cày u cày xỉ

ໄກ່ສອມ ໄກ່ກັມ ໄຂງົວ ໄຂກະແຈ ໄຂຄໍ້

cày xỏn cày cấn khảy ngựa khảy cá che khảy kho

ໄຂໄກ່ ໄຂແຂ້ ໄຂ່ງາງ ໄຂ້ສູງ ໄຄແດ່

khày cày khày khe khày kháng khạy xứng khay đề

ໄຄຄາ ໄຄຄ້າວ ໄຈ້ແຍກ ໄສ້ໃຈ ໄສ້ເສິກ

khảy kha khay khạo chạy nhọc xày chay xay xóc

ໄສ້ຕະກຽງ ໄສຍໍ ໄສກົບ ໄສຍາ ໄຊໂຍ

xay tá kiếng xáy nho xáy cốp xáy nha xay nhô

ໄຊຊະນະ	ໄດ້ດີ	ໄຕຈິວອນ	ໄຖນາ	ຄ່າໄຖ່			
xay xạ nà	đầy đi	tay chi von	thấy na	khà thày			
ໄຖນາ	ໄທໄຕ້	ໄທຍະທານ		ໄທຍະທຳ			
thấy na	thay tay	thay nhạ than	thay nhạ thăm				
ໃນໃຈ	ເຄື່ອງໃນ	ໄມ່ມີ	ໄມ່ປາກ	ເຂົ້າໄມ່			
nay chay	khường nay	mày mư	mày pạc	khậu này			
ກຳ	ເກົາ	ງຳ	ເງົາ	ຂຳ	ເຂົາ	ຄຳ	
cắm	cau	ngắm	ngau	khằm	khẩu	khăm	
ເຄົ້າ	ຈຳ	ເຈົ້າ	ສຳ	ເສົາ	ຊຳ	ເຊົາ	ຍຳ
khậu	chăm	chậu	xắm	xẩu	xăm	xau	nhắm
ເຍົາ	ດຳ	ເດົາ	ຕຳ	ເຕົາ	ຖຳ	ເຖົ້າ	ທຳ
nhau	đăm	đau	tắm	tau	thắm	thậu	thăm
ເທົາ	ສຳຄັນ	ທັນໃຈ	ໄຊໂຍ	ໂຕໄກ່	ໄຂ່ເບົາ		
thàu	xắm khăn	thần chay	xây nhô	tô cày	khày bau		
ເອົາໃສ່	ໃສນ	ສິດຳ	ຕຳເຂົ້າ	ເຖົ້າແກ່	ແຂ້ໃຫຍ່		
au xay	xáy no	xỏ đăm	tắm khâu	thậu kè	khệ nhày		
ໃສ່ເສັກ	ເດັກຕື່ນ	ຄືນຄຳ	ສຳເມົາ	ເອົາໃຈ			
xay xóc	đóc đừn	khưn khằm	xắm nau	au chay			
ໄຂງົວ	ຕົວໃດ	ໄຕ້ຕະກຽງ					
khảy ngua	tua đày	tạy tá kiềng					

2. Các phụ âm đầu ɓ ɓ ɗ ɗ ɓ ɓ ɓ ɓ

ພະຍັນຊະນະ:

a. Cách viết:

၁. ဝိစိစဉ်

Phụ âm တိုအက္ခရာ	Tên gọi ခွဲအက္ခရာ	Cách viết ဝိစိစဉ်	Ghi chú ဓာတ်အက္ခရာ
ပ	Tô bo	ပ ၁ ၂ ၃ ၄	
ပ	Tô po	ပ ၁ ၂	Đuôi cao hơn ပ
ဖ	Tô phỏ	ဖ ၁ ၂ ၃ ၄ ၅	Tô phỏ đuôi dài hơn ဖ
ဖ	Tô phỏ	ဖ ၁ ၂	
	Tô pho	ဖ ၁ ၂ ၃ ၄	
	Tô fo	ဖ ၁ ၂	Tô fo đuôi dài hơn ဖ
မ	Tô mo	မ ၁ ၂ ၃ ၄	
စာ	Tô mỏ	စာ ၁ ၂	Viết chữ စာ rồi vòng nối luôn chữ မ = စာ

b. Cách đọc:

၂. ဝိစိစဉ်

Phụ âm ພະຍັນຊະນະ	Cách đọc ວິທີອ່ານ
ບ	Đọc như “b” tiếng Việt Ví dụ: ແບ ເບີຍ be bơi
ປ	Đọc như “p” tiếng Việt Ví dụ: ແປ ເປີຍ pe phơi
ຟ	Đọc như “ph” tiếng miền trung. Ví dụ: ຟາ ຟີ Phả phở
ຝ	Đọc như “f” tiếng Việt Ví dụ: ຝາ ຝັນ fả fản
ຟ	Đọc như “ph” tiếng miền trung Ví dụ: ຟາ ຟ໌ pha phô
ຟ	Đọc như “f” tiếng Việt Ví dụ: ຝາ ຝານ fạ fan
ມ	Đọc như “m” tiếng Việt Ví dụ: ມີ ມີ mi mư
ໝ	Đọc như “m” tiếng Việt Ví dụ: ໝາ ໝູ mả mủ

c. Bài tập:

ບົດຝຶກຫັດ

1. Viết tất cả các phụ âm mới học, mỗi phụ âm ba dòng.

ຂຽນໂຕຜະຍັນຊະນະທີ່ຫາກໍຮຽນທຸກໂຕ, ໂຕລະ 3 ບັນທັດ

2. Viết và đọc các phụ âm đó ghép với các nguyên âm đã học ở các bài trước.

ຂຽນ ແລະ ອ່ານ ຜະຍັນຊະນະເຫລົ່ານັ້ນ ປະສົມກັບສະຫລະທີ່ຮຽນແລ້ວໃນບົດກ່ອນ

3. Tập đọc

ຫັດອ່ານ

ໃຍ	ໄປ	ໃຜ	ໄຟ	ໄພ	ມົວ	ໝີ	ໃບບົວ
nhay	pay	phảỷ	fảỷ	phay	mua	mỉ	bay bua
ຝົວພັນ		ເຜົາໄຟ		ໄປໃສ		ໃຜມາ	ໝາໄມ
phua phăn	phảỷ phay	pay xảỷ	phảỷ ma	mả nay			
ໄຟດຳ	ຄຳກຳມະ		ພະສົງ	ອົງຄະເຈົ້າ			
fảỷ đẳm	khẳm cẳm mạ	phạ xôổng	ôông khạ chạu				
ເຜົ້າມາ	ພາສີ	ຜີບ້າ	ປະສົງ	ອົງການ	ຟານເຖົ້າ		
phạu ma	pha xỉ	phỉ bạ	pạ xôổng	ôông can	fan thạu		
ເປົ່າໄຟ	ໄມຕິ	ຜີນ້ອງ	ປ້ອງກັນ	ໝັ້ນຍືນ			
pàu fay	may ti	phỉ noọng	poọng cẳn	mặn nhưn			
ຝີນໃຈ	ໄທບ້ານ	ຜ່ານຜ່າ	ຝ້າຝີນ	ຄົນໃໝ່			
fửn chay	thay bạn	phần phà	fạ fỏn	khôn mạy			

ໄມ້ຜ່	ຝັຜັນ	ຜັນແປ	ແມ່ນານ	ພານເງິນ
mạy phày	fày fản	phản pe	mè man	phan ngon

ເດິນບິນ	ສິ້ນໄຫມ	ໃຄແດ່	ແທ້ໃດ	ໄປນ່າ
đồn bin	xịn mảy	khay đề	thề đay	pay năm

ບຳເພັນ	ເປັນຫຍັງ	ດັງໄຟ	ໄຟບູນ	ຜຸ້ນເດ
--------	----------	-------	-------	--------

bấm phen	pên nhảnh	đăng fay	phay bun	phụn đề
ເພມ້າງ	ຂາງໄຟ	ໄຂ້ສູງ	ມຸງຫຍ້າ	ຜ້າແພ

phê mạng	khảnh fay	khay xứng	mụng nhạ	phạ phe
ແຈບ້ານ	ຖ່ານດຳ	ສ້ານຮຸງ	ພຽງພໍ	ພໍ້ບ້ານ

che bạn	thàn đăm	xẩm niêng	phiêng pho	phò bạn
---------	----------	-----------	------------	---------

ຫມາມຜັກ	ປັກດຳ	ຊຳນານ	ຜ່ານມະຕິ
---------	-------	-------	----------

nằm phắc	pắc đăm	xẩm nan	phản mạ tí
----------	---------	---------	------------

3. Âm tiết đóng với các phụ âm cuối tắc: ກ, ດ, ບ

ພະຍາງສະກົດແມ່ກົກ, ກົດ, ກົບ

Loại âm tiết có phụ âm cuối tắc có quy tắc phát âm khác hẳn với âm tiết có phụ âm cuối là âm mũi. Tiếng Lào gọi loại âm tiết này là ຄຳຕາຍ (khăm tai) “âm tiết chết”.

Loại âm tiết này có 2 quy tắc đọc tùy theo nguyên âm ngắn, dài như sau:

a) Quy tắc đọc âm tiết chết có nguyên âm ngắn:

Phụ âm đầu vần	Ví dụ	Phụ âm cuối ဂ ဂ ပ	Cách đọc
Trung bình	ပ	ခ်ဂ ခ်ဂ ခ်ပ chắc chất chấp	Đọc như có dấu sắc (´)
Cao	စ	ခ်ဂ ခ်ဂ ခ်ပ xắc xắt xấp	
Thấp	ဒ	ခ်ဂ ခ်ဂ ခ်ပ xắc xắt xấp	Đọc như có dấu huyền (`)

b) Quy tắc đọc âm tiết chết có nguyên âm dài

Phụ âm đầu vần	Ví dụ	Phụ âm cuối ဂ ဂ ပ	Cách đọc
Trung bình	ချ	ချဂ ချဂ ချပ chạc chạt chap	Đọc như có dấu nặng (.)
Cao	စ	ချဂ ချဂ ချပ xạc xạt xạp	
Thấp	ဒ	ချဂ ချဂ ချပ xạc xạt xạp	Đọc như có dấu nặng (.)luyện lên huyền (`)

Bài tập បົດຟຶກຫັດ									
Tập đọc ຫັດອ່ານ									
ກິດ	ຈິດ	ດັດ	ຕັດ	ເັດ	ເປັດ	ອຸດ	ເກັບ	ເຈັບ	
kít	chít	đắt	tắt	bết	pét	út	kép	chép	
ດັບ	ຕັບ	ຍົບ	ປົບ	ອົກ	ກົກ	ຈັກ	ເດັກ	ບຸກ	
đắp	tắp	nhóp	póp	ôóc	côóc	chắc	đéc	búc	
ປຸກ	ອັກ	ຂັດ	ຊຸດ	ສຸກ	ເສິກ	ສັບ	ຫຍັບ	ຫຍົບ	ຫມັກ
púc	ắc	khắt	khút	xúc	xóc	xấp	nhấp	nhíp	mắc
ຫມັດ	ມຶກ	ຄັດ	ຄິດ	ຄຸກ	ທຸກ	ຊຸກ	ຍຸກ	ຍັບ	
mắt	múc	khặt	khứt	khục	thục	xục	nhục	nhấp	
ງັບ	ມັດ	ມັກ	ທົບ	ຟົບ	ເຜັດ	ຜັກ	ເມັດ	ມົບ	
ngấp	mắt	mắc	thộp	phộp	phệt	phắc	mệt	nộp	
ມຶກ	ຂັດ-ຄັດ		ສຸກ-ຊຸກ		ຫຍັບ-ຍັບ		ຜັກ-ຜັກ		
nộoc	khắt	khặt	xúc-xục		nhấp-nhấp		phắc-phắc		
ຫມັດ-ມັດ	ຂັບ-ຄັບ		ສັບ-ຊັບ		ຫມັກ-ນັກ		ຖັກ-ທັກ		
mắt-mắt	khấp-khấp		xấp-xấp		nấc-nấc		thắc thắc		
ກອດ	ຈອດ	ປອດ	ບອດ	ຕອດ	ອາດ	ດາດ	ໂດດ	ປົບ	ເຕີບ
cọt	chọt	pọt	bọt	tót	ạt	đạt	đột	bịp	tọt

ປາບ	ກິບ	ຈູບ	ແດບ	ດາບ	ເກືອກ	ຈອກ	ປຸກ	ບອກ
pap	kip	chup	đẹp	đáp	cước	choọc	pục	boọc
ແຕກ	ແດກ	ສອດ	ສອບ	ສອກ	ຫຍາຍ	ໝາກ	ຂາດ	ຂອບ
tęc	đęc	xọt	xốp	xoọc	nhải	mạc	khặt	khọp
ຂອກ	ຖືກ	ຖືບ	ຖອດ	ຜາບ	ຝາກ	ຝາດ	ເຜືອກ	ເຜືອກ
khęc	thực	thip	thọt	pháp	fac	fạt	phược	fược
ທູດ	ໂຊກ	ແຊບ	ງອບ	ງອດ	ງອກ	ແຄບ	ໂຄດ	
thụt	xôộc	xẹp	ngọt	ngọt	ngoọc	khep	khột	
ສາບ-ຊາບ	ຫຍາດ-ຍາດ	ຝາກ-ຝາດ	ຜາບ-ຜາບ	ຂອດ-ຄອດ				
xap-xap	nhật-nhật	fac-fat	pháp-pháp	khọt-khọt				
ໝອບ-ມອບ	ຖືບ-ທຶບ	ຖອດ-ທອດ	ຜູກ-ຜູກ	ສັບສົນ				
mọp-mọp	thip-thip	thọt-thọt	phục-phục	xấp xỏn				
ຂົນສັດ	ຂັດສົນ	ຟົນສາດ	ຂາດເຂີນ	ເຊີນແຊບ				
khỏn xắt	khắt xỏn	fủn xạt	khặt khỏn	xơn xẹp				
ແຂບຄໍາ	ສໍາພັດ	ພັດຜາກ	ໝາກນັດ	ສັດປີກ				
khẹp khẳm	xẳm phắt	phắt phạc	mạc nặt	xắt pịc				
ຝຶກຈາກ	ຝາກຝັງ	ສັງກາດ	ຄາດກາມ	ຖາມທັບ				
phích chạc	fạc fẳng	xẳng cạt	khặt can	thản thấp				
ຫຍັບອອກ	ນອກເມືອງ	ເມືອງນິດ	ຄິດນຶກ					
nhấp oọc	noọc nương	nường nít	khít nước					
ຫມຶກແດງ	ແສງແດດ	ແທດເໝາະ	ເຄາະກໍາ	ນໍ້າຟາ				
mức đeng	xẻng đệt	thệt mó	khọ cảm	nằm pha				

ໝາບາງ	ຄາງຄາກ	ຍາກເໝາະ	ເໝາະສົມ	ຊົມເຊີຍ
nả bang	khang khạc	nhạc nó	mó xỏm	xôm xoi
ເຊີຍໃໝ່	ໃຫຍ່ຂຶ້ນ	ຝື້ນຊີບ	ໝົບເຕັງ	ເສັງຊ່ວງ
khỏi mày	nhày khựn	fựn xịp	nip têng	xểng xuồng
ຖ່ວງທ່າ	ຖ້າເບິ່ງ	ເຖິງຖອງ		ໝອງນ້ຳ
thuồng thà	thạ bông	thổng thổng	noổng nặm	
ຂ້າມຂົວ	ຄົວໄຟ	ໄຟດຳ	ລຳເມົາ	ເທົ່າກັນ
kham khũa	khua fay	fẫy đăm	lăm nau	thầu cần
ຄັນນາ	ສາມາດ	ຊາດເຊື້ອ	ເສື້ອໂສ້ງ	ສິ່ງຂອງ
khăn na	xả mặt	xạt xựa	xựa xô động	xồổng khoổng
ຄອງຖ້າ	ມ້າດຳ	ສຳເມົາ	ເອົາເມັຍ	ເສັຍຊີ້
				ສີສານ
khoong thả	mạ đăm	xảm nau	au mia	xỉa xừ
ຊານເມືອງ	ເຫມືອງຜາຍ	ໝາຍໝັ້ນ	ປັ້ນໝັ້	ຫຍັ້ຫັ
xan mưong	mưổng phải	mải măn	pặn mọ	nhọ thọ
ຂໍ້ສະເຫນີ	ຝັ່ງຝັນ	ສັນຕິພາບ	ຜາບແພ້	ແຜ່ຂະຫຍາຍ
khọ xá nở	fọ fản	xản tí phạp	phạp phệ	phè khạ nhải

Bài 5

ບົດທີ 5

ຄຳເວົ້າໃນຫ້ອງຮຽນ:

Những câu nói trong lớp học:

ຂໍ ອານຸຍາດເຂົ້າຫ້ອງ

Xin phép vào lớp

Khỏ a nụ nhạt khạu hoọng

ຂໍອານຸຍາດອອກຈາກຫ້ອງ

Xin phép ra ngoài

Khỏ a nụ nhạt ọc chạc hoọng

1. Các phụ âm:

ພະຍັນຊະນະ

ຢ ຣ ລ ວ ຫ ອ ຮ ຫລ ຫວ

2. Các phụ âm đầu tròn môi:

ພະຍັນຊະນະຄວບ

ກວ ຂວ ຄວ ງວ ຈວ ສວ

ຊວ ຫວ ຫວ ອວ ຮວ

1. Các phụ âm:

ພະຍັນຊະນະ

ຢ ຣ ລ ວ ຫ ອ ຮ

do ro lo vo hỏ o ho

ຫລ ຫວ

lỏ vỏ

a. Cách viết:

ဂ. ဝိစိစဉ်

Phụ âm မေးခွန်း	Tên gọi အမည်	Cách viết ဝိစိစဉ်	Ghi chú စာအုပ်
ယ	Tô do	ယ	Viết như y(nho) nhưng đuôi dài hơn.
ဣ	Tô ro	ဣ	Viết như chữ ာ (xỏ) nhưng không có đuôi.
လ	Tô lo	လ	
ဣ-ဣ	Tô lỏ	ဣ hoặc ဣ	Viết như ဣ(ro) nhưng quặt đuôi
ဝ	Tô vo	ဝ	
ဣ	Tô ho	ဣ	

b. Cách đọc

၃. ဝိစိစဉ်

phụ âm မေးခွန်း	Cách đọc ဝိစိစဉ်
ယ	Đọc như "d" tiếng Việt (phụ âm dòng trung)

phụ âm ພະຍັນຊະນະ	Cách đọc ວິທີອ່ານ
ຣ	<i>Ví dụ:</i> ຢາ ຢາກ ຢືນຢັກ Đọc như “r” tiếng Việt (phụ âm dòng thấp) <i>Ví dụ:</i> ຣະດູ ໂຣແມງ
ລ	Đọc như “l” tiếng Việt (phụ âm dòng thấp) <i>Ví dụ:</i> ລາ ລີ
ຫລ, ຫຼ	Đọc như “l” tiếng Việt. (phụ âm dòng cao) <i>Ví dụ:</i> ຫລາ ຫລີ ຫຼາມ
ວ	Đọc nhẹ hơn “v” tiếng Việt <i>Ví dụ:</i> ວາ ວາງ,
ຫວ	Đọc như “v” (phụ âm dòng cao) <i>Ví dụ:</i> ຫວີ ຫວາມ ຫວາດ ຫວັດ
ຫ	Đọc như “h” (phụ âm dòng cao) <i>Ví dụ:</i> ຫາ, ຫູ, ຫິມ, ຫາດ, ຫັດ
ຮູ	Đọc như “h” tiếng Việt (phụ âm dòng thấp) <i>Ví dụ:</i> ຮູບ, ຮາງ, ຮັກ

c. Bài tập

ຄ. ປັດເຝົ້າຫັດ

1. Viết các phụ âm mới học, mỗi chữ 3 dòng

ຂຽນພະຍັນຊະນະທີ່ຫາກໍ່ຮຽນທຸກໂຕ, ໂຕລະ 3 ບັນທັດ

2. Viết và đọc các phụ âm đó ghép thành âm tiết mở với tất cả các nguyên âm đã học.

ຂຽນ ແລະ ອ່ານ ໂຕພະຍັນຊະນະເຫລົ່ານັ້ນປະສົມກັບສະຫລະທີ່ຮຽນແລ້ວ

ໃນແມ່ ກ. ກາ

3. Ghép các phụ âm đó thành âm tiết đóng có phụ cuối vẫn là:
m, g, n, y, o.

với nguyên âm xa ɛɪy

ປະສົມພະຍັນຊະນະເຫຼົ່ານັ້ນໃນແມ່ສະກົດ: ກົມ, ກົງ, ກົນ, ເກີບ, ເກົວ

4. Ghép các phụ âm đó thành âm tiết đóng có phụ âm cuối là:

k, d, b với các nguyên âm xa, ɛɪy, ɔɪx

ປະສົມພະຍັນຊະນະເຫຼົ່ານັ້ນກັບສະຫຼະ xa, ɛɪy, ɔɪx

ໃນແມ່ສະກົດ: ກົກ, ກົດ, ກົບ

5. Tập đọc:

ຫັດອ່ານ

ຢາ	ຢາດ	ຢາກ	ຢູ່	ໂຢະ	ໂຢ້	ເຢ	ໂຢກ	ຢອກ	ຍັງ
da	dạt	dạc	dù	dộ	dộ	dơ	dôộc	dọoc	dăng
ຢາງ	ຍ້າງ	ຢາງ	ຢ່ວຍ	ຢ່ວດ	ຍ້ານ	ຍືນ			ຍັງຍືນ
dang	dạng	dàng	duôi	duột	dạn	dưn			dặng dưn

yin yin yin yin yin yin yin yin
 đưn đăn đệm độ hô meng hất xia hê nu mê hu
 ນາຮາຍ ບູຮະນະ ພິຈາຣະນາ ຣາຕິ ລາ ລ້ານ ລັກ ລົດ
 na hai bu rạ nạ phi cha rạ na ra ti la lạn lấc lố
 ເລີຍ ລຽງ ລຸ່ມ ໄລ່ ລຽງ ເລີ່ມ ລ້ອມ ລອຍ ລາວ ລັບ
 lơi liêng lùm lầy liêng lờm lợm loi lao lặp
 ລົບ ເລື້ອງ ເລົ່າ ລ່ຽມ ຫລີ ຫລີກ ຫລັກ ແຫຼມ ຫຼາວ
 lỏp lường làu liên lử lịch lấc lẻm lão
 ຫຼວຍ ຫຼົບ ຫຼ້ມ ຫຼ່ອມ ຫຼ້ອນ ຫລັບ ຫລົບ ຫລືອມ ຫລຽວ
 luỏi lỏp lẹm lòn lộn lắp lỏp hưởn liểu
 ວີ ວັນ ວັດ ວາດ ວ່າມ ໄວ້ວົນ ວົງ ຫວີ ຫວັດ
 vi vắn vất vạt vắn vạy vôn vông vĩ vất
 ຫວາດ ຫວ່າມ ໄຫວ ໄຫວ້ ເຫວີ ແຫວກ ຫວັງ ກາວ ຂາວ
 vạt vắn vảy vạy vỏ vẹc vảng cao khảo
 ທ່ຽວ ຫົວ ເລວ ແວວ ຫູ ເຫັມ ຫາຍ ແຫງ
 thiếu hủu lêu veo hủ hển hải hẻng
 ແຫ້ງ ຫົວ ຫັກ ຫັດ ຫາດ ຫົບ ຫັ້ມ ຫັ້ມ ຫ້ວຍ
 hẹng hủa hắc hất hạt hip hản hặn huội
 ຫົວ ຫົ້ວ ຮູ ເຮົາ ຮຳ ຮຽມ ຮັກ ຮຽກ ຮ່າງ
 hủu hịu hu hau hăm hiên hắc hiệc hàng
 ຮ້າງ ເຮື້ອງ ຮ້າຍ ຮັບ ຮັດ ຢັກ - ຢັກ ຢາຍ - ຢາຍ
 hạng huông hại hắp hất dắc-nhắc dai-nhai

ຢາງ - ຍາງ ຢາງ - ຍ່າງ ຢາດ - ຍາດ ຢຸດ - ຍຸດ ຢອດ - ຍອດ

dàng-nhang dàng-nhang dạt-nhật dứt-nhứt dót-nhọt

ຢືນ - ຢືນ ລັກ - ຫລັກ ເຫລັກ - ເລັກ ລົກ - ຫລົກ ໂຫລກ - ໂລກ

dư-nhưn lặc-lặc léc-léc lôc-lôc lôc-lôc

ເຫລືອກ - ເລືອກ ລົບ - ຫລົບ ເຫັດ - ເຮັດ ຫັກ - ຮັກ ຫາກ - ຮາກ

lược-lược lộp-lộp hết-hết hắc-hắc hạc-hạc

ຫາດ - ຮາດ ທິບ - ຮິບ ຫ້ອງ - ຮ້ອງ - ຮ່ອງ ຫ່າງ - ຮ່າງ

hạt-hạt hip-hip hoong-hoong-hoong hàng-hàng

ຫ້າງ - ຮ້າງ ຢັ້ງຢືນ ຢືນນານ ຢານຍົນ ຢື້ນຫຍັ້

hạng-hạng dặng dư nhưn nan nhan nhôn dộn nhỏ

ຍມື ຢີ້ເອົາ ເຍົາວະຊົນ ວົນວຽນ ລຽນຕິດ

nhơ như dự au nhau và xôn vôn viên liên tít

ຮິດຄອງ ຫ້ອງຮຽນ ກຸດ ຫລຸດອອກ ຊອກຮັ້ງ

hít khoong hoong hiên cút lút oọc xoọc hụ

ຫູຫຸ່ ຮູດັງ ຫລັງຄາ ລ່າເນື້ອ ເຫລືອໃຈ

hủ mù hu đặng lảng kha là nựa lửa chay

ໄຮ່ສວນ ລ້ວນແຕ່ ແຮ່ຄຳ ຮຳຮຽນ ຫລຽນໄຊ

hày xuổn lượn tè hè khăm hằm hiên liền xay

ໄວວາ ຈຳ ຈຳ ຈຳ ຈຳ ຈຳ

vay va vay va vay va vay va

ຢາກກິນເຂົ້າໄປຖຽນນາ ຢາກກິນເຂົ້າໄປຖຽນນາ

muốn ăn cơm thì ra chòi bên ruộng

ຢາກກິນປາອອກມາແຄມຫ້ວຍ

muốn ăn cá thì ra bờ suối

ຍອດຊັ້ນແມ່ນໝາ

thịt ngon nhất là thịt chó

ຍອດປາແມ່ນອ່ຽນ

cá ngon nhất là lươn

2. Các phụ âm tròn môi:

ອັກສອນຄວບ:

ກວ, ຂວ, ຄວ, ງວ, ຈວ, ສວ,

ຊວ, ຫວ, ຫວ, ອວ, ຮວ

a. Cách đọc

ກ. ວິທີອ່ານ

Phụ âm tròn môi ອັກສອນຄວບ	Cách đọc ວິທີອ່ານ	Ví dụ
ກວ	Như “qu”	ກວ່າ ແກວ່ງ quà quèng
ຂວ	Như “kho, khu”	ຂວາ ຄວາຍ khỏa khoai ຂວ ແຂວງ
ຄວ		khủe khoẻng
ຈວ	Như “cho”	ຈວາດ choạt

Phụ âm tròn môi ອັກສອນຄວບ	Cách đọc ວິທີອ່ານ	Ví dụ
'ງວ	Như “ngo”	ງວາກ ງວາ ngoạc ngoa
ສວ	Như “xỏ”	ສວາຍ xoải
ຊວ		ຊວາ ຊວາງ xoa xoang ຊວາຍ ຊວາດ xoai xoạt ຊວາມ ຊວ່າມ xoan xoàn ຊວ້າມ ເຊົ້າ xoạn xau
ຫວ	Như “hỏ”	ຫວາຍ hoải
ຮວ	Như “ho”	ຮວາຍ ຮວ່າຍ hoai hoài ຮວ້າຍ ຮວາດ hoại hoạt ຮວາມ hoan

Phụ âm tròn môi ອັກສອນຄວບ	Cách đọc ວິທີອ່ານ	Ví dụ
ອວ	như “o”	ອວ່າຍ ອວານ oài oan ອວ້ານ oạn

b. Bài tập

2. ບົດຝຶກຫັດ

Tập đọc

ຫັດອ່ານ

ກວ່າ	ກວາງ	ກວ້າງ	ໄກວ	ກວັດ	ກວັກ	ກວາກ
quà	quang	quạng	quay	quất	quắc	quạc
ກວານ	ແກວ່ງ	ແກວດ	ແກ່ວນ	ກວານ	ກວ້ານ	ຂວະ
quan	quèng	quẹt	quèn	quan	quạn	quá
ຂວາ	ໄຂວ່	ຂວາກ	ຂວາງ	ຂວ້າງ		ຂວັນ
khỏa	khoàý	khoạc	khoảng	khoạng		khoản
ຂວັນ	ຂວານ	ຂວາດ	ແຂວງ	ຄວັກ	ຄວາ	ຄວ່າ
khoận	khoản	khoạt	khoẻng	khoắc	khoa	khòà

ຄວ້າ	ຄວີ	ໄຄວ	ໄຄວ່	ຄວາກ	ແຄວກ	ຄວັງ
khòa	khùy	khoay	khoày	khoạc	khoọc	khoăng
ຄວ່າງ	ຄວ້າງ		ແຄວ້ງ	ຄວາຍ	ຄວັງ	ຄວາດ
khoàng	khoạng	khoeng	khoai	khoảng	khoạt	
ຄວັນ	ຄວານ	ຄວ້ານ	ແຄວ້ນ	ຄວ່ານ	ງວາກ	ງວ່າ
khoăn	khoan	khoạn	khoẹn	khoàn	ngoạc	ngoằm
ຈວາດ	ສວາຍ	ສວ່າຍ	ຊວາ	ຊວາງ	ຊວາຍ	ຊວາດ
choạt	xoải	xoải	ngoa	xoang	xoai	xoạt
ຊວານ	ຊວ່ານ	ຊວ້ານ	ຊວ້ານຊູ	ຫວາຍ	ຫົນຫວາຍ	ຮວາຍ
xoan	xoàn	xoạn	xoạn xu	thoai	hổn hoải	hoai
ຮວ້ານຊູ	ຫວາຍ	ຫວາຍ	ຮວາຍ	ຮວ່າຍ	ຮວ້າຍ	ຮວາດ
hoạn xu	thoai	hoải	hoai	hoài	hoại	hoạt
hoan						
ອວານ	ອວ່ານ	ອວ້ານ				
oan	oàn	oạn				

ຢາກກິນເຂົ້າໃຫ້ເຮັດນາໝາ

dục kin khâu hay hết na mã

ຢາກກິນປາໃຫ້ດາແຫຄວ່າງ

dục kin pa hay đa hẻ khoáng

ຮົ່ວຫລາຍຫລັກຈິງໝັ້ນ ຜີມ້ອງຫລາຍຊັ້ນຈິງດີ

hạ lãi lác chừng măn, phì noọng lãi xận chừng đi

ນ້ຳຕ້ອງຕາດ ຄືມ້ອງແກວ່ງຫລາ

nằm toọng tạt khư noọng quặng là

ນ້ຳຕ້ອງຜາ ຄືມ້ອງແກວ່ງອີ້ວ

nấm toong phả khư noong quèng iu

ຝາຍິກຄີ້ວ ຄືມ້ອງແກວ່ງແຂນ

phạ nhíc khịu khư noong quèng khẻn

ບາດນາງຍໍແຂນຝ່ອນ ຍໍເີນຍ້າຍຍ່າງ

bạt nằng nho khẻn phỏn, nho tin nhại nhàng

ຊ່າງວ່າງງາມຕື່ນແຕ້ມ ນາລີມ້ອຍໝຸ່ມລາວ

xàng vàng ngam từn tem, na li nọi nùm lao

ອິດສັມຈິ່ງໄດ້ກິນຫວານ

ớt xộm chừng đạy kin vản

ອິດທິນທານວຽກງານຈິ່ງແລ້ວ

ớt thôn than việc ngan chừng lẹo

Bài tập ở nhà

ວຽກບ້ານ

1. Tập viết các phụ âm mới học

ຫັດຂຽນພະຍັນຊະນະທີ່ຫາກໍ່ຮຽນ

2. Tập đọc các phụ âm tròn môi

ຫັດອ່ານອັກສອນຄວບ

3. Tập đọc và chép những câu ca dao mới học

ຫັດອ່ານ ແລະ ຂຽນຄໍາສຸພາສິດທີ່ຫາກໍ່ຮຽນ

Bài 6

ບົດທີ 6

ຄຳເວົ້າໃນຫ້ອງຮຽນ

Những câu nói ở lớp học

ທົບທວນຄຳເວົ້າທີ່ຮຽນແລ້ວ

Ôn lại những câu đã học

1. Chữ số và cách đếm

ຕົວເລກ ແລະ ວິທີນັບ

2. Các dấu chính tả

ເຄື່ອງໝາຍໃນອັກຂະລະວິທີ

3. Bảng tổng kết quy tắc đọc

ຕາຕະລາງວິທີອ່ານ

4. Ôn tập phần mẫu tự và tập đọc, tập viết

ທົບທວນພາກອັກຂະລະວິທີ

1. Chữ số và cách đếm

ຕົວເລກ ແລະ ວິທີນັບ

a. Chữ số và cách viết chữ số

ຕົວເລກ ແລະ ວິທີຂຽນ ຕົວເລກ

1. ໑ ຫນຶ່ງ

2. ໒ ສອງ

3. ໓ ສາມ

4. ໔ ສີ່

5. ໕ ຫ້າ

6. ໖ ຫົກ

7. ໗ ເຈັດ

8. ໘ ແປດ

9. ໙ ເກົ້າ

0. ໐ ສູນ

a. Cách đếm

ວິທີນັບ

- Các số hạng đơn vị có tên riêng:

1 2 3 4 5 6 7 8 9
ຫນຶ່ງ ສອງ ສາມ ສີ່ ຫ້າ ຫົກ ເຈັດ ແປດ ເກົ້າ

- Hàng chục gọi là: Sợi. Riêng 20 gọi là : 20

10 20 30 40 50 60 70 80

ສິບ ຊາວ ສາມສິບ ສີ່ສິບ ຫ້າສິບ ຫົກສິບ ເຈັດສິບ ແປດສິບ

90

ເກົ້າສິບ

- Lẻ của hàng chục gọi theo tên hàng đơn vị. Riêng lẻ 1 gọi là (một)

Thí dụ: 11 - ສິບເອັດ 21 - ຊາວເອັດ

11 1215.....19 20 21....

ສິບເອັດ ສິບສອງ ສິບຫ້າ ສິບເກົ້າ ຊາວ ຊາວເອັດ

25 29 30 3135

ຊາວຫ້າ ຊາວເກົ້າ ສາມສິບ ສາມສິບເອັດ ສາມສິບຫ້າ

- Hàng trăm gọi là: ຮ້ອຍ

100 200 300.....900

ໜຶ່ງຮ້ອຍ ສອງຮ້ອຍ ສາມຮ້ອຍ ເກົ້າຮ້ອຍ

(ຮ້ອຍໜຶ່ງ)

- Hàng trăm lẻ đơn vị thì chỉ đọc số hàng trăm và đơn vị không có từ “lẻ” như tiếng Việt. Riêng “lẻ một” đọc là: ເອັດ

101 201..... 901

ຮ້ອຍເອັດ ສອງຮ້ອຍ ເກົ້າຮ້ອຍເອັດ

102 202..... 902

ຮ້ອຍສອງ ສອງຮ້ອຍສອງ ເກົ້າຮ້ອຍສອງ

109 209 909

ຮ້ອຍເກົ້າ ສອງຮ້ອຍເກົ້າ ເກົ້າຮ້ອຍເກົ້າ

- Hàng trăm có thêm hàng chục thì đọc lần lượt từ trăm đến chục, không đọc tắt hàng chục như tiếng Việt:

110	120	130	140.....
ຮ້ອຍສິບ	ຮ້ອຍຊາວ	ຮ້ອຍສາມສິບ	ຮ້ອຍສີ່ສິບ
950...	990	991	
ເກົ້າຮ້ອຍຫ້າສິບ	ເກົ້າຮ້ອຍເກົ້າສິບ	ເກົ້າຮ້ອຍເກົ້າສິບເອັດ	

- Tiếng Lào không có cách đếm “rưỡi” như tiếng Việt mà đọc đúng số hạng của chữ số 5. Ví dụ:

150	250	350	1.500
ຮ້ອຍຫ້າສິບ	ສອງຮ້ອຍຫ້າສິບ	ສາມຮ້ອຍຫ້າສິບ	ພັນຫ້າຮ້ອຍ

- Hàng nghìn gọi là ພັນ. Sau hàng nghìn nếu có hàng trăm thì có thể gọi tắt như tiếng Việt:

1.000	1.100	1.101	1.110	1.001
ໜຶ່ງພັນ	ພັນເອັດ	ໜຶ່ງພັນຮ້ອຍເອັດ	ໜຶ່ງພັນຮ້ອຍສິບ	ໜຶ່ງພັນໜຶ່ງ
1.200	1.201.....		1.210	
ພັນສອງ	ພັນສອງຮ້ອຍເອັດ		ພັນສອງຮ້ອຍສິບ	
2.100	2.101	2.002		
ສອງພັນເອັດ	ສອງພັນໜຶ່ງຮ້ອຍເອັດ	ສອງພັນສອງ		
2.201.....	2.300	2.301		
ສອງພັນສອງຮ້ອຍເອັດ	ສອງພັນສາມຮ້ອຍ	ສອງພັນສາມຮ້ອຍເອັດ		

- Hàng vạn gọi là ໜ້ຳນ. Cách đếm từ hàng vạn trở lên đúng theo các quy tắc đếm từ nghìn trở xuống như đã nói trên:

10.000	20.000	30.000	90.000
ຫນຶ່ງຫມື່ນ	ສອງຫມື່ນ	ສາມຫມື່ນ	ເກົ້າຫມື່ນ
10.001	10.002		
ຫນຶ່ງຫມື່ນຫນຶ່ງ	ຫນຶ່ງຫມື່ນສອງ		
11.000	12.000	10.002	12.002
ຫມື່ນເອັດ	ຫມື່ນສອງ	ຫນຶ່ງຫມື່ນສອງ	ຫມື່ນສອງພັນສອງ
- Mười vạn (úc) gọi là ແສນ và cũng có quy tắc đếm như vạn:			
100.000	100.001	110.000	111.000
ແສນຫນຶ່ງ	ຫນຶ່ງແສນຫນຶ່ງ	ແສນເອັດ	ແສນຫນຶ່ງຫມື່ນຫນຶ່ງພັນ
- Hàng triệu gọi là ລ້ານ			
1.000.000	2.000.000		
ຫນຶ່ງລ້ານ	ສອງລ້ານ		
- Hàng tỷ gọi là: ຕື້			
1.000.000.000	2.000.000.000		
ຫນຶ່ງຕື້	ສອງຕື້		

c. Bài tập (ບົດເຝິກຫັດ)

1. Đếm và viết chữ số từ 0-10

ນັບ ແລະ ຂຽນຕົວເລກແຕ່ 0-10

2. Đếm và viết chữ số từ 11-30

ນັບ ແລະ ຂຽນຕົວເລກແຕ່ 11-30

3. Đếm các hàng chục từ 10-100

ນັບຫລັກສິບແຕ່ 10-100

4. Đọc các số sau:

ອ່ານບັນດາຕົວເລກຕໍ່ໄປນີ້:

100, 101, 120, 121, 131, 250, 999, 1.000, 1.001, 1.100, 1.101,
1.200, 1.202, 1.300, 1303, 1.400, 1.404, 1.900, 1909, 2.000,
2.100, 2.101, 2.020, 2.021, 2.220, 10.000, 11.000, 11.001,
12.000, 12.002, 12.220, 100.000, 110.000, 110.100, 110.101,
121.000, 120.100, 120.101, 1.000.000, 1.100.000, 1.200.000,
1.210.000, 1.201.000, 1.200.100, 1.200.101, 1.000.000.000,
1.100.000.000, 1.200.000.000

Số thứ tự của Lào cũng chỉ thêm chữ “thứ” như tiếng Việt:

Thứ nhất ທີ່ໜຶ່ງ

Thứ nhì (thứ hai) ທີ່ສອງ

Thứ ba ທີ່ສາມ

Thứ mười một ທີ່ສິບເອັດ

Thứ hai mươi ທີ່ຊາວ

Thứ một trăm ທີ່ຮ້ອຍ

v.v...

2. Các dấu chính tả

ເຄື່ອງໝາຍໃນອັກຂະລະວິທີ

Con dấu chính tả Lào đều sử dụng như dấu chính tả Việt.

ຈັ້	= Dấu chấm
ຈຸດ	= Dấu phẩy
ຈັ້ຈຸດ	= Dấu chấm phẩy
ຈັ້ຈັ້	= Chấm chấm, chấm lửng
ສອງຈັ້	= Dấu hai chấm.
ໝາຍຫ້ວງ	= Dấu than
ໝາຍຖາມ	= Dấu hỏi
ໝາຍຊ້າ	= Dấu láy.
() ວົງເລັບ	= Dấu ngoặc đơn
"" ວົງຍືນ	= Dấu ngoặc kép, dấu nháy
- ຂີດຕໍ່	= Gạch nối, gạch ngang
- ຂີດຄັນໝ້າ	= Gạch đầu dòng
/ ທັບ	= Gạch ngăn, trên
% ສ່ວນຮ້ອຍ	= Phần trăm

3. Tổng kết phần chính tả - phát âm.

Bảng thứ tự chữ cái (theo từ điển và ngữ âm truyền thống).

a) Thứ tự phụ âm.

ການລຽງພະຍັນຊະນະຕາມລຳດັບ

ກ ຂ ຄ ໆ

ຈ ສ ຊ ບ

ດ ຕ ຖ ທ ນ

ປ ປ ຜ ຝ ພ ຟ ນ

ຢ ຣ ລ ວ ຫ (ຫງ ຫຍ ຫມ ຫນ ຫຼ ຫວ) ອ ຮ

b) Thứ tự nguyên âm.

ຂ-ການລຽງສະຫລະຕາມລຳດັບ

ະ າ ິ ື ື ື ຸ ູ

ະ ະ ັ ັ ັ ັ ັ

ະ ັ ັ ັ ັ ັ ັ ັ

ອ ອ ອ ອ ອ ອ ອ ອ

c) Phân loại phụ âm đầu vần theo quy tắc thanh điệu.

ຄ) ຈຳແນກ ພະຍັນຊະນະຕາມຫລັກການສຳນຽງ

Phụ âm đơn			Phụ âm thấp	Phụ âm	Ghi chú
Trung bình	Cao	Thấp	ghép với ㅓ thành cao	tròn môi	
ກ	ຂ	ຄ, ງ	ຫງ	ກວ, ຂວ ຄວ, ງວ	Các phụ âm ghép với ㅓ(vơ) thành phụ âm tròn môi
ຈ	ສ	ຊ, ຍ	ຫຍ	ສວ, ຊວ	
ດ, ຕ	ຖ	ທ, ນ	ຫມ(ຫມ)	ທວ ຖວ	
ບ, ປ	ຜ	ຝ, ຟ	ຫມ(ຫມ) ຫຼ (ຫລ)	ມວ ລວ	

¹⁾ ㅓ (nguyên âm dài) viết dưới dạng âm tiết mở, song dưới dạng âm tiết đóng sẽ viết dưới dạng xㅓx (x là ký hiệu tượng trưng cho âm đầu vần và âm cuối).

Phụ âm đơn			Phụ âm thấp ghép với ㅈ thành cao	Phụ âm tròn môi	Ghi chú
Trung bình	Cao	Thấp			
ㄹ	ㅈ	ㅁ, ㄴ ㅇ, ㅅ	ㅈㅇ	ㅇㅇ	chỉ dùng để phiên âm tiếng nước ngoài ㅇ chỉ là phụ âm đầu vẫn hình thức theo quy tắc chính tả.

d. Thanh điệu

सावद्य

- Quy tắc biến thanh của phụ âm.

1) Phụ âm trung bình: Ghép với nguyên âm ngắn đọc như có thanh sắc.

Ví dụ: ㅈ ㅅ ㅁ ㄴ ㄹ ㅈ

+ Ghép với nguyên âm dài đọc như có thanh hỏi nhẹ.

Ví dụ: ㅈㅈ ㅅㅅ ㅁㅁ ㄴㅁ ㄹㅈ

2) Phụ âm thấp

ພະຍັນຊະນະຕໍ່າ

+ Ghép với nguyên âm ngắn đọc như có thanh nặng ngắn.

Ví dụ: ຄະ, ມະ, ຊະ, ນິ, ທຸ, ລະ, ແລະ

+ Ghép với nguyên âm dài đọc như thanh không.

Ví dụ: ມາ, ໂມ, ພູ, ເທ, ໄຟ, ຈຶ່ງ, ວີ

3) Phụ âm cao

ພະຍັນຊະນະສູງ

+ Ghép với nguyên âm ngắn đọc như thanh sắc.

Ví dụ: ສະ, ຫນີ, ເຫາະ, ເຜີ

+ Ghép với nguyên âm dài đọc như có thanh hỏi.

Ví dụ: ສາ, ຫນີ, ຖີ, ຫໍ

Bảng tóm tắt quy tắc biến thanh

ຕາຕະລາງຫຍໍ້ວ່າດ້ວຍຫລັກການຜັນສຽງ

a) Âm tiết mở

ພະຍາງເປີດ

Phụ âm	Nguyên âm	Cách đọc	Ví dụ
Thấp	Ngắn	Như thanh	ຄະ ມະ
		nặng ngắn	khạ nạ
	Dài	Như thanh	ຄາ ມາ
		Không	kha ma

Phụ âm	Nguyên âm	Cách đọc	Ví dụ
Trung bình	Ngắn	Như thanh	ກະ ຈະ
		Sắc	rá chá
	Dài	Như thanh	ກາ ຈາ
		Hỏi nhẹ	cả chả
Cao	Ngắn	Như thanh	ສະ ເຫະ
		Sắc	xá thó
	Dài	Như thanh	ເຜີ
		Hỏi	phở
			ສາ ທໍ
			xả hỏ
			ເຜີ
			phở

b) Âm tiết đóng

ພະຍາງອັດ

- Có phụ âm trung bình ກ, ດ, ບ đứng cuối vần

Phụ âm	Nguyên âm	Cách đọc	Ví dụ
Thấp	Ngắn	Như thanh Nặng ngắn	ຄຸນ ນິກ khun nưc

Phụ âm	Nguyên âm	Cách đọc	Ví dụ
			ັດ vật
Thấp	Dài	Như thanh sắc luyện xuống Nặng	ຊາດ ພາບ khạt phạp ລອກ loọc
Trung bình	Ngắn	Như thanh sắc	ຕິດ ບຸກ tít búc ຈັບ chấp
	Dài	Như thanh Nặng	ບອກ ປາບ boọc pạp ຈອດ chọt
Cao	Ngắn	Như thanh Sắc	ສຸກ ຫວັດ xúc vát ຂັບ khấp
	Dài	Như thanh Nặng	ສູບ ຫາດ xup thật ຖູກ thục

- Có phụ âm thấp ɣ, ɲ, ɳ, ʋ đứng cuối vần.

Phụ âm	Nguyên âm	Cách đọc	Ví dụ
Thấp	Ngắn Dài	Như thanh không	khum khun khang nam
Trung bình	Ngắn Dài	Như thanh Không	căn chôn pưn dang
Cao	Ngắn Dài	Như thanh Hỏi	xảng khủn xủng nảo

Quy tắc biến thanh trong âm tiết có dấu thanh

ຫລັກການຜັນສຽງໃນພະຍາງທີ່ມີວັນນະຍຸກ

Phụ âm	Dấu ặc (')	Dấu thô (ˊ)	Dấu tri (ˊ)	Dấu chất tava (')
Thấp	Như có dấu Huyền ງ່າ ngà	Như có dấu Sắc huyền xuống Nặng ຊ້າ ຊ້າງ xa xạng		
Trung bình	Như có dấu Huyền ປ່າ ກ່ອນ pà còn	Như có dấu Nặng huyền ຈ້າ ບ້າມ cha bạn	Như có dấu Nặng nhấn ກ້າ cạ	Như có dấu ngã ກ່າ ໄດ້ cã đây
Cao	Như có dấu Huyền ສູ່ ຫ່າມ xù hàn	Như có dấu Nặng ສູ່ ຫ້ອງ xụ hoọng		

Những từ dùng chữ: ỉ và ỉ

ຢູ່ໃກ້

ຮັກໃລ່

ສົງໃຄ

ໃຈໄລ

ở gần

yêu mến

củ xả

bụi bặm

ຫົວໃຈ	trái tim
ໄຈ້ແຍກ	phân tích
ບໍ່ໃຊ້ການ	không phải việc
ໃຊ້ສອຍ	tiêu dùng
ຢູ່ໃສ	ở đâu
ນ້ຳໃສ	nước trong
ເອົາໃສ່	bỏ vào
ຫ່ວງໄຍ	lo lắng
ໃຫຍ່ໂຕ	to lớn
ຄົນໃດ	người nào
ເບື້ອງໃຕ້	phía Nam
ໃຕ້ໄກ່	mề gà
ໃບໄມ້	lá cây
ບ້າໃບ	diên rồ
ລູກໃຜ	con dâu
ຂອງໃຜ	của ai
ໃຝ່ຝົນ	mơ ước
ໃນເຮືອນ	trong nhà
ປັບໃຫມ	phạt
ເສື້ອໃໝ່	áo mới
ໂຮ່ນາ	ruộng rẫy

4. Ôn tập phần phát âm, chính tả

ທົບທວນພາກຜັນສຽງ, ຂຽນຫວາຍ

a. Luyện phát âm :

1. Đọc các từ ngữ và câu sau đây:

ຮຸ່ງໂຮດໂຊດຕະການ	ຝັນປະສົມລົມປະກອບ
ກວ້າງໃຫຍ່ໄພສານ	ຮຸ່ງໂຮດໂຊດຊ່ວຍ ຮຸ່ງເຮືອງ
ເຫລືອງເຫລື້ອມ	ກະຈ່າງແຈ້ງແສງເດືອນ
ຢ້ຽມຢາມຖາມຫາ	ອາຍຸຫມັນຂວັນຍືນ
ອຸດົມສົມບູນ	ສົມບູນພູນສຸກ
ຢູ່ດີມີແຮງ	

- ບໍ່ຍ້ອມບໍ່ແດງ ບໍ່ແປງບໍ່ໃໝ່
- ນັ່ງໃຫ້ເບິ່ງທີ່ຫນີໃຫ້ເບິ່ງບ່ອນ
- ເສຍຢາຝ້າວໄຫ້ ໄດ້ຢາຝ້າວຫົວ
- ງາມແຕ່ຮູບ ຈູບບໍ່ຫອມ
- ເຜື່ອນກິນຫາງ່າຍ ເຜື່ອນຕາຍຫາຍາກ
- ຫົວກໍ່ໃຫ້ມັນສະອາດ ຂາດກໍ່ໃຫ້ມັນຫອມ
- ຄຸນພໍ່ທ່ຽງເຂົ້າກ້າ ຄຸນແມ່ທ່ຽງກັບດິນ
- ໄກ່ງາມຍ້ອນຂົນ ຄົນງາມຍ້ອນແຕ່ງ
- ຢູ່ໃຫ້ສ້າງຄວາມດີ ຫນີໃຫ້ເຝື່ອນຄິດຮອດ
- ໂຕບໍ່ຮູ້ເອົາຫມູ່ເປັນຄູ
- ໄປໃຫ້ສຸດ ຂຸດໃຫ້ເຖິງ
- ເອີ້ນກິນແລ່ນໃສ່ ເອີ້ນໃຊ້ແລ່ນຫນີ
- ແຫວນດີຍ້ອນຫົວ ຜົວດີຍ້ອນເນຍ

- ກິບຕາຍຍ້ອນປາກ ຄັນຄາກຕາຍຍ້ອນສຽງ

2. Đọc bài tập sau:

ໜ້າທີ່ອະນຸຊົນ

ພໍ່ຊິສອນສັງເຈົ້າ
ໃຫ້ຄ່ອຍທຶນທານອິດ
ດຸຫມັນໃນການບ້ານ
ວຽກຊື່ໜັກໜ່ວງລ້າ
ພວກເຈົ້າຍັງໜ່ວງນ້ອຍ
ພວກເຈົ້າເປັນຄວາມຫວັງ
ໃຜກໍ່ເຝິງແພງລ້າ
ຢາກໃຫ້ສຸກຢູ່ລ້າ
ດັ່ງນັ້ນຕົວພວກເຈົ້າ
ໃຫ້ຄ່ອຍເປັນໄປເໝືອນ
ລະບຽບວິໄນນັ້ນ
ປະຕິບັດໃຫ້ໄດ້
ໃຫ້ພາກພຽນຮັກໃຄ່
ອະທິບາຍເປົກສາ
ໃຫ້ຮັກແພງກັນແທ້
ຄະນະວອນວ່າແລ້ວ
ການຈັດຕັ້ງກໍ່ໃຫ້
ໃຫ້ຄ່ອຍໄປປຸກຖາມ
ຄຳເຫັນຕົກລົງແລ້ວ
ຄຳຄິດເຫັນ ແລະ ເວົ້າ

ນ້ອຍໜ່ວງມານກ່ອນເດີ
ໜັ້ນພຽນຢາຄ້ານ
ທັງຮຽນແຕ້ມອ່ານ
ກໍ່ໃສແຈ້ງເປົກບານ
ອະນາຄົດຍັງຫລາຍ
ໃຫ້ແກ່ຄົນທັງຄ້າຍ
ບໍ່ຊົງຊັງແຫນງໜ່າຍ
ແສນຊັ້ນຄ່ອຍສະບາຍ
ກໍ່ຕ້ອງແຕ່ງແປງໃຈ
ລະບຽບການວາງໄວ້
ໃຫ້ຫລາມເອົາໃຈໃສ່
ຢ່າໜີລັກລືກໄກ
ໜ່ວງຄະນະທັງຫລາຍ
ສິ່ງທີ່ດີການຮ້າຍ
ຢ່າແປປວນແຫນງໜ່າຍ
ຢ່າເລີຍລ້າລ່ວງກາຍ
ຄ່ອຍພາກພຽນນັບຖື
ທຸກຄຳວັນຄືນນີ້
ໃຫ້ຈົງໃຈຈຳຈີ່
ໃຫ້ມັນໄດ້ຄ່ອງຄື

ທຸກຄຳວັນຮຸ່ງມື້	ໃຫ້ຮັກຮູ້ການງານ
ຕ້ອງອອກແຮງງານຫລາຍ	ຊ່ວຍປະຊາຊາວບ້ານ
ຊ່ວຍຊຸທະຫານເຝົ້າ	ຮັກສາແດນດິນດ່ານ
ຫາເພີ່ນພູນສູ່ດ້ານ	ໃຫ້ຈົນໄດ້ຊ່ຽວຊານ
ໃຫ້ເຈົ້າຮູ້ຮັກບ້ານ	ສະຖານຖິ່ນແດນລາວ
ຢາໄດ້ມີໃຈຂົນ	ຄຽດຟຸນລ້ຽງລ້າວ
ຢາຮ່າວຈຳນົນນ້ອມ	ຍອມໄປເປັນບ່າວ
ຄວາມທຸກມີໝົນຊັ້ນ	ກໍຍອມໃຊ້ແຕ່ຊາດລາວ

b. Tập viết:

1. Tập viết các phụ âm và nguyên âm theo thứ tự chữ cái.
2. Tập viết các phụ âm chia thành 3 dòng: thấp, cao, trung bình.
3. Viết các nguyên âm sau ghép trong âm tiết mở và đóng.
 ເ ຂ ເ ັ ຍ ເ ຂ ຍ ເ ຂີ ເ ຂີ ໂ ຂ ໂ ຂ ເ ຂ າ ຂ ໌ ຂີ ວ ຂ ວ ຂ ອ
4. Chép lại tất cả những từ ngữ dùng trong lớp học đã học từ bài 1.

5. Chép lại các bài sau đây:

* ຮັກແພງກັນຫມາຍໝັ້ນ	ຫລາຍສັນພູກໍ່ປົນໄຕ່
ຫລາຍນ້ຳໃຫຍ່ ແລະ ໂຄກຄ້ອຍ	ຂວາງຂັ້ນກໍ່ດຸ່ງໄປ
ສອງຊາດຫວຽດລາວໄດ້	ຝັ່ງຄວາມຮັກຢູ່ໃນໃຈ
ຫົງຫ່າຫົງລຳຂອງ	ບໍ່ເລິກປູນປານໄດ້

* ຄາວກ່ອນນັ້ນ ພວກຝະລັ່ງໃຈດໍາ
 ນໍາເອົາການປົກຄອງ ເທົ່າໜັ້ນມາຕັ້ງ
 ທັງເອົາສັງຄົມເປື້ອນ ນໍາມາເຜີຍແຜ່
 ໃຫ້ເຮົາໝອງໝົ່ນແທ້ ເປີເປື້ອນເຖື່ອນຖົມ
 ລາວບໍ່ຍອມໝອບກັ້ນ ໃຫ້ຝະລັ່ງຕັດສິນ
 ຈິ່ງໄດ້ມີຫົວຄິດ ກອບກໍານໍາກູ້
 ພາກັນທໍາການສູ້ ໂຈນມານພວກຝະລັ່ງ

* ເຮັດແນວໃດເດ	ບ້ານເມືອງເຮົາຈິ່ງຊິຮຸ່ງ
	ຄືດອກຄໍາເຫລືອງ
ເຮັດແນວໃດເດ	ບ້ານເມືອງເຮົາຈິ່ງຊິເຮືອງ
	ຄືດອກຄໍາຍ້ອມ
ໃຫ້ພັນເປັນອ້ອມລ້ອມ	ຄືດອກຄໍາຊາວ

PHẦN THỨ II
ພາກທີ II

BÀI KHÓA
ຫລັກສູດ

ບົດທີ 1

1. ຫົວເລື່ອງ ທັກທາຍ ຖາມຫາ
2. ແບບປະໂຫຍກ ຍືນຍັນ ຄໍາຖາມ ປະຕິເສດ
3. ວິທີໃຊ້ຄໍາແທນນາມ ຄໍາແທນຊື່

1. ຫັດຜັນສຽງ

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລິຕໍ່ໄປນີ້:

ສະບາຍດີ ຍັງຄ່ອຍສະບາຍດີ ຢູ່ດີນີ້ແຮງ ແຂງແຮງ ຂອບໃຈ
 ເຈົ້າ ຈ້າວ ສະພາບ ອ້າຍ ອ້າຍບ່າວ ເອື້ອຍ ນ້ອງ ຍາພໍ່
 ຍາແມ່ ພໍ່ຕູ້ ແມ່ຕູ້ ຂ້າພະເຈົ້າ ຂ້ອຍ ເນີ ລາວ ທ້າວ ທ່ານ
 ນາງ ສາວ ບໍ່ ລະບໍ່ ຊັ້ນຫວະ ຕີ ນີ້ ນັ້ນ(ຫັ້ນ) ຜີ້ ຜູ້ ຜູ້
 ຈັງ ແມ່ນ ເປັນ ໂຕະ ກະດານ ຕະກຽງ ສໍດໍາ ປົກ ປາກ
 ກາ ຍືນ ນົວ ເປັດ ໄກ່ ໝູ ໝາ ປູ ປາ ລົດຖີບ ລົດ
 ຈັກ ລົດໂມໂຕ ລົດຍົນ ລົດໂອໂຕ ກໍາມະກອນ ຊາວນາ ທະຫານ

ຄູ່ ນາຍໝໍ ນາຍພາສາ ແພດ ແພດຊັ້ນສູງ ແພດຊັ້ນກາງ ແພດ
 ຊັ້ນຕົ້ນ ຊື່ ນາມສະກຸນ ຫຍັງ ອີຫຍັງ ອີສັງ ຟີສັງ ກໍ ວຽກ
 ເຮັດວຽກ ອາຊີບ ເຮັດອາຊີບ ນັກຮຽນ ນັກສຶກສາ ໂຢ່ວ ຮວ້າຍ
 ຕວາ ເນາະ ເບາະ

2. ແບບປະໂຫຍກ

ກ. ຢືນຢັນ

ຄຳຕົວຕັ້ງ	ຄຳກຳມະ
ຄຳແທນຊື່ ຂ້າພະເຈົ້າ	ຄຸນນາມ ສະບາຍດີ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ຂ້າພະເຈົ້າ
 ຂ້ອຍ
 ເພິ່ນ
 ລາວ
 ເຮົາ
 ເຈົ້າ

ສະບາຍດີ
 ແຂງແຮງດີ

ຕົວຢ່າງ:

ຂ້າພະເຈົ້າສະບາຍດີ

ຂ້າພະເຈົ້າແຂງແຮງດີ

ຂ້ອຍສະບາຍດີ

ຂ້ອຍແຂງແຮງດີ

ຂ. ຄຳຖາມ

ຄຳຕົວຕັ້ງ	ຄຳກຳມະ	
ຄຳແທນຊື່ (ນາມ)	ຄຸນນາມ	ບໍ່ ຕີ້
ທ່ານ	ສະບາຍດີ	ບໍ່ ຊຸ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ທ່ານ
ເພິ່ນ
ລາວ
ເຂົາເຈົ້າ
ອ້າຍບ່າວນັ້ນ
ຍາພໍ່
ຍາແມ່
ພໍ່ຕູ້
ແມ່ຕູ້
ເອື້ອຍ

ສະບາຍດີ
ແຂງແຮງດີ

ບໍ່
ຕີ້

ຕົວຢ່າງ:
ທ່ານສະບາຍດີບໍ່ຊຸ
ທ່ານສະບາຍດີຕີ້ຊຸ
ທ່ານແຂງແຮງດີບໍ່ຊຸ
ທ່ານແຂງແຮງດີຕີ້ຊຸ

ຄ. ຄຳປະຕິເສດ

ຄຳຕົວຕັ້ງ	ຄຳກຳມະ
ຄຳແທນຊື່(ນາມ)	+ ບໍ່ + ຄຸນນາມ
ລາວ	ບໍ່ ສະບາຍ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

1.

ເຝິນ
ລາວ
ຍາພໍ່
ຍາແມ່
ອ້າຍບ່າວນັ້ນ
ເອື້ອຍນັ້ນ

ບໍ່ ສະບາຍ

2.

ສະຫາຍ
ທ່ານ
ເຈົ້າ
ເອື້ອຍ
ອ້າຍ
ນ້ອງ
ຍາພໍ່
ຍາແມ່

ສະບາຍດີ

ບໍ່
ດີ

ເຈົ້າ
ຂອບໃຈ

ອີ

ອ້າພະເຈົ້າ
ເຮົາ
ອ້ອຍ
ເຝິນ
ລາວ

ສະບາຍດີ

3.

ເຝີນ	ສະບາຍດີ	ບໍ່ ດີ	ບໍ່ ຮູ້	ເຝີນ	ບໍ່ສະບາຍ
ລາວ					
ເຂົາເຈົ້າ					
ເອື້ອຍນັ້ນ					
ທ້າວສີ					
ນາງລີ					

ແບບປະໂຫຍກ

ກ. ຢືນຢັນ

ຄຳຕົວຕັ້ງ	ຄຳກຳມະ
ນາມ ຄຳແທນນາມ	+ ນາມ + ພາກຂະຫຍາຍ
ຂ້ອຍ ລາວ	ຊື່ ອາຍຸ, ສີທອງ ສອງປີ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທກ

1.

ຂ້າພະເຈົ້າ	ຊື່	ສີທອງ
ຂ້ອຍ		ບຸນມາ
ລາວ		ສົມໃຈ
ເພິ່ນ		ວົງຈັນ
ສະຫາຍນັ້ນ		
ອ້າຍ	ນາມ	ວົງສະຫວັນ
ນ້ອງ	ສະກຸນ	ເກດມະນີວົງ

2.

ຂ້າພະເຈົ້າ	ອາຍຸ	50	ຍີ
ຂ້ອຍ		20	
ລາວ		31	
ເພິ່ນ		25	
ເອື້ອຍນັ້ນ		17	
ສະຫາຍນັ້ນ		19	
ນ້ອງ		8	ຂວບ

ຂ. ຄຳຖາມ

ຕົວຕັ້ງ		ກຳມະ	
ແທນຊີ້	+	ຊີ້	+ ແນວໃດ ? ຫຍັງ ?
ເຈົ້າ ລາວ		ຊີ້ ຊີ້	ຫຍັງ? ວ່າແນວໃດ?

ຕົວຕັ້ງ		ກຳມະ	
ແທນຊີ້	+	ອາຍຸ	+ ເທົ່າໃດ ? ຈັກປີ
ເຈົ້າ ລາວ		ອາຍຸ ອາຍຸ	ເທົ່າໃດ ? ຈັກປີ ?

ບົດເລີກຫັດແບບປຸງແທນ

1.

ຂໍໂທດ

ທ່ານ
ສະຫາຍ
ເພິ່ນ
ລາວ
ເອື້ອຍນັ້ນ
ນ້ອງ

ຊື່ວ່າ
ນາມສະກຸນ

ແນວໃດ
ຫຍັງ

?

ເຮົາ
ຂ້ອຍ
ເພິ່ນ
ລາວ
ນ້ອງ

ຊື່(ວ່າ)
ນາມ
ສະກຸນ

ສີທອງ
ວົງສະ
ຫວັນ

2.

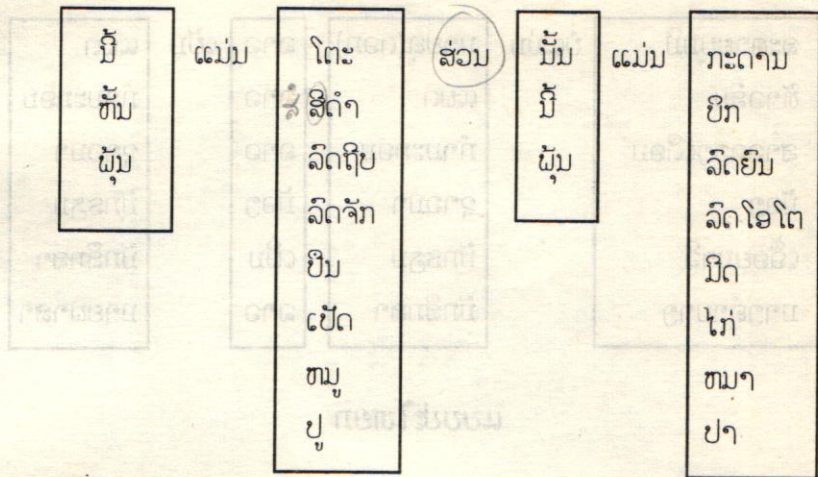
ທ່ານ	ອາຍຸ	ຈັກປີ	?	ເຮົາ	ອາຍຸ	40 ປີ
ສະຫາຍ		ເທົ່າໃດ	?	ຂ້ອຍ		20 ປີ
ເພິ່ນ				ເພິ່ນ		8 ຂວບ
ລາວ				ລາວ		
ເອື້ອຍນັ້ນ						
ນ້ອງ						
ຍາພໍ່						
ຍາແມ່						

ແບບປະໂຫຍກຄຳຖາມ

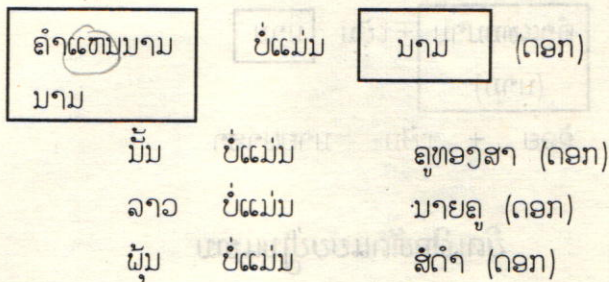
ປະໂຫຍກຍືນຍັນ	+	ແມ່ນບໍ່ ຊັ້ນຫວະ
--------------	---	--------------------

ເຈົ້າຊື່ວ່າ	ສີທອງ	ວົງສະຫວັນ	ແມ່ນບໍ່?
ເພິ່ນຊື່	ສົມ		ຊັ້ນຫວະ?
ເຈົ້າອາຍຸ	20 ປີ	ແມ່ນບໍ່?	
ລາວອາຍຸ	30 ປີ	ຊັ້ນຫວະ?	

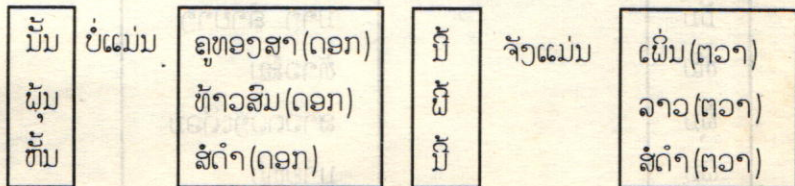
3.



ຄ. ປະຕິເສດ



ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ



2.

ສະຫາຍບຸນນີ	ບໍ່ແມ່ນ	ນາຍຄູ(ດອກ)	ລາວ	ເປັນ	ແຜດ
ທ້າວສິນ		ແຜດ	ລາວ		ກຳມະກອນ
ສາວດວງເດືອນ		ກຳມະກອນ	ລາວ		ຊາວນາ
ນ້ອງ		ຊາວນາ	ນ້ອງ		ນັກຮຽນ
ເອື້ອຍນາລີ		ນັກຮຽນ	ເພິ່ນ		ນັກສຶກສາ
ນາງຄຳບາງ		ນັກສຶກສາ	ລາວ		ນາຍພາສາ

ແບບປະໂຫຍກ

ກ. ຢືນຢັນ

ຄຳແທນນາມ	+	ແມ່ນ	+	ຄຳແທນນາມ
ນີ້		ແມ່ນ		ສະຫາຍທອງສາ

ຄຳແທນນາມ	+	ເປັນ	ນາມ
(ນາມ)			

ຂ້ອຍ + ເປັນ ນາຍພາສາ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

1.

ນີ້	ແມ່ນ	ສະຫາຍທອງສາ
ນັ້ນ		ນາງ ຄຳບາງ
ຫົ້ນ		ທ້າວສິນ
ຝັນ		ສາວດວງເດືອນ
ຝັນ		ນາຍໝໍ

2.

ນີ້
ຫັ້ນ
ຜູ້ນ
ຜູ້ນ

ແມ່ນ

ສະຫາຍທອງສາ
ນາງ ຄຳບາງ
ສາວ ດວງເດືອນ
ທ້າວສິນ

ລາວ
ເຝິ່ນ

ເປັນ

ຄູ
ນາງແພດ
ຊາວນາ
ກຳມະກອນ
ທະຫານ
ນັກສຶກສາ

ຂ. ຄຳຖາມ

ປະໂຫຍກ	ຍືນຍັນ ປະຕິເສດ
--------	-------------------

+

ເບາະ ຊັ້ນຫວະ ຊັ້ນຕີ້

ຊ

ນີ້ແມ່ນ ລົດຈັກ ເບາະຊ

ນັ້ນແມ່ນ ປາກກາ ຊັ້ນຫວະຊ

ສະຫາຍ ເປັນ ນາຍພາສາ ເບາະຊ

ສະຫາຍ ເປັນ ນາຍພາສາ ຊັ້ນຫວະຊ

ນີ້ບໍ່ແມ່ນ ປາກກາ ເບາະຊ

ນັ້ນບໍ່ແມ່ນ ປືນ ຊັ້ນຫວະຊ

ເຈົ້າບໍ່ແມ່ນ ນາຍໝໍຊັ້ນຕີ້ຊ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

1.

ນີ້
ຫັ້ນ
ຜູ້

ແມ່ນ

ສິດ
ປີນ
ກະດານ
ປູ
ປາ
ໄກ່
ເປັດ
ໝູ
ໝາ

ເບາະ?
ຊັ້ນຫວະ?

ເຈົ້າ
ເອີແມ່ນແລ້ວ
ບໍ່, ບໍ່ແມ່ນດອກ
ຮື ບໍ່ແມ່ນ

2.

ສະຫາຍ
ທ້າວສິນ
ສາວ ດວງເດືອນ
ຍາພໍ່
ຍາແມ່
ພໍ່ຕູ້
ແມ່ຕູ້
ອ້າຍ

ເປັນ

ນາຍພາສາ
ກຳມະກອນ
ຊາວນາ
ນາຍໝໍ
ຊາວນາ
ແພດ
ທະຫານ
ນັກຮຽນ

ເບາະ?
ຕື້?
ຊັ້ນຫວະ?

ເຈົ້າ
ແມ່ນແທ້
ບໍ່ແມ່ນດອກ
ຮື, ບໍ່ແມ່ນ
ເອີ, ແມ່ນແລ້ວ

3.

ເຈົ້າ
ສະຫາຍ
ເອື້ອຍ
ອ້າຍ
ທ່ານ
ຍາພໍ່
ຍາແມ່

ບໍ່ແມ່ນ

ນາຍພາສາ
ນາຍ ຄູ
ນັກສຶກສາ
ກຳມະກອນ
ຊາວນາ
ທະຫານ
ແພດ

ຊັ້ນຫວະ?

ຮື
ບໍ່

ອ້ອຍ
ເຮົາ

ບໍ່ແມ່ນ

ນາຍພາສາ
ນາຍ ຄູ
ນັກສຶກສາ
ກຳມະກອນ
ຊາວນາ
ທະຫານ
ແພດ

ດອກ

ອ້ອຍ
ເຮົາ

ເປັນ

ຄູ
ນັກສຶກສາ
ກຳມະກອນ
ຊາວນາ
ທະຫານ
ແພດ
ນາຍພາສາ

ບົດທົດອ່ານ

- ສະບາຍດີ ສະຫາຍ!

-ເຈົ້າ ສະບາຍດີ!

-ສະຫາຍ ເປັນ ນາຍພາສາ ຊັ້ນຫວະ?

-ບໍ່, ຂ້ອຍບໍ່ແມ່ນນາຍພາສາດອກ.

-ຂໍໂທດ, ສະຫາຍແມ່ນ ສະຫາຍທອງສາ ຊັ້ນຫວະ?

-ບໍ່ແມ່ນ, ຂ້ອຍບໍ່ແມ່ນ ທອງສາ.

-ສະຫາຍຊື່ຫຍັງ ຊັ້ນ?

-ຂ້ອຍຊື່ ທອງສີ ຂ້ອຍແມ່ນນ້ອງອ້າຍທອງສາ.

-ຊັ້ນຕີ້.

2. -ສະບາຍດີ ນ້ອງຄຳບາງ! ນ້ອງຍັງຄ່ອຍສະບາຍດີຢູ່ບໍ່?

-ອີ... ສະບາຍດີອ້າຍ ແຕ່ຂ້ອຍບໍ່ແມ່ນຄຳບາງດອກ.

-ຮວ້າຍ! ເຈົ້າຊື່ຫຍັງ, ຊັ້ນ!

-ຂ້ອຍແມ່ນ ຄຳໃບ ເຮົາເປັນເອື້ອຍນ້ອງຝາແຝດ.

-ຊັ້ນຕີ້.

3. -ຂໍໂທດ, ຍາວແມ່ນຊາວນາ ຊັ້ນຫວະ?

-ແມ່ນແທ້.

-ນີ້ແມ່ນ ໂຕຫຍັງ, ຍາວ? ໂຕປາບໍ່?

-ບໍ່, ນີ້ບໍ່ແມ່ນໂຕອີສັງດອກ ນັ້ນແມ່ນກ້ອນຫີນຕວາ!

-ເອີເນາະ!

4. -ນ້ອງສາວເປັນນາງໝໍຊັ້ນຫວະ?

-ບໍ່, ນ້ອງບໍ່ແມ່ນນາງໝໍ.

-ນ້ອງເຮັດອາຊີບຫຍັງຊັ້ນ?

-ນ້ອງເປັນແພດ.

-ໂຢ້ວ! ແພດກໍ່ແມ່ນໝໍຊັ້ນຕວາ!

-ແຕ່ນ້ອງແມ່ນແພດຊັ້ນຕົ້ນ.

5. -ໂທດໄດ້! ນ້ອງສາວເຈົ້າແມ່ນນາງ.....

-ບໍ່ໄດ້! ຂ້ອຍບໍ່ແມ່ນນາງ ຂ້ອຍເປັນນາຍ...

-ຮວ້າຍ! ນ້ອງສາວສັງມາເປັນ “ນາຍ”?

-ກໍ່ເປັນນາຍພາສາ ຫັນໄດ້!

6. -ຂ້ອຍຊື່ວ່າ ດວງຈັນເດືອນ, ຂ້ອຍອາຍຸ 20 ປີ, ຂ້ອຍເປັນຊາວນາ
ອ້າຍສົມຂ້ອຍອາຍຸ 24 ປີ, ລາວບໍ່ແມ່ນຊາວນາ, ລາວເປັນກຳມະ
ກອນເຈົ້າໄດ້? ເຈົ້າກໍ່ເປັນກຳມະກອນຊັ້ນຫວະ?

-ເຈົ້າ, ຂ້ອຍກໍ່ເປັນກຳມະກອນ.

-ເຈົ້າຊື່ຫຍັງ?

-ຂ້ອຍຊື່ວ່າ ບຸນນາ ວົງສະຫວັນ.

ບົດເຝິກຫັດ

1. ປຽນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ເປັນປະໂຫຍກ ປະຕິເສດ

ກ. ຂ້າພະເຈົ້າເປັນນັກຮຽນ.

ຂ. ຍາພໍ່ນັ້ນເປັນຊາວນາ.

ຄ. ຍາແມ່ນັ້ນເປັນ ຄູ.

ງ. ເອື້ອຍ ຄຳບາງເປັນນາຍພາສາ.

ຈ. ສາວດວງເດືອນກໍ່ເປັນຊາວນາ.

2. ປຽນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ເປັນປະໂຫຍກປະຕິເສດ ແລ້ວແຕ່ງປະໂຫຍກໃໝ່ຕາມ
ຄຳສັບໃນວົງເລັບ.

ຕົວຢ່າງ:

ນີ້ແມ່ນສີດຳ (ປົກ)

ນີ້ ບໍ່ແມ່ນສີດຳ ນີ້ແມ່ນປົກຕວາ

ກ. ນີ້ແມ່ນປາກກາ (ສີດຳ)

ຂ. ນັ້ນແມ່ນກະດານ (ໂຕະ)

ຄ. ຜູ້ນແມ່ນຕະກຽງ (ປີນ)

ງ. ຜູ້ນແມ່ນໄກ່ (ເປັດ)

ຈ. ຫົນແມ່ນປາ (ອ່ຽນ)

3. ປຽນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ເປັນປະໂຫຍກຄຳຖາມ ແລ້ວຕອບຢືນຢັນ ແລະ ປະຕິ
ເສດ

ຕົວຢ່າງ:

ນີ້ແມ່ນໂຕປາ

ນີ້ແມ່ນໂຕປາ ຊັ້ນຫວະ?

ແມ່ນ, ນັ້ນແມ່ນໂຕປາແທ້

(ເຈົ້າ)

(ອີ)

ບໍ່ແມ່ນ, ນັ້ນບໍ່ແມ່ນໂຕປາດອກ

(ອີ)

ກ. ນີ້ແມ່ນລົດຈັກ

ຂ. ສະຫາຍ ທອງສາ ແມ່ນນາຍຄູ

ຄ. ຜູ້ແມ່ນນາງດວງເດືອນ

ງ. ນາງຄໍາບາງ ອາຍຸ 40 ປີ

ຈ. ທ້າວນັ້ນຊື່ສິນສີສຸນັງ

4. ໃຊ້ບັນດາສັບໃນວົງເລັບຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

ກ. ທ່ານຊື່ຫຍັງ? (ສົມບູນ ລາວພັກດີ)

ຂ. ທ່ານເຮັດອາຊີບຫຍັງ? (ນາຍພາສາ)

ຄ. ເຈົ້າອາຍຸ ເທົ່າໃດ? (20 ປີ)

ງ. ສະຫາຍສົມເຮັດວຽກຫຍັງ? (ກຳມະກອນ)

ຈ. ສາວດວງເດືອນເຮັດວຽກຫຍັງ? (ຊາວນາ)

ສ. ອ້າຍບ່າວເຮັດວຽກຫຍັງ? (ນັກສຶກສາ)

5. ກ່າຍ “ບົດຫັດອ່ານ” ໃສ່ພັບ ແລະ ແປເປັນພາສາຫວຽດ

ຫາມຈຳໜ່າຍ

ບົດທີ 2

ຫົວເລື່ອງ : ວັນ ເດືອນ ປີ
ວິທີໃຊ້ສັບ: ມີ, ແປວ່າ, ເອີ້ນ(ວ່າ)
ລັກສະນະນາມ, ວິທີຖາມ ວັນ, ເດືອນ, ປີ
ບົດຫັດອ່ານ :
ວັນ ເດືອນປີ

1. ຫັດຜັນສຽງ

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລິຕ໌ໄປນີ້:

ວັນ ເດືອນ ປີ ຕາມ ມີ ໃດ ເອີ້ນ ຫວາຍ ບອກ ສາ
ຄື ໃໝ່ ອ້າຍ ຍີ່ ສາມ ສີ່ ຫ້າ ຫົກ ເຈັດ ແປດ ເກົ້າ
ສິບ ຄຳ ຄຳ ຂຶ້ນ ແຮມ ແປ ປີ້ມ ຈົງ ແບ່ງ ອອກ ນີ້
ເຜັງ ດັບ ຫລື ເບິ່ງ ໂທ ຊວດ ສະຫລຸ ຂາມ ເຖາະ ມະ
ໂຮງ ມະເສັງ ມະເມຍ ວອກ ລະກາ ຈຳ ກຸນ ໝູ ງົວ ເສືອ
ກະຕ່າຍ ນາກ ງູ ມ້າ ແບ້ ລົງ ໄກ່ ໝາ ໝູ ໝົດ
ລຸນ ກົກ ຍອມ ແຕ່ລະວັນ ແຕ່ລະອາທິດ ແຕ່ລະເດືອນ ແຕ່ລະ

ປີ ແຕ່ລະສັບປະດາ ວັນຈັນ ວັນອັງຄານ ວັນພຸດ ວັນພະຫັດ ວັນ
 ສຸກ ວັນເສົາ ວັນອາທິດ ເດືອນມັງກອນ ເດືອນກຸມພາ ເດືອນມີນາ
 ເດືອນເມສາ ເດືອນພຶດສະພາ ເດືອນກໍລະກົດ ເດືອນສິງຫາ ເດືອນກັນ
 ຍາ ເດືອນຕຸລາ ເດືອນພະຈິກ ເດືອນທັນວາ ປະຕິທິນ ສຸລິຍະປະຕິ
 ທິນ ຈັນທະປະຕິທິນ ເດືອນສຸລິຍະຄະຕິ ເດືອນຈັນທະຣະຄະຕິ ເດືອນ
 ຈຽງ ເດືອນລຸນ ປີອະທິກະມາດ ປີອະທິກະສຸລະທິນ ທຳອິດ ທິສອງ
 ຫົວປີ ທ້າຍປີ ກາງປີ ຂ້າງຂຶ້ນ ຂ້າງແຮມ ຂຶ້ນຫນຶ່ງຄໍ່າ ແຮມ
 ແປດຄໍ່າ ເຜັງ ເດືອນເຜັງ ວັນເຜັງ ມື້ດັບ ວັນຂຶ້ນປີໃໝ່ ວັນເກີດ
 ວັນລະສົກ ວັນສ້າງຕັ້ງ ວັນຊາດ ວັນກຳມະກອນສາກົນ ວັນສະຖາປະ
 ນາ ບຸນປີໃໝ່ ກຸດສົງການ ກຸດຈີນ ກຸດຫວຽດ ພັກກອມມູນິດອິນ
 ດູຈີນ ພັກກອມມູນິດຫວຽດນາມ ພັກປະຊາຊົນປະຕິວັດລາວ ກອງທັບປະ
 ຊາຊົນຫວຽດນາມ ສາທາລະນະລັດປະຊາທິປະໄຕປະຊາຊົນລາວ ສາທາ
 ລະນະລັດສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ ສາທາລະນະລັດປະຊາຊົນກຳປູເຈຍ ລະ
 ຫວ່າງເດືອນຫົກ ຫາເດືອນຫົກ ລະຫວ່າງປີຊວດ ຫາປີຂານ
 ເດືອນສອງນັ້ນເອງ ເຝ່ນນັ້ນເອງ ຍາມນັ້ນເອງ
 ຫົວ ຄັນ ອັນ ໂຕ ໜ່ວຍ ກ້ານ ດວງ ເຫລັ້ມ ໃບ

2. ວິທີໃຊ້ສັບ: ມີ, ແປວ່າ, ເອີ້ນ(ວ່າ)

ແບບປະໂຫຍກ

ຄຳຕົວຕັ້ງ	ຄຳກຳມະ
ຄຳນາມ	ມີ + ນາມ + ເລກນັບ + ລັກສະນະນາມ
ຄຳແທນນາມ	

ທ້າວສົມ	ມີ	ປີ້ນ	4	ຫົວ
ລາວ	ມີ	ລົດຖີບ	1	ຄັນ
				(ຄັນຫນຶ່ງ)
ເດືອນມີນາ	ມີ(ວັນ)	30	ວັນ	
ປີຫນຶ່ງ	ມີ	12	ເດືອນ	

ບົດເລິກຫັດແບບປຸງແທນ

1.

ສະຫາຍທອງສາ	ມີ	ປີ້ນ	4	ຫົວ
ຂ້າພະເຈົ້າ		ລົດ	2	ຄັນ
ສາວດວງເດືອນ		ເສື້ອ	ຫລາຍ	ໂຕ, ຜົນ
ເສື້ອຍທອງໃບ		ໄກ່	1	ໂຕ(ໂຕຫນຶ່ງ)
		ປາກກາ	3	ດ້າມ
		ມິດ	4	ດວງ
		ປືນ	2	ບອກ
		ໂຕະ	2	ຫນ່ວຍ
		ຢາ	10	ກອກ

2. ព័ន្ធន

ນັ້ງກອນ

ກຸມພາ

វិញ។

មេនា

វិទ្យាសាស្ត្រ

និព្វាន។

ກໍລະກົດ

ສິ່ງຫາ

ភ័យ។

ពុទ្ធា

ພະຈິກ

ທັນວາ

၂

30

28

31

ວັນ

3. ព័ន្ធន

ນັ້ງກອນ

វិញ។

វិចិត្រសាស្ត្រ

ກໍລະກົດ

ສິ່ງຫາ

ព្រះសា

ທັນວາ

មេឡា

វិញ្ញាណ

ភ័យ។

ພະຈິກ

ກຸມພາ

၂

31

30

28

ວັນ

ឆ្នើមប៉ុ?

4. ເດືອນ ມັງກອນ ມີ 31 ວັນ

ເດືອນ	ມັງກອນ	ມີ	ຈັກ ເທົ່າໃດ	ວັນ ຊ - ມີ	31 28 30	ວັນ
	ກຸມພາ					
	ມີນາ					
	ເມສາ					
	ພຶດສະພາ					
	ມິຖຸນາ					
	ກໍລະກົດ					
	ສິງຫາ					
	ກັນຍາ					
	ພະຈິກ					
	ທັນວາ					

ປຽນເປັນຄໍາຖາມຕາມຕົວຢ່າງແລ້ວຕອບຄໍາຖາມນັ້ນໃຫ້ຖືກ

5. ເດືອນ ມັງກອນ ມີ 31 ວັນ

ເດືອນ	ໃດ	ມີ 31 ວັນ ຊ - ເດືອນ ມັງກອນ
ເດືອນ	ໃດ	ມີ 31 ວັນ ຊ - ເດືອນ
		30
		28

6. ທ້າວ ສົມ ມີ ລົດ 2 ຄັນ

ທ້າວສົມ ມີ ລົດ

ຈັກ

ເທົ່າໃດ

ຄັນ? - ມີ 2 ຄັນ

ສະຫາຍທອງສາ	ມີ	ປຶ້ມ	4	ຫົວ
ສາວດວງເດືອນ	ມີ	ລົດ	2	ຄັນ
ຍາພໍ່	ມີ	ເສື້ອ	5	ຜືນ
ຍາແມ່	ມີ	ງົວ	10	ໂຕ
ພໍ່ຕູ້	ມີ	ມີດ	1	ດວງ
ແມ່ຕູ້	ມີ	ໂຕະ	1	ໜ່ວຍ
ຂ້າພະເຈົ້າ	ມີ	ປືນ	2	ບອກ
ເຝີນ	ມີ	ຢາ	3	ກອກ
ລາວ	ມີ	ນ້ອງ	2	ຄົນ

7. ປ່ຽນບັນດາປະໂຫຍກໃນຂໍ້ 6 ເປັນຄຳຖາມຕາມຕົວຢ່າງ:

ສະຫາຍທອງສາ ມີ ປຶ້ມ 4 ຫົວ

ສະຫາຍທອງສາ ມີ ຫຍັງ ? ມີປຶ້ມ 4 ຫົວ

8. ປ່ຽນບັນດາປະໂຫຍກໃນຂໍ້ 6 ເປັນຄຳຖາມ

ຕາມຕົວຢ່າງ:

ເຝີນ ມີ ຢາ 3 ກອກ

ໃຜ ມີ ຢາ 3 ກອກ ? -ເຝີນມີຢາ 3 ກອກ

9. ປ່ຽນບັນດາປະໂຫຍກໃນຂໍ້ 6 ຕາມຕົວຢ່າງ:

ຍາແມ່ ມີ ເສື້ອ 5 ຜືນ

ຍາແມ່ ມີ ເສື້ອ 5 ຜືນ ຊັ້ນຫວະ? -ແມ່ນແທ້

10.

ເຈົ້າ	ມີ	ປຶ້ມ	ຫລືບໍ່?
ທ່ານ		ປາກກາ	
ສະຫາຍ		ສໍດໍາ	
ນ້ອງ		ປົກ	
ເອື້ອຍ		ລົດຖີບ	
ອ້າຍ		ລົດຈັກ	
ຍາພໍ່		ເປັດ	
ຍາແມ່		ໄກ່	
ພໍ່ຕູ້		ໝູ	
ແມ່ຕູ້		ໝາ	
ເພິ່ນ		ປາ	
ລາວ		ອ່ຽນ	
ເຂົາເຈົ້າ		ຢາ	

11 ປ່ຽນເປັນປະໂຫຍກຄໍາຖາມແລ້ວຕອບໃຫ້ຖືກ ຕາມຕົວຢ່າງ:

ບີນີ້ ແມ່ນ ບີ ເຖາະ

ບີນີ້ ແມ່ນ ບີ ຫຍັງ? -ບີເຖາະ

ບີນີ້ ແມ່ນບີ ຊວດ

ສະຫລຸ

ຂານ

ເຖາະ

ມະໂຮງ

ມະເສັງ

ມະເມຍ

ມະເມ

ວອກ

ລະກາ

ນັງກອນ

ຫຍັງ ? -ເດືອນນັງກອນ

ນັງກອນ

ກຸມພາ

ມີນາ

ເມສາ

ພຶດສະພາ

ມິຖຸນາ

ກໍລະກົດ

ສິງຫາ

ກັນຍາ

ຕຸລາ

ພະຈິກ

ທັນວາ

ເດືອນນີ້ແມ່ນເດືອນ

ເດືອນນີ້ແມ່ນເດືອນ

ເດືອນນີ້ແມ່ນເດືອນ

ນີ້ແມ່ນວັນອາທິດ

ນີ້ນີ້ແມ່ນວັນ ຫຍັງ? -ວັນອາທິດ

ນີ້ນີ້ແມ່ນວັນ ອາທິດ

ຈັນ

ອັງຄານ

ພຸດ

ພະຫັດ

ສຸກ

ເສົາ

ນີ້ນີ້ແມ່ນ ວັນທີ 2 ທັນວາ

ນີ້ນີ້ແມ່ນ ວັນທີເທົ່າໃດ? -ວັນທີ 2 ທັນວາ

ນີ້ນີ້ແມ່ນ ວັນທີ 1-15 ພຶດສະພາ

12 ຕຸລາ

21 ມີນາ

3 ກຸມພາ

2 ກັນຍາ

ອັນ ນີ້ ເອີ້ນວ່າ ຫຍັງ? -ເອີ້ນວ່າ

ນັ້ນ

ປີກ

ສໍດໍາ

ປາກກາ

ຕະກຽງ

ໂຕ ນີ້ ເອີ້ນວ່າ ຫຍັງ? - ເອີ້ນວ່າ

ນີ້
ນັ້ນ

ໄກ່
ເປັດ
ໝູ
ໝາ
ປູ
ປາ
ອ່ຽນ

3. ວິທີຖາມວັນເດືອນປີ

ວັນ ທຳອິດ ຂອງສັບປະດາ ເອີ້ນວ່າຫຍັງ? - ເອີ້ນວ່າວັນອາທິດ

ທີສອງ

ທີສາມ

ທີສີ່

ທີຫ້າ

ທີຫົກ

ສຸດທ້າຍ

ເດືອນສຸລິຍະຄະຕິ

ທຳອິດ

ທີສອງ

ທີສາມ

ທີສີ່

ທີຫ້າ

ທີຫົກ

ທີເຈັດ

ທີແປດ

ທີເກົ້າ

ທີສິບ

ທີສິບເອັດ

ສຸດທ້າຍ

ເອີ້ນວ່າຫຍັງ? - ເອີ້ນວ່າ

ເດືອນມັງກອນ

ເດືອນ.....

.....

ເດືອນຈັນທະຄະຕິ

ທຳອິດ
ທີ່ສອງ

ເອີ້ນວ່າຫຍັງ? -ເອີ້ນວ່າ

ເດືອນອ້າຍ
.....

ປັກ

ທຳອິດ
ລຸນນາ

ເອີ້ນວ່າຫຍັງ? - ເອີ້ນວ່າ ປັກ

ຂ້າງຂຶ້ນ
.....

ນີ້

ຂຶ້ນ

1

ຄໍ່າ

ເດືອນ

ອ້າຍ

ປີເຖາະ

ແຮມ

2

ຍີ່

ມະໂຮງ

3

ສາມ

ມະເສັງ

4

ສີ່

ມະເມຍ

5

ມະແມ

6

ວອກ

7

ລະກາ

8

ຈໍ

9

ກຸນ

ຄຳວ່າ
ເດືອນ
ປີ

ອ້າຍ

ຍີ່

ເຖາະ

ນະໂຮງ

ນະເສັງ

ນະເມຍ

ນະແມ

ວອກ

ລະກາ

ຈໍ

ກຸນ

ຊວດ

ສະຫລຸ

ຂານ

ແປວ່າ

ແມ່ນເດືອນ

ແມ່ນປີ

ກົກ

ສອງ

ກະຕ່າຍ

ນາກ

ຈູ

ມ້າ

ແປ້

ລິງ

ໄກ່

ໝາ

ໝູ

ໝູ

ງົວ

ເສືອ

ບົດຫັດອ່ານ

ວັນເດືອນປີ

ຕາມສຸລິຍະປະຕິທິນ ປີໜຶ່ງມີ 12 ເດືອນ ແຕ່ລະເດືອນມີຊື່ເອີ້ນຕ່າງກັນດັ່ງນີ້:
ມັງກອນ, ກຸມພາ, ມີນາ, ເມສາ, ພຶດສະພາ, ມິຖຸນາ, ກໍລະກົດ, ສິງຫາ, ກັນຍາ,
ຕຸລາ, ພະຈິກ, ແລະ ທັນວາ. ເດືອນມັງກອນແມ່ນເດືອນທຳອິດ ເດືອນສຸດທ້າຍ
ແມ່ນເດືອນທັນວາ. ປີໃດ ເດືອນກຸມພາມີ 29 ວັນ ເອີ້ນວ່າ ປີ ອະທິກະສຸລະທິນ.

ເດືອນ ຈັນທະຣະຄະຕິ (ຫລື ຈັນທະປະຕິທິນ) ບໍ່ມີຊື່ເອີ້ນຕ່າງໆ ຫາກ ຄື ເດືອນສຸ
ລິຍະຄະຕິ, ເພິ່ນເອີ້ນເດືອນຕ່າງໆ ຕາມລຳດັບຄື ເດືອນອ້າຍ (ຈຽງ), ເດືອນຍີ່,
ເດືອນສາມ, ເດືອນສີ່, ເດືອນຫ້າ, ເດືອນຫົກ, ເດືອນເຈັດ, ເດືອນແປດ, ເດືອນ
ເກົ້າ, ເດືອນສິບ, ເດືອນສິບເອັດ, ເດືອນສິບສອງ, ຄຳວ່າອ້າຍແປວ່າກົກ. ດັ່ງນັ້ນ
ເດືອນອ້າຍກໍແມ່ນ ເດືອນກົກ ຫລືເດືອນທຳອິດ; ຍີ່ ແປວ່າ ສອງ, ເດືອນຍີ່ຈຶ່ງແມ່ນ
ເດືອນສອງນັ້ນເອງ. ປີໃດມີເດືອນແປດສອງເທື່ອ ເພິ່ນເອີ້ນວ່າປີ ອະທິກະມາດ,
ເດືອນແປດທີສອງຂອງປີອະທິກະມາດ ເອີ້ນວ່າເດືອນແປດລຸນ.

ເດືອນ ສຸລິຍະຄະຕິ ແບ່ງອອກເປັນ 4 ສັບປະດາ, ສັບປະດາໜຶ່ງມີ 7 ວັນຄື
ວັນອາທິດ, ວັນຈັນ, ວັນອັງຄານ, ວັນພຸດ, ວັນພະຫັດ, ວັນສຸກ, ແລະ ວັນເສົາ.
ເດືອນຈັນທະຣະຄະຕິແບ່ງອອກເປັນ 2 ປັກຄື ປັກຂ້າງຂຶ້ນ ແລະ ປັກຂ້າງແຮມ, ປັກ
ຂ້າງຂຶ້ນ ມີ 15 ວັນ, ປັກຂ້າງແຮມມີ 14 ວັນ ຫລື 15 ວັນ. ວັນທຳອິດຂອງເດືອນ
ເພິ່ນ ເອີ້ນວ່າຂຶ້ນ 1 ຄ່ຳ, ວັນຂຶ້ນ 15 ຄ່ຳແມ່ນ ມື້ເຝັງ ຫລື ວັນເຝັງ. ຫລັງຈາກວັນ
ເຝັງແມ່ນ ວັນແຮມ 1 ຄ່ຳ, ວັນແຮມ 14 ຫລື 15 ຄ່ຳ ເອີ້ນວ່າ ມື້ດັບ.

ປີຈັນທະຣະຄະຕິ ກໍ່ມີຊື່ເອີ້ນ 12 ຊື່ຄືປີຊວດ (ໝູ), ປີສະຫລູ(ງົວ), ປີຂານ(ເສືອ),
ປີເຖາະ (ກະຕ່າຍ), ປີນະໂຮງ (ນາກ), ປີນະເສັງ (ງູ), ປີນະເມຍ (ມ້າ) ປີນະແມ
(ແປ້), ປີວອກ (ລິງ), ປີລະກາ (ໄກ່), ປີຈໍ (ໝາ), ປີກຸນ (ໝູ).

ວັນທີ 1 ເດືອນມັງກອນ ແມ່ນວັນຂຶ້ນປີໃໝ່ສາກົນ.

ວັນກຸດສົງການ ຫລືບຸນປີໃໝ່ຕາມຈັນທະປະຕິທິນ ຢູ່ລະຫວ່າງຂຶ້ນ 6 ຄ່ຳ, ເດືອນ
5 ຫາຂຶ້ນ 5 ຄ່ຳ ເດືອນ 6.

ວັນທີ 3 ກຸມພາ ແມ່ນມື້ລະລຶກວັນສ້າງຕັ້ງພັກກອມມູນິດອິນດູຈີນ.

ວັນທີ 2 ກັນຍາ ແມ່ນວັນຊາດຂອງຫວຽດນາມ.

ວັນທີ 22 ທັນວາ ແມ່ນວັນລະລຶກວັນສ້າງຕັ້ງ ກອງທັບປະຊາຊົນຫວຽດນາມ.

ວັນທີ 2 ທັນວາ ແມ່ນ ວັນຊາດຂອງລາວ (ວັນສະຖາປະນາສາທາລະນະລັດ

ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ.

ວັນທີ 19 ພຶດສະພາ ແມ່ນວັນເກີດຂອງລູໂຮ່

ວັນທີ 1 ພຶດສະພາ ແມ່ນວັນກຳມະກອນສາກົນ

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ວັນ	ngày
ເດືອນ	tháng
ປີ	năm
ສຸລິຍາປະຕິທິນ	dương lịch
ມີ	có
ຊື່	tên(gọi)
ແຕ່ລະ	mỗi
ມັງກອນ	tháng giêng
ກຸມພາ	tháng hai
ມີນາ	tháng ba
ເມສາ	tháng tư
ພຶດສະພາ	tháng năm
ມິຖຸນາ	tháng sáu
ກໍລະກົດ	tháng bảy
ສິງຫາ	tháng tám
ກັນຍາ	tháng chín

ຕຸລາ	tháng mười
ພະຈິກ	tháng mười một
ທັນວາ	tháng mười hai
ທຳອິດ	đầu tiên
ສຸດທ້າຍ	cuối cùng
ແມ່ນ	là, phải, đúng
ປີອະທິກະສຸລະທິນ	năm nhuận
ຈັນທະຣະຄະຕິ	âm lịch
ຈັນທະປະຕິທິນ	âm lịch
ເດືອນອ້າຍ(ເດືອນຈຽງ)	tháng giêng
ເດືອນຍີ່	tháng hai
ປີໃດ	năm nào
ເອີ້ນ, ເອີ້ນວ່າ	gọi, gọi là
ປີອາທິກະມາດ	năm nhuận hai tháng tám
ສັບປະດາ	tuần lễ
ວັນຈັນ	thứ hai (trong tuần)
ວັນອັງຄານ	thứ ba
ວັນພຸດ	thứ tư
ວັນພະຫັດ	thứ năm
ວັນສຸກ	thứ sáu
ວັນເສົາ	thứ bảy
ວັນອາທິດ	chủ nhật
ປັກ	tuần (trăng)

ປັກຂ້າງຂຶ້ນ	thượng tuần(trắng)
ປັກຂ້າງແຮມ	hạ tuần(trắng)
ປີຊວດ	năm Tý
ປີສະຫລຸ	năm Sửu
ປີຂາມ	năm Dần
ປີຖາະ	năm Mão
ປີນະໂຮງ	năm Thìn
ປີນະເສັງ	năm Ty
ປີນະເມຍ	năm Ngọ
ປີນະແມ	năm Mùi
ປີວອກ	năm Thân
ປີລະກາ	năm Dậu
ປີຈຳ	năm Tuất
ປີກຸນ	năm Hợi
ວັນກຸດສົງການ	ngày Tết, ngày hội năm mới
ລະລຶກ	kỷ niệm (ngày)
ສ້າງຕັ້ງ	thành lập
ພັກ	đảng
ກອມມູນິດ	cộng sản
ອິນດູຈີນ	Đông dương
ວັນຊາດ	ngày Quốc khánh
ກອງທັບ	quân đội
ປະຊາຊົນ	nhân dân

ສະຖາປະນາ	thành lập
ສາທາລະນະລັດ	cộng hòa
ປະຊາທິປະໄຕ	dân chủ
ວັນເກີດ	ngày sinh
ກຳມະກອນ	công nhân
ສາກົນ	quốc tế

ບົດສົນທະນາ

ສົມ: ເຈົ້າມີຫຍັງຫ້າມ ດວງເດືອນ?

ດວງເດືອນ: ອ້າຍທວາຍເບິ່ງດູ!

ສົມ: ປຶ້ມ ຊັ້ນຫວະ?

ດວງເດືອນ: ອີ, ບໍ່ແມ່ນປຶ້ມດອກ, ທວາຍໃຫມ່ເບິ່ງ!

ສົມ: ຍອມແລ້ວໄປ, ບອກອ້າຍສາ!

ດວງເດືອນ: ປະຕິທິນ.

ສົມ: ປະຕິທິນປີໃດ?

ດວງເດືອນ: ກໍ່ປີໃຫມ່ນີ້ແລ້ວ, ປີເຖາະ 1987.

ສົມ: ເດືອນນີ້ເດືອນຫຍັງ ສັງມາມີປະຕິທິນໃຫມ່ແລ້ວ?

ດວງເດືອນ: ໂທ! ກໍ່ເດືອນພະຈິກແລ້ວເດັດ, ຍັງຍົກເດືອນດຽວກໍ່ໝົດປີແລ້ວ.

ສົມ: ເບິ່ງດູວ່າປີໃຫມ່ແມ່ນກົງກັບວັນຫຍັງ?

ດວງເດືອນ: ວັນພຸດ.

ສົມ: ວັນກຸດສົງການເດັດ?

ດວງເດືອນ: ວັນຂຶ້ນ 9 ຄ່ຳ ເດືອນ ຫ້າ ປີເຖາະ.

ສົມ: ກົງກັບວັນທີເທົ່າໃດ?

ດວງເດືອນ: ວັນອັງຄານທີ 14 ເມສາ 1987.

ສົມ: ຂອບໃຈ.

ບົດເຝິກຫັດ

1. ໃຊ້ຄຳຕໍ່ໄປນີ້ ແຕ່ງເປັນປະໂຫຍກຄຳຖາມ :

ໃຫ້, ໃດ, ຫຍັງ, ຫລືບໍ່, ຈັກ, ເທົ່າໃດ, ແມ່ນບໍ່, ຊັ້ນຫວະ.

2. ຕອບຄຳຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

-ວັນນີ້ແມ່ນວັນຫຍັງ?

-ວັນນີ້ແມ່ນວັນທີເທົ່າໃດ?

-ວັນທີ 2 ທັນວາແມ່ນຫຍັງ?

-ວັນທີ 22 ທັນວາ ແມ່ນວັນຫຍັງ?

-ວັນທີ 1 ມັງກອນ ແມ່ນວັນຫຍັງ?

-ວັນທີ 1 ພຶດສະພາ ແມ່ນວັນຫຍັງ?

-ວັນທີ 2 ກັນຍາ ແມ່ນວັນຫຍັງ?

-ວັນທີ 3 ກຸມພາ ແມ່ນວັນຫຍັງ?

-ວັນຊາດຫວຽດນາມປີນີ້ ແມ່ນວັນຫຍັງ?

-ວັນສ້າງຕັ້ງກອງທັບປະຊາຊົນຫວຽດນາມແມ່ນວັນທີເທົ່າໃດ?

-ວັນເກີດຂອງລູງໂຮ່ແມ່ນວັນທີເທົ່າໃດ?

-ວັນເກີດຂອງເຈົ້າແມ່ນວັນທີໃດ?

-ອາທິດໜຶ່ງມີຈັກວັນ? ວັນຫຍັງແດ່?

- ປີໜຶ່ງມີຈັກເດືອນ? ເດືອນຫຍັງແດ່?
- ປີນີ້ແມ່ນປີຫຍັງ?
- ເດືອນຈັນທະວະຄະດີມີຈັກປັກ?
- ປັກຂ້າງຂຶ້ນມີຈັກຄໍ່າ?
- ວັນຂຶ້ນ 15 ຄໍ່າ ເອີ້ນວ່າຫຍັງ?
- ວັນແຮມ 14 ຫລື 15 ຄໍ່າ ເອີ້ນວ່າວັນຫຍັງ?
- ປີອາທິກະມາດມີຈັກເດືອນແປດ?
- ເດືອນແປດທີສອງ ເອີ້ນວ່າຫຍັງ?
- ກຸດສົງການປີນີ້ກົງກັບວັນຫຍັງ?
- ກຸດຈົນປີນີ້ກົງກັບວັນທີເທົ່າໃດ?
- ຄຳວ່າຍີ່ ແປວ່າຫຍັງ? ເດືອນຍີ່ຄືເດືອນຫຍັງ?
- ວັນທຳອິດຂອງປີແມ່ນວັນທີເທົ່າໃດ?
- ວັນທຳອິດຂອງ ສັບປະດາແມ່ນວັນຫຍັງ?
- ເດືອນທຳອິດຂອງປີແມ່ນເດືອນຫຍັງ?
- ວັນຊາດຂອງສາທາລະນະລັດປະຊາທິປະໄຕປະຊາຊົນລາວແມ່ນວັນທີເທົ່າໃດ?
- ຈົງເລົ່າຊື່ສັບສອງປີ: ສັບສອງເດືອນ ແລະ ເຈັດວັນ ຂອງສັບປະດາ

3. ອ່ານວັນເດືອນ ປີ ຕໍ່ໄປນີ້ຕາມສຸລິຍະປະຕິທິນ

1-1-1959

3-2-1930

8-3-1911

7-5-1954

19-5-1890

19-8-1945

20-12-1960

2-12-1976

30-4-1975

12-10-1945

21-3-1946

2-9-1945

4. ກ່າຍບົດຫັດອ່ານ ແລະ ບົດສົນທະນາໃສ່ພັບແລ້ວ ແປເປັນພາສາຫວຽດ.

ທ່ານຈຳໜ່າຍ

ບົດທີ 3

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ
2. ແບບປະໂຫຍກຖາມເວລາ
3. ແບບປະໂຫຍດບອກເວລາ
4. ແບບປະໂຫຍກຖາມການກະທຳໃນປະຈຸບັນ
5. ບົດອ່ານຟື້ນຖານ: ກົດລະບຽບພາຍໃນ ແລະ ໂມງຍາມ

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລິຕໍ່ໄປນີ້:

ໂມງ, ຍາມ, ເຊົ້າ, ທ່ຽງ, ບ່າຍ, ແລງ, ຄ່ຳ, ຄືນ, ນາ, ສ່ວນ, ເຮືອນ, ສຶກ, ເຂົ້າ, ນີ້

ລຸກ, ນອນ, ກິນ, ປັ້ນ, ເຮັດ, ຮຽນ, ກຽມ, ແລ່ນ, ໄປ, ນາ, ເມື່ອ, ຕາຍ, ຮອດ, ພັກ, ເບິ່ງ, ຫລີ້, ຈີ້, ຈິ່ງ, ຈະ, ຊິ, ແລ້ວ, ແທ້, ເຕີບ, ໄກ້, ກົງ, ປາຍ, ຍັງ, ເຄິ່ງ, ແຈ້ງ, ສວາຍ, ເດີກ, ຊ້າ, ໄວ, ພ້າວ, ຫລ້ອມ, ເດັ! ໄດ້!, ຕື້!, ຮວ້າຍ!, ໂອຍ!, ນໍ!, ຕິ, ເວລາ, ຊົ່ວໂມງ, ຈັກໂມງ, ບ່າຍໂມງ, ດຽວນີ້, ກະດຽວວ່າ, ກະດາຍ, ຕອນເຊົ້າ, ຕອນທ່ຽງ, ຕອນບ່າຍ, ຕອນແລງ, ຕອນຄ່ຳ, ກາງຄືນ, ກາງເວັນ,

ກາງວັນ, ຕອນກາງຄືນ, ຕອນກາງວັນ, ຕອນນັ້ນ, ຍາມເຊົ້າ, ຍາມແລງ, ຍາມ
ກາງເວັນ, ຍາມກາງຄືນ, ນີ້ນີ້, ນີ້ອີ່ນ, ນີ້ຮີ, ນີ້ຊິນ, ນີ້ເທິງ, ນາທີ, ວິນາທີ, ທ່ຽງ
ວັນ, ທ່ຽງເວັນ, ທ່ຽງຄືນ, ທ່ຽງກົງ, ໄປນອນ, ເີ່ນນອນ, ກິນເຂົ້າ, ກິນເວລາ,
ຜາເຂົ້າ, ແຕ່ງຜາເຂົ້າ, ເຂົ້າການ, ເຮັດການ, ເລີກການ, ເຮັດວຽກ, ເຮັດວຽກ
ບ້ານ, ເຮັດນາ, ເຮັດສວນຄົວ, ເຮັດແບບເຝິກຫັດ, ໄປນາ, ໄປໂຮງຮຽນ, ເຮັດ
ອະນາໄມ, ເຮັດອະນາໄມສ່ວນຕົວ. ໄປເຮັດການ, ເມື່ອເຮືອນ, ຂຶ້ນເຮືອນ, ເຂົ້າ
ເຮືອນ, ເຂົ້າມາ, ເຂົ້າໄປ, ເຂົ້າການ, ເຂົ້າງາຍ, ເຂົ້າທ່ຽງ, ເຂົ້າແລງ, ຫລັກກິ
ລາ, ເບິ່ງກິລາ, ຫັດກາຍ, ວິທະຍຸ, ຝັງວິທະຍຸ, ກຽມບົດຮຽນ, ກຽມຕົວ, ຫລັງ
ຈາກນີ້, ຫລັງຈາກນັ້ນ, ນັກສຶກສາ, ນັກຮຽນ, ນັກກິລາ, ຕັດສິນ, ຕັດສິນໃຈເຮັດ,
ຕັດສິນໃຈປະຕິບັດ, ປະຕິບັດຕາມ, ໜ້າທີ່, ເຮັດໜ້າທີ່, ເຮັດຫລ້ອນໜ້າທີ່, ຂອງ
ຕົນ, ຂອງໂຮງຮຽນ, ຂອງຫ້ອງຮຽນ, ຢ່າງເຄັ່ງຄັດ, ຢ່າງຈົບງາມ, ຢ່າງດີ, ລ້ຽງ
ສັດ, ລ້ຽງຄົນ, ກິນລ້ຽງ, ງານລ້ຽງ, ສັດລ້ຽງ, ປົກກະຕິ, ຕາມປົກກະຕິ, ກໍ່ດີ, ກໍ່
ຕາມ, ກໍ່ດາຍ, ກໍ່ດຽວວ່າ, ຕາຕະລາງ, ຕາຕະລາງສອນ, ຕາຕະລາງເວລາຮຽນ,
ຊັ້ນດີ, ຊັ້ນຕວາ, ຊັ້ນບໍ່, ເບິ່ງດູ, ໄປບໍ່, ພ້າວຫຍັງນັ້ນ, ເບິ່ງນັ້ນ, ຫາກ, ເລີ່ມຕົ້ນ, ຫາ
ກໍ່ລົງມື, ຫາກໍ່ບ່າຍໂມງເທົ່ານັ້ນ, ໂອຍ! ໂອຍ! ຄັກແທ້ນັ້ນ, ໂອຍຈັງແມ່ນຊາດນັ້ນ, ຄື
ຊີຄັກນັ້ນ, ຄືຊີດີນັ້ນ, ຄືຊີແຈ້ງແລ້ວດີ, ຄືຊີສວາຍແລ້ວດີ, ຄືຊີຄ່າແລ້ວດີ, ຄືຊີພໍແລ້ວ
ດີ, ຮອດເວລາ, ໃກ້ຊິຮອດເວລາ, ໃກ້ຊິຮອດເວລາຂຶ້ນຫ້ອງ, ໃກ້ຊິຮອດເວລາຮຽນ,
ຊ້າໄປແລ້ວ, ຕາຍໄປແລ້ວ, ອະທິບາຍ, ອະທິບາຍບົດຮຽນ, ອະທິບາຍຂໍ້ຂັດຂ້ອງ.

2. ແບບປະໂຫຍກຖາມເວລາ

ດຽວນີ້ ແມ່ນ ເວລາ ຈັກໂມງແລ້ວ?

ບົດເຝິກຫັດແບບປ່ຽນແທນ

ກ.

ດຽວນີ້ ແມ່ນ ເວລາ

ຈັກໂມງ

ເຊົ້າ

ແລ້ວ ອ້າຍ

ແລງ

ຄໍ່າ

ກາງຄືນ

ບ່າຍຈັກໂມງ

ຂ.

ຈັກໂມງ

ເຊົ້າ

ແລ້ວບໍ່

ອ້າຍ

?

ແລງ

ຄໍ່າ

ກາງຄືນ

ນ້ອງ

ສ່ຽວ

ບ່າຍຈັກໂມງ

ຈັກເດ! ຄືຊິ

ແຈ້ງ

ສວາຍ

ຄໍ່າ

ເດິກ

ແລ້ວຕີ

ເຕີບແລ້ວຕີ

ຄ. ຂໍທົດ

ດຽວນີ້

ແມ່ນເວລາຈັກໂມງແທ້?

ຕອນນັ້ນ

ຍາມນັ້ນ

3. ແບບປະໂຫຍກບອກເວລາ

ດຽວນີ້ ແມ່ນ ເວລາ

3 ໂມງ 20 ນາທີ 5 ວິນາທີ
8 ໂມງ ຍັງ 5 ນາທີ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ດຽວນີ້ ແມ່ນ ເວລາ

3 ໂມງ 20 ນາທີ 15 ວິນາທີ
7 ໂມງ ເຄິ່ງ
9 ໂມງ ຍັງ 10 ນາທີ ຄໍ່າ
11 ໂມງ ປາຍ ແລ້ວ
ທ່ຽງວັນ
ປ່າຍ ໂມງກົງ
ປ່າຍ 2 ໂມງ ເຄິ່ງ
ປ່າຍ 3 ໂມງພໍດີ
4 ໂມງແລງຍັງ 15 ນາທີ
6 ໂມງແລງຍັງ 25 ນາທີ
7 ໂມງຄໍ່າ
10 ໂມງຄໍ່າ
11 ໂມງຄໍ່າ
ທ່ຽງຄືນພໍດີ
1 ໂມງເຊົ້າ
10 ໂມງເຊົ້າປາຍ

ຂ.

5
6
7
8
11

ໂມງເຊົ້າແລ້ວໄດ້

ລູກເທາະ

ກິນເຂົ້າງາຍເທາະ

ໄປເທາະ

ລົງມືເທາະ

ພັກເທາະ

7 ໂມງຄໍ່າ

10 ໂມງຄໍ່າ

11 ໂມງກາງຄືນ

ທ່ຽງຄືນ

1 ໂມງເຊົ້າ

2 ໂມງເຊົ້າ

ກິນເຂົ້າແລງເທາະ

ນອນເທາະ

ຄ. ຝ່າວຫຍັງນໍ ຫາກໍ່

3 ໂມງເຊົ້າ

5 ໂມງເຊົ້າ

6 ໂມງເຊົ້າ

ທ່ຽງເວັນປາຍ

ບ່າຍໂມງ

ບ່າຍ 2 ໂມງ

ບ່າຍ 3 ໂມງ

4 ໂມງແລງ

5 ໂມງແລງ

6 ໂມງແລງ

ເທົ່ານັ້ນ!

7 ໂມງຄ່ຳ

9 ໂມງຄ່ຳ

10 ໂມງຄ່ຳ

11 ໂມງກາງຄືນ

ທ່ຽງຄືນຍັງ 20 ນາທີ

4-ແບບປະໂຫຍກຖາມການກະທຳໃນປະຈຸບັນ, ອະດີດ ແລະ ອະນາຄົດ

ກ. ປະຈຸບັນ

ຊູ່ ນີ້ ເຈົ້າ ຕື່ນນອນ ຕອນ ຈັກໂມງ?

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ຊູ່ນີ້

ຕາມປົກກະຕິ

ຕາມທຳມະດາ

ເຈົ້າ

ສະຫາຍ

ນ້ອງ

ຕື່ນນອນ

ປັ້ນເຂົ້າງາຍ

ກິນເຂົ້າແລງ

ໄປໂຮງຮຽນ

ເລີ່ມເຮັດການ

ເລິກການ

ໄປນອນ

ຕອນຈັກໂມງ?

ຂ. ອະດີດ

ເຈົ້າມານີ້

ຕອນ ຈັກໂມງ?

ຍາມໃດ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ເຈົ້າ
ນ້ອງ

ມານີ້
ຕື່ນນອນ
ກິນເຂົ້າງາຍ
ໄປໂຮງຮຽນ
ຂຶ້ນທ້ອງ
ເລິກຮຽນ

ຕອນຈັກໂມງ
ຍາມໃດ
ນີ້ເທິງ

?

ຄ. ອະນາຄົດ

+ ບໍ່ມີເວລາບອກ-ເວລາ

ຈັກໂມງ ເຈົ້າ (ຈິ່ງຊິ) ໄປ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ຈັກໂມງ
ຍາມໃດ
ນີ້ເທິງ

ເຈົ້າ (ຈິ່ງຊິ)

ໄປ
ມາ
ເມື່ອ
ເລິກການ
ປັ້ນເຂົ້າງາຍ
ກິນເຂົ້າແລງ
ແຕ່ງພາເຂົ້າ

+ ມີວະລິບອກເວລາ

ຕອນເຊົ້າ
ມື້ວານ
ມື້ອື່ນ

ເຈົ້າຕື່ນນອນ ຕອນຈັກໂມງ?

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ. ມື້ນີ້ ເຈົ້າ ໄປໂຮງຮຽນ ຕອນຈັກໂມງ
ມື້ວານ ສະຫາຍ ຂຶ້ນທ້ອງ
ມື້ອື່ນ ມ້ອງ ເມື່ອ
ກິນເຂົ້າງາຍ
ເຮັດວຽກບ້ານ
ເຮັດບົດເຝິກຫັດ

ຂ.

ເຊົ້ານີ້
ທ່ຽງນີ້
ປ່າຍນີ້
ແລງນີ້
ຄ່ຳນີ້
ຄືນນີ້
ວັນນີ້

ເອື້ອຍ
ອ້າຍ
ຍາຝ່
ຍາແມ່
ພໍ່ຕູ້

ຕື່ນນອນ
ກິນເຂົ້າ
ປະຊຸມ
ໄປຫລັ້ນ
ໄປນອນ
ເມື່ອເຮືອນ

ຕອນຈັກໂມງ ?

+ ມີຄຳ “ຈະ, ຊິ”

ເຈົ້າ ຈະ ໄປຕອນຈັກໂມງ?

ຊິ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ເຈົ້າ

ອ້າຍ

ເອື້ອຍ

ສະຫາຍ

ຈະ

ຊິ

ໄປ

ມາ

ເມື່ອ

ເລີ່ມຕົ້ນ

ແຕ່ງພາເຂົ້າ

ປັ້ນເຂົ້າງາຍ

ຕອນຈັກໂມງ?

ຂ.

ນີ້ນີ້

ນີ້ອື່ນ

ເຈົ້າ

ພວກເຮົາ

ເພິ່ນ

ຈະ

ຊິ

ຕື່ນນອນ

ກິນເຂົ້າງາຍ

ຂຶ້ນຫ້ອງ

ເລີກການ

ເຂົ້າການ

ເລີ່ມຕົ້ນຮຽນ

ຕອນຈັກໂມງ?

ຄ. ປຽນປະໂຫຍກຕາມຕົວຢ່າງດັ່ງນີ້

ຈັກໂມງ ເຈົ້າ (ຈິ່ງ ຊີ) ໄປຊຸ

ເຈົ້າຊີໄປ ຕອນຈັກໂມງ?

ຈັກໂມງ ເຈົ້າ ໄປຊຸ

ຈັກໂມງ ເພິ່ນ ນາ?

ຈັກໂມງ ພວກເຮົາ ເມືອງ?

ຈັກໂມງ ຍາແມ່ ແຕ່ງພາເຂົ້າ?

ຈັກໂມງ ຍາພໍ່ ໄປມາ?

ຈັກໂມງ ສະຫາຍ ຂຶ້ນຫ້ອງ?

ຈັກໂມງ ສ່ຽວ ເລີກການ?

ຈັກໂມງ ນ້ອງ ເລີ່ມຕົ້ນຮຽນ?

ຈັກໂມງ ເຂົາເຈົ້າ ກິນເຂົ້າງາຍ?

ຈັກໂມງ ພວກເຈົ້າ ເຮັດວຽກບ້ານ?

5. ບົດອ່ານພື້ນຖານ

ກົດລະບຽບພາຍໃນໂມງຍາມ

ວັນທີ 4 ກັນຍາ 1987 ແມ່ນວັນຂສົກຮຽນ 1987-1988

ທາງໂຮງຮຽນໄດ້ແຈ້ງກົດລະບຽບພາຍໃນຫລັກສູດ, ຕາຕະລາງສອນປະຈຳ
ສັບປະດາ ແລະ ຕາຕະລາງ ເວລາຮຽນປະຈຳວັນ ດັ່ງຕໍ່ໄປນີ້:

ສົກຮຽນແບ່ງອອກເປັນສອງພາກຮຽນ, ພາກທຳອິດ ເລີ່ມຕົ້ນຕັ້ງແຕ່ເດືອນ
ກັນຍາ 1987 ຫາເດືອນ ກຸມພາ 1988, ພາກທີສອງເລີ່ມຕົ້ນແຕ່ ກາງເດືອນ

ກຸມພາ 1988 ຫາທ້າຍ ເດືອນ ກໍລະກົດ 1988.

ອາທິດໜຶ່ງຮຽນ 6 ວັນຄື ວັນຈັນ, ວັນອັງຄານ, ວັນພຸດ, ວັນພະຫັດ, ວັນສຸກ ແລະ ວັນເສົາ. ວັນອາທິດ ແລະ ວັນຢຸດການ ບໍ່ຮຽນ.

ວັນໜຶ່ງຮຽນ 11 ຊົ່ວໂມງ, ຕອນເຊົ້າ 5 ຊົ່ວໂມງ, ຕອນບ່າຍ ແລະ ຕອນ ແລງ 3 ຊົ່ວໂມງ, ຕອນຄ່ຳ 3 ຊົ່ວໂມງ.

ຊົ່ວໂມງໜຶ່ງກິນເວລາ 45 ນາທີ ພັກ 15 ນາທີ.

ເວລາຮຽນຕອນເຊົ້າ ເລີ່ມຕົ້ນຕັ້ງແຕ່ 6 ໂມງ 30 ນາທີ (ຫົກໂມງເຄິ່ງ) ຫາ 11 ໂມງ, ຕອນບ່າຍເລີ່ມຕົ້ນແຕ່ ບ່າຍ 2 ໂມງກົງ ຫາ 4 ໂມງແລງ 30 ນາທີ (ສີ່ໂມງແລງເຄິ່ງ), ຕອນຄ່ຳເລີ່ມຕົ້ນຕັ້ງແຕ່ 7 ໂມງຄ່ຳ ຫາ 9 ໂມງຄ່ຳ 30 ນາທີ (ເກົ້າໂມງຄ່ຳເຄິ່ງ).

ນັກສຶກສາທຸກຄົນຕົ້ນນອນຕອນ 5 ໂມງເຊົ້າ, ຫັດກາຍ ແລະ ເຮັດອະນາໄມ ສ່ວນຕົວແລ້ວກິນເຂົ້າງາຍ ຕອນ 3 ໂມງ 30 ນາທີ.

ຕອນທ່ຽງກິນເຂົ້າທ່ຽງຕອນ 11 ໂມງ 30 ນາທີ ແລ້ວນອນພັກຮອດບ່າຍໂມງ ເຄິ່ງ.

ຕອນແລງ 4 ໂມງແລງເຄິ່ງຫາ 5 ໂມງແລງເຄິ່ງຫລັ້ນກິລາ ຫລື ອອກແຮງ ງານເຮັດສວນຄົວຫລືລ້ຽງສັດ.

ຕອນຄ່ຳ ຕັ້ງແຕ່ 7 ໂມງຫາ 9 ໂມງເຄິ່ງ ຟັງວິທະຍຸ ແລະ ກຽມບົດຮຽນໃໝ່ ຫລັງຈາກນັ້ນເຮັດອະນາໄມສ່ວນຕົວຮອດ 10 ໂມງເຄິ່ງຈຶ່ງໄປນອນ.

ນັກສຶກສາທຸກຄົນຕັດສິນໃຈປະຕິບັດຕາມລະບຽບພາຍໃນຂອງໂຮງຮຽນຢ່າງ ແ່ງຄັດ, ຕັດສິນໃຈເຮັດຫລັອນໜ້າທີ່ຂອງຕົນຢ່າງຈິບງາມ.

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ພື້ນຖານ	cơ bản, cơ sở, nền móng
ວັນໄຂ	ngày khai mạc
ສົກຮຽນ	năm học, học kỳ
ໂຮງຮຽນ	nhà trường, trường học
ໄດ້	đã, được
ແຈ້ງ	thông báo, sáng (trời sáng)
ກົດລະບຽບ	điều lệ, nội quy
ພາຍໃນ	nội bộ, trong (trong ngoài)
ຫລັກສູດ	chương trình (học tập), công thức
ຕາຕະລາງ	biểu, (thời khóa) biểu
ປະຈຳວັນ	hàng ngày
ປະຈຳ	thường trực, tại
ດັ່ງ	như
ຕໍ່ໄປ	sau, tiếp
ນີ້	này, đây
ແບ່ງ	phân, chia
ອອກ	ra (ra vào)
ພາກ	phần; miền
ທຳອິດ	đầu tiên
ເລີ່ມຕົ້ນ	bắt đầu

ຕັ້ງແຕ່	từ
ຫາ	tìm; đến
ວັນຫຍຸດການ	ngày nghỉ, ngày không làm việc
ຊົ່ວໂມງ	giờ (giờ giấc)
ຕອນ, ຕອນເຊົ້າ	buổi; miếng, buổi sáng
ຕອນບ່າຍ	buổi chiều (từ 1-4 giờ chiều)
ຕອນແລງ	buổi chiều (từ 4-7 giờ chiều)
ເວລາ	thời gian
ເຄິ່ງ	nửa, rưỡi
ຄ່ຳ	tối
ນັກສຶກສາ	sinh viên
ຖິ່ນ	thức, tỉnh
ນອນ	ngủ
ຫັດກາຍ	tập (thể dục)
ແລະ	và, với
ຕອນທ່ຽງ	buổi trưa
ເຮັດ	làm
ອະນາໄມ	vệ sinh
ສ່ວນຕົວ	cá nhân, riêng
ກິນ	ăn
ເຂົ້າ	cơm
ເຂົ້າງາຍ, ກິນງາຍ	cơm trưa, ăn trưa
ພັກ, ພັກຜ່ອນ	nghỉ, nghỉ ngơi

ຫລິ້ນ	chơi
ກິລາ	thể thao
ຫລີ	hoặc, hay (hay là)
ຟັງ	nghe
ວິທະຍຸ	đài (phát thanh)
ກຽມ	chuẩn bị
ບົດຮຽນ	bài học
ໃໝ່	mới
ອອກແຮງງານ	lao động
ສວນ	vườn
ລ້ຽງ	nuôi, chăn
ສັດ	súc vật
ທຸກ	mọi, tất cả
ຕັດສິນໃຈ	quyết tâm
ປະຕິບັດ	thực hiện
ລະບຽບ	trật tự, thể thức
ເຄັ່ງຄັດ	ngghiêm túc
ເຮັດຫລ້ອມ	làm tròn, hoàn thành
ໜ້າທີ່	nhiệm vụ
ຕົນ	bản thân, mình
ຈົບງານ	tốt đẹp

ບົດສິນທະນາ

- ທອງສາ: ເຊົ້ານີ້ ພວກເຮົາຮຽນຈັກຊົ່ວໂມງນີ້ ທອງດີ?
- ທອງດີ: ເອົາ ກໍຮຽນ 5 ຊົ່ວໂມງ ຕາມປົກກະຕິທັນແລ້ວ.
- ທອງສາ: ຮວ້າຍ! ກະດຽວວ່ານີ້ນີ້ວັນພະຫັດ ຕາມຕາຕະລາງສອນແລ້ວ
ພວກເຮົາ
ທົບທວນບົດຮຽນ 3 ຊົ່ວໂມງ ແລ້ວຂຶ້ນຫ້ອງຝັງຄູອະທິບາຍ ຂໍ
ຂັດຂ້ອງ ອີກຊົ່ວໂມງດຽວ ຊັ້ນຕວາ.
- ທອງດີ: ໂຕ້ຍ! ເຈົ້າກໍ່ຕາຍ! ບໍ່ຈື່ຮອດວັນຮອດເດືອນຊ້າ, ນີ້ນີ້ວັນພຸດ
ບໍ່ແມ່ນວັນພະຫັດດອກ, ອ້າຍໃຫຍ່!
- ທອງສາ: ຊັ້ນຕີ້?
- ທອງດີ: ໄວໆ ເຂົ້າໃກ້ຊື່ຮອດເວລາຂຶ້ນຫ້ອງແລ້ວໄດ້!
- ທອງສາ: ຜ່າວຍັງງ່າຫາກໍ່ 6 ໂມງປາຍເທົ່ານັ້ນ.
- ທອງດີ: ໂມງເຈົ້າຄືຊິແລ່ນຊ້າໄປແລ້ວດີ! ເບິ່ງໃຫມ່ດື່!
- ທອງສາ: ໂອຍ! ຈັງແມ່ນຊາດນໍ້! ບໍ່ແມ່ນມັນແລ່ນຊ້າດອກ ມັນຫາກຕາຍ
ແຕ່ຍາມໃດຝັນ.

ວຽກບ້ານ

1. ອ່ານຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້ແລ້ວຕອບດ້ວຍປາກເປົ່າ ແລະ ຂຽນຄໍາຕອບເຫລົ່າ
ນັ້ນລົງປື້ມ

-ນີ້ນີ້ວັນຫຍັງ?

-ນີ້ນີ້ວັນທີເທົ່າໃດ?

-ດຽວນີ້ແມ່ນເວລາຈັກໂມງ?

-ເຈົ້າຂຶ້ນຫ້ອງຕອນຈັກໂມງ?

-ມື້ວານເຈົ້າຕື່ມນອນຕອນຈັກໂມງ?

-ຈັກໂມງເຈົ້າກິນເຂົ້າງາຍ?

-ຕອນເຊົ້າພວກເຮົາຮຽນຈັກຊົ່ວໂມງ? ຕອນແລງເດັດ?

-ກາງເວັນເຈົ້ານອນພັກຈັກຊົ່ວໂມງ?

-ກາງຄືນເຈົ້າເຮັດວຽກບ້ານຈັກຊົ່ວໂມງ?

2. ຈົ່ງຜູກປະໂຫຍກດ້ວຍຄຳ ແລະ ວະລີຕໍ່ໄປນີ້:

ຊິ, ຈະ, ຈິ່ງ, ຈິ່ງຊິ, ໂມງ, ຊົ່ວໂມງ, ເລີ່ມຕົ້ນ, ບໍ່,
ຕາມປົກກະຕິ, ຫ້າມແລ້ວ, ຊັ້ນຕວາ, ກະດາຍ, ຊັ້ນຕີ້, ກະດຽວວ່າ... ໄດ້ດີ!

3. ຈົ່ງຫາຄຳທີ່ມີຄວາມໝາຍຄ້າຍກັບສັບຕໍ່ໄປນີ້:

ມື້, ງາຍ, ປະຕິບັດ, ສຶກ, ຈະ, ປັນເຂົ້າງາຍ, ຕາມປົກກະຕິ.

4. ຈົ່ງຫາຄຳທີ່ມີຄວາມໝາຍກົງຂ້າມກັບຄຳສັບຕໍ່ໄປນີ້

ມາ, ເມືອ, ໄວ, ເລີກ, ກາງຄືນ, ເຊົ້າ

5. ອ່ານບົດອ່ານພື້ນຖານໃຫ້ຄ່ອງແລ້ວເລົ່າເນື້ອຫາຂອງມັນ.

6. ຈົ່ງຂຽນຕາຕະລາງດຳເນີນຊີວິດປະຈຳວັນຂອງຕົນຕັ້ງແຕ່ຕື່ມນອນ ຮອດ
ໄປນອນ.

ໄປເຮັດການ, ເມືອເຮືອນ, ຂຶ້ນເຮືອນ, ເຂົ້າເຮືອນ, ເຂົ້າມາ, ເຂົ້າໄປ, ເຂົ້າການ,
ເຂົ້າງາຍ, ເຂົ້າທ່ຽງ, ເຂົ້າແລງ, ຫລັກກິລາ, ເບິ່ງກິລາ, ຫັດກາຍ, ວິທະຍຸ, ຝັງວິ
ທະຍຸ, ກຽມບົດຮຽນ, ກຽມຕົວ, ຫລັງຈາກນີ້, ຫລັງຈາກນັ້ນ, ນັກສຶກສາ, ນັກຮຽນ,

ນັກກິລາ, ຕັດສິນ, ຕັດສິນໃຈເຮັດ, ຕັດສິນໃຈປະຕິບັດ, ປະຕິບັດການ, ໜ້າທີ່, ເຮັດ
ໜ້າທີ່, ເຮັດໜ້ອນໜ້າທີ່. ຂອງຕົນ, ຂອງໂຮງຮຽນ, ຂອງຫ້ອງຮຽນ, ຢ່າງ
ເຄັ່ງຄັດ, ຢ່າງຈົບງາມ, ຢ່າງດີ, ລ້ຽງສັດ, ລ້ຽງຄົນ, ກິນລ້ຽງ, ງາມລ້ຽງ, ສັດ
ລ້ຽງ, ປົກກະຕິ, ຕາມປົກກະຕິ, ກໍດີ, ກໍຕາມ, ກໍດາຍ, ກໍດຽວວ່າ, ຕາຕະລາງ,
ຕາຕະລາງສອນ, ຕາຕະລາງເວລາຮຽນ, ຊັ້ນດີ, ຊັ້ນຕວາ, ຊັ້ນບໍ່, ເບິ່ງດູ, ລອງ
ເບິ່ງດູ, ໄປບໍ່, ພ້າວຫຍັງນໍ, ເບິ່ງນໍ, ຫາກໍ່, ເລີ່ມຕົ້ນ, ຫາກໍ່ລົງມື. ຫາກໍ່ປາຍໂມງ
ເທົ່ານັ້ນ,

ໂອຍ! ຄັກແທ້ນໍ, ໂອຍຈັ່ງແມ່ນຊາດບໍ່, ຄືຊີຄັກບໍ່, ຄືຊີດີນໍ.

ບົດທີ 4

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ
2. ລັກສະນະນາມ
3. ນິຍະນະສັບພະນາມ (ຄຳແທນຊື່ໃຊ້ຊີ້ບອກ)
4. ປະໂຫຍກຄຳຖາມ: ນາມ + ໃດ? ນາມ + ເປັນແນວໃດ?
5. ຄຸນນາມ ແລະ ການປຽບທຽບຄຸນນາມ
6. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ຫ້ອງຮຽນຂອງພວກເຮົາ

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລິຕ໌ໄປນີ້:

ໂຕະ, ຕູ້, ຕຽງ, ໝາກກ້ຽງ, ໂມງ, ໝອກ, ວິທະຍຸ, ພັດລົມ, ກະຕາ, ງົວ, ຄວາຍ, ໄກ່, ໂສ້ງ, ເສື້ອ, ປະຕູ, ປອງຢ້ຽມ, ເພດານ, ຝາ, ຝັນ, ໄມ້ກວາດ, ຜ້າ, ນາ, ສາດ, ປຶ້ມພັບ, ຮູບພາບ, ກະດານ, ລົດ, ລົດຖີບ, ລົດຈັກ, ລົດຍົນ, ລົດໂມໂຕ, ລົດໂອໂຕ, ເຊືອກ, ສາຍຮັດ, ທາງສໍດຳ, ເຮືອນ, ໂຮງຮຽນ, ເລົ່າເຂົ້າ, ປາກກາ, ມິດ, ປີນ, ຂີ້ຟອຍ, ຂີ້ຝຸນ, ຂີ້ຮ້າຍ, ຫ້ອງຮຽນ, ແຖວ, ຮູບແຈ, ແຖວ, ສັ້ນ, ຍາວ, ໝາ, ບາງ, ກົມ, ຈັດຕູລັດ, ກວ້າງ, ແຄບ, ໃຫຍ່, ນ້ອຍ, ເກົ່າ, ໜຸ່ງ,

ສີແດງ, ສີດຳ, ສີຂາວ, ສີຂຽວ, ງາມດີ, ອີ້ຮ້າຍ, ຫວາມ, ສົ້ມ, ຕຸ້ຍ, ຜີ, ຈ່ອຍ, ແພງ, ຖືກ, ແຄມ, ໜ່ວຍ, ໂຕ, ອັນ, ຜົນ, ເຫລັ້ມ, ແຜ່ນ, ຄັນ, ເສັ້ນ, ຫລັງ, ດ້າມ, ດວງ, ບອກ, ແຫ່ງ, ເທົ່າ, ທໍ່, ສໍ່າ, ກວ່າ, ກວ່າໝູ່, ທີ່ສຸດ, ສຸດທີ່, ໃດ, ໃຜ, ເປັນ ແນວໃດ, ເປັນຄືແນວໃດ, ເປັນຈັງໃດ, ເປັນຫຍັງ, ສັງມາອີ້ຮ້າຍ, ຈັງແມ່ນງາມ ແທ້, ງາມແທ້ງາມວ່າ, ສະອາດອີຫລີ, ເປື້ອນໂພດ, ເຢັນແທ້ ສະຫວ່າງຫລາຍ, ເປັນລະບຽບຮຽບຮ້ອຍດີ.

ທໍ່ກັບ, ສໍ່າກັບ, ເທົ່າກັບ, ກວ່າກັນ, ຄືກັນ, ສູງທໍ່ກັນ, ຍາວສໍ່າກັນ, ອາຍຸເທົ່າກັນ, ສູງກວ່າກັນ, ຍາວກວ່າກັນ, ແກ່ກວ່າກັນ, ກວ່າໝູ່, ດີກວ່າໝູ່, ແຊບກວ່າໝູ່, ທີ່ສຸດ, ດີທີ່ສຸດ, ງາມທີ່ສຸດ, ບໍ່ງາມ, ບໍ່ສູງງາມ, ບໍ່ສູງງາມປາມໃດ, ສະເໝີ, ຢູ່ສະ ເໝີ, ພ້າວ, ພ້າວຝັ່ງ, ພ້າວຫຍັງ, ພ້າວເດັດ, ພ້າວກ່ອນ, ພ້າວດີ, ພ້າວແດ່, ອື່ນ, ວັນອື່ນ, ຄົນອື່ນ, ເຮືອນຫລັງອື່ນ, ຫາງເສັ້ນອື່ນ, ອີກ, ອີກຈັກນີ້, ຈັກນີ້ອີກ, ເຮັດ ອີກ, ຮຽນອີກ, ໄປອີກ, ມີພັດລົມອີກສອງໜ່ວຍ, ທ້າຍ, ທ້າຍຫ້ອງ, ທ້າຍແຖວ, ທ້າຍປີ, ທ້າຍເດືອນ, ທ້າຍສຸດ, ຕັ້ງ, ຕັ້ງໂຕະ, ຕັ້ງແຖວ, ຕັ້ງ 5 ເດືອນ, ຕັ້ງ 8 ຄົນ, ທາ, ທາປູນ, ທາສີ, ທາປູນຂາວ, ທາສີດຳ, ທາສີຂຽວອ່ອນ, ຈັດ, ຈັດຕັ້ງ, ຈັດໂຕະ, ຈັດເປັນສອງແຖວ.

2. ລັກສະນະນາມ:

ນາມ + ຈຳນວນ + ລັກສະນະນາມ

ຄູ

ສອງ

ຄົນ

ປີນ

ສາມ

ຫົວ

ປາກກາ

ຊື່

ດ້າມ

ໂຕະ	ຫ້າ	ໜ່ວຍ
ປະຕູ	ສອງ	ອັນ
ລົດຍົນ	ສາມ	ຄັນ
ຮູບພາບ	ຫົກ	ແຜ່ນ
ໂຮງຮຽນ	ສອງ	ຫລັງ
ຫ້ອງຮຽນ	ສາມ	ຫ້ອງ
ບົດເຝິກຫັດ	ເຈັດ	ບົດ
ອ້າຍບ່າວ	ສາມ	ຄົນ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ຂ້ອຍ	ມີ	ປາກກາ	ສອງ	ດ້ານ
ເຝີນ		ສີ່ດຳ	ສາມ	ແທ່ງ
ເຂົ້າເຈົ້າ		ໂຕະ	ສອງ	ໜ່ວຍ
ພວກເຮົາ		ຕູ້	-	-
		ຕຽງ	-	-
		ຕະກຽງ	-	-
		ວິທະຍຸ	-	-
		ໂມງ	-	-
		ເຮືອນ	ໜຶ່ງ	ຫລັງ
		ເຂົ້າເຈົ້າ	-	-
		ຄວາຍ	ຫ້າ	ໂຕ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ຂ້ອຍ
ເຝິນ
ພວກເຮົາ

ມັກ
ເຫັນ

ປາກກາ

ດ້ານ

ນີ້
ນັ້ນ

ສໍດໍາ

ແທ່ງ

ສາຍຮັດ

ເລັບ-

ທາງ

ເລັບ -

ໝາກກ້ຽງ

ໝ່ວຍ

ໂຕະ

-

ຕູ້

-

ຕຽງ

-

ວິທະຍຸ

-

ໝວກ

-

ໂມງ

-

ງົວ

ໂຕ

ໄກ່

-

ໂສ້ງ

-

ເສື້ອ

-

ຜ້າ

ຜົນ

ນາ

໑

ຮູບພາບ

ແຜ່ນ

ກະດານ

-

ເຮືອນ

ຫລັງ

ລົດຖີບ

ຄັນ

ເຝີນ ຕັນ ປອງຍ້ຽມ ສອງ

ອັນ

ປະຕູ

-

ປີນ

-

ພັບ

-

ເສື້ອ

ຫ້າ

ໄກ່

ແຫລ້ງ (ຫົວ)

ຫົວ

ໂຕ

-

ຄຸນນານ

1.

ນາມ

+

ຄຸນນານ

ໂຕະ

ກິນ

ໝາກກ້ຽງ

ຫວານ

2.

ນາມ

+

ຄຸນນານ

+

ລັກສະນະນາມ

ໂຕະ

ກິນ

ສອງ

ໜ່ວຍ

ໝາກກ້ຽງ

ຫວານ

ຫ້າ

ໜ່ວຍ

3.

ນາມ

+

ຄຸນນານ

+

ລັກສະນະນາມ

+

ນິຍະນະສັບພະນາມ

ໂຕະ

ກິນ

ສອງ

ໜ່ວຍ

ນີ້

ໝາກກ້ຽງ

ຫວານ

ຫ້າ

ໜ່ວຍ

ນັ້ນ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ຂ້ອຍ ເຝີນ ພວກເຮົາ ພວກເຂົາເຈົ້າ	ມັກ ມີ ຊື່	ປາກກາ ໂຕະ ຕຽງ ສາດ ເຮືອນ ລົດຖີບ ໝາກກ້ຽງ	ສີແດງ ຈັດຕຸລັດ ກວ້າງ ໃໝ່ ໃຫຍ່ ເກົ່າ ສັ້ນ
--	---	---	---

ຂ.

ເຝີນ ເຂົາເຈົ້າ	ມີ ຊື່	ປາກກາ ໂຕະ ຕຽງ ສາດ ເຮືອນ ເຮືອ ລົດຖີບ ເສື້ອ	ສີແດງ ກົມ ເກົ່າ ໃຫຍ່ ໃໝ່ ຍາວ ດີ ງາມ	ສອງ ດ້ານ - ໜ່ວຍ - - ສາມ ຜົນ ຫນຶ່ງ ຫລັງ ສອງ ລຳ ຫນຶ່ງ ຄັນ ສາມ ໂຕ
--------------------------------------	------------------------------	---	---	--

ຄ. ສິນ

ປາກກາສີແດງ ສອງ ດ້າມ
ເຮືອນໃໝ່ ສອງ ຫລັງ
ເສື້ອ ເກົ່າ ສາມ ໂຕ
ເຮືອ ຍາວ ສອງ ລຳ
ປີ້ມ ຫມາ ສີ່ ຫົວ
ສາຍຮັດ ສັ້ນ ສອງ ເສັ້ນ
ຜ້າ ລາຍ ຜົນ

ນີ້
ນັ້ນ

ແມ່ນຂອງ

ຂ້ອຍ
ເພິ່ນ
ສະຫາຍຄຳ

4.

ນາມ + ລັກສະນະນາມ + ຄຸນນາມ + ນິຍະນະສັບພະນາມ

ເຮືອນ

ຫລັງ

ໃໝ່

ນັ້ນ

ຄູ

ຄົນ

ໃໝ່

ນີ້

ເສື້ອ

ໂຕ

ເກົ່າ

ນີ້

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແຫນ

ກ.

ເຮືອນ

ຫລັງໃໝ່

ນີ້

ແມ່ນຂອງ

ເພິ່ນ

ເສື້ອ

ໂຕ

ເກົ່າ

ນັ້ນ

ແມ່ນຂອງ

ເຂົາເຈົ້າ

ໄກ່

ໂຕ

ສີແດງໆ

-

ຂ້ອຍ

ເຮືອ

ລຳ

ຍາວ

-

ໂມງ	ໜ່ວຍ	ງາມ ໆ	ນີ້	ແມ່ນ	ຂອງ	ເຝີນ
ປີ້ນ	ເຫລັ້ມ	ໜາ ໆ	-	-	-	-
ກະດານ	ແຜ່ນ	ບາງ ໆ	-	-	-	-

ຂ.

ຂອບ ເຝີນ	ນັກ ເຫັນ	ໝາກກ້ຽງ	ໜ່ວຍ	ຫວານ ໆ	ນັ້ນ
		ປີ້ນ	ເຫລັ້ມ	ບາງ ໆ	ນີ້
		ເຮືອນ	ຫລັງ	ໃໝ່ ໆ	
		ເສື້ອ	ໂຕ	ງາມ ໆ	
		ຜ້າ	ຜືນ	ລາຍ ໆ	
		ລົດຈັກ	ຄັນ	ນ້ອຍ ໆ	
		ເຮືອ	ລຳ	ໃຫຍ່ ໆ	
		ເດັກນ້ອຍ	ຄົນ	ຕຸ້ຍ ໆ	

5. ນາມ + ລັກສະນະນາມ + ນິຍະນະສັບພະນາມ + ຄຸນນາມ

ໝາກກ້ຽງ	ໜ່ວຍ	ນີ້	ຫວານ
ເສື້ອ	ໂຕ	ນັ້ນ	ງາມ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ງົວ

ໂມງ

ໂສ້ງ
ເສື້ອ
ໂຕະ
ຕູ້

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ງົວ	ໂຕ
ໄກ່	ໂຕ
ໂສ້ງ	ໂຕ
ເສື້ອ	ໂຕ
ໂຕະ	ຫນ່ວຍ
ຕູ້	ຫນ່ວຍ
ໂມງ	ຫນ່ວຍ
ຫມາກກ້ຽງ	ຫນ່ວຍ

ນີ້
ນັ້ນ

ງາມ
ດີ
ແພງ
ຖືກ

ຂ.

ຂ້ອຍ
ເຝິນ

ເຫັນວ່າ

ງົວ	ໂຕນີ້
ໄກ່	-
ໂສ້ງ	-
ເສື້ອ	-
ໂມງ	ຫນ່ວຍນັ້ນ

ງາມ
ດີ
ແພງ
ຖືກ

ການປຽບທຽບຄຸນນາມ

1. ສິ່ງຖືກປຽບທຽບ + ຄຸນນາມ + ເທົ່າ, ທີ່, ສຳ + ສິ່ງສຳລັບປຽບທຽບ
ກວ່າ

ຂ້ອຍ	ສູງ	ເທົ່າ	ເຈົ້າ
ໂມງໜ່ວຍ	ດີ	ກວ່າ	ໂມງໜ່ວຍໃຫຍ່
ເສື້ອໂຕນີ້	ສັ້ນ	ກວ່າ	ເສື້ອຜົນນັ້ນ

2. ສິ່ງຖືກປຽບທຽບ + ຄຸນນາມ + ທີ່ສຸດ
ກວ່າໝູ່

ເຝີນ	ສູງ	ທີ່ສຸດ
ໂມງໜ່ວຍໃຫຍ່	ດີ	ກວ່າໝູ່
		ທີ່ສຸດ
		ດີກວ່າໝູ່

ບົດເລິກຫັດແບບປ່ຽນແທນ

ກ.

ຂ້ອຍ
ເຈົ້າ
ສະຫາຍ
ສາວນັ້ນ
ທ້າວນັ້ນ

ສູງ
ເຕັຍ
ຈ່ອຍ
ດ້ຍ
ເຖົ້າ
ໝຸ່ມ
ໝີກ
ເບົາ

ເທົ່າ, ທີ່, ສຳ
ກວ່າ

ເຈົ້າ
ຂ້ອຍ
ເຝີນ
ທ້າວນັ້ນ
ສາວນັ້ນ
ສະຫາຍນັ້ນ

ຂ. ເຈົ້າວ່າ ຫ້ອງນີ້ ກວ້າງ ເທົ່າ, ທໍ່, ສໍ່າ ຫ້ອງ ນັ້ນ ບໍ່
 ເຮືອນຫລັງນີ້ ໃຫຍ່ ກວ່າ ຫລືບ
 ໂມງຫນ່ວຍນີ້ ດີ
 ເຮືອລໍານີ້ ງາມ
 ໃຫມ່

ຄ. ຂ້ອຍວ່າ ມີດ ດວງນີ້

ເຂົ້າ
ງາມ
ດີ
ແພງ
ບາງ
ຫນາ
ສັ້ນ
ຍາວ

ທີ່ສຸດ
ກວ່າຫມູ່
ແທ້(ດີ)ວ່າ
ເອົາແທ້ເອົາວ່າ

ແບບປະໂຫຍກຄໍາຖາມໃຊ້ວະລີ “ເປັນແນວໃດ”

ສິ່ງຕ້ອງການ + ເປັນແນວໃດ?

ໂສ້ງໂຕນັ້ນ ເປັນແນວໃດ ? -ໂສ້ງໂຕນັ້ນງາມ
 ນັກຮຽນຄົນສູງນັ້ນ ເປັນແນວໃດ? -ເພິ່ນດີແທ້

ໄກ່ດຳສອງໂຕນັ້ນ ເປັນແນວໃດ? -ແຜງໂພດ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ຄວາຍ	ໂຕ	ນັ້ນ
ໂສ້ງ	ໂຕ	ນັ້ນ
ເສື້ອ	ໂຕ	ນັ້ນ
ມີດ	ດວງ	ນັ້ນ
ປືນ	ບອກ	ນັ້ນ
ຫ້ອງຮຽນ	ຫ້ອງ	ນັ້ນ
ນັກຮຽນ	ຄົນ	ນັ້ນ

ເປັນແນວໃດ?

ເປັນຄືແນວໃດ?

ເປັນຈັ່ງໃດ?

ເຈົ້າ
ສະຫາຍ

ເຫັນວ່າ

ປາກກາ ດ້າມ
ລົດຈັກ ຄັນ
ໂມງ ໜ່ວຍ
ຮູບພາບແຜ່ນ
ນາຜີນ

ນີ້
ນັ້ນ

ເປັນແນວໃດ?
ເປັນຈັ່ງໃດ?
ເປັນຄືແນວໃດ?

ດີ
ງາມ
ແຜງ
ຖືກ
ຈົບ
ຂີ້ຮ້າຍ

ບໍ່ຊ່ວຍ

ຄ. ເຈົ້າ ສະຫາຍ	ເຫັນວ່າ	ຫ້ອງຮຽນ ເຮືອນ ເຮືອ ລົດຍົນ	ຫ້ອງ ຫລັງ ລຳ ຄັນ	ໃດ	ດີ ກວ້າງ ໃຫຍ່ ງາມ	ທີ່ສຸດ ກວ່າຫມູ່ ໂພດ ຫລາຍ ອີຫລີ
-------------------	---------	------------------------------------	---------------------------	----	----------------------------	--

ງ. ໂທ!	ຫມາກກ້ຽງ ຫ້ອງຮຽນ ເສື້ອ ຄວາຍ ມີດ ລົດ	ຫມ່ວຍ ຫ້ອງ ໂຕ ໂຕ ດວງ ຄັນ	ມີ ຈັງແມ່ນ	ຫວານ ສະອາດ ງາມ ຟີ ເຂົ້າ ໃຫມ່	ແທ້ບໍ່	ບໍ່
--------	--	---	------------	---	--------	-----

ຈ. ຮ້ວາຍ!	ເຮືອນ ບົດຮຽນ ງົວ ໂສ້ງ ຮູບພາບ ນາ	ຫລັງ ບົດ ໂຕ ໂຕ ແຜ່ນ ຟີນ	ມີສັງມາ	ຕ່ຳ ຍາວ ຈ່ອຍ ເບື້ອນ ຂີ້ຮ້າຍ ແຫ້ງ	ແທ້ຫຼື!
-----------	--	--	---------	---	---------

ສ.	ປອງຍ້ຽມ	ອັນ	ນີ້	ບໍ່	ໃຫຍ່	ປານໃດ?
	ປະຕູ	-	ນັ້ນ	ບໍ່ສູງ	ຍາວ	
	ສີດໍາ	ແທ້ໆ			ໃໝ່	
	ທາງ	ເສັ້ນ			ສະອາດ	
	ສາຍຮັດ	-			ງາມ	
	ເຊືອກ	-				

ຊ.	ຫ້ອງຮຽນ	ສອງ	ຫ້ອງ	ນີ້	ໃຫຍ່	ສຳກັນ
	ເຮືອນ	ສາມ	ຫລັງ	ນັ້ນ	ກວ້າງ	ທ່ຽວ
	ປະຕູ	ສອງ	ອັນ		ຍາວ	ເທົ່າກັນ
	ປອງຍ້ຽມ	ສອງ	ອັນ		ສູງ	

ຍ.	ລົດຖີບ	ສອງ	ຄັນ	ນີ້	ຄັນ	ໃດ	ງາມ	ກວ່າ?
	ລົດຈັກ	-	-	ນັ້ນ	-		ດີ	
	ລົດຍົນ	-	-		-		ແພງ	
	ເຮືອ	ສອງ	ລຳ		ລຳ		ຖືກ	
	ຫນ້າກັງ	ສອງ	ຫນ່ວຍ		ຫນ່ວຍ		ຫນັກ	

ດ.	ຫ້ອງຮຽນ	ສາມ	ຫ້ອງ	ນີ້	ຫ້ອງ	ໃດ	ກວ້າງ	ທີ່ສຸດ
	ໂຕະ	-	ໜ່ວຍ	ນັ້ນ	ໜ່ວຍ		ໃຫຍ່	ກວ່າໜູ່
	ເສື້ອ	-	ໂຕ		ໂຕ		ງາມ	
	ເດັກນ້ອຍ	-	ຄົນ		ຄົນ		ຕຸ້ຍ	
					(ໃຜ)			

ຕ.	ຂ້ອຍ	ມັກ	ເສື້ອ	ໂຕນີ້	ກວ່າ	ໂຕນັ້ນ
	ເພີ່ນ		ໂສ້ງ			
			ໄກ່			

6. ບົດອ່ານຜົ້ນຖານ

ຫ້ອງຮຽນຂອງພວກເຮົາ

ຫ້ອງຮຽນຂອງພວກເຮົາບໍ່ສັກວ້າງປານໃດ ແຕ່ວ່າເຢັນ ສະອາດ ແລະ ສະຫວ່າງ.

ຫ້ອງຮຽນນີ້ມີປະຕູສອງອັນ ແລະ ປ່ອງຍ້ຽມຕັ້ງສີ່ອັນ, ຝາຫ້ອງທາງຝັ່ງສີຂຽວອ່ອນ, ສ່ວນເພດານ ທາງສີຂາວ, ບົນເພດານຕິດດອກໄຟ ຫົກດອກ ແລະ ພັດລົມອີກສອງໜ່ວຍ. ໂຕະ ຄູ່ຕັ້ງຢູ່ໜ້າຫ້ອງແຄມປ່ອງຍ້ຽມ, ເໝືອກະດານດຳ ແມ່ນຮູບລຸງໂຮ່. ໂຕະນັກຮຽນຈັດເປັນສອງແຖວ, ແຖວລະສິບໜ່ວຍ, ໜ່ວຍໜຶ່ງນັ່ງ

ໄດ້ສອງຄົນ, ຢູ່ແຈ້ງກະຕາໃສ່ຂີ້ຟອຍ ແລະ ໄມ້ກວາດ.

ພວກເຮົາໝັ້ນເຮັດອະນາໄມຫ້ອງຮຽນ ເພື່ອເຮັດໃຫ້ຫ້ອງເຮົາສະອາດຢູ່ສະເໝີ. ເພິ່ນວ່າຫ້ອງຮຽນຂອງພວກເຮົາບໍ່ໃຫຍ່ກວ່າຫ້ອງອື່ນແຕ່ວ່າແມ່ນຫ້ອງສະອາດທີ່ສຸດ ແລະ ເປັນລະບຽບຮຽບຮ້ອຍກວ່າໝູ່.

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ຫ້ອງຮຽນ

lớp học

ຂອງ

của

ພວກ

chúng

ເຮົາ

tôi

ບໍ່

không

ກວ້າງ

rộng

ປານໃດ

bao nhiêu, là bao

ແຕ່, ແຕ່ວ່າ

nhưng

ເຢັນ

mát

ສະອາດ

sạch sẽ

ສະຫວ່າງ

sáng sủa

ປະຕູ

cửa (ra vào)

ປ້ອງຢ້ຽມ

cửa sổ

ຟາ

tường, vách

ທາ

quét (vôi)

ປູນ	(ໂປໂ ປູນ) ປູນ	vôi
ສີ	ເສັ້ນ	mẫu
ຂຽວອ່ອນ	(ຂຽວ ອ່ອນ) ຂຽວ	xanh nhạt
ສ່ວນ	ສ່ວນ	còn, còn về
ເຜດານ	ເຜດານ	trần
ຂາວ	(ຂາວ ຂາວ) ຂາວ	trắng
ຕິດ	ຕິດ	gắn, treo, dính
ດອກໄຟ	ດອກໄຟ	đèn điện
ຝັດລົມ	ຝັດລົມ	quạt trần, quạt điện
ໂຕະ	ໂຕະ	bàn
ຊູ	ຊູ	thầy giáo, giáo viên
ຕັ້ງ	ຕັ້ງ	đặt, kê
ຢູ່	ຢູ່	ở
ຫນ້າ	ຫນ້າ	trước (trước sau)
ແຄມ	ແຄມ	bên cạnh, mé, ven
ເໜືອ	ເໜືອ	trên, bắc (phía)
ກະດານ	ກະດານ	bảng (viết)
ດຳ	ດຳ	đen (màu)
ຮູບ	ຮູບ	ảnh, hình
ລູງ	ລູງ	bác
ນັກຮຽນ	ນັກຮຽນ	học sinh
ຈັດ	ຈັດ	xếp sắp
ເປັນ	ເປັນ	thành, trở nên

ແຖວ	hàng (hàng lối)
ລະ	mỗi
ຫນ່ວຍ	chiếc (bàn, ghế); quả (núi)
ນັ່ງ	ngồi
ຄົນ	người
ແຈ	góc (nhà, phòng)
ກະຕາ	sọt, bồ nhỏ
ໃສ່	đựng, để, vào
ຂີ້ຝອຍ	rác rưởi
ໄມ້ກວາດ	chổi, rế
ຫນັ່ນ	cần cù, chăm chỉ
ເຜື່ອ	để; vì
ສະເໝີ	luôn luôn, đều đặn
ເພິ່ນ	người ta, họ
ໃຫຍ່	to
ຫຼີ່ສຸດ	rất

ບົດສົນທະນາ

- ທິ: ໂທ! ຫ້ອງຮຽນຂອງໃຜສັງມາເບື້ອນແທ້ຍັງບື້!
- ເທ: ຮວ້າຍ! ບໍ່ທັນເຮັດອະນາໄມ ມັນຊິສະອາດໄດ້ບໍ່?
- ທິ: ໂອ! ໂທດເດີ! ແຕ່ວ່າເບິ່ງກໍເປັນລະບຽບຮຽບຮ້ອຍເຕີບເຕ!
- ຫ້ອງຮຽນເຈົ້າຊັ້ນຫວະ?

ເທ: ແມ່ນແທ້.

ທິ: ຫ້ອງເຈົ້າມີນັກຮຽນຈັກຄົນ? ສັງມາມີໂຕະຫລາຍແທ້?

ເທ: ມີຫລາຍກວ່າຫ້ອງເຈົ້າຈັກໂຕ?

ທິ: ພ້າວເດີ້, ນັບເບິ່ງກ່ອນ ໝື່ອງ, ສອງ, ສາມ...

ເອີ! ມີບໍ່ຫລາຍກວ່າຫ້ອງຂ້ອຍດອກ ສຳກັນຫັນແຫລະ,

ແຕ່ວ່າເປັນຫຍັງເບິ່ງຄືຈັ່ງຫລາຍກວ່າບໍ່?

ເທ: ກໍ່ຫ້ອງນີ້ແຄບກວ່າຫ້ອງເຈົ້າມັນເດັ!

ທິ: ເອີບໍ່.

ວົງກຸ່ມ

1. ຈົ່ງໃຊ້ສັບ ແລະ ວະລິຕ໌ໄປມີແຕ່ງປະໂຫຍກໃຫ້ເໝາະສົມ(ຄຳລະ 3 ປະໂຫຍກ).

ດ້ານ, ເສັ້ນ, ໜ່ວຍ, ໂຕ, ອັນ, ຜົນ, ຄັນ, ດອງ, ຫົວ

ບອກ, ຫລັງ, ກວ່າ, ທີ່ສຸດ, ກວ່າໜູ່, ແທ້...ວ່າ, ເອົາແທ້ເອົາວ່າ

ອີຫລີ, ແທ້ບໍ່, ແທ້ເດ, ບໍ່ສູງ, ປານໃດ, ເປັນຈັ່ງໃດ, ເປັນຄືແນວໃດ

ເປັນແນວໃດ, ໃດ.

2. ຈົ່ງຈັດລະບຽບຂອງຄຳໃນປະໂຫຍກໃຫ້ຖືກ

- ບອກປຶ້ມນີ້ແທ້ດີ

- ສອງໂຕເສືອນນັ້ນລາຍງາມ

- ເຜີນນັກໜ່ວຍໂມງງາມນັ້ນກວ່າໜ່ວຍນີ້

- ໂມງຂອງເຈົ້າແລ່ນໂພດຊ້າ

3. ຈົງປຽນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ຕາມຕົວຢ່າງ:

ຂ້ອຍມັກໝາກກ້ຽງຫວານ ຂ້ອຍມັກໝາກກ້ຽງໜ່ວຍຫວານຜູ້ນ!

-ຂ້ອຍມັກເສື້ອສີແດງ

-ເຝີນມັກໂສ້ງຍາວ

-ເຮົາຢູ່ເຮືອນກວ້າງ

-ເຂົາເຈົ້າຊື່ມິດໃຫຍ່

-ຂ້ອຍເຫັນງົວຈ່ອຍ

4. ຈົງອ່ານບົດອ່ານຟື້ນຖານໃຫ້ຄ່ອງແລ້ວເລົ່າເຖິງຫ້ອງຮຽນຂອງຕົນ

5. ຈົງຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

-ເຈົ້າມັກປາກກາເປັນແນວໃດ?

-ເຈົ້າມັກປາກກາດ້ານໃດ?

-ຫ້ອງຮຽນເຈົ້າເປັນຄືຈັ່ງໃດ?

-ເຈົ້າເຫັນວ່າບົດຮຽນບົດນີ້ຍາກບໍ່?

-ເຈົ້າມີນ້ອງບໍ່? ລາວເປັນຄົນແນວໃດ?

6. ຈົງແຕ່ງຄໍາຖາມ ແລະ ຄໍາຕອບກ່ຽວກັບຫ້ອງຮຽນໂດຍໝູນໃຊ້ແບບປະໂຫຍກບົດຮຽນນີ້.

ບົດທີ 5

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ
2. ແບບປະໂຫຍກວະລິບອກສະຖານທີ່ + { ມີ + ຄຳຕົວຕັ້ງ
ແມ່ນ
3. ວິທີໃຊ້ສັບ: ບັນດາ, ພວກ, ຊຸມ, ເຫລົ່ານັ້ນ, ເຫລົ່ານີ້,
ທັງຫລາຍ, ທັງໝົດ, ທັງນວນ
4. ວິທີໃຊ້ສັບ: “ຂອງ, ແຫ່ງ”
5. ຄວາມໝາຍຂອງຄຳຊ້າ
6. ວະລິຂະຫຍາຍຄຳກຳມະແບບ: ຢ່າງ + ຄຸນນາມ
ເປັນຢ່າງ + ຄຸນນາມ
7. ບົດອ່ານຜົນຖານ: ໂຮງຮຽນນະຫາວິທະຍາໄລຂອງພວກເຮົາ

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລິຕ໌ໄປນີ້:

ຝັກ, ໝາ, ແຂກ, ໝໍ້, ຈອງ, ບວງ, ຖ້ວຍ, ຈານ, ພິມ, ຊາດ, ແຖວ, ແມັດ,

ຢ້ານ, ອິດ, ວ່າງ, ແກ່ງ, ນຶກແດງ, ນຶກຂຽວ, ຂວດນຶກ, ໝໍ້ເຂົ້າ, ໝໍ້ຫຸ່ງເຂົ້າ, ຝົນເສື້ອງ, ຝົນຂ່າວ, ຝົນເອກະສານ, ຝົນຫວຽດນາມ, ຝົນລັດເຊຍ, ແມັດມົນທົນ, ແມັດກ້ອນ, ດິນຈີ່, ດິນເຜົາ, ເຮືອນກໍ່ດິນຈີ່, ກະເປົ້າ, ກະເປົ້າເດີນທາງ, ກະເປົ້ານັກຮຽນ, ກະເປົ້າເອກະສານ, ອາຄານບ້ານຊ່ອງ, ເຮືອນຊານບ້ານຊ່ອງ, ໂຮງຮຽນ, ໂຮງໝໍ, ໂຮງຈັກ, ໂຮງລະຄອນ, ໂຮງລິເກ, ໂຮງສາຍຮູບເງົາ, ເດີ່ນກິລາ, ເດີ່ນບິນ, ເດີ່ນຍົນ, ລົດຍົນ, ລົດໄຟ, ລົດຈັກ, ລົດຖີບ, ລົດລາງ, ຖະໜົນທົນທາງ, ກົກໄມ້, ກົກໄມ້ໃບຂຽວ, ກົກໄມ້ກົກຕອກ, ກະທະ, ເຕົາໄຟ, ເຕົາໄຟຟ້າ, ປະທານຸກົມ, ປະທານຸກົມລາວ-ຫວຽດ, ສາລະພັດ, ນາກມາຍກ່າຍກອງຢ່າງຫລວງຫລາຍ, ຢ່າງຄົບຖ້ວນ, ຢ່າງຍິ່ງ, ເປັນຢ່າງຍິ່ງ, ຕັ້ງໃຈ, ເອົາໃຈໃສ່, ບັນດາ, ເຫລົ່ານັ້ນ, ເຫລົ່ານີ້, ທັງຫລາຍ, ທັງຫມົດ, ທັງມວນ, ບົດຮຽນ, ບົດກວດກາ, ບົດເຝິກຫັດ, ນັບຖື, ເຄົາລົບ, ເຄົາລົບທຸງຊາດ, ການປະຕິວັດ, ກ່ຽວກັບການປະຕິວັດ, ວັນນະຄະດີ, ວັນນະສິນ, ສິນລະປະ, ເຄື່ອນໄຫວສິນລະປະ, ສະໂມສອນ, ສະໂມສອນທະຫານ, ສະໂມສອນຊາວໜຸ່ມ, ປະຊຸມ, ກອງປະຊຸມ, ກອງປະຊຸມໃຫຍ່, ໂຮມຊຸມນຸມມິດຕິງ, ເບີກບານມ່ວນຊື່ນ, ວາດຊົງພິງງາມ, ໄມ້ໄຜ່, ອຸປະກອນ, ອຸປະກອນການສອນ, ອຸປະກອນການຮຽນ, ຍືນຍົງ, ໝັ້ນຍືນ, ຍືນນານ, ພາລະກິດ, ພາລະກອນ, ພາລະກຳ, ຕະຫລອດ, ຕະຫລອດໄປ, ຕະຫລອດການ, ຕະຫລອດຊີວິດ, ສ່ວນລວມ, ສັງລວມ, ຄົ້ນຄວ້າ, ເວົ້າລວມ, ຄົ້ນຄວ້າ, ຄົ້ນຄວ້າບົດຮຽນ, ຂະແໜງ, ຂະແໜງການ, ຂະແໜງພາສາລາວ, ຂະແໜງພາສາຈີນ, ຂະແໜງພາສາລັດເຊຍ, ພະແນກ, ພະແນກຄຸ້ມຄອງການສອນ, ພະແນກການເງິນ ແລະ ບັນຊີ, ພະແນກການຈັດຕັ້ງ, ສະຫວ່າງສະໄຫວ, ສະອາດສະອາງ, ສະດວກສະບາຍ, ຂົງເຂດ, ຂົງເຂດທຳຝັກ, ຂົງເຂດສະໂມສອນ, ຂົງເຂດເຮືອນກິນ, ອ້ອມແອ້ມ, ອ້ອມຂ້າງ.

2. ແບບປະໂຫຍກແບບ

ວະລີບອກສະຖານທີ່ + ມີ + ຄຳຕົວຕັ້ງ
ແມ່ນ

ໃນເຮືອນ ມີ ແຂກສອງຄົນ
ເໝືອກະດານ ແມ່ນ ຮູບລູງໂຮ່

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ. ເທິງໜ້າໂຕະ ມີ

ປື້ມ	ຫລາຍ	ເຫລັ້ມ
ສໍດຳ	2	ແທ່ງ
ປາກກາ		ດ້ານໜຶ່ງ
ກະເປົ້າ		ໜ່ວຍໜຶ່ງ
ມີດ		ດວງໜຶ່ງ
ມືກ		ສອງຂວດ

ຂ. ໃນເຮືອນ ມີ

ແຂກສອງຄົນ
ຄູ ແລະ ນັກຮຽນ
ທະຫານຫລາຍຄົນ
ພະນັກງານ ແລະ ພະລາກອນ
ທັງແມ່ຍິງ ແລະ ຜູ້ຊາຍ
ນາງສາວ ແລະ ອ້າຍບ່າວ

ຄ.

ໃນເມືອງ ຢູ່ໃນກາງເມືອງ	ມີ	ລົດລາງຢ່າງຫລວງຫລາຍ ອາຄານບ້ານຊ່ອງໃຫຍ່ໂຕ ໂຮງຮຽນ, ໂຮງໝໍຫລາຍ ຖະໜົນຫົນທາງກວ້າງຂວາງ ຜູ້ຄົນຢ່າງຫລວງຫລາຍ
--------------------------	----	--

ງ.

ເບື້ອງຊ້າຍ ເບື້ອງຂວາ ຫນ້າບ້ານ ຫລັງບ້ານ ເບື້ອງຕາເວັນອອກ ເບື້ອງຕາເວັນຕົກ ເບື້ອງໃຕ້ ເບື້ອງເໜືອ	ແມ່ນ	ຂົງເຂດຫໍຝັກ ຂົງເຂດເຮືອນກິນ ເດີນກິລາ
--	------	---

ຈ. ອ້ອມແອ້ມ

ເຮືອນ ຫ້ອງຮຽນ ຫໍຝັກ ຫໍສະໜຸດ ກຳແພງນະຄອນ	ມີ	ກົກໄມ້ກົກຕອກ ກົກໄມ້ໃບຂຽວ
--	----	-----------------------------

ສ.

ກ້ອງ

ຕະລ່າງ

ມີ

ໄກ່ຫາຍໂຕ

໗໒໑

ໃຕ້

ລຸ່ມ

ຄົກຕຳເຂົ້າ ໜ່ວຍໜຶ່ງ

ເດັກນ້ອຍສອງຄົນ

ໝາໂຕໜຶ່ງ

ລົດຖີບຄັນໜຶ່ງ

ຊ. ນອກ

ປະຕູ

ເຮືອນ

ຫ້ອງຮຽນ

ມີ

ນັກຮຽນຫລາຍຄົນພວມໂລມກັນ

ລົດໂອໂຕຄັນໃຫຍ່ຈອດຢູ່

ອ້າຍບ່າວນຶ່ງອ່ານໜັງສື

ຍ. ຢູ່ໃນຫ້ອງຄົວ ມີ

ໝໍ້ທູງເຂົ້າຫລາຍໜ່ວຍ, ຈອງສອງກ້ານ

ບ່ວງນັບເປັນຮ້ອຍໆກ້ານ

ເຕົາໄຟອັນໜຶ່ງ

ກະທະໜ່ວຍປັກໃຫຍ່ສອງໜ່ວຍ

ຖ້ວຍຈານບໍ່ຈັກທໍ່ໃດໃບ

ດ.

ເທິງຫນ້າໂຕະ

ໃນຫ້ອງ

ໃບນີ້

ນອກໂຮງຮຽນ

ເບື້ອງຫນ້າເຮືອນ

ນອກກໍາແພງເມືອງ

ເບື້ອງຕາເວັນຕົກ

ມີ

ປະທານຸກົມ

ຄົນ

ໃຜ

ທັງນາ

ສວນດອກໄມ້

ໂຮງຈັກ

ເຮືອນ

ຫລື, ບໍ່
ຊັ້ນຫວະ

ຊ

ອີ, ມີ

ຮື, ບໍ່ມີ

ຄືຊື່ມີຕີ

ຢ້ານບໍ່ດອກ

ສ.

ຢູ່ໃນ

ຮ້ານຄ້າມີ

ຕະຫລາດ

ເມືອງ

ຮ້ານອາຫານ

ຮ້ານກິນດື່ມ

ຫຍັງ

ຂາຍແດ່?

ໂອຍ !

ມີສາລະພັດຢ່າງ

ຖ. ຢູ່ໃນ

ຫໍສະໝຸດ

ໂຮງຮຽນ

ຮ້ານ

ສະໂມສອນ

ມີ

ປື້ມ

ປະທານຸກົມ

ຈັກ

ທໍ່ໃດ

ເຫລົ່ານີ້ ຊ

ໂອຍ ! ມີນາກ

ນາຍກ່າຍກອງ

ທ.

ຢູ່ໃນ

ຮ້ານຄ້າ
ຕະຫລາດ
ເມືອງ

ມີ

ມີດ
ປື້ມ
ລົດຖີບ
ເສື້ອ
ໂສ້ງ

ຂາຍບໍ່? ໂອຍ!

ບໍ່ອິດດອກ!
ຊີອິດຫຍັງນັ້ນ

ນ.

ຢູ່ໃສ
ບ່ອນໃດ

ມີ

ປື້ມ
ປະທານຸກົມ
ເສື້ອຝົນ
ໂສ້ງຍືນ
ບີກ

ຂາຍນັ້ນ? ຢູ່ຮ້ານໃນເມືອງພຸ່ນແລ້ວ

ບ.

ເປື້ອງ

ຂວາ
ຊ້າຍ
ຕາເວັນອອກ
ຕາເວັນຕົກ
ໜ້າ
ຫລັງ

ແມ່ນ

ເຮືອນ
ບ່ອນເຮັດວຽກ
ຫ້ອງຮຽນ
ບ້ານ

ໃຜ?
ຊັ້ນຫວະ
ຊັ້ນບໍ່?

ປ.

ຢູ່ເບື້ອງ

ຂວາ
ຊ້າຍ
ຕະເວັນອອກ
ຕະເວັນຕົກ
ໜ້າ
ຫລັງ

ແມ່ນ ອີຫຍັງກໍ່? ແມ່ນເຮືອນລະບໍ່!

3. ວິທີໃຊ້ສັບ: ບັນດາ, ພວກ, ຊຸມ, ເຫລົ່ານັ້ນ, ເຫລົ່ານີ້, ທັງຫລາຍ, ທັງຫມົດ, ທັງນວນ

ກ.

ບັນດາ ພວກ ຊຸມ	+ ຄຳນາມ
ບັນດາ ພວກ ຊຸມ	ນັກຮຽນ ຊາຍໜຸ່ມ ເດັກນ້ອຍ

ຂ.

ພວກ ຊຸມ	+ ຄຳແທນນາມ
ພວກ ຊຸມ	ຂ້າພະເຈົ້າ ຂ້ອຍ

ຄ.

ຄໍານາມ	+	ເຫລົ່ານີ້
ຄໍາແທນນາມ	+	ເຫລົ່ານັ້ນ
		ທັງຫລາຍ
		ທັງໝົດ
		ທັງມວນ
ນັກສຶກສາ		ເຫລົ່ານີ້
ນັກຮຽນ		ເຫລົ່ານັ້ນ
ເຂົາ		ທັງຫລາຍ
ເຮົາ		ທັງໝົດ
		ທັງມວນ

ງ.

ບັນດາ	+	ຄໍານາມ	+	ເຫລົ່ານີ້
ພວກ				ເຫລົ່ານັ້ນ
ຊຸມ				ທັງຫລາຍ
				ທັງໝົດ
ບັນດາ		ຫ້ອງຮຽນ		ເຫລົ່ານີ້
ພວກ		ນັກຮຽນ		ເຫລົ່ານັ້ນ
ຊຸມ		ເດັກນ້ອຍ		ທັງໝົດ

ຈ.

ພວກ ຊຸມ	+	ຄຳແທນນາມ	+	ເຫລົ່ານີ້ ເຫລົ່ານັ້ນ ທັງຫລາຍ ທັງໝົດ
ພວກ ຊຸມ		ເຂົາ ເຮົາ		ເຫລົ່ານີ້ ທັງໝົດ

ໝາຍເຫດ:

ກ. "ບັນດາ" ໃຊ້ປະກອບຄຳນາມຊື່ຄົນ, ສັດ, ສິ່ງຂອງ ເຊັ່ນ:

ບັນດານັກຮຽນ, ບັນດາໂຕຊ້າງ, ບັນດາຫ້ອງຮຽນ

"ຊຸມ" ໃຊ້ປະກອບຄຳນາມຊື່ຄົນ ແລະ ສິ່ງຂອງ ເຊັ່ນ:

ຊຸມເດັກນ້ອຍ, ຊຸມປີ.

"ພວກ" ໃຊ້ປະກອບຄຳນາມຊື່ ຄົນເທົ່ານັ້ນ ເຊັ່ນ:

ພວກນັກຮຽນ

ຂ. ບັນດາບໍ່ປະກອບຄຳແທນນາມ:

ຕົວຢ່າງ:

ບັນດາເຂົາເຈົ້າ (ຜິດ)

ພວກເຂົາເຈົ້າ (ຖືກ)

ຄ. "ຊຸມ" ໃຊ້ກັບຄຳວົງເຄີຍ ຫລືຜູ້ນ້ອຍກວ່າ ເຊັ່ນ: ຊຸມຂ້ອຍ, ຊຸມເດັກນ້ອຍ.

ງ. "ບັນດາ" ຊື່ບອກຈຳນວນຫລາຍຂອງຍອດຈຳນວນ
ທັງຫລາຍ, ທັງຫມົດ, ທັງນວນ ຊື່ບອກຍອດຈຳນວນ

ບົດເຝິກຫັກແບບປຸງແທນ

ກ.

ບັນດາ
ພວກ
ຊຸມ

ນັກສຶກສາ
ນັກຮຽນ

ພວມ

ກິນເຂົ້າງາຍ
ເຮັດບົດກວດກາ
ອອກແຮງງານ
ແຕ່ງກິນ
ຫັດກາຍບໍລິຫານ
ຫລິ້ນກິລາ
ທ່ອງບົດຮຽນ

ຂ.

ນັກສຶກສາ
ນັກຮຽນ

ເຫລົ່ານັ້ນ
ເຫລົ່ານີ້

ພວມ

ອ່ານວາລະສານ
ເຂົ້າແຖວ
ເຄົາລົບທຸງຊາດ
ເຄື່ອນໄຫວສິລະປະ

ຄ. ຮ້ານຂາຍປື້ມທັງຫລາຍ ພວມຂາຍບັນດາ

-ປະທານຸກົມລາວ-ຫວຽດ
-ຕຳລາຮຽນພາສາລາວ
-ປື້ມກ່ຽວກັບການປະຕິວັດເດືອນສິງຫາ
-ປື້ມວັນນະຄະດີຊັ້ນອຸດົມ

ງ. ນີ້ນີ້ໂຮງສາຍຮູບເງົາທັງຫລາຍ ພວມສາຍບັນດາ

ຝົນຫວຽດນາມ

ຝົນລັດເຊຍ

ຝົນຂ່າວ

ຝົນເອກະສານ

ຝົນເລື່ອງ

ຈ.

ເຊົ້ານີ້

ນັກສຶກສາ

ນັກຮຽນ

ພະນັກງານ

ພະລາກອນ

ທັງຫລາຍ

ທັງຫມົດ

ທັງນວນ

ລ້ວນແຕ່ນຸ່ງບັນດາໂສ້ງເສື້ອໃໝ່

ສ.

ນັກສຶກສາ

ນັກຮຽນ

ພະນັກງານ

ພະລາກອນ

ພວກເຂົາ

ເຫລົ່ານີ້

ເຫລົ່ານັ້ນ

ຈະໄປ

ໂຮງຊຸມນຸມມິດຕິງ

ຫລັ້ນບຸນ

ກິນລ້ຽງ

ຊ.

ພວກເຂົາ
ພວກເຮົາ
ຂຸນຂ້ອຍ

ທັງໝົດ

ລ້ວນແຕ່ເປັນ

ຄົນຫວຽດ
ນັກສຶກສາ
ກຳມະກອນ
ພະລາກອນ
ຊາວໜຸ່ມ

ຍ.

ບັນດາ
ພວກ
ຂຸນ

ຜູ້ຄົນ
ບາວສາວ
ເດັກນ້ອຍ

ເຫລົ່ານີ້
ເຫລົ່ານັ້ນ

ລ້ວນແຕ່ເປັນບານມ່ວນຊື່ນ

ດ.

ມື້ອື່ນເຊົ້າ

ຂ້ອຍ
ເຝົ້າ
ລາວ

ຊິ

ອ່ານ
ທົບທວນ
ຈິດ
ທ່ອງ
ອະທິບາຍ

ແຕ່ ບັນດາບົດຮຽນເກົ່າ ທ່ານ

ທ່ານຈຳໜ່າຍ

4. ວິທີໃຊ້ສັບ"ຂອງ" ແລະ "ແຫ່ງ"

ກ.

ຄຳນາມ	+ ຂອງ	+ ຄຳນາມ ຄຳແທນນາມ	ຄຳນາມ	ຄຳນາມ ຄຳແທນນາມ
ປີ້ນ	ຂອງ	ຄູ	ປີ້ນ	ຄູ
ພວກເຜື່ອນ	ຂອງ	ຂ້າພະເຈົ້າ	ພວກເຜື່ອນ	ຂ້າພະເຈົ້າ

ຂ.

ຄຳນາມ	+	ບົດຂະຫຍາຍນາມ	+ ຂອງ	ຄຳນາມ
ອາການລະນາມ		(ນາມຜັນຈາກ ກິລາຍາ ຫລື ຄຸນນາມ)		ຄຳແທນນາມ
ພວກເຜື່ອນ		ທີ່ຮັກແພງ	ຂອງ	ຂ້າພະເຈົ້າ
ປີ້ນ		ເຫລັ້ມໃໝ່	ຂອງ	ຄູ
ການ		ຮຳຮຽນ	ຂອງ	ພໍ່ແມ່
ວາດຊົງ		ພົງຢາມ	ຂອງ	ໄມ້ໄຜ່

ຄ.

ຄຳນາມ	+	ແຫ່ງ	+	ຄຳນາມ
ວິທະຍຸ		ແຫ່ງ		ຊາດ
ນະຫາວິທະຍາໄລ		ແຫ່ງ		ກອງທັບ
ຫໍສະໝຸດ		ແຫ່ງ		ຊາດ
ຫໍຜິວິທະພັນ		ແຫ່ງ		ນະຄອນຫລວງ

-ໃນວະລີ(ກ) ອາດຈະລະ"ຂອງ" ໄດ້ວ່າມີບົດຂະຫຍາຍຄຳນາມທຳອິດ ຫລື ຄຳນາມ
ທຳອິດແມ່ນ ອາການລະນາມ

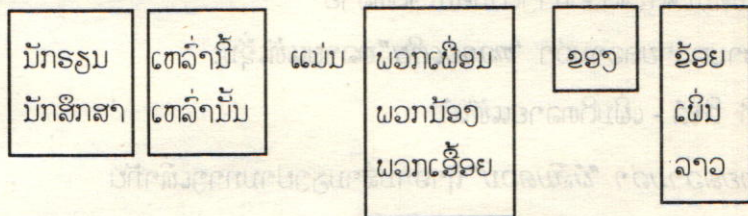
(ຄຳນາມຜັນມາຈາກຄຳກິລິຍາ ຫລື ຄຸນນາມ)

- "ຂອງ" ມີຄວາມໝາຍຫນັກໄປທາງ "ກຳມະສິດ"

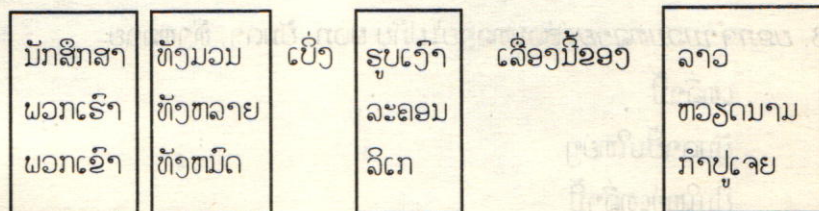
ສ່ວນ"ແຫ່ງ" ມີຄວາມໝາຍຫນັກໄປທາງ "ລັກສະນະຫລືຂຶ້ນຕໍ່ຂຶ້ນກັບ"

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.



ຂ.



ຄ.

ນີ້ແມ່ນ

ວິທະຍຸ

ທໍລະຫມູດ

ທໍລະທັດພັນ

ນະຫາວິທະຍາໄລ

ແຫ່ງ

ຊາດ

ກອງທັບ

ການປະຕິວັດ

5. ຄວາມໝາຍຂອງຄຳຊື່

ກ. ຄຳຊື່ຄຸນນາມ

1. ໝາຍຄວາມວ່າ “ຫລາຍ” ຖ້າອ່ານສຳນຽງຈາກສູງຫາຕໍ່າ ເຊັ່ນ:

ເພິ່ນເປັນຄົນດີ ດີ - ເພິ່ນເປັນຄົນດີຫລາຍ

ນາງເປັນຄົນໃຈດີໃຈດີ - ນາງເປັນຄົນໃຈດີຫລາຍ

ຖ້າຊື່ສາມໝາຍຄວາມວ່າ “ຫລາຍເດີບ” ຫລາຍແທ້ເຊັ່ນ:

ເພິ່ນດີ ດີ ດີໄດ້ - ເພິ່ນດີຫລາຍແທ້ໄດ້

2. ໝາຍຄວາມວ່າ “ພິສິດຄວນ” ຖ້າອ່ານສຳນຽງປານກາງເທົ່າກັບ

ຂ້ອຍນັກປາໂຕໃຫຍ່ໆ

ເພິ່ນນິຍົມເຫລັ້ມໝາໆ

3. ບອກຈຳນວນຫລາຍ: ສ່ວນຫລາຍໄປກັບ ພວກ, ບັນດາ, ທັງຫລາຍ

ເຫລົ່ານີ້

ບັນດາບ້ານໃຫຍ່ໆ

ບ້ານໃຫຍ່ເຫລົ່ານີ້

ພວກນັກສຶກສາໝຸ່ມໆ

ພະແນກຕ່າງໆໃນໂຮງຮຽນ

ວິຊາອື່ນໆ

ຂ. ຄຳຊ້າລັກສະນະນາມ: ໝາຍຄວາມວ່າ “ລາຍ” ເຊັ່ນ:

ເປັນແຖວໆ-ລາຍແຖວ

ເປັນຄົນໆ-ລາຍຄົນ

ເປັນວັນໆ-ລາຍວັນ

ເປັນແຫ່ງໆ-ລາຍແຫ່ງ

ຄ. ຄຳຊ້າຈຳນວນຫລັກ

ໝາຍຄວາມວ່າ “ຫລາຍ” ເຊັ່ນ:

ນັບເປັນພັນໆ-ຫລາຍພັນ

ນັບເປັນຮ້ອຍໆ-ຫລາຍຮ້ອຍ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

1. ຄຳຊ້າໜຶ່ງໆ ໝາຍຄວາມວ່າ “ແຕ່ລະ” ເຊັ່ນ:

ຫ້ອງຮຽນໜຶ່ງໆມີກະດານແຜ່ນໜຶ່ງ-ແຕ່ລະຫ້ອງຮຽນມີກະດານແຜ່ນໜຶ່ງ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ພວກ
ບັນດາ

ນັກສຶກສາ
ພະນັກງານ
ພະລາກອນ
ທະຫານ
ຊູ

ໝູ່ໆເຫລົ່ານັ້ນພວມ

ອອກແຮງງານ
ຫັດກາຍ

ຂ.

ເພື່ອນ ອ້າຍ	ຂ້ອຍ	ໃຈດີ ໃຈດີ ເລົ່າເລື່ອງມ້ວນມ່ວນ ຮຽນເກັ່ງ ເກັ່ງ
----------------	------	--

ຄ.

ໂຕະ ຕຽງນອນ ຕັ້ງນັ່ງ	ນັກຮຽນ ເຂົາເຈົ້າ ພວກເຮົາ
---------------------------	--------------------------------

ຈັດເປັນແຖວໆ

ງ.

ໃນຫໍສະໝຸດ

ແຫ່ງຊາດ ຂອງໂຮງຮຽນ

ມີ

ປຶ້ມ ປະທານຸກົມ ວາລະສານ

ນັບເປັນພັນໆເຫລັ້ມ

ຈ.

ຫ້ອງຮຽນ ຫ້ອງນອນ ຫ້ອງກິນ ຫ້ອງຄົວ ຫ້ອງປະຊຸມ

ຫນຶ່ງມິດອກໄຟຫລາຍດວງ

6. ວະລີຂະຫຍາຍຄຳກຳມະແບບ:

ເປັນຢ່າງ ຢ່າງ	+	ຄຳຄຸນນາມ
------------------	---	----------

ຄຳກຳມະ	+ ວະລີຂະຫຍາຍກຳມະ
ຢູ່	ຢ່າງສະບາຍ
ຮັບໃຊ້ກອງທັບ	ຢ່າງໄດ້ຜົນ
ມີໂຕະ	ຢ່າງຄົບຖ້ວນ
ຮັກຊາດ	ເປັນຢ່າງຍິ່ງ

ໝາຍເຫດ:

ເປັນຢ່າງ + ຄຳຄຸນນາມພະຍາງດຽວເທົ່ານັ້ນ

ຢ່າງ + ຄຳຄຸນນາມພະຍາງດຽວຫລືຫລາຍພະຍາງກໍໄດ້

ບົດເຟີກັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ອ້ອຍ
ເຝີນ

ນັກ

ຮຽນພາສາຕ່າງປະເທດ
ຫັດກາຍ
ຫລິ້ນກິລາ

ເປັນຢ່າງຍິ່ງ
ຢ່າງຍິ່ງ

ຂ.

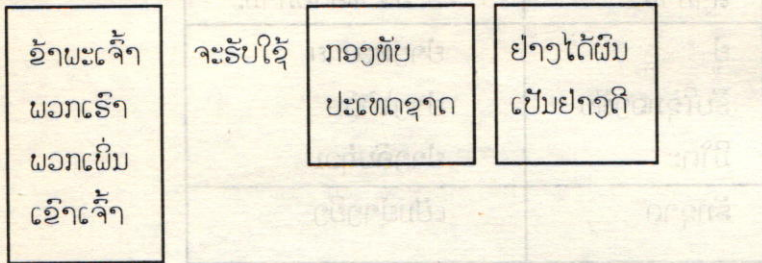
ຢູ່ໃນ ໂຮງຮຽນນີ້

ປຶ້ມພາສາລາວ
ຕຳລາຮຽນພາສາລາວ
ອຸປະກອນການສອນ
ກິກໄມ້ກິກຕອກ

ຢ່າງ

ຫລວງຫລາຍ
ມາກມາຍກ່າຍກອງ
ຄົບຖ້ວນ

ຄ.



7. ບົດອ່ານຜື້ນຖານ

ໂຮງຮຽນນະໜາວິທະຍາໄລຂອງພວກເຮົາ

ຢູ່ນອກກຳແພງນະຄອນຮ່າໂນ້ຍໄປທາງທິດຕາເວັນຕົກສຽງໃຕ້ຫ່າງຈາກໃຈກາງເມືອງປະມານ 30 ຫລັກປາຍ ມີໂຮງຮຽນນະໜາວິທະຍາໄລທະຫານແຫ່ງໜຶ່ງ ໃນເມືອງທີ່ກວ້າງປະມານ 5 ແສນແມັດຫົນທົນ ນັ້ນແມ່ນ ໂຮງຮຽນນະໜາວິທະຍາໄລຂອງພວກເຮົາ, ໂຮງຮຽນນະໜາວິທະຍາໄລພາສາຕ່າງປະເທດ ແຫ່ງກອງທັບ ພາຍໃນບໍລິເວນໂຮງຮຽນມີກິດຈະກຳຫລາຍຢ່າງ.

ນີ້ແມ່ນບັນດາຫ້ອງບັນຍາຍ ຫ້ອງໃດກໍກວ້າງຂວາງ ສະອາດສະອາງ, ສະຫວ່າງສະໄຫວ ແລະ ເຢັນສະບາຍ. ໃນແຕ່ລະຫ້ອງ ລ້ວນແຕ່ມີອຸປະກອນການສອນການຮຽນຢ່າງຄົບຖ້ວນ ບົນເພດານ ມີຜັດລົມ 2 ໜ່ວຍ ແລະ ດອກໄຟ 4 ດວງ, ເທິງຝາຫ້ອງ ເບື້ອງໜ້າໂຕະນັກຮຽນ ມີກະດານແຜ່ນໃຫຍ່, ເຫນືອກະດານ ມີຮູບລູງໂຮ່ ແລະ ຄຳຂວັນ “ທ່ານປະທານໂຮ່ຈີມິນ ຍິນຍົງໃນພາລະກິດຂອງພວກເຮົາ ຕະລອດໄປ”.

ນີ້ແມ່ນຫ້ອງທົດລອງຝ່ອງສຽງໃນນີ້ອຸປະກອນທັນສະໄຫມຫລາຍຢ່າງເຊັ່ນ:
ເຄື່ອງຝັງ, ເຄື່ອງອັດສຽງ, ເທັບອັດສຽງລຽງ.

ຜູ້ແມ່ນຫໍສະໝຸດຂອງໂຮງຮຽນ, ຫໍສະໝຸດນີ້ໃຫຍ່ພໍສົມຄວນໃນນີ້ມີບັນດາ
ປຶ້ມພາສາຕ່າງປະເທດຕ່າງໆນັບເປັນພັນໆເຫລັ້ມ, ມີ ຫ້ອງໃຫ້ຍືນ, ຫ້ອງຄົ້ນຄວ້າ
ແລະ ຫ້ອງມັ່ງອ່ານ. ຫໍສະໝຸດແຫ່ງນີ້ ແມ່ນຫໍສະໝຸດສ່ວນລວມຮັບໃຊ້ຄູ ແລະ ນັກ
ສຶກສາຂະແໜງຕ່າງໆ ເຊັ່ນຂະແໜງພາສາລັດເຊຍ, ຂະແໜງພາສາຈີນ, ຂະ
ແໜງພາສາລາວ, ຂະແໜງພາສາກຳປູເຈຍລຽງ.

ນັ້ນແມ່ນຂົງເຂດສະໂມສອນ, ຢູ່ຫີນນີ້ບ່ອນໃຫມວກເຮົາຫັດແອບກາຍບໍລິຫານ
ຫລັກກິລາເຄື່ອນໄຫວສິລະປະ ແລະ ຢ່ອນອາລົມໃນເວລາວ່າງ.

ໃນອາຄານທັນສະໄຫມ ຜູ້ແມ່ນບ່ອນເຮັດການຂອງຄະນະອຳນວຍການ ນາຍ
ແລະ ນາງຄູ ລວມທັງພະນັກງານ ແລະ ພະລາກອນໃນພະແນກຕ່າງໆ ເຊັ່ນ ພະ
ແນກຄຸ້ມຄອງການສອນການຮຽນ, ພະແນກການຈັດຕັ້ງ, ພະແນກການເງິນ ແລະ
ການບັນຊີລຽງ.

ສ່ວນນີ້ແມ່ນຂົງເຂດຫໍພັກຂອງນັກສຶກສາ, ໃນຂົງເຂດນີ້ມີເຮືອນກໍ່ດິນຈີ່ ປູກເປັນ
ແຖວໆ ແຕ່ລະຫລັງມີຫລາຍຫ້ອງ, ຫ້ອງໃດກໍ່ມີເຄື່ອງໃຊ້ໄມ້ສອຍຢ່າງຄົບຖ້ວນ ແລະ
ເປັນລະບຽບຮຽບຮ້ອຍ.

ອ້ອມແອ້ມເຮືອນມີຕົ້ນໄມ້ໃບຂຽວຢ່າງຫລວງຫລາຍ.

ຢູ່ຕິດກັບຂົງເຂດຫໍພັກແມ່ນຂົງເຂດເຮືອນກິນ, ໃນເຮືອນກິນມີທັງຫ້ອງຄົວ ແລະ
ຫ້ອງກິນ, ມີເຄື່ອງຄົວ ແລະ ໂຕະຕັ້ງຢູ່ຄົບຖ້ວນ.

ພວກເຮົາຮັກແພງໂຮງຮຽນມະຫາວິທະຍາໄລຂອງພວກເຮົາທີ່ສຸດພວກເຮົາຕັ້ງ
ໃຈຮຳຮຽນ ແລະ ເຄົາລົບນັບຖືຄູບາອາຈານຂອງພວກເຮົາເປັນຢ່າງຍິ່ງ.

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ມະຫາວິທະຍາໄລ	đại học
ນອກ	ngoài (bên ngoài)
ນະຄອນ	thành phố
ໄປ	đi
ທາງ	đường
ທິດ	hướng
ຕາເວັນຕົກສຽງໃຕ້	Tây Nam
ຫ່າງຈາກ	cách, xa cách
ໃຈກາງ	trung tâm
ເມືອງ	thành phố; huyện; nước
ປະມານ	khoảng, khoảng chừng
ແມັດມົນທົນ	mét vuông
ເນື້ອທີ່	diện tích
ກວ້າງ	rộng
ພາສາ	tiếng, ngôn ngữ
ພາສາຕ່າງປະເທດ	ngoại ngữ
ຕ່າງປະເທດ	nước ngoài
ແຫ່ງ	của, thuộc về
ບໍລິເວນ	vùng, khu vực
ກິດຈະກຳ	công trình

ຫລາຍ	nhiều
ຢ່າງ	cái; hạng mục; thứ
ບັນດາ	các, những
ບັນຍາຍ	giảng (bài), thuyết trình
ຫ້ອງບັນຍາຍ	giảng đường
ສະອາດສະອາງ	sạch sẽ
ສະຫວ່າງສະໄຫວ	sáng sủa
ເຢັນສະບາຍ	mát mẻ
ແຕ່ລະ	từng, mỗi
ລ້ວນແຕ່	đều
ອຸປະກອນ	vật liệu, phương tiện
ຄົບຖ້ວນ	đầy đủ
ດວງ	cái, vành (trăng)
ຄຳຂວັນ	khẩu hiệu
ທ່ານ	ngài, vị
ປະທານ	chủ tịch
ຍືນຍົງ	sống, tồn tại
ພາລະກິດ	sự nghiệp
ຕະຫລອດໄປ	mãi mãi
ທົດລອງ	thử thách
ຟ້ອງສຽງ	phát âm
ທັນສະໄໝ	hiện đại
ເຄື່ອງຟັງ	máy nghe

ເຄື່ອງອັດສຽງ	máy ghi âm
ເທບອັດສຽງ	băng, đĩa ghi âm
ຝຸ່ນ	kia, đấy, đó
ຫໍສະໜຸນ	thư viện
ພໍ່ສົມຄວນ	tương đối
ປຶ້ມ	sách
ເຫລັ້ມ	quyển
ໃຫ້	cho
ຍືນ	mượn
ຄົ້ນຄວ້າ	nghiên cứu
ສ່ວນລວມ	tập thể, của chung
ຂະແໜງ	ngành, môn
ຈີນ	Trung Quốc
ຂົງເຂດ	khu vực; lĩnh vực
ສະໂມສອນ	câu lạc bộ
ສິລະປະ (ສິນລະປະ)	nghệ thuật
ຫັດກາຍບໍລິຫານ	tập thể dục
ຢ່ອນອາລົມ	giải trí
ວ່າງ	trống, vắng, rồi
ອາຄານ	viện, tòa nhà
ຄະນະ	đoàn, ban
ອຳນວຍການ	giám hiệu, giám đốc
ນາຍຄູ	thầy giáo

ນາງຄູ	cô giáo
ພະນັກງານ	cán bộ
ພະລາກອນ	nhân viên
ຄຸ້ມຄອງ	quản lý, quản trị
ພະແນກ	ban, ngành, phòng
ຈັດຕັ້ງ	tổ chức
ການເງິນ	tài chính, tài vụ
ບັນຊີ	kế toán
ຫໍພັກ	nhà nghỉ, phòng nghỉ
ດິນຈີ່	gạch
ກໍ່	xây
ປູກ	trồng, xếp
ຫລັງ	ngôi (nhà)
ເຮືອນ	nhà
ເຄື່ອງໃຊ້ໄມ້ສອຍ	đồ dùng
ລະບຽບຮຽບຮ້ອຍ	trật tự, ngăn nắp
ອ້ອມແອ້ມ	chung quanh
ຕົ້ນໄມ້	cây
ໃບຂຽວ	lá xanh
ຫລວງຫລາຍ	nhiều
ຮັກແພງ	yêu quý
ຕັ້ງໃຈ	tích cực
ເຄົາລົບນັບຖື	kính trọng, tôn trọng

ບົດສື່ນທະນາ

ເຊີນ: ເຈົ້າມາແຕ່ໃສ ແຫ່ງ?

ແຫ່ງ: ຂ້ອຍມາແຕ່ໂຮງຮຽນມະຫາວິທະຍາໄລພາສາຕ່າງປະເທດແຫ່ງກອງ
ທັບ.

ເຊີນ: ເບົາະ ! ຂ້ອຍຄິດວ່າເຈົ້າມາແຕ່ໂຮງສາຍຮູບເງົາຊັ້ນດອກ,
ເຈົ້າໄປໂຮງຮຽນຫັນເຮັດຫຍັງ?

ແຫ່ງ: ຂ້ອຍໄປຢ້າມນ້ອງຊາຍຂ້ອຍ, ລາວກຳລັງຮຽນພາສາລາວຢູ່ຫີນ.

ເຊີນ: ເປັນແນວໃດ ເພິ່ນຮຳຮຽນດີຢູ່ບໍ່?

ແຫ່ງ: ຂອບໃຈດີພໍຄວນ.

ເຊີນ: ການກິນຢູ່ຂອງເພິ່ນເດ? ໃຄແດ່ບໍ່?

ແຫ່ງ: ເວົ້າລວມແລ້ວ ກໍ່ສະດວກສະບາຍທຸກຢ່າງ ຢູ່ຫີນມີບ່ອນກິນ,
ບ່ອນນອນ, ບ່ອນຮຽນ, ບ່ອນຫລິ້ນຢ່າງຄົບຖ້ວນ ອອນຊອນໃຈທີ່ສຸດ
ແມ່ນພະນັກງານ, ພະລາກອນ ແລະ ຄູບາອາຈານຢູ່ຫີນ ລ້ວນແຕ່
ຮັກແພງນັກສຶກສາແທ້, ເຂົາເຈົ້າເອົາໃຈໃສ່ຕໍ່ການກິນຢູ່ຂອງນັກ ສຶກສາ
ເປັນຢ່າງຍິ່ງ.

ເຊີນ: ໂຮງຮຽນນີ້ກວ້າງໃຫຍ່ບໍ່?

ແຫ່ງ: ກໍ່ໃຫຍ່ເຕີບໃດ, ຄືວ່າກວ້າງປະມານ ຫ້າແສນແມັດມົນທົນຜຸ່ນໃດ.

ເຊີນ: ໂທ! ຕັ້ງ ຫາແສນແມັດມົນທົນຜຸ່ນເບາະ!

ຄືຊິມີຫ້ອງຮຽນຢ່າງຫລວງຫລາຍບໍ່?

ແຫ່ງ: ແມ່ນແທ້, ຫ້ອງໃດກໍ່ກວ້າງຂວາງ, ສະຫວ່າງສະໄຫວ, ເຢັນສະບາຍ ແລະ

ສະອາດສະອາງແທ້ໆ.

ເຊີນ: ໂຮງຮຽນນີ້ຢູ່ໄກບໍ່?

ແທ່ງ: ກໍບໍ່ໄກປານໃດດອກ, ຫ່າງຈາກໃຈກາງເມືອງປະມານ 30 ຫລັກປາຍຫໍ່ນັ້ນ.

ເຊີນ: ເທື່ອຫລັງໃຫ້ເຮົາໄປນຳເດີ!

ແທ່ງ: ໄປເຮົາທົດຫນ້າເດີ!

ເຊີນ: ເຫັນດີ.

ວຽກບ້ານ

1. ໃຊ້ຄຳ ແລະ ວະລິຕໍ່ໄປນີ້ແຕ່ງປະໂຫຍກຢ່າງລະປະໂຫຍກ: ເຫມືອ, ເທິງ, ລຸ່ມ, ກ້ອງ, ໄປ, ບອກ, ອ້ອມແອ້ມ, ເບື້ອງຊ້າຍ, ເບື້ອງຂວາ, ເບື້ອງຕາເວັນຕົກ, ເບື້ອງໃຕ້, ເບື້ອງເຫນືອ, ບັນດາ, ພວກ, ຊຸມ, ເຫລົ່ານັ້ນ, ເຫລົ່ານີ້, ທັງຫມົດ, ທັງຫລາຍ, ລ້ວນແຕ່, ເປັນຢ່າງຍິ່ງ, ຢ່າງຄົບຖ້ວນ.

2. ແຕ່ງປະໂຫຍກມີຄຳຊ້ຳ ມີຄວາມໝາຍຕ່າງໆ ຢ່າງລະປະໂຫຍກ.

3. ອ່ານບົດອ່ານຜົ້ນຖານ ແລ້ວຕອບຄຳຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

1. ໂຮງຮຽນມະຫາວິທະຍາໄລພາສາຕ່າງປະເທດແຫ່ງກອງທັບຢູ່ບ່ອນໃດ?

2. ໃນໂຮງຮຽນມີຫຍັງແດ່?

3. ໃນໂຮງຮຽນມີຂະແໜງຫຍັງ?

4. ທ່ອງບົດສົນທະນາແລ້ວ ສົນທະນານຳເຜື່ອນດ້ວຍເນື້ອໃນຂອງບົດສົນທະນາ

5. ແຕ່ງປະໂຫຍກຈຳແນກຄວາມໝາຍຂອງບັນດາສັບຕໍ່ໄປນີ້:

ຄູ	-	ຄູບາອາຈານ
ກົກໄມ້	-	ກົກໄມ້ກົກຕອກ
ອາຄານ	-	ອາຄານບ້ານຊ່ອງ
ຖະຫນົນ	-	ຖະຫນົນຫົນທາງ
ກວ້າງ	-	ກວ້າງຂວາງ
ສະຫວ່າງ	-	ສະຫວ່າງສະໄຫວ
ສະອາດ	-	ສະອາດສະອາງ
ສະດວກ	-	ສະດວກສະບາຍ
ກິນ, ຢູ່	-	ກິນຢູ່
ຮຽນ	-	ຮຳຮຽນ
ເຄົາລົບ	-	ເຄົາລົບນັບຖື

ບົດທີ 6

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ
2. ທົບທວນບັນດາແບບປະໂຫຍກ ແລະ ສັບທີ່ຮຽນແລ້ວ
3. ບົດອ່ານຟື້ນຖານ: ຄອບຄົວ

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລີຕໍ່ໄປນີ້:

ຄອບຄົວ, ເຮືອນຄົວ, ຫ້ອງຄົວ, ແຂງແຮງ, ຕັ້ງໜ້າ, ຕັ້ງໃຈ, ຕັ້ງແຕ່, ມ່ວນ
ຊື່ນ, ມັກມ່ວນ, ເບີກບານມ່ວນຊື່ນ, ໃຈດີ, ໃຈຮ້າຍ, ໃຈບຸນສຸນຫານ, ປາກມົວຫົວ
ມ່ວນ, ຮັກຫອມ, ຮັກແພງ, ລູກ, ລູກເຕົ້າ, ລູກສາວ, ລູກຊາຍ, ລູກກົກ, ລູກຫລ້າ,
ລູກໃຜ້, ເອື້ອຍໃຜ້, ອ້າຍກົກ, ອ້າຍໃຫຍ່, ນ້ອງຊາຍ, ນ້ອງສາວ, ບອກໄດ້ໃຊ້ຝັງ,
ສະຫລາດສະຫລຽວ, ດຸຫມັ່ນ, ດຸຫມັ່ນຂະຫຍັນພຽນ, ພະຍາຍາມ, ຄວາມພະຍາຍາມ,
ສາມັນສຶກສາ, ມັດທະຍົມສຶກສາ, ອຸດົມສຶກສາ, ນາງແພດ, ນາງແພດຊັ້ນຕໍ່າ,
ນາງແພດຊັ້ນສູງ, ພາຍໜ້າ, ພາຍຫລັງ, ພາຍໃນ, ຄົນລາວເຊື້ອຈີນ, ຄົນລາວ
ເຊື້ອຫວຽດ.

ບໍ່ດີ! ບໍ່ແມ່ນດີ! ບໍ່ວ່າດີ, ບໍ່ຫນ, ຍັງບໍ່ຫນ, ບໍ່ສູ້, ບໍ່ສູ້ດີປານໃດ, ພວມ, ພວມຊິ

* ເຮັດ, ວ່າຊິເຮັດ, ລາກ່ອນເດີ, ໄປຕີເດີ, ພົບກັນໃໝ່ເດີ.

2. ທົບຫວນແບບປະໂຫຍກ ແລະ ວິທີໃຊ້ສັບ

ກ. ຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້

- ເຈົ້າຊື່ວ່າແນວໃດ?
- ເຈົ້າຳນາມສະກຸນຫຍັງ?
- ເຈົ້າອາຍຸຈັກປີ?
- ເຈົ້າແມ່ນນັກສຶກສາຂະແໜງໃດ?
- ເຈົ້າກຳລັງຮຽນຢູ່ຫ້ອງໃດ?
- ວັນນີ້ວັນທີ່ໃດແລ້ວ?
- ວັນນີ້ວັນຫຍັງ?
- ເດືອນນີ້ແມ່ນເດືອນຫຍັງ?
- ປີຫນ້າແມ່ນປີຫຍັງ?
- ປີນີ້ແມ່ນປີອະທິກະສຸລະທິນບໍ່?
- ນີ້ນີ້ແຮມຈັກຄໍ່າ?
- ນີ້ນີ້ຂຶ້ນຈັກຄໍ່າ?
- ເດືອນທຳອິດຕາມປະຕິທິນຈັນທະຄະຕິແມ່ນເດືອນຫຍັງ?
- ຕາມປະຕິທິນສຸລິຍະຄະຕິເດ?
- ເຈົ້າເກີດປີໃດ?
- ຈັກໂມງແລ້ວ?
- ຈັກໂມງເຈົ້າຈິ່ງຊິໄປນອນ?
- ເຈົ້າຕື່ນນອນຈັກໂມງ?

- ຕອນປ່າຍນີ້ເຈົ້າຊິເຮັດຫຍັງ? ຕອນຄ່ຳເດ?
- ນີ້ເທິງເຈົ້າຊິໄປຮ່າໂນ້ຍ?
- ຕາມປົກກະຕິນີ້ໜຶ່ງເຈົ້າຮຽນຈັກຊົ່ວໂມງ?
- ເຈົ້າມີໂສ້ງຈັກໂຕ? ເຈົ້າມັກໂຕໃດທີ່ສຸດ?
- ເຈົ້າເຫັນວ່າບົດຮຽນນີ້ຍາວບໍ່?
- ເຈົ້າວ່າບົດຮຽນນີ້ກັບບົດຮຽນກ່ອນ ບົດໃດຍາວກວ່າກັນ?
- ເຈົ້າເຫັນວ່າ ບົດຮຽນບົດໃດຍາວທີ່ສຸດ?
- ເດືອນໃດມີໜ້ອຍວັນທີ່ສຸດ?
- ເດືອນມັງກອນກັບເດືອນເມສາ ເດືອນໃດຍາວກວ່າກັນ? ເດືອນມັງກອນ-ກັບເດືອນທັນວາເດ?
- ເສື້ອສີແດງກັບເສື້ອສີດຳເຈົ້າມັກໂຕໃດກວ່າ?
- ໃນຫ້ອງຮຽນເຈົ້າມີດອກໄຟຈັກດວງ?
- ໃນຫ້ອງນອນເຈົ້າມີຫຍັງແດ່?
- ຢູ່ໜ້າຫ້ອງນອນເຈົ້າມີກົກໄມ້ບໍ່?
- ພວກເຝື່ອນເຈົ້າກໍເປັນນັກສຶກສາຊັ້ນຫວະ?
- ຕາມປົກກະຕິເຈົ້າຝັງວິທະຍຸແຫ່ງຊາດບໍ່?

ຂ. ເຕີນຄຳ ແລະ ວະລີທີ່ເໝາະລົງຊ່ອງວ່າງ

- ເຈົ້າມັກໂຕະ.....ໃດ.....?
- ທາງ.....ນີ້.....ປານໃດ
- ເດືອນກຸມພາແມ່ນເດືອນສັນ.....
- ເດືອນມັງກອນຍາວ.....ເດືອນສິງຫາ
- ເດືອນເມສາສັ້ນກວ່າເດືອນກຸມພາແຕ່.....ກວ່າເດືອນພຶດສະພາ

- ຕາມທຳມະດາຂ້ອຍລຸກແກ່ ໒ ໂມງ.....
- ນັກສຶກສາທັງໝົດລ້ວນແຕ່ນອນພັກເຄິ່ງ.....ໃນຕອນທ່ຽງ
- ຫ້ອງຮຽນ.....ມີກະດານດຳ.....
- ຂ້າພະເຈົ້າຈະຮັບໃຊ້ກອງທັບ.....ໄດ້ຜົນ
- ພວກເຮົາຈະຮັບໃຊ້ປະເທດຊາດ.....ດີ

3. ບົດອ່ານຜົນຖານ

ຄອບຄົວ

ຂ້າພະເຈົ້າຂໍສະເໜີຕົນເອງ: ຂ້າພະເຈົ້າຊື່ວ່າ ຫງວຽນ ຈີ້ ແຫ່ງ

ຂ້າພະເຈົ້າເປັນນັກສຶກສາຂະແໜງພາສາລາວ, ໂຮງຮຽນມະຫາວິທິຍາໄລພາສາຕ່າງປະເທດແຫ່ງກອງທັບ, ປີນີ້ຂ້າພະເຈົ້າມີອາຍຸຄົບ 20 ປີພໍດີ, ຄອບຄົວຂ້າພະເຈົ້າຢູ່ຮ່າໂນ້ຍ, ພວກເຮົາຢູ່ຮ່າໂນ້ຍຕັ້ງແຕ່ເທິງນານແລ້ວ, ພໍ່ຂ້າພະເຈົ້າເປັນກຳມະກອນ, ເຝີນຍັງແຂງແຮງ ແລະ ເຮັດວຽກຢ່າງຕັ້ງໜ້າ, ເຝີນເປັນຄົນມັກມ່ວນ ແລະ ໃຈດີແທ້.

ແມ່ຂ້າພະເຈົ້າບໍ່ທັນເຖົ້າ, ເຝີນເປັນຄົນໃຈດີບຸນສຸກທານ, ປາກົວຫົວມ່ອນ ແລະ ຮັກຫອມລູກເຕົ້າແທ້ໆ, ເຝີນເປັນຄົນເອົາການເອົາງານ, ດຸໝັ່ນກວ່າໝູ່ໃນຄອບຄົວ. ເຝີນເປັນຄູສອນຢູ່ໃນໂຮງຮຽນມັດທະຍົມສຶກສາ. ທຸກໆວັນເຝີນມັກລຸກກ່ອນໝູ່ໝົດ. ເຝີນທຸງຕົ້ນແຕ່ງພາຂ້າແລ້ວຈຶ່ງກະກຽມໄປໂຮງຮຽນເຊິ່ງຢູ່ໃນໂຮງຮຽນເຝີນບໍ່ແມ່ນແຕ່ປອກຂ້າພະເຈົ້າເທົ່ານັ້ນ, ຂຸນມັກຮຽນຂອງເຝີນກໍ່ຮັກແພງເຝີນເອົາແທ້ເອົາວ່າ. ອ້າຍກົກຂອງຂ້າພະເຈົ້າເປັນກຳມະກອນ, ເຝີນເຮັດວຽກໃນໂຮງຈັກດຽວກັນກັບພໍ່ຂ້າພະເຈົ້າ, ອ້າຍກົກຂ້າພະເຈົ້າມີເມຍແລ້ວ, ເມຍເຝີນຍັງໝຸ່ມຫລາຍ, ພວກເຝີນໄດ້ລູກສອງຄົນ: ລູກຊາຍໜຶ່ງ, ລູກສາວໜຶ່ງ, ພວກຫລານ

ເຫລົ່ານີ້ລ້ວນແຕ່ບອກໄດ້ໃຊ້ຝັງ. ຂ້າພະເຈົ້າຍັງມີນ້ອງສາວຫລ້າອີກຜູ້ໜຶ່ງ, ລາວອາຍຸຫາກໍ່ສິບຫ້າປີ ມີມີໃສ່ຊື່ນ່ວນ, ໃຈບຸນສຸນທານຄືແມ່, ທັງເປັນຄົນສະຫລາດສະຫລຽວດຸໝັ່ນທີ່ສຸດ. ນ້ອງສາວຂ້າພະເຈົ້າກໍ່ເປັນນັກຮຽນ, ລາວພວມຮຽນໃນໂຮງຮຽນມັດທະຍົມສຶກສາ, ລາວຕັ້ງໃຈວ່າຊິຮຽນຈົບສຸດຂັ້ນອຸດົມແລ້ວຈະພະຍາຍາມເສັງເຂົ້າໂຮງຮຽນມະຫາວິທະຍາໄລໃຫ້ໄດ້, ລາວຕັ້ງໃຈວ່າຊິຮຽນໝໍ ເພື່ອເປັນນາງແພດຊັ້ນສູງ. ສ່ວນຂ້າພະເຈົ້າກໍາລັງຮຽນຫ້ອງ 1 ຂອງຂະແໜງພາສາລາວ, ຂ້າພະເຈົ້າຈະພະຍາຍາມ ຮຳຮຽນໃຫ້ດີທີ່ສຸດ ເພື່ອເວົ້າພາສາລາວໄດ້ເກັ່ງຕໍ່ໄປພາຍຫຼັງນີ້ຈະຮັບໃຊ້ກອງທັບຢ່າງໄດ້ຜົນທີ່ສຸດ.

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ຄອບຄົວ	gia đình
ຂ້າພະເຈົ້າ	tôi
ຂໍ	xin
ສະເໜີ	giới thiệu
ຕົນເອງ, ສະເໜີຕົນເອງ	bản thân, tự giới thiệu
ອາຍຸ	tuổi
ຝ່າຍ	vừa tròn, vừa chẵn
ເທິງນານ	lâu, dài lâu
ແຂງແຮງ	manh khỏe
ຕັ້ງໜ້າ	tích cực

ມັກ	thích
ມ່ວນ	vui
ໃຈດີ	tốt bụng, hiền lành
ແມ່	mẹ
ພໍ່	bố
ບໍ່ທັນ	chưa
ເຖົ້າ	già (nua)
ໃຈບຸນສຸນທານ	phước hậu
ປາກ	nói
ຫົວ	cười
ປາກນິວຫົວມ່ວນ	nói năng điệu dàng
ເຝົ້າ	ông, bà, anh, chị...
ອ້າຍ, ອ້າຍກົກ	anh, anh cả
ເຮັດວຽກ	làm việc
ໃນ	trong (trong ngoài)
ໂຮງຈັກ	nhà máy, xí nghiệp
ເມຍ	vợ
ກະກຽມ	chuẩn bị
ໜຸ່ມ	trẻ
ລູກ	con
ລູກຊາຍ	con trai

ລູກສາວ	con gái
ຫລານ	cháu
ພວກ	các, bọn, lũ (con, cháu, trẻ)
ບອກໄດ້ໃຊ້ຝັງ	ngoan ngoãn
ນ້ອງສາວ	em gái
ນິໄສ	tính tình
ສະຫລາດສະຫລຽວ	thông minh
ດຸໝັ່ນ	cần cù, siêng năng
ມັດທະຍົມສຶກສາ	trung học (cấp 2)
ຂັ້ນອຸດົມ	cấp 3 (phổ thông)
ຈົບ	hết; tốt
ຈົບສຸດ	kết thúc, xong
ຕັ້ງໃຈ	định tâm, dự định
ໝໍ	y (y học)
ແພດຊັ້ນສູງ	bác sĩ
ພະຍາຍາມ	cố gắng
ເວົ້າ	nói
ເກັ່ງ	giỏi
ພາຍໜ້າ	sau này
ຜົນ	kết quả

ບົດສິນທະນາ

- ສະບາຍດີນາງ! ອະໄພເທາະ ນາງກໍ່ເປັນຄົນລາວຊັ້ນຫວະ?
- ສະບາຍດີອ້າຍ! ເຮົາເປັນຄົນລາວເຊື້ອຫວຽດ
ເຈົ້າເດ, ເຈົ້າແມ່ນເປັນຄົນປະເທດໃດ?
- ເຮົາເປັນຄົນຫວຽດອ້ອຍຕ້ອຍນີ້ແລ້ວ.
- ຊັ້ນຕີ, ເປັນຫຍັງເຈົ້າຈຶ່ງເວົ້າລາວໄດ້ຄັກແທ້ໆ!
- ບໍ່ວ່າຕີ, ເຮົາພວມຮຽນພາສາລາວໃນໂຮງຮຽນມະຫາວິທະຍາໄລພາສາ
ຕ່າງປະເທດແຫ່ງກອງທັບ.
- ເຈົ້າຮຽນໄດ້ຈັກປີແລ້ວ?
- ເຮົາຫາກໍ່ຮຽນບໍ່ທັນຮອດປີ
- ເຈົ້າຊິຮຽນອີກຈັກປີ?
- ອີກ 3 ປີຫລະບໍ່? ເຈົ້າເດ, ເຈົ້າກໍ່ພວມຮຽນຝູ່ຫວຽດນາມຊັ້ນຫວະ?
- ແມ່ນແທ້ ເຮົາຮຽນຢູ່ຂະແໜງພາສາຫວຽດໂຮງຮຽນມະຫາວິທະຍາໄລ ສັງ
ລວນຮຳໂນ້ຍ.
- ຄັນຊັ້ນພວກເຮົາລ້ວນແຕ່ພວມຮຽນພາສາຕ່າງປະເທດຢູ່ຮຳໂນ້ຍພວກເຮົາ-ເປັນ
ເພື່ອນກັນເນາະ!
- ແມ່ນແລ້ວເຮົາຍິນດີທີ່ສຸດເອີນີ້! ເຈົ້າພວມຊິໄປໃສ?
- ເຮົາວ່າຊິໄປຫໍສະໝຸດແຫ່ງຊາດ.
- ລາກ່ອນເດີຊັ້ນ! ພົບກັນໃໝ່ອາທິດໜ້າ.
- ເຈົ້າ, ໄປດີເດີນາງ.

ວຽກບ້ານ

1. ກ່າຍແບບປະໂຫຍກທັງໝົດລົງໃນພັນຂຽນ
2. ກ່າຍບັນດາຄຳອຸທານທີ່ຮຽນແລ້ວລົງໃນພັນຂຽນ
3. ຍົກຕົວຢ່າງບັນດາແບບປະໂຫຍກລາວທີ່ຕ່າງກັບແບບປະໂຫຍກຫວຽດນາມ
4. ຕັ້ງຄຳຖາມຖາມເຖິງເນື້ອໃນຂອງບົດອ່ານຜົນຖານ
5. ສົນທະນານຳຫມຸ່ມຕາມເນື້ອໃນຂອງບົດສົນທະນາ

ບົດທີ 7

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ
2. ແບບປະໂຫຍກປະຕິເສດອະດີດການ
3. ວິທີໃຊ້ຄຳວ່າ "ຕ້ອງ, ຄວນ, ຈຳເປັນ ແລະ ຕ້ອງການ"
4. ວິທີໃຊ້ຄຳ "ໄດ້, ໄດ້ຮັບ, ຖືກ"
5. ບົດອ່ານພື້ນຖານ "ເຮັດອາຫານ"

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລີຕໍ່ໄປນີ້:

ແທນ, ເຮັດແທນ, ໄປແທນ, ເທື່ອ, ບໍ່ເຄີຍ, ກິນເທື່ອ, ບໍ່ທັນໄດ້ເຫັນເທື່ອ, ເຕັມໃຈ, ເຕັມໃຈຊ່ອຍ, ໄດ້ຮັບ, ໄດ້ຮັບມອບໝາຍ, ລ້າງຜັກ, ລ້າງມື, ລ້າງໜ້າ, ຊື້ນ, ຊື້ນໝູ, ຊື້ນງົວ, ຊື້ນຄວາຍ, ເດັດຜັກ, ເດັດດອກໄມ້, ປາດ, ປາດຊື້ນ, ປາດທອງ, ຊອຍຊື້ນ, ແຈຫ້ອງ, ແຈບ້ານ, ຕາຍ, ຕາຍຄັກແມ່, ຈັກຄາວ, ຖ້າຈັກຄາວ, ໄປຈັກຄາວ, ຮຸ່ມ, ຫລົກຂົນ, ຫລົກຫຍ້າ, ຈົກ, ຈົກຖົງ, ດັດ, ດັດໄມ້, ດັດຊື້ນ, ຕອນ, ຕອນປາ, ຕອນຊື້ນ, ຕໍ່ໄປ, ສືບຕໍ່, ຫັນ, ຫັນໜ້າ, ຫັນໄປ, ຫັນມາ, ຍ້ອນ, ສຸກຍ້ອນ, ໄດ້ກິນຍ້ອນ, ໃຄແດ່, ວຽກເຮືອນການຊານ, ສຸກ, ເຂົ້າ ສຸກ, ໝາກກ້ຽງສຸກ, ໂຍ່ວ!

ໂທ! ໂອຍ! ຮວ້າຍ! ແຊບ, ເຊິນແຊບ, ຄວນ, ຕ້ອງ, ຈຳເປັນ, ຕ້ອງການ, ບຸດ
 ດຽວ, ຄາວດຽວ, ຖ້າບຸດດຽວ, ຖ້າຄາວດຽວ, ຖ່າຍ, ຖ່າຍໂສ້ງ, ຖ່າຍເສື້ອ, ຖ່າຍ
 ເຄື່ອງ, ລອງ, ລອງເບິ່ງ, ລອງແຕ່ງກິນ, ແຕ່ງກິນລອງເບິ່ງ, ຄົວ, ຄົວກິນ, ກະ
 ປອນ, ຝັງຄວາມ, ຊ່ອຍ, ຊ່ອຍເຫລືອໝູ່, ເງິນ, ເງິນຄຳ, ຢູ່ເດິກ, ທ່ອງຂຶ້ນໃຈ,
 ເຫລົ້າ, ສັ່ງສອນ, ສິດສອນ, ບໍ່ແມ່ນວຽກ, ຈັ່ງວ່າຫັນແລ້ວ! ຂົບ, ໝາຂົບ, ຄັດ
 ເລືອກ.

2. ແບບປະໂຫຍກປະຕິເສດ ອະດີດການ

	ບໍ່	ໄດ້	+	ກິລິຍາ
ຂ້ອຍ	ບໍ່	ໄດ້		ເວົ້າແນວນັ້ນ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ. ນີ້ວານ	ຂ້ອຍ ເຮົາ ເພິ່ນ	ບໍ່ໄດ້	ໄປປະຊຸມ ແຕ່ງກິນ ປາດຊື້ນໝູ ກິນເຂົ້າແລງ ມາຫາເຈົ້າ	ດອກ
-----------	-----------------------	--------	---	-----

ຂ.

ຕອນເຊົ້ານີ້ ຫວ່າງແລ້ວນີ້ ນີ້ຊົນນີ້	ເຈົ້າ	ໄປໂຮງໝໍ ມາຫາຂ້ອຍ ໄປເບິ່ງຮູບເງົາ ລອງແຕ່ງກິນ	ຊົນຫວະຊຸ ບໍ່ໝາ! ຂ້ອຍບໍ່ໄດ້	ໄປ ມາ ໄປ ລອງ
--	-------	---	----------------------------	-----------------------

ຄ.

ຄືວ່າ	ເຈົ້າ ເຝີນ ພວກເຝີນ ພວກເຂົາເຈົ້າ	ບໍ່ໄດ້	ເຮັດແບບເຝິກຫັດ ຂຶ້ນຫ້ອງ ເບິ່ງຮູບເງົາ ກິນເຂົ້າງາຍ	ຊົນຫວະຊຸ	ຈັ່ງວ່າ ຫັ້ນ ແລ້ວ
-------	--	--------	---	----------	-------------------------

ງ.

ເຫຼິງເຕີບແລ້ວ	ເຮົາ ເຝີນ	ບໍ່ໄດ້	ເບິ່ງໂທລະພາບ ຄົວກິນ ຂ້າໄກ່ກິນ ກິນຊີ້ນຄວາຍ ກິນກະປອມ
---------------	--------------	--------	--

3. ວິທີໃຊ້ຄຳວ່າ "ຕ້ອງ, ຄວນ, ຈຳເປັນ, ຕ້ອງການ"

ຕ້ອງ ຕ້ອງການ ຄວນ ຈຳເປັນຕ້ອງ	+ ຄຳກຳມະ
ຕ້ອງ ຕ້ອງການ ຈຳເປັນຕ້ອງ ຄວນ	ໄປໂຮງໝໍ ຊື້ປະທານຸກົມໃໝ່ ຕັ້ງໃຈຝັງຄູອະທິບາຍ ຝັງຄວາມພໍ້ແມ່

ໝາຍເຫດ: ຕ້ອງການ ອາດຈະເປັນກິລະຍາແທ້ ມີບົດຂະຫຍາຍ
 ໂດຍກົງເຊັ່ນ: “ຕ້ອງການເງິນ”

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ພວກເຮົາ ພວກເຈົ້າ	ຕ້ອງ ຄວນ ຈຳເປັນຕ້ອງ	ຝັງຄວາມລູບອາຈານ ເວົ້າຄວາມລາວໃຫ້ຫລາຍ, ທ່ອງຂຶ້ນໃຈບົດຮຽນນີ້. ຕັ້ງໃຈຮຳຮຽນໃຫ້ດີ ຊ່ອຍເຫລືອໝູ່ຮູ້
---------------------	---------------------------	--

ຂ.

ເຂົາເຈົ້າ

ບໍ່
ກໍ

ຕ້ອງ
ຄວນ
ຈຳເປັນ
ຕ້ອງການ

ຂຶ້ນໜຶ່ງ
ຢູ່ເດິກ
ແປບົດຮຽນ

ຄ.

ຂ້ອຍ

ພວມ
ກໍ

ຕ້ອງການ

ຕຳລາພາສາລາວທີ່ສຸດ
ປະທານຸກຸນເຫລັ້ມໃໝ່
ເງິນຈັກສິບດົງ

ງ.

ພວກຂ້ອຍ

ພວມ
ບໍ່
ກໍ

ຕ້ອງການ

ພົບເຈົ້າ
ຝັງຄູອະທິບາຍເພີ່ມ
ກຽມບົດຮຽນຢູ່ເຮືອນກ່ອນ
ຊື້ເຫລົ້າ

ຈ.

ພວກເຮົາ

ຕ້ອງ
ຈຳເປັນ
ຄວນ

ລູກແຕ່ເຊົ້າ
ຢູ່ເດິກ
ທ້ອງບົດຮຽນ

ຫລືບໍ່?

ສ.

ເຈົ້າ

ກໍ
ບໍ່

ຕ້ອງການ

ພົບເອື້ອຍໄຜ້ຂ້ອຍ
ຝັງວິທະຍຸ
ເບິ່ງໂທລະພາບ
ປະທານກິນ
ຕຳລາພາສາໄທ
ຈອງ

ຊັ້ນຕິຊ

4.ວິທີໃຊ້ ກິລິຍາຊ່ວຍ "ໄດ້ ແລະ ຖືກ, ໄດ້ຮັບ"

	ໄດ້	+	ຄຳນາມ
		+	ຄຳກຳນະ
	ຖືກ	+	ຄຳກຳນະ
			ອະນຸປະໂຫຍກ
ພວກເຮົາ	ໄດ້		ລູກສອງຄົນ ກິນຍ້ອນ ຄົນຄົວ, ໑/7, ໒, ໓
ພວກເຂົາ	ຖືກ		ສັງສອນວ່າບໍ່ແມ່ນວຽກ ເອື້ອຍສັງສອນວ່າບໍ່ແມ່ນວຽກ

ພວກເຂົາ

ໄດ້ຮັບ	+ ຄຳນາມ ຄຳກິລິຍາ ການ+ກິລິຍາ+ຈາກ+ນາມ+ໃຫ້+ກິລິຍາ
ໄດ້ຮັບ	- ຈົດໝາຍ - ນອບໝາຍໃຫ້ເຮັດອາຫານ - ການນອບໝາຍຈາກທາງໂຮງຮຽນໃຫ້ໄປເຮັດ ອາຫານ

ໝາຍເຫດ:

- "ໄດ້" ແລະ "ໄດ້ຮັບ" ມີຄວາມໝາຍອຽງໄປທາງດີ
- ຖືກມີຄວາມໝາຍອຽງໄປທາງຮ້າຍ ແຕ່ໃນປະຈຸບັນ ຖືກອາດ
ມີຄວາມໝາຍໄດ້ສອງແງ່ ເຊັ່ນ "ຖືກເລືອກເປັນ ສ.ສ".
- ກິລິຍາຕໍ່ຈາກຖືກຕ້ອງແມ່ນຄຳກຳມະ ມີໂຕຕັ້ງແຕ່ລະໄວ້
ດັ່ງນັ້ນບໍ່ອາດເວົ້າວ່າ "ຖືກເຈັບຫ້ອງ"

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ຫ້າວບຸນຕາ ນາງແສງຈັນ ສະຫາຍເຊີນ	ຖືກ	ສັ່ງສອນວ່າບໍ່ແມ່ນວຽກ ເຢື້ອຍຮ້າຍໃສ່ ໝາາຊົບ ລົດຕໍ່າ
-------------------------------------	-----	--

ຂ.

ມື້ອື່ນ
ມື້ນີ້
ມື້ວານ

ຂ້ອຍ
ເພິ່ນ
ເຮົາ

ຈະ

ໄດ້
ໄດ້
ໄດ້

ໄປເບິ່ງ

ລະຄອນ
ລິເກ
ຮູບເງົາ
ກາຍຍະສິນ

ຢູ່ຮ່າໂນ້ຍ

ຄ.

ພວກເຮົາ
ພວກເພິ່ນ

ໄດ້ຮັບມອບໝາຍໃຫ້

ໄປເຮົາອາຫານ
ໄປປະຊຸມ
ມາຮຽນພາສາລາວ
ສາຍຮູບເງົາ
ລົງຂົນໄກ່
ຊອຍຊັ້ນ

ງ.

ພວກເຮົາ
ເພິ່ນ

ໄດ້ຮັບການມອບໝາຍຈາກ

ພັກ
ຄູ່ໃຫຍ່
ຫົວໜ້າ

ໃຫ້

ມາຮຽນພາສາລາວ
ໄປປະຊຸມ
ລ້າງຜັກ

ຈ.

ອ້າຍຂ້ອຍ
ເຂົາເຈົ້າ

ໄດ້

ລູກສາວ
ລູກຊາຍ

ສອງຄົນ

5. ບົດອ່ານຟື້ນຖານ

ເຮັດອາຫານ

ວັນນີ້ນັກສຶກສາທຳຄົນ ໃນຈຸສະຫາຍເຊີນໄປແຕ່ງກິນແທນໃຫ້ບັນດາອ້າຍລ້ຽງທີ່ຄາໄປຮ່ວມກອງປະຊຸມໃຫຍ່ຂອງ ໂຮງຮຽນ. ນັກສຶກສາທັງຫຼາຍລ້ວນແຕ່ບໍ່ເຄີຍໄດ້ແຕ່ງກິນເທື່ອແຕ່ພວກເຂົາກໍ່ຕັ້ງໃຈຊ່ວຍທາງເຮືອນກິນຢ່າງຕັ້ງໜ້າ.

ສະຫາຍຈີ່ແທ່ງໄດ້ມອບໝາຍໃຫ້ລ້າງຜັກ, ສະຫາຍເລເທີເຮັດຊີ້ນໝູ, ສະຫາຍເລລານ ເຮັດໄກ່, ສ່ວນສອງສະຫາຍຍິງທູກຸກ ແລະ ລານເຝືອງ ເປັນຄົນ ຄົວກິນ.

ສະຫາຍຈີ່ແທ່ງເດັດຜັກແລ້ວເອົາໄປລ້າງ ໃນແອ່ງນ້ຳໃບໃຫຍ່, ສ່ວນສະຫາຍເລເທີປາດຊີ້ນໝູແລ້ວຊ່ວຍເປັນຕອນໆຢູ່ແຈ້ງອົງ, ສະຫາຍເລລານພວມປາດຄໍໄກ່ຖ້າໄກ່ຕາຍຄັກແນ່ແລ້ວ ເຝິກຈັງເອົາໄປຈຸ່ມໃສ່ໝໍ້ນ້ຳຮ້ອນຈັກຄາວໜຶ່ງ, ຕໍ່ມາເຝິກເອົາໄກ່ອອກຈາກໝໍ້ໝົດລົງຂົນ, ປາດທ້ອງ ຈັກເອົາເຄື່ອງໃນແລ້ວຈັງລ້າງແລະ ຕັດເປັນຕອນໆ ຜິດໆ ເມື່ອທັງສາມຄົນເຮັດແລ້ວກໍ່ມອບໃຫ້ທູກຸກ ແລະ ລານເຝືອງຄົວກິນຕໍ່ໄປ. ສ່ວນພວກເຝິກໝໍ້ໄປກະກຽມຖ້ວຍຈານເຝືອແບ່ງເປັນພາງ.

ເມື່ອເຮັດໝົດໝໍ້ນ້ຳທີ່ຂອງຕົນແລ້ວພວກເຂົາເຈົ້າລ້ວນແຕ່ເບີກບານໃຈເປັນຢ່າງຍິ່ງທີ່ເຫັນວ່ານີ້ນີ້ເຝືອນນັກສຶກສາຂອງ ເຂົາເຈົ້າຊິໄດ້ກິນເຂົ້າທ່ຽງຍ້ອນ.

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ອາຫານ

thức ăn, đồ ăn

ຈຸ

tỏ, nhóm

ສະຫາຍ

đồng chí

ແຕ່ງ	sửa soạn, soạn
ແຕ່ງກິນ	nấu ăn
ແທນ	thay thế
ອ້າຍລ້ຽງ	anh nuôi, cấp dưỡng
ຄາ	bận, mắc
ກອງປະຊຸມໃຫຍ່	đại hội
ທັງ	cả
ເຄີຍ	quen
ເຕັມໃຈ	nhiệt tình
ມອບໝາຍ	giao (nhiệm vụ)
ລ້າງ	rửa
ຜັກ	rau
ຊີ້ນ	thịt
ໝູ	lợn
ໄກ່	gà
ເດັດຜັກ	hái rau
ຄົວກິນ	nấu nướng, xào nấu
ປາດ, ປາດຊີ້ນໝູ	thái, thái thịt lợn
ຄັກແມ່, ຕາຍຄັກແມ່	chu đáo, chết hẳn
ໜໍ້	nồi
ນ້ຳ	nước
ຮ້ອນ	nóng
ຈັກຄາວໜຶ່ງ, ຄາວ	một lát, lát, lúc, khi, hồi

ຫລົກ	nhỏ
ຂົນ	lông
ປາດ	mổ
ຫ້ອງ	bụng
ເຄື່ອງໃນ	lòng (gà, lợn)
ຈົກ	móc, lấy ra
ເມື່ອ	khi, lúc, hồi
ຖ້ວຍ	bát
ຈານ	đĩa
ແບ່ງ	phân, chia
ຜາ	mâm
ເຂົາເຈົ້າ	họ
ເປີກບານ	hồ hởi, vui vẻ
ເຫັນ	thấy
ເພື່ອນ	bạn, bè bạn

ບົດສົນທະນາ

ບຸນຕາ: ໂຕເຮັດ ຫຍັງຫັນນໍ້າ?

ບຸນນີ: ພູມແຕ່ງກິນ ເຊີນນັ້ງແມ້!

ບຸນຕາ: ໂຕຍັງໄຄແດ່ ຮູ້ຈັກເຮັດວຽກເຮືອນການຊານໄຮົາດີ! ຕົ້ມເຂົ້າກະບໍ່ສຸກ
ຍ້ອນ

ບຸນນີ: ບໍ່ວ່າດີ!

ບຸນຕາ: ແທ້ໄດ້!

ບຸນນີ: ເປັນຫຍັງຈຶ່ງເປັນແນວນັ້ນ?

ບຸນຕາ: ໂຍໂຍ! ເຮົາບໍ່ມີໂອກາດໄດ້ເຮັດຫຍັງເລີຍ, ວັນໃດກໍແມ່ນເອື້ອຍອ້າຍ
ເຮັດໝົດ.

ບຸນນີ: ໂຕບໍ່ໄດ້ແຕ່ງກິນລອງເບິ່ງ ແດ່ຫວະ?

ບຸນຕາ: ເຮົາກໍລອງແຕ່ງເທື່ອໜຶ່ງ.

ບຸນນີ: ເປັນແນວໃດ ແຊບບໍ່?

ບຸນຕາ: ໂອຍ! ຖືກເອື້ອຍສັງສອນວ່າ ບໍ່ແມ່ນວຽກຂອງຜູ້ຊາຍ, ບໍ່ຕ້ອງເຮັດ.
ນັບແຕ່ນັ້ນມາເຮົາກໍບໍ່ໄດ້ອົບນໍ້າອີກ.

ບຸນນີ: ເລື່ອງແນວນີ້ພວກເຮົາຄວນຮູ້ໄວ້ກໍ່ດີໄດ້.

ບຸນຕາ: ເຮົາກໍຄິດແນວນັ້ນເພື່ອກໍລະນີຈໍາເປັນຕ້ອງເຮັດກໍພໍຊິເຮັດໄດ້,
ເອີນີ້ ກະດຽວ ວ່ານີ້ມີພວກເຮົາຕ້ອງໄປຟັງບັນຍາຍເພີ່ນເດີມຕ່ວ່າ?

ບຸນນີ: ແມ່ນແທ້, ຖ້າບຸດດຽວເດີ, ເຮົາໄປຖ່າຍເຄື່ອງສາກ່ອນ.

ບຸນຕາ: ໄວວ່າແດ່ເດີ! ຄືຊິສວາຍເຕີບແລ້ວໄດ້, ເຮົາຕ້ອງການຊື້ປີກໃໝ່ອີກແຫ່ງ
ໜຶ່ງ.

ວຽກບ້ານ

1. ໃຊ້ສັບ ແລະ ວະລິຕໍ່ໄປນີ້ແຕ່ງເປັນປະໂຫຍກຢ່າງລະ 2 ປະໂຫຍກ:

ໄດ້, ບໍ່ໄດ້, ໄດ້ຮັບ, ຖືກ, ຄວນ, ຈໍາເປັນ, ຕ້ອງ, ຕ້ອງການ, ເຕັມໃຈ, ຢ່າງຕັ້ງ
ໜ້າ.

2. ເຕີມ “ໄດ້” ຫລື “ຖືກ” ລົງໃນຊ່ອງວ່າງໃຫ້ແທດເໝາະ :

- ຂ້ອຍ.....ຮັບເສື້ອໃໝ່ຜົນຫນຶ່ງຈາກແມ່ຂ້ອຍ.

- ຂ້ອຍ.....ຄັດເລືອກໃຫ້ມາຮຽນພາສາລາວ.

- ຫ້າວບາ.....ນາງຄູ່ຕິດຽນ.

- ນີ້ອີ່ນຜົນຈະ.....ເມື່ອເມືອງລາວ.

- ຫ້າວບຸນຕາ.....ເຮື້ອຍຮ້າຍໃສ່.

3. ປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ ຜິດຫລືຖືກ ຖ້າຜິດກໍແກ້ໃຫ້ຖືກ.

- ເມື່ອວານນີ້ ຂ້ອຍບໍ່ໄປປະຊຸມດອກ!

- ເຝີນໄດ້ຄຸມອບໃຫ້ຂຽນບົດຮຽນບົນກະດານດໍາ.

- ເຝີນໄດ້ຈົດໝ່າຍຈາກເມຍ.

- ເຝີນໄດ້ຮັບເງິນເດືອນແລ້ວ.

- ແມ່ນໃຜຖືກເລືອກເປັນຫົວຫນ້າ?

4. ອ່ານບົດອ່ານຜົນຖານໃຫ້ຄ່ອງແລ້ວຕອບຄໍາຖາມດ້ວຍປາກເປົ່າກ່ອນແລ້ວ
ຈັ່ງຂຽນລົງໃນພັບ.

- ໃຜໄດ້ຮັບມອບໝາຍໃຫ້ຄົວກິນ?

- ນັກສຶກສາເຫລົ່ານີ້ເຮັດອາຫານບໍ່?

- ເລລານເຮັດໄກ່ແນວໃດ?

- ເປັນຫຍັງພວກເຂົາເຈົ້າຮູ້ສຶກເບີກບານໃຈ?

5. ຈັບຄູ່ ສົນທະນາກັນດ້ວຍເນື້ອໃນຂອງບົດອ່ານຜົນຖານ ແລະ ບົດສົນທະນາ.

ບົດທີ 8

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ
2. ແບບປະໂຫຍກ ມີ ປະພັນສັບພະນາມ “ທີ່”
3. ແບບປະໂຫຍກ ຄຳສັ່ງ ຫລື ຂໍຮ້ອງ
4. ແບບປະໂຫຍກບອກສາຍເຫດ “ຍ້ອນວ່າ” “ເພາະວ່າ”
5. ວິທີໃຊ້ສັບ “ໃຫ້ + ພາກຂະຫຍາຍ”
6. ບົດອ່ານຜົນຖານ “ເຮັດອະນາໄມ”

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລິຕຸໂປນີ້:

ທີ່, ຕາມ, ປະ, ຫມີ, ເວົ້າ, ພໍ້, ກ່າຍ, ຢາ, ຈົງ, ໃຫ້, ຂໍ, ເຊີນ, ເບິ່ງ, ລ້າງ, ຊ່ວຍ, ສ່ວຍ, ອາບ, ຈັບ, ຈັດ, ເຊັດ, ເຊົາ, ພັກ, ກວາດ, ຂຸດ, ຖູ, ຜັດ, ປັດ, ຫົວ, ຢ້ານ, ນັ່ງ, ລູກ, ຍືນ, ນອນ, ສູບ, ຍ້ອນ, ເພື່ອ, ກ້ຽງ, ເປື້ອນ, ແກ້ບ, ຈູດ, ມ້ຽນ, ໄຫລ, ຂຶ້ນ, ງາມ, ເຊັ່ນ, ຊາມ, ອ່າງ, ແອ່ງ, ຈອບ, ສຽນ, ໝອນ, ມັ່ງ, ສາດ, ຊວ້ານ, ຈຸ, ກວດ, ແບ່ງ, ເຄື່ອງ, ພັນ, ພັບ, ຈູງ, ໃສ, ຕຽງ, ຕັ້ງ, ເອີ້ນ, ຫຸຍ, ຕິດຕາມ, ກວດກາ, ປະເມືອ, ປະຫມີ, ພົບພໍ້, ຂໍໃຫ້, ຂໍຮຽກຮ້ອງໃຫ້, ຂໍເຊີນ, ຂໍຢາສູ້ລືມ, ກວດກາເບິ່ງ, ໃສເບິ່ງ, ເບິ່ງດູ່, ຊ່ວຍເຫລືອ, ສ່ວຍຫນ້າ, ລ້າງນີ້, ລ້າງຕີນ, ອາບ

ນ້ຳ, ເຊັດຖູ, ເຊົາສາ, ເຊົາກ່ອນ, ເຊົາເນື້ອຍ, ພັກເອົາແຮງ, ປັດກວາດ. ເກັບ
ກວາດ, ຢ້ານກົວ, ຢ້ານຫຍັງຢ້ານເທາະ, ຢາສູ້ຢ້ານເທາະ, ຍ້ອນວ່າ, ຍ້ອນຫຍັງ,
ຍ້ອນໃຜ, ງາມຕາ, ງາມຕາຂຶ້ນ, ດີຂຶ້ນ, ດຸຍຂຶ້ນ, ຕາມຊອກ, ຕາມນຸມ, ຕາມທາງ,
ຕາມບ້ານ, ຕາມປົກກະຕິ, ຕາມທຳມະດາ, ຕາມໃຈ, ດັ່ງນີ້, ດັ່ງນັ້ນ, ດັ່ງເດີມ,
ອ້ອມແອ້ມ, ຂີ້ເຫຍື່ອ, ຂີ້ຝຸນ, ເສຍຫຍ້າ, ຂູດຮ່ອງ, ຜ້າຫົ່ມ, ຮູ້ສຶກ, ຮູ້ສຶກດີໃຈ, ຮູ້
ສຶກພໍໃຈ, ຮູ້ສຶກສະຫວາງໃຈ, ສະອາດສະອາງ, ເຄື່ອງກິນເຄື່ອງນອນ, ເຄື່ອງນຸ່ງ,
ເຄື່ອງຮຽນ, ເຄື່ອງສອນ, ພັນສາດ, ພັນຢາສູບ, ພັບມຸ້ງ, ພັບໂສ້ງ, ພັບເສື້ອ, ພັບ
ຜ້າຫົ່ມ, ມ້ຽນນອນ, ມ້ຽນເຄື່ອງກິນຂອງໃຊ້, ມ້ຽນເຄື່ອງໃຊ້ໄມ້ສອຍ, ມ້ຽນພາເຂົ້າ,
ມ້ຽນຄາບ, ກະປ໋ອງ, ກະປ໋ອງນ້ຳ, ແມງນຸມ, ແມງວັນ, ໄຍແມງນຸມ, ຂີ້ແມງວັນ,
ຄັກແທ້, ຄັກແທ່ນ, ຄັກຫລາຍ, ເຮັດອະນາໄມ, ຮັກສາອະນາໄມ, ຮັບຜິດຊອບ, ຜູ້
ຮັບຜິດຊອບ, ຮັບຜິດຊອບກວາດບ້ານ, ຮັບຜິດຊອບຫົວນ້ຳ, ຍ້ອງ, ຍ້ອງຍໍ, ຟັງ
ຄວາມ.

2. ແບບປະໂຫຍກ

ຄຳນາມ	+ ທີ່	+ ຄຳກຳມະ + ອານຸປະໂຫຍກ
ໄຍແມງນຸມ	ທີ່	ຈັບຢູ່ຕາມຊອກຕາມນຸມ
ພວກ	ທີ່	ເຮັດອະນາໄມໃນຫ້ອງຮຽນ
ເຮືອນ	ທີ່	ພວກເຮົາຢູ່

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ບັນດາ

ນັກສຶກສາ
ພະລາກອນ
ພະນັກງານ
ທະຫານ
ຊາວໜຸ່ມ

ທີ່

ເຮັດອະນາໄມ
ອອກແຮງ
ແຕ່ງກິນ

ແລ້ວ ກໍພາກັນຝັກເອົາແຮງ

ຂ.

ຂ້ອຍ
ຂ້າພະເຈົ້າ

ນັກ

ເດັກນ້ອຍ
ນັກຮຽນ
ຊາວໜຸ່ມ
ແມ່ຍິງ
ຜູ້ຊາຍ

ທີ່

ດູໝັ່ນ
ເຮັດວຽກຢ່າງຕັ້ງໜ້າ

ຄ.

ເຮືອນ
ອາຄານ

ຫລັງທີ່

ເຈົ້າ
ເຝີນ

ເຫັນ
ເວົ້າເຖິງ
ໄປ
ຝັ

ນັ້ນແມ່ນ

ເຮືອນກິນ
ເຮືອນນອນ
ສະໂມສອນ
ຫໍສະໜຸດ

3. ແບບປະໂຫຍກຄຳສັ່ງ ຫລື ຂໍຮ້ອງ

ກ.

ບໍ່ມີຄຳຕົວຕັ້ງ	ຄຳກຳມະ	ຄຳປະກອບ
	ລົງມືເຮັດ ໄປ	ເທາະ! ແນ!

ຂ.

ຄຳຕົວຕັ້ງ	ຄຳກຳມະ	ຄຳປະກອບ
ພວກເຮົາ	ລົງມືເຮັດ ໄປ	ເທາະ ກັນເທາະ

ຄ.

ຄຳປະກອບ	ຄຳກຳມະ
ຈົງ ຢາ ຢາສູ້	ກ່າຍບົດອ່ານພື້ນຖານລົງໃນພັບ ນອນສວາຍ ຝ້າວຫລາຍ

ງ.

ຄຳຕົວຕັ້ງ	ຄຳປະກອບ	ຄຳກຳມະ
ພວກເຮົາ ພວກເຈົ້າ ເຈົ້າ	ຈິງ ຢາ ຢາສູ້	ຕັ້ງໃຈຝັງ ປະໝີ ຜ້າວຫລາຍ

ຈ.

ຄຳປະກອບ	ປະໂຫຍກ
ຂໍໃຫ້ ຂໍຮຽກຮ້ອງໃຫ້ ໃຫ້. ຂໍເຊີນ ເຊີນ	ພວກທ່ານມາກົງເວລາ ພວກເຮົາຊ່ວຍເຫລືອກັນ ພວກເຮົາເຮັດດີແດ່ ບັນດາສະຫາຍນັ່ງລົງ ພວກໝູ່ເຂົ້າເຮືອນ

ສ.

ຕົວປະກອບ	ກຳມະ
ກະລຸນາ ກະລຸນາ	ອັດປະຕູ ມາກົງເວລາ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ລົງມື
ເລີ່ມຕົ້ນ

ເຮັດອະນາໄມ
ອອກແຮງງານ
ເຮັດແບບເຝິກຫັດ
ກວາດຫ້ອງຮຽນ
ຂູດຮ່ອງນ້ຳ
ຝັກເອົາແຮງ

ກັນເທາະ!

ຂ.

ພວກເຮົາ
ພວກເຈົ້າ

ນອນ
ກິນເຂົ້າ
ເຂົ້າເຮືອນ
ລ້າງມື
ສ່ວຍໜ້າ
ຜັດແຂ້ວ
ອາບນ້ຳ
ຊັກເຄື່ອງ
ເຊົາເມື່ອຍ

ສາເນາະ!
ແມ່!

ຄ.

ກະລຸນາ	ອ່ານດັງໆ ເວົ້າຊ້າໆ ເວົ້າໃໝ່ ນັ່ງລົງ ຕັ້ງໃຈຝັງ	ແດ່	ອ້າຍ ເອື້ອຍ ນາງ
--------	---	-----	-----------------------

ງ.

ຈິງ	ຝັງຄວາມ ເຄົາລົບ ເຊື່ອ	ຜູ້ໃຫຍ່ ຄູ ຫົວຫນ້າ ພະນັກງານ ໝູ່ຄູ່
-----	-----------------------------	--

ຈ.

ຢາ ຢາສູ້	ປະໝີ ຢ້ານ ເວົ້າ ໄປ ເບິ່ງ ຝ່າວ ກິນ	ໄດ້! ເດີ! ເທາະ!
-------------	---	-----------------------

ສ.

ພວກເຮົາ
ພວກເຈົ້າ
ພວກທ່ານ

ຈິງ

ຕັ້ງໃຈຮຳຮຽນ
ຕັ້ງໜ້າເຮັດວຽກ
ສັບຊ້ອນເຄື່ອງມືໃຫ້ເປັນລະບຽບ
ກວາດຫ້ອງໃຫ້ກ້ຽງ
ຜັດເຂັ້ວສູ່ນີ້

ຊ.

ພວກເຮົາ
ພວກເຈົ້າ
ພວກທ່ານ

ຢາ
ຢາສູ້.
ຈິງຢາສູ້

ຢູ່ເດິກ
ເື່ອນສວາຍ
ກິນນ້ຳເຢັນ
ມາສວາຍ
ເມື່ອກ່ອນເວລາ

ເດ!
ໄດ້!

ຍ.

ຂໍໃຫ້
ຂໍຮຽກຮ້ອງໃຫ້
ໃຫ້

ພວກເຮົາ
ພວກເຈົ້າ

(ຈິງ)

ມາກົງເວລາ
ເື່ອນແຕ່ເຊົ້າໆ
ທົບທວນບົດຮຽນ
ເຮັດແບບເຝິກຫັດໃຫ້ໝົດ
ຊ່ວຍເຫລືອກັນ

ຢາສູ້ ເຮັດໜ້າ + ເດ
ຈິງ ເຮັດໜ້າ + ເດ

ດ.

ຂໍເຊີນ ເຊີນ	ພວກເຮົາ ພວກທ່ານ ບັນດາສະຫາຍ ພວກເພື່ອນ	ນັ່ງລົງ ສູບຢາ ກິນເຂົ້າແລງ ໄປອາບນ້ຳ ດື່ມເບຍ
----------------	---	--

ຕ.

ຂໍໃຫ້ ຂໍຮຽກຮ້ອງໃຫ້ ໃຫ້	ສະຫາຍ	ຢາ ຢາສູ້	ຝ້າວ ນອນເດິກ ມາສວາຍ ປະເມີນກ່ອນ ດື່ມເບຍຫລາຍ ເຮັດດີໆແດ່	ເດັດ
------------------------------	-------	-------------	--	------

4. ແບບປະໂຫຍກ:

ປະໂຫຍກບອກຜົນ	+ ຍ້ອນວ່າ ເພາະວ່າ	+ປະໂຫຍກບອກເຫດ
ໃຜກໍ່ຮູ້ສຶກສະ ຫວາງໃຈ	ຍ້ອນວ່າ	ທຸກສິ່ງທຸກຢ່າງ ລ້ວນສະອາດ ສະອາງງາມຕາຂຶ້ນ

ບົດເຝິກຫັດແບບປ່ຽນແທນ

ກ.

ພວກເຮົາ ພວກເພິ່ນ ໃຜກໍ່	ຮູ້ສຶກສະຫວາງໃຈ	ຍ້ອນວ່າ ເພາະວ່າ	ພວກເຮົາ ພວກເພິ່ນ	ເຮັດຫລ້ອນຫນ້າທີ່
------------------------------	----------------	--------------------	---------------------	------------------

ຂ.

ຄູ ອາຈານ	ດີໃຈ ພໍໃຈ	ຫລາຍ	ຍ້ອນວ່າ ເພາະວ່າ	ນັກສຶກສາ ພວກເຮົາ ພວກເຂົາ	ຕັ້ງໃຈຮຽນ ດຸຫມັ່ນ ຮຽນດີ
-------------	--------------	------	--------------------	--------------------------------	-------------------------------

ຄ.

ເພິ່ນ	ນາ ຕື່ນ ລຸກ	ສວາຍ	ຍ້ອນວ່າ ເພາະວ່າ	ໂມງເພິ່ນ	ຕາຍ ແລ່ນຊ້າ
-------	-------------------	------	--------------------	----------	----------------

ງ.

ເປັນຫຍັງ ຍ້ອນຫຍັງ	ເຈົ້າຈິ່ງ	ມ່ວນຊື່ນ ສະຫວາງໃຈ	ແທ້? ຍ້ອນວ່າ	- ຂ້ອຍໄດ້ຮັບ ຈົດໝາຍ - ຂ້ອຍມີຂ່າວດີ - ຂ້ອຍເຮັດວຽກ ບ້ານແລ້ວ
----------------------	-----------	----------------------	--------------	---

ຈ.

ໂທ! ຫ້ອງເຈົ້າສັງມາ

ກ້ຽງ
ງາມ

ແທ້ໆ ຍ້ອນວ່າ

ເຮົາໝັ້ນເຮັດອະນາໄມ
ເຮົາກວາດຢູ່ສະເໝີ
ເຮົາສັບຊ້ອນໃໝ່

5. ວິທີໃຊ້ສັບ"ໃຫ້"

ກ.

ຄຳກິລິຍາ	+ ໃຫ້	+ ຄຳຂະຫຍາຍ
ກວາດປ້າມ	ໃຫ້	ກ້ຽງ
ເຮັດ	ໃຫ້	ດີ

ຂ.

ຄຳກິລິຍາ	+ ໃຫ້	+ ອະນຸປະໂຫຍກຂະຫຍາຍຄວາມ
ຂຸດຮ່ອງ	ໃຫ້	ນ້ຳໄຫລໄດ້ລຸລ່ວງ
ເຮັດ	ໃຫ້	ໂຮງຮຽນງາມຂຶ້ນ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ຟອກເຮົາຈົງ

ຈັດໂຕະ

ໃຫ້ເປັນລະບຽບຮຽບຮ້ອຍ

ຈັດຕຽງ

ຈັດຕັ້ງນັ່ງ

ມ້ຽນເຄື່ອງນອນ

ມ້ຽນເຄື່ອງໃຊ້ໄມ້ສອຍ

ຂ.

ໃຫ້ຟອກເຮົາ

ເກັບ

ຂີ້ເຫຍື່ອ

ໃຫ້ໝົດ

ເດີ!

ກວາດ

ກ້ຽງ

ຈູດ

ຄ.

ບັນດາ

ນັກສຶກສາ

ພາກັນ ເຮັດໃຫ້

ໂຮງຮຽນ

ງາມ

ຂຶ້ນ

ພະລາກອນ

ສະໂມສອນ

ສະອາດ

ພະນັກງານ

ຫ້ອງຮຽນ

ຫ້ອງບັນຍາຍ

ຫ້ອງນອນ

ຫ້ອງກິນ

6. ບົດອ່ານພື້ນຖານ

ເຮັດອະນາໄມ

ຕາມປົກກະຕິ ນັກສຶກສາເຮັດອະນາໄມທົ່ວໄປ ອາທິດລະເທື່ອ. ກ່ອນຈະລົງມື ເຮັດພວກເຂົາເຈົ້າມັກຈະກະກຽມເຄື່ອງໄມ້ເຄື່ອງມືໄວ້ພ້ອມທຸກຢ່າງເຊັ່ນ: ໄມ້ພອຍ ຜ້າເຊັດໂຕະ, ຊາມ, ອ່າງ, ຈົກ, ສັຽມ, ຊວ້ານໆລຯ.

ຕາມທຳມະດາ, ຮອງຫົວໜ້າເປັນຜູ້ແບ່ງງານໃຫ້ແຕ່ລະຈຸ ແລະ ຕິດຕາມ, ກວດ ກາວຮຸກເຮັດຢ່າງແທດເຖິງ.

ນີ້ນີ້ ຈຸສະຫາຍແຫ່ງ ຮັບຜິດຊອບເຮັດອະນາໄມທ້ອງຮຽນ, ເຂົາເຈົ້າແບ່ງອອກ ເປັນສອງພາກສ່ວນ, ພາກສ່ວນໜຶ່ງເຮັດອະນາໄມພາຍໃນທ້ອງຮຽນ, ອີກພາກ ສ່ວນໜຶ່ງເຮັດອະນາໄມອ້ອມແອ້ມທ້ອງຮຽນ, ພວກທີ່ເຮັດອະນາໄມໃນທ້ອງຮຽນ ພາກັນປິ່ນຕັ້ງນັ່ງຂຶ້ນທັບໂຕະ, ປັດກວາດໄຍແມງມຸມ ທີ່ຈັບຢູ່ ຕາມຊອກຕາມແຈ ບົນເພດານ ຫລື ປ່ອງຢ້ຽມ, ປະຕູ ແລ້ວຈຶ່ງກວາດຟື້ນທ້ອງໃຫ້ກ້ຽງ. ຫລັງຈາກ ນັ້ນເຂົາເຈົ້າ ຈັດໂຕະຕັ້ງໃຫ້ເປັນລະບຽບຮຽບຮ້ອຍດັ່ງເດີມ. ພວກທີ່ເຮັດອະນາໄມ ອ້ອມແອ້ມທ້ອງຮຽນພາກັນເກັບກວາດຂີ້ເຫຍື່ອ, ເສບຫຍ້າ ແລະ ຂຸດຮ່ອງນ້ຳໃຫ້ ນ້ຳໄຫລໄດ້ລຸລ່ວງ.

ຫລັງການເຮັດອະນາໄມທົ່ວໄປພວກເຂົາເຈົ້າພາກັນ ໄປອາບນ້ຳ, ຊັກເຄື່ອງ ນຸ່ງ, ເຄື່ອງນອນ, ໝອນ, ນຸ່ງ, ສາດ ແລະ ຜ້າຫົ່ມ, ໃຜກໍ່ຮູ້ສຶກສະຫວາງໃຈຍ້ອນ ວ່າ ທຸກສິ່ງທຸກຢ່າງລ້ວນແຕ່ສະອາດສະອາງງາມຕາຂຶ້ນ

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ປົກກະຕິ	bình thường, thông thường, thường xuyên
ເທື່ອ	lần, lượt
ກ່ອນ	trước (trước khi)
ຈະ	sẽ
ລົງມື	tiến hành (bắt tay vào việc)
ເຄື່ອງໄມ້ເຄື່ອງມື	công cụ, đồ dùng
ໄວ້	để
ພ້ອມ	cùng, đồng thời
ຜ້າ, ຜ້າຊັດໂຕະ	khăn, khăn lau bàn
ຊາມ	đĩa
ອ່າງ	chậu (đựng nước)
ສັ່ງ	cái thuổng
ຊວ້ານ	cái xẻng
ຈົກ	cái cuốc
ທຳມະດາ	thông thường
ຮອງຫົວຫນ້າ	tổ phó
ຕິດຕາມ	theo dõi
ກວດກາ	kiểm tra, giám sát
ແຫດເຖິງ	sát sao

ຮັບຜິດຊອບ	phụ trách
ພາກັນ	rủ nhau
ຕັ້ງນັ່ງ	ghế ngồi
ປີ້ນ	lật
ປັດກວາດ	quét tước
ໄຍ	màng, tơ
ແມງມຸມ	nhện
ຈັບ	bám, đập, nắm
ຜືນ	nền (nhà)
ກ້ຽງ	nhấn, sạch
ຫລັງຈາກນັ້ນ	sau đó
ດັ່ງເດີມ	như cũ
ເສຍຫຍ້າ	làm cỏ
ຂຸດ	đào
ຮ່ອງນ້ຳ	rãnh (thoát nước)
ລຸລ່ວງ	thông suốt
ອາບນ້ຳ	tắm
ຊັກ	giật
ເສືອງນຸ່ງ	đồ mặc (quần áo)
ເສືອງນອນ	đồ nằm (chăn, màn, chiếu)
ໝອນ	gối
ມຸ່ງ	màn
ສາດ	chiếu

ຜ້າຫົ່ມ

chăn

ຮູ້ສຶກ

cảm nhận, cảm thấy

ສະຫວາງໃຈ

thoải mái

ຍ້ອນວ່າ

bởi vì

ທຸກສິ່ງທຸກຢ່າງ

tất cả

ງາມ

đẹp

ຕາ

mắt

ບົດສົນທະນາ

ຮອງຫົວຫນ້າ: ເຖິງເວລາເຮັດອະນາໄມຫ້ອງພັກແລ້ວ ເດີ! ຂໍໃຫ້ພວກເຮົາ
ຈົງພັບສາດ, ພັບມັງ, ມ້ຽນໝອນ, ຜ້າຫົ່ມຂອງຕົນໃຫ້ຮຽບຮ້ອຍ
ແລ້ວຈູງລົດຖີບອອກຈາກຫ້ອງຫມົດເດີ.

ຈີ່ແທ່ງ: ໃສ່ເບິ່ງ! ໃຫ້ຂ້ອຍຍືນກະປອງຕັກນ້ຳແດ່! ຂ້ອຍຊື້ຫົວນ້ຳມາເຊັດ
ຕຽງ, ຕັ້ງ, ປອງຢ້ຽມ ແລະ ປະຕູໃຫ້ດອກ.

ຮອງຫົວຫນ້າ: ເອົາແນະ! ຂ້ອຍກັບທ້າວທຽມກວາດໄຍແມງມຸມຕາມຊອກ,
ຕາມແຈ ແລະ ບິນເຝດານ. ສ່ວນທ້າວນາມກັບທ້າວນຽມຮັບຜິດ
ຊອບເຮັດອະນາໄມອ້ອມແອ້ມ ຫ້ອງພັກ. ຂໍໃຫ້ພວກເຮົາເຮັດໃຫ້ສະ
ອາດສະອາງຄັກແທ້ເດີ!

ເລເທີ: ໃຜເຮັດແລ້ວກໍໃຫ້ເຊົາ ເພື່ອເຮັດອະນາໄມສ່ວນຕົວໂລດຕວາ?

ຮອງຫົວຫນ້າ: ຄັນເຮັດແລ້ວກໍເອີ້ນຂ້ອຍໄປກວດກາ ເບິ່ງສາກ່ອນ ເດັ! ຢ່າຝ່າວ
ປະຫນີໄດ້.

ເລເທີ: ທຸຍ! ບໍ່ຫມົດອກ ອ້າຍໃຫຍ່! ຢ່າສູ້ຢ້າມເຫະະ!

ງຸກບ້ານ

1. ໂຮມສອງອະນຸປະໂຫຍກເຂົ້າເປັນປະໂຫຍກດຽວໂດຍໃຊ້ປະພັນສັບພະນາມ “ທີ່” ຕາມຕົວຢ່າງ:

ເຈົ້າຊີ້ປື້ມ + ປື້ມມ່ວນຫລາຍ = ປື້ມທີ່ເຈົ້າຊີ້ມ່ວນຫລາຍ.

ກ. ຂ້ອຍຢືນປື້ມຫໍສະໝຸດ ປື້ມມ່ວນຫລາຍ.

ຂ. ເພິ່ນຢູ່ເຮືອນດິນຈີ່ ເຮືອນດິນຈີ່ກວ້າງພໍແລ້ວໄດ້

ຄ. ຄູ່ຍ້ອງຍໍນັກສຶກສາ ນັກສຶກສາຮຽນເກ່ງ.

ງ. ລົດຖີບຢູ່ໃນຫ້ອງພັກ ລົດຖີບແມ່ນຂອງຂ້ອຍ.

ຈ. ໄຍແມ່ງມຸມຈັບຢູ່ຕາມຊອກຕາມແຈ ໄຍແມ່ງມຸມຖືກນັກຮຽນກວາດຫມົດ.

2. ຈົງແຕ່ງປະໂຫຍກຄຳສັ່ງຫລື ຂໍຮ້ອງດ້ວຍຄຳກິລິຍາຕໍ່ໄປນີ້:

ເຮັດອະນາໄມ, ກວາດ, ຂຸດ, ຜັດ, ສ່ວຍຫນ້າ, ຊ່ວຍເຫລືອ, ຟ້າວ,

ຕື່ນ, ປະ, ເມືອ, ມ້ຽນ, ຈູດ, ຝັງຄວາມ

3. ຈົງແຕ່ງປະໂຫຍກບອກສາຍເຫດ ແລະ ຖາມສາຍເຫດ ນາຢ່າງລະ

5 ປະໂຫຍກ

4. ຕອບຄຳຖາມຕໍ່ໄປນີ້ ໂດຍໃຊ້ສັບໃນວົງເລັບ:

ກ. ເປັນຫຍັງເຈົ້າຈຶ່ງບໍ່ໄປໂຮງຮຽນ? (ບໍ່ສຳບາຍ)

ຂ. ຍ້ອນຫຍັງເພິ່ນຈຶ່ງຮຽນເກ່ງ? (ດຸຫມັ່ນ)

ຄ. ນາງສົມພອນ ສັງມາມ່ວນຊື່ນແທ້ ? (ໄດ້ຮັບຈົດໝາຍ)

ງ. ຫ້ອງນີ້ສັງມາສະອາດແທ້? (ເຮັດອະນາໄມແລ້ວ)

ຈ. ເຈົ້າສັງມາຕື່ນສວາຍແທ້? (ຢູ່ເດິກໂພດ)

5. ຈັດລະບຽບຂອງຄຳໃນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ໃຫ້ຖືກ

ກ. ພວກເຮົາຈົງກວາດຂີ້ເຫຍື້ອໃຫ້ກ່ຽງ

ຂ. ສັງມາພວກເພື່ອນມ່ວນຊື່ນແທ້?

ຄ. ນາງສົມໃຈ ຍ້ອນຫຍັງຈຶ່ງບໍ່ມາ?

ຈ. ເຈົ້າເປັນຫຍັງບໍ່ໄປ?

ຊ. ຍ້ອນວ່າພວກເຮົາຮຽນດີ ຄູ່ດີໃຈຫລາຍ

6. ອ່ານບົດອ່ານພື້ນຖານແລ້ວຕອບຄຳຖາມຕໍ່ໄປນີ້

ກ. ຕາມປົກກະຕິນັກສຶກສາເຮັດອະນາໄມອາທິດລະຈັກເທື່ອ?

ຂ. ກ່ອນຊີວິດມີເຮັດພວກເຂົາເຈົ້າເຮັດຫຍັງແດ່?

ຄ. ໃຜແມ່ນຜູ້ແບ່ງງານ ແລະ ຕິດຕາມການເຮັດອະນາໄມ?

ງ. ຈຸທີ່ເຮັດອະນາໄມໃນຫ້ອງຮຽນເຮັດຫຍັງແດ່?

ຈ. ຈຸທີ່ເຮັດອະນາໄມອ້ອມແອ້ມຫ້ອງຮຽນເດ?

ຊ. ຫລັງຈາກເຮັດອະນາໄມແລ້ວ ພວກເຂົາເຈົ້າເຮັດຫຍັງ?

ຍ. ພວກເຂົາເຈົ້າຮູ້ສຶກຈັງໃດ? ຍ້ອນຫຍັງ?

7. ຈົງຈັບຄູ່ໂລມກັນຕາມເນື້ອໃນຂອງບົດສົນທະນາ

ບົດທີ ໑

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ
2. ແຍຍປະໂຫຍກ “ນອກຈາກກໍຈະ.....ແລ້ວຍັງ.....ອີກດ້ວຍ”
3. ແບບປະໂຫຍກ “ພໍ.....ກໍ.....”
4. ແບບປະໂຫຍກບອກເງື່ອນໄຂ “ຄັນ.....ກໍ.....”
5. ວິທີໃຊ້ສະປະພັນນາມ “ເຊິ່ງ”
6. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ການອອກແຮງງານ

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລິຕ໌ໄປນີ້:

ຟ້າ, ຟົນ, ແດດ, ຖ່າຍ, ຄັນ, ເມືອ, ເອີ້ນ, ເຊົາ, ເລິກ, ຖາມ, ບອກ, ເຊິ່ງ, ຍືນ, ປາກ, ອີນ, ເວົ້າ, ເຜືອ, ເພີ່ມ, ກໍ່ສ້າງ, ສ້ອມ, ແປງ, ດິນ, ຊາຍ, ຂຸດ, ຂູດ, ບ່ອນ, ຂົນ, ແຄມ, ຂ້າງ, ຊື້, ແຈກ, ຢາຍ, ເໝົາ, ສັງລຸນ, ກ່ອນ, ຖືກ, ສຸດ, ຄວາມ, ໄວ, ກອງ, ເໝືອ, ປ່າ, ແຮງ, ຄວນ, ນັດ, ນົກ, ຝ້າຮຸ່ງ, ຝ້າຟົນ, ຟົນຕົກ, ຟົນຊາ, ຟົນເຊົາ, ຟົນຫຍຸດ, ແດດອ່ອນ, ຖ່າຍເຄື່ອງ, ຄັນວ່າ, ຄັນແມ່ນ, ເມືອເຮືອນ, ເມືອບ້ານ, ເອີ້ນໃສ່, ເຊົາເນື້ອຍ, ເຊົາສາ, ເລິກການ, ຖາມຫາ, ຖາມເຖິງ, ບອກກ່າວ, ຍືນຂັ້ນ, ຍືນກົງ, ຜູ້ອິນ, ຄົນອິນ, ວັນອິນ, ນີ້ອິນ, ປາກເວົ້າ, ປາກສຽງ, ປາກເປັນ,

ປາກຈັດ, ປາກຄວາມ, ເວົ້າເຖິງ, ເວົ້າໃສ່, ເວົ້າລາວ, ເພີ່ມເຕີມ, ເພີ່ມພຸນ, ກໍ່
ສ້າງ, ກໍ່ດິນຈີ່, ສ້ອມແປງ, ດິນຊາຍ, ດິນນາ, ຂຸດດິນ, ບ່ອຍກິນ, ບ່ອນຢູ່, ບ່ອນນີ້,
ບ່ອຍກໍ່ສ້າງ, ຂົນດິນຈີ່, ຂົນຂອງ, ຂົນອອກ, ຂົນເຂົ້າ, ແຄມທາງ, ແຄມເຊ, ແຄມ
ຫ້ວຍ, ຂ້າງໜ້າຂ້າງຫລັງ, ຂ້າງຄຽງ, ຂ້າງເທິງ, ຂ້າງລຸ່ມ, ຂ້າງຊ້າຍ, ຂ້າງ
ຂວາ, ແຈກຢາຍ, ແຈກຢາ, ແຈກປີ້ມ, ເໝົາງາມ, ຮັບເໝົາ, ສັງສອນ, ສັງ
ຄວາມ, ສຸດຄວາມ, ແມ່ນຄວາມ, ຄວາມລາວ, ຄວາມຫວຽດ, ຄວາມໄທ, ກອງດິນ,
ກອງຊາຍ, ກອງເງິນ, ກອງຄຳ, ກອງໄວ້, ເໝືອບ່າກວ່າແຮງ, ກະສຸນສອງນັດ,
ກະສຸນນັດດຽວ, ຍິງນົກ, ຍິງປີນ, ຍິງເປົ້າ, “ກະສຸນນັດດຽວຍິງນົກໄດ້ສອງໂຕ”,
ຄືວ່າ, ຄືວ່າຫັນແລ້ວໄປ, ໄວວາ, ໄວໆ, ໄວໆເຂົ້າ, ພະຍາ, ພະຍາຍາມ, ພະຍາ
ຍາມເວົ້າ, ພະຍາຍາມຮຽນ, ພະຍາຍາມເຮັດ, ນຳກັນ, ຢູ່ນຳກັນ, ເຮັດນຳກັນ,
ເວົ້ານຳກັນ, ໄປນຳກັນ, ກິນນຳກັນ, ຫລິ້ນນຳກັນ, ໃນຕົວ, ໄປໃນຕົວ, ເຝິກແອບ
ໄປໃນຕົວ, ເປັນການເຝິກແອບໄປໃນຕົວ, ເຊິ່ງກໍ່ເປັນການເຝິກແອບໄປໃນຕົວ, ເດີນ
ທາງ, ທາງເດີນ, ເດີນປີນ, ອອກເດີນທາງ, ແຄມທາງເດີນ, ຂ້າງທາງເດີນ, ນ້ຳ
ສ້າງ, ຂຸດນ້ຳສ້າງ, ເຄື່ອງມື, ເຄື່ອງໄມ້ເຄື່ອງມື, ເຄື່ອງໃຊ້ໄມ້ສອຍ, ເຄື່ອງດອງ
ຂອງກິນ.

2. ແບບປະໂຫຍກ “ນອກຈາກຈະ.....ແລ້ວຍັງ.....ອີກດ້ວຍ”

ກ.

ຄຳຕົວຕັ້ງ	ນອກຈາກຈະ	+ ກິລິຍາ	+ ແລ້ວຍັງ	+ ກິລິຍາ	+ ອີກດ້ວຍ
ພວກເຮົາ	ນອກຈາກຈະ	ຕັ້ງໃຈຮຽນ	ແລ້ວຍັງ	ຕັ້ງໜ້າ ອອກແຮງ ງານ	ອີກດ້ວຍ

ຂ.

ນອກຈາກ	+ຄຳຕົວຕັ້ງ	+ຈະ	+ກິດຍາ	+ແລ້ວ	+ຄຳຕົວຕັ້ງ	+ຍັງ	+ກິດຍາ	+ອີກດ້ວຍ
ນອກຈາກ	ພວກເຮົາ	ຈະ	ຕັ້ງໃຈ ຮຽນ	ແລ້ວ	ພວກເຮົາ	ຍັງ	ຕັ້ງໜ້າ ອອກ ແຮງ ງານ	ອີກດ້ວຍ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ພວກເຮົາ	ນອກຈາກ	ຕັ້ງໃຈຮຽນ	ແລ້ວຍັງ	ຕັ້ງໜ້າອອກ-	ອີກດ້ວຍ
ພວກເພີ່ມ	ຈະ	ຮຽນພາສາລາວ		ແຮງງານ	
ເຂົາເຈົ້າ		ຮຽນດີ		ເຝິກແອບອີຊາ-	
ນັກສຶກສາ		ສະຫລາດສະຫລຽວ		ການທະຫານ	
		ບໍ່ຢ້ານຄວາມ-		ເຮັດວຽກເກັ່ງ	
		ລຳບາກ		ຕຸກໜັ່ນ	
				ຊ່ວຍເຫລືອກັນ	

ຂ.

ນອກຈາກ	ພວກເຮົາ ພວກເພິ່ນ ເຂົາເຈົ້າ ນັກຂ່າວ	ຈະ	ຕັ້ງໃຈຮຽນ ຮຽນພາສາລາວ ຮຽນດີ ສະຫລາດສະຫລຽວ ບໍ່ຢ້ານຄວາມລຳບາກ	ແລ້ວ	ພວກເຮົາ ພວກເພິ່ນ ເຂົາເຈົ້າ	ຍັງ	ຕັ້ງໜ້າ- ອອກແຮງ- ງາມ ເພິ່ນແອບ- ວິຊາການ ທະຫານ ດູໝັ່ນ ຊ່ວຍເຫລືອ- ກັນ	ອີກ- ດ້ວຍ
--------	---	----	--	------	----------------------------------	-----	--	--------------

ຄ.

ນອກຈາກ	ຕັ້ງໃຈຮຽນ ຮຽນພາສາລາວ ຮຽນດີ ບໍ່ຢ້ານຄວາມລຳບາກ	ແລ້ວ	ພວກເພິ່ນຍັງເຮັດຫຍັງອີກ?
--------	--	------	-------------------------

ງ.

ພວກເພິ່ນ ເຂົາເຈົ້າ	ນອກຈາກ	ສະຫລາດສະຫລຽວ ດູໝັ່ນ	ແລ້ວ	ຍັງເປັນແນວໃດອີກ?
-----------------------	--------	------------------------	------	------------------

3. ແບບປະໂຫຍກ “ພໍ.....ກໍ.....”

ກ.

ພໍ	+ ປະໂຫຍກ	+ ຄຳຕົວຕັ້ງ	+ ກໍ່	ຄຳກຳມະ
ພໍ	ເພີ່ນມາ	ຂ້ອຍ	ກໍ່	ໄປໂລດ

ຂ.

ພໍ	+ ກຳມະ	+ ຄຳຕົວຕັ້ງ	+ ກໍ່	+ ກຳມະ
ພໍ	ເຫັນຂ້ອຍ	ເພີ່ນ	ກໍ່	ຖາມຫາເຈົ້າໂລດ

. ຫມາຍເຫດ: ຄຳຕົວຕັ້ງໃນປະໂຫຍກຫລັງຕ້ອງແມ່ນອັນດຽວກັນກັບປະໂຫຍກໜ້າ

ເຊິ່ງຈະໄວ້ ປະໂຫຍກແບບນີ້ອາດຈະປ່ຽນເປັນ:

“ພໍ ເພີ່ນ ເຫັນຂ້ອຍ ເພີ່ນ ກໍ່ຖາມຫາເຈົ້າໂລດ”

ແຕ່ບໍ່ອາດເວົ້າວ່າ

“ພໍ ເຫັນຂ້ອຍ ຂ້ອຍກໍ່ຖາມຫາເຈົ້າໂລດ”

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ພໍ	ເມື່ອຮອດບ້ານ ເວົ້າສຸດຄວາມ ເຮັດວຽກບ້ານແລ້ວ ມາຈາກໂຮງຮຽນ	ເພີ່ນກໍ່ ໄປ	ອາບນ້ຳ ຊັກເຄື່ອງ ແຕ່ງກິນ
----	--	-------------	--------------------------------

ຂ.

ພໍ

ເພິ່ນ
ເຂົາເຈົ້າ
ຫົວຫນ້າຈຸ
ພະນັກງານ
ຄູ

ເວົ້າສຸດຄວາມ ພວກເຮົາກໍລົງມືເຮັດໂລດ

ຄ.

ພໍ

ໄດ້ເວລາ
ຄໍາລົງ
ຝ້າຮຸ່ງ
ຝົນຕົກ
ແດດອອກ
ຝົນເຊົ້າ

ພວກເຮົາ
ເຂົາເຈົ້າ

ກໍ່ອອກເດີນທາງໂລດ

ງ.

ພໍ

ເຮັດວຽກບ້ານແລ້ວ
ກັບມາຈາກໂຮງຮຽນ
ໄປປະຊຸມນາ
ມາຮອດບ້ານ

ຂ້ອຍ
ເພິ່ນ
ເຂົາ

ກໍ່

ຝ້າວແຕ່ງກິນໂລດ
ຖ່າຍເຄື່ອງໂລດ

7. ແບບປະໂຫຍກຊັບອກເງື່ອນໄຂ: "ຄັນ.....ກໍ....."

ກ.

ຄໍາຕົວຕັ້ງ	+ ກໍາມະ	+ ກໍ່	+ ກໍາມະ
ໃຜ	ເຮັດແລ້ວ	ກໍ່	ໄດ້ເມື່ອ

ຂ.

ຄັນ	+ ຄໍາຕົວຕັ້ງ	+ ກໍາມະ	+ ຄໍາຕົວຕັ້ງ	+ ກໍ່	+ ກໍາມະ
ຄັນ	ເຈົ້າ	ເຮັດແລ້ວ	ເຈົ້າ	ກໍ່	ໄດ້ເມື່ອ

ຄ.

ຄັນ	+ ຕົວຕັ້ງ	+ ກໍາມະ	+ ກໍ່	+ ຕົວຕັ້ງ
ຄັນ	ເຈົ້າ	ເຮັດແລ້ວ	ກໍ່	ເມື່ອໂລດ

ງ.

ຄັນ	+ ກໍາມະ	+ ຕົວຕັ້ງ	+ ກໍ່	+ ກໍາມະ
ຄັນ	ເຮັດແລ້ວ	ເຝີນ	ກໍ່	ເອີ້ນຂ້ອຍ

ຈ.

ຄັນ	+ ກໍາມະ	+ ກໍ່	+ ກໍາມະ
ຄັນ	ເຮັດແລ້ວ	ກໍ່	ເອີ້ນຂ້ອຍແດ່

ໝາຍເຫດ:

-ໃນແບບປະໂຫຍກ ງ ລະຄໍາຕົວຕັ້ງຂອງປະໂຫຍກທໍາອິດ ເພາະວ່າ

ເປັນຕົວຕັ້ງອັນດຽວກັບປະໂຫຍກຫລັງ.

-ໃນແບບປະໂຫຍກ ຈ ລະຄຳຕົວຕັ້ງທັງໝົດ ເພາະວ່ານີ້ແມ່ນປະໂຫຍກ ຄຳສັ່ງ ຫລື ຂໍຮ້ອງ.

ບົດເຝິກຫັດແບບປ່ຽນແທນ

ກ. ໃຜເຮັດແລ້ວກ່ອນກໍ່ ໄດ້

ເມື່ອ

ກ່ອນ

ເຊົ້າເມື່ອຍ

ພັກເອົາແຮງ

~~ຫຍຸດ~~

ເຊົ້າ

ຂ.

ຄັນ

ເຈົ້າ

ເຝີນ

ໄປ

ເມື່ອ

ມາ

ເຮັດ

ເບິ່ງ

ເຊົ້າ

ຂ້ອຍ

ກໍ່ຊິໄປ

ຂີ່ກັນ

ຂີດຽວ

ນຳ

ຄ.

ຄັນເຈົ້າເຮັດແລ້ວ ກໍ່

ເຊົາ
ເມືອ
ເລີກ
ພັກ

ສາ

ງ.

ເຈົ້າ
ເຝີນ

ເຮັດແລ້ວຊັ້ນ

ບໍ່ຊ່າ
ຫວະຊ່າ

ຄັນຊັ້ນ ກໍ່

ເຊົາ
ເມືອ
ເລີກ
ພັກ

ສາ

ຈ.

ເຈົ້າເຮັດແລ້ວຊັ້ນ

ຫວະຊ່າ
ບໍ່ຊ່າ

ເຊົາ
ເມືອ
ເລີກ
ພັກ

ສາ, ຊັ້ນ!

ສ.

ເຝີນເຮັດບໍ່ທັນແລ້ວຕື້ ! ເຮັດແລ້ວ ເຝີນກໍ່

ໄດ້ເອີ້ນ

ຂ້ອຍແລ້ວຕວາ!

ໄດ້ຖາມ

ໄດ້ບອກ

ຊ.

ເມື່ອຮອດບ້ານແລ້ວ ກໍ່

ສົ່ງຂ່າວ
ສົ່ງ ຈ.ມ
ຝາກປື້ມ

 ໃຫ້

ຂ້ອຍ
ເພິ່ນ

 ແດ່ເດີ!

ຍ.

ຄັນແລ້ວວຽກກໍ່ໃຫ້

ມາ
ໄປ
ເມືອ
ກັບເມືອ

 ໂລດເດີ!

5. ວິທີໃຊ້ປະພັນສັບພະນາມ "ເຊິ່ງ"

ກ. "ເຊິ່ງ" ອາດໃຊ້ແທນ "ທີ່" ແຕ່ບໍ່ມີຄວາມໝາຍເນັ້ນເຖິງການຈຳແນກ

ຄື "ທີ່" ຫາກພຽງແຕ່ຂະຫຍາຍຄວາມໃຫ້ແກ່ຄຳນາມທີ່ຢູ່ຂ້າງຫນ້າເຊັ່ນ:

- ຂ້ອຍມັກນັກຮຽນທີ່ຮຽນເກັ່ງ (ສະເພາະນັກຮຽນທີ່ຮຽນເກັ່ງເທົ່ານັ້ນ) ເພິ່ນແມ່ນນັກຮຽນເຊິ່ງຮຽນເກັ່ງ ("ເຊິ່ງຮຽນເກັ່ງ" ຂະຫຍາຍຄວາມໃຫ້ "ນັກຮຽນ")
- ນັກສຶກສາທີ່ຢືນຢູ່ຜຸ່ນນີ້ຍັມເຊິ່ງເຈົ້າຕ້ອງການ (ນັກສຶກສາຜູ້ທີ່ຢືນຢູ່ຜຸ່ນ ບໍ່ແມ່ນຜູ້ອື່ນ)

ຂ.

"ເຊິ່ງ" ແທນຂໍ້ຄວາມຢູ່ຂ້າງຫນ້າ ເຊັ່ນ:

ໃນຂະນະທີ່ພວກເຮົາອອກແຮງງານພວກເຂົາກໍ່ເວົ້າພາສາລາວນຳກັນ ເຊິ່ງກໍ່ເປັນການເຝິກແອບໄປໃນຕົວ.

ຈຳ

ກ. ເຂົາເຈົ້າ
- ເຂົາ

ນັກສຶກສາ
ທະຫານ

ເຊິ່ງ

ຮຽນ
ເຝິກຫັດ
ພັກ
ເຮັດວຽກ
ເຊົາ

ຢູ່

ຂ.

ເຈົ້າເວົ້າເຖິງນັກສຶກສາໃດ?

ຂ້ອຍເວົ້າເຖິງນັກສຶກສາທີ່

ຮຽນ
ເຝິກຫັດ
ພັກ
ເຮັດວຽກ
ເຊົາ

ຢູ່

ຄ.

ຢູ່ໃສ

ພວກເຮົາ
ນັກສຶກສາ
ຊຸມເຂົາ

ກໍ່

ປາກຄວາມລາວນຳກັນ
ເວົ້າພາສາລາວ
ເວົ້າລາວ

ເຊິ່ງກໍ່ເປັນການເຝິກ
ແອບໄປໃນຕົວ

ແບບປະໂຫຍກ

ຕົວຕັ້ງ + ກິລິຍາ	+ ຄຳປະກອບ	+ ໃຫ້ແກ່	+ ຄຳປະກອບ
ຝົນ	ມອບ	ເຄື່ອງມື	ໃຫ້

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ຫົວໜ້າຈຸ

ມອບ
ສິ່ງ
ຊື້, ຝາກ

ເຄື່ອງມື
ເຄື່ອງຮຽນ

ໃຫ້ແກ່
ໃຫ້

ຊຸມຊົນ

ຂ.

ແມ່ຂ້ອຍ

ຝາກ
ສິ່ງ
ມອບ

ຈິດໝາຍ
ວາລະສານ

ໃຫ້

ຂ້ອຍ
ເຈົ້າ

ສະບັບໜຶ່ງ

ຄ. ຝົນ

ຝາກ
ສິ່ງ
ມອບ
ແບ່ງ
ເອົາ

ຫຍັງໃຫ້ເຈົ້າ?

ຄືຊື້ແມ່ນປຶ້ມດີ!

ງ.

ເຂົາເຈົ້າ

ຝາກ

ສິ່ງ

ນອບ

ແປງ

ເອົາ

ເງິນໃຫ້ໃຜ? ຈັກເດ!

ໝາຍເຫດ:

+ ອາດຈະວາງຄໍາປະກອບກົງຂຶ້ນໜ້າປະໂຫຍກເພື່ອເນັ້ນໜັກ

“ປຶ້ມເຫລົ່ານີ້ ເພິ່ນຊື້ໃຫ້ຂ້ອຍ”

+ ອາດຈະວາງລັກສະນະນະນາມຕິດທ້າຍຄໍາປະກອບກົງໂລດ ກໍໄດ້ເຊັ່ນ:

“ແມ່ຂ້ອຍຝາກຈົດໝາຍສະບັບໜຶ່ງໃຫ້ຂ້ອຍ”.

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ປຶ້ມເຫລົ່ານີ້

ເຈົ້າ

ເພິ່ນ

ຝາກ

ຊື້

ຍືນ

ເອົາ

ສິ່ງ

ໃຫ້ໃຜ?

ຂ.

ປາກກາດ້າມ

ນີ້
ນັ້ນ

ໃຜ

ສິ່ງ
ຊື່
ເອົາ
ຝາກ

ໃຫ້

ເຈົ້າ
ເຝີນ

?

?

ຄ.

ເຝີນຝາກຈິດໝາຍສະບັບໜຶ່ງໃຫ້

ຂ້ອຍ

ອີກສະບັບໜຶ່ງໃຫ້

ເຈົ້າ

ຄູ

ຂ້ອຍ

ເຈົ້າ

ຄູ

ອ້າຍ

ນ້ອງ

6. ບົດອ່ານຝຶນຖານ

ການອອກແຮງງານ

ນັກສຶກສາໂດຍທົ່ວໄປ ນອກຈາກຈະຕັ້ງໃຈຮຳຮຽນໃຫ້ດີແລ້ວ ຍັງຕັ້ງໝ້າອອກແຮງງານເພື່ອເຝີນຜຸນການຜະລິດ ຫລືຊ່ວຍທາງໂຮງຮຽນກໍ່ສ້າງສ້ອມແປງກິດຈະກຳຕ່າງໆ ອີກດ້ວຍ. ວັນນີ້ ທາງໂຮງຮຽນ ນອບໝາຍໃຫ້ນັກສຶກສາຂະແໜງພາສາລາວ ຂົນດິນຈີ່ ແລະ ຫາບດິນຊາຍຊ່ວຍກຳມະກອນເຊິ່ງກຳລັງຂຸດນໍ້າສ້າງໃຫ້ໂຮງອາຫານ.

ຝັດໄດ້ເວລາ ຫົວໜ້າທ້ອງຖິ່ນນັກສຶກສາອອກຈາກທ້ອງຝັກໄປຍັງບ່ອນກໍ່ສ້າງ ເພື່ອຮັບໜ້າທີ່ຫົວໜ້າຈຸກຳມະກອນກໍ່ສ້າງຂໍຮ້ອງໃຫ້ນັກສຶກສາຊ່ວຍຂົນດິນຈີ່ປະ

ມານສອງພັນກວ່າກ້ອນຢູ່ຂ້າງສ້າງໄປໄວ້ບ່ອນກໍ່ສ້າງ ແລະ ຂົນດິນຊາຍຢູ່ແຄມທາງເດີນ ມາໄວ້ຂ້າງກອງດິນຈີ່. ເພິ່ນມອບເຄື່ອງໄມ້ເຄື່ອງນີ້ ໃຫ້ຫົວໜ້າຫ້ອງຢ່າງຄົບຖ້ວນແລ້ວ ພາລາວໄປຊື້ໃຫ້ຮູ້ບ່ອນໄວ້ດິນຈີ່ ແລະ ດິນຊາຍ.

ຫົວໜ້າຫ້ອງແບ່ງງານໃຫ້ແຕ່ລະຈຸ ແຈກຈ່າຍເຄື່ອງນີ້ໃຫ້ຄົບລະຢ່າງ ແລະ ເຫມົາງານໃຫ້ທຸກຈຸ ພ້ອມທັງສັ່ງວ່າ ຈຸໃດເຮັດແລ້ວກ່ອນກໍ່ໄດ້ເມື່ອກ່ອນ, ຈຸ ໃດແລ້ວລຸນກໍ່ຕ້ອງເມື່ອລຸນ ແຕ່ວ່າຕ້ອງໃຫ້ໄດ້ຕາມຄວາມຮຽກຮ້ອງຕ້ອງການຂອງຫົວໜ້າຈຸກຳມະກອນກໍ່ສ້າງໃຜເຮັດບໍ່ຖືກຕ້ອງເຮັດໃໝ່.

ພໍ່ຫົວໜ້າເວົ້າສຸດຄວາມ ນັກສຶກສາທຸກຄົນ ກໍ່ພາກັນລົງມືເຮັດໜ້າທີ່ຂອງຕົນຢ່າງໄວວາໃນຂະນະທີ່ພວກເຮົາອອກແຮງງານນັ້ນ ພວກເຂົາພະຍາຍາມເວົ້າພາສາລາວນຳກັນ ເຊິ່ງກໍ່ເປັນການເຝິກແອບໄປໃນຕົວອີກດ້ວຍ.

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ທົ່ວໄປ

chung, phổ biến

ເພີ່ມພູນການຜະລິດ

tăng gia sản xuất

ຊ່ວຍ

giúp đỡ

ກໍ່ສ້າງ

xây dựng, đào tạo

ສ້ອມແປງ

sửa chữa

ກິດຈະກຳ

công trình

ຂົນ

vận chuyển

ຫາບ

gánh

ດິນ

đất

ໂຮງອາຫານ	nhà ăn
ຂຸດ	đào
ນ້ຳສ້າງ	giếng
ບ່ອນ	chỗ
ຮັບ	nhận
ຫົວໜ້າ	tổ trưởng
ຂໍ້ຮ້ອງ	yêu cầu
ດິນຊາຍ	cát
ຂ້າງ	cạnh, bên cạnh
ກອງ	đống
ຊື່	chỉ, chỗ
ແຈກຈ່າຍ	phân phát, phân phối
ເໝົາງານ	khoán việc
ສັ່ງ	nhắc, bảo
ລຸນ	sau
ໃຜ	ai, người nào
ຖືກ	đúng
ໄວວາ	nhanh chóng, nhanh nhẹn
ຂະນະ	lúc, khi

ບົດສິນທະນາ

ຈີ່ແຫ່ງ: ອອກແຮງງານນີ້ມີເພິ່ນໃຫ້ເຮັດຫຍັງແດ່ ເລເທີ?

ເລເທີ: ເພິ່ນໃຫ້ຂົນດິນຈຶ່ງຢູ່ຂ້າງສ້າງໄປໄວ້ບ່ອນກໍ່ສ້າງ ແລະ ຂົນດິນຊາຍຢູ່ຂ້າງ
ທາງເດີນ ໄປກອງໄວ້ຂ້າງກອງດິນຈີ່, ວ່າຊື່ນ.

ຈີ່ແທ່ງ: ໂທ! ຂົນໝົດທັງກອງດິນຈີ່ກັບກອງດິນຊາຍຜັນຫວະ?

ເລເທີ: ບໍ່ແລ້ວ! ເພິ່ນໃຫ້ຂົນແຕ່ຈຳນວນໜຶ່ງເທົ່ານັ້ນ, ຄືຊິບໍ່ເໝືອບ່າກວ່າແຮງ
ໂພດດອກ!

ຈີ່ແທ່ງ: ຂ້ອຍວ່າ ພວກເຮົາຄວນເໝາະໆານດີກວ່າ ໃຜເຮັດແລ້ວກ່ອນກໍ່ໄດ້ເນື້ອ
ກ່ອນໃຜແລ້ວລຸ້ນກໍ່ຕ້ອງເນື້ອລຸ້ນ ໃຜເຮັດບໍ່ດີກໍ່ໃຫ້ເຮັດໃໝ່ ແມ່ນບໍ່?

ເລເທີ: ແມ່ນຄວາມ! ຂ້ອຍວ່າພວກເຮົາທັງຫົດແອບປາກຄວາມລາວນຳກັນ ກໍ່
ດີຄືກັນໄດ້ນຳ?

ເລເທີ: ໂອ ຄັກແທ້! ຄືວ່າຕົ້ນແລ້ວນີ້ “ກະສຸນນັດດຽວຍິງນົກໄດ້ສອງໂຕ”

ວຽກບ້ານ

1. ຈົງແຕ່ງປະໂຫຍກຄຳຖາມ ແລະ ບອກເລົ່າຕາມແບບປະໂຫຍກ
ນອກຈາກຈະ.....ແລ້ວຍັງ.....ຢ່າງລະ 3 ປະໂຫຍກ
2. ຈົງແຕ່ງປະໂຫຍກ ຕາມແບບປະໂຫຍກ “ພໍ.....ກໍ່” ມາ 5 ປະໂຫຍກ.
3. ຈົງແຕ່ງປະໂຫຍກ ແບບຊື້ເງື່ອນໄຂມາ 4 ປະໂຫຍກ.
4. ຈົງແຕ່ງປະໂຫຍກ ສະແດງໃຫ້ເຫັນຄວາມແຕກຕ່າງລະຫວ່າງ “ທີ່” ແລະ
“ເຊື່ອງ” ມາ 2 ປະໂຫຍກ.
5. ຈົງແຕ່ງປະໂຫຍກທີ່ມີ “ເຊື່ອງ” ແທນຂໍ້ຄວາມຢູ່ຂ້າງໜ້າ ມາ 1 ປະໂຫຍກ.
6. ປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ຜິດຫລື ຖືກຄົນຜິດ ກໍ່ແກ້ໄຂໃຫ້ຖືກ.

ກ. ນອກຈາກພວກເພິ່ນຕັ້ງໃຈຮຽນແລ້ວ ພວກຂ້ອຍຍັງຕັ້ງໜ້າອອກແຮງ

ງານອີກ.

ຂ. ພໍຂ້ອຍເຫັນເພິ່ນກໍຖາມຫາເຈົ້າໂລດ.

ຄ. ພໍ ເວົ້າສຸດຄວາມ ເພິ່ນກໍລົງນີເຮັດໂລດ.

ງ. ພໍຄໍາລົງ ໃຜກໍນັ່ງເຊົາເນື້ອຍຢູ່ແຄມເຊ.

ຈ. ຄັນຖາມກໍຕອບ ຄັນບໍ່ຖາມກໍແລ້ວໄປ.

ສ. ຊື່ຂ້ອຍປາກກາດ້ານໜຶ່ງ ແດ່!

7. ຈິງເດີມຄໍາລົງຊ່ອງວ່າງໃຫ້ຖືກ.

ກ. ນັກສຶກສາ.....ນີ້ ແມ່ນຜູ້.....ເຈົ້າເຫັນນີ້ກ່ອນ

ຂ. ພວກເຮົາຊ່ວຍກໍາມະກອນ.....ພວມກໍ່ສ້າງ

ຄ. ຜູ້ຊາຍ.....ຍືນຢູ່ຝັ່ນແມ່ນນັກສຶກສາ.....ຮຽນເກັ່ງກວ່າ
ໝູ່?

ງ. ອ້າຍທະຫານ.....ນັ່ງໜ້າເຈົ້າມີປື້ມ.....ຂ້ອຍຢາກ
ເບິ່ງ

ຊ. ນີ້ ພວກເຮົາລົມນໍາກັນເປັນຄວາມລາວ.....ເຮັດໃຫ້ເຮົາຈິ່ສັບ
ໄດ້ດີ.

8. ອ່ານບົດອ່ານພື້ນຖານແລ້ວຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

ກ. ນັກສຶກສາອອກແຮງງານເພື່ອເຮັດຫຍັງ?

ຂ. ພວກເຂົາຊ່ວຍໂຮງຮຽນເຮັດຫຍັງແດ່?

ຄ. ວັນນີ້ນັກສຶກສາຂະແໜງພາສາລາວໄດ້ຮັບມອບໝາຍໃຫ້ເຮັດຫຍັງ?

ງ. ຫົວໜ້າຈຸກໍາມະກອນ ຂໍຮ້ອງໃຫ້ນັກສຶກສາເຮັດຫຍັງແດ່?

ຈ. ເພິ່ນມອບເຄື່ອງມືໃຫ້ໃຜ?

ສ. ໃຜພາຫົວໜ້າຫ້ອງໄປຊື້ບ່ອນໄວ້ດິນຈີ່ ແລະ ດິນຊາຍ?

៣. ដើម្បីដឹងថា ឆ្នាំណាខ្លះ មានស្ថានភាពល្អប្រសើរ ឬអាក្រក់ យើងអាចស្វែងយល់បានដូចម្តេច?

ຕ. ໃນຂະນະທີ່ອອກແຮງງານ ນັກສຶກສາເຮັດຫຍັງອີກ?

9. ຈົງຈັບຄູ່ອ່ານບົດສົນທະນາແລ້ວ ລົມກັນຕາມເນື້ອໃນຂອງບົດສົນທະນາ.

ບົດທີ 10

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ
2. ແບບວະລີ “ນັບມື້ນັບ + ຄຸນນາມ + ຂຶ້ນ”
3. ວິທີໃຊ້ສັບ “ຕ່າງໆ”
4. ແບບວະລີ “ກໍ່.....ຢູ່”
5. ແບບວະລີ “ຈັກວ່າ.....ບໍ່.....ບໍ່.....”
6. ແບບວະລີ “ແຮງ.....ກວ່າ.....ຊ້າ”
7. ວິທີໃຊ້ວະລີ “ໃຜລາວ, ໃຜມັນ”
8. ວິທີໃຊ້ສັບ “ເອງ”
9. ບົດອ່ານຝຶນຖານ “ຫລິ້ນກິລາ”

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລີຕໍ່ໄປນີ້:

ຮ້ອນ, ໝາວ, ເຢັນ, ໜັກ, ແຮງ, ຄ້ອຍ, ລອຍ, ແຂ່ງ, ຮົ່ມ, ມວຍຊິງ, ມວຍ, ຊິງ, ບານເຕະ, ສິ່ງ, ບ່ວງ, ຊ້ອມ ແວວ, ປີບ, ຄູ່, ລານ, ແນວ, ຍາວ, ສັ້ນ, ຍາກ, ເຄີຍ, ເພດ, ໄວ, ນົວ, ໂຈນ, ເອງ, ລຳ, ຄ້ອຍລົງ, ດວງຕາເວັນຄ້ອຍ, ລອຍນ້ຳ, ລອຍເຮືອ, ລອຍກະທົງ, ແຂ່ງແດດ, ແຂ່ງຝີນ, ແຂ່ງຂັນ, ຮົ່ມໄມ້, ຮົ່ມທຸງ, ຕົມວຍ,

ຊົກມວຍ, ມວຍສາກົນ, ມວຍຢູໂດ, ມວຍປ້າ, ມວຍວັດ, ຊົງລາງວັນ, ໄດ້ລາງວັນ, ມອບລາງວັນ, ບານເຕະ, ບານສົ່ງ, ບານບ່ວງ, ບານນ້ຳ, ບານໃຫມ່, ມີແວວ, ປົບຫນີ, ປົບເນືອ, ຊ້ອມກິລາ, ເຝິກຊ້ອມ, ສ້ອມແປງ, ຊ້ອມບານ, ຊ້ອມມວຍ, ກິລາປະເພດລູ່, ກິລາປະເພດລານ, ກິລາປະເພດລູ່ແລະລານ, ກິລາກາງແຈ້ງ, ກິລາໃນຮົ່ມ, ເພດຍິງ, ເພດຊາຍ, ໄວໜຸ່ມ, ໄວເຖົ້າ, ໄວເດັກ, ໄວກ່າງຄົນ, ແປ້ງນົວ, ເວົ້ານົວຫົວມ່ວນ, ໂຈນປາ, ໂຈນອາກາດ, ຕົວເອງ, ຕົນເອງ, ໂດຍຕົນເອງ, ຊັກໄຊ້, ດີຂຶ້ນຊັກໄຊ້, ຮ້ອນຂຶ້ນຊັກໄຊ້, ນັບນັ້ນຮ້ອນຂຶ້ນຊັກໄຊ້, ຊະນິດ, ຊະນິດນີ້, ຊະນິດຕ່າງໆ, ລ່ຽມໄຫລ, ຫລົງໄຫລ, ນ້ຳໄຫລ, ໃຜລາວ, ໃຜມັນ, ຂອງໃຜຂອງລາວ, ບ້ານໃຜບ້ານລາວ, ຕົວໃຜຕົວມັນ, ອົງການ, ອົງການມະຫາຊົນ, ອົງການຈັດຕັ້ງ, ສຳນັກ, ສຳນັກງານ, ສະອາດ, ສະຫວ່າງ, ສະຫລາດ, ສະເຫລີມ, ສະຫລອງ, ສຸດໃຈ, ສຸດອົກສຸດໃຈ, ສຸດຄວາມ, ສຸດທາງ, ສຸດຝີນີ, ສຸດທ້າຍ, ໄມຕີ, ໄມຕີຈິດ, ສັນທະໄມຕີ, ແຂ່ງຂັນສັນທະໄມຕີ, ແຂ່ງຂັນເຜື່ອມິດຕະພາບ, ແຂ່ງຂັນຊົງຖ້ວຍ, ແຂ່ງຂັນຊົງລາງວັນ, ສຳເລັດ, ຜົນສຳເລັດ, ສຳເລັດທຸກຫນ້າທີ່.

2. ແບບວະລີ:

ນັບນັ້ນຮ້ອນ	+ ຄຸນນາມ	+ ຂຶ້ນຊັກໄຊ້
ນັບນັ້ນຮ້ອນ	ຮ້ອນ	ຂຶ້ນຊັກໄຊ້

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ. ອາກາດນັບນັ້ນຮ້ອນ

ຮ້ອນ
ຫນາວ

ຂຶ້ນຊັກໄຊ້ເນາະ

ອ້າຍ
ເຮືອຍ

ເນາະ

2.

ບົດຮຽນ
ວຽກງານ

ນັບມື້ນັບ

ຍາວ
ຍາກ
ຫລາຍ

ຂຶ້ນຊັກໄຊ້

ຄ. ເຂົາເຈົ້າ

ຮຽນ
ເຮັດ

ນັບມື້ນັບ

ເກັ່ງ
ດີ
ໄວ
ຫລາຍ

ຂຶ້ນຊັກໄຊ້

ງ.

ທ້າວ ຄຳໃຈ
ນ້ອງ ບຸນຕາ

ນັບມື້ນັບ

ຕຸ້ຍ
ໃຫຍ່
ງາມ
ເຖົ້າ
ເກັ່ງ
ສະຫລາດ
ແຂງແຮງ

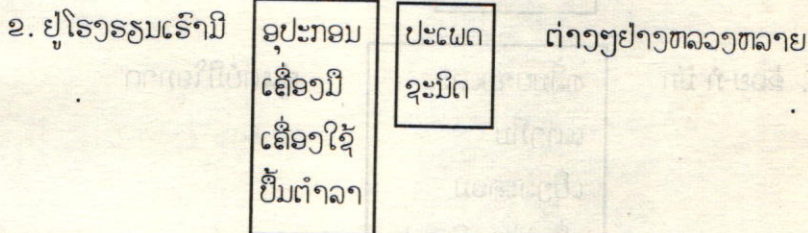
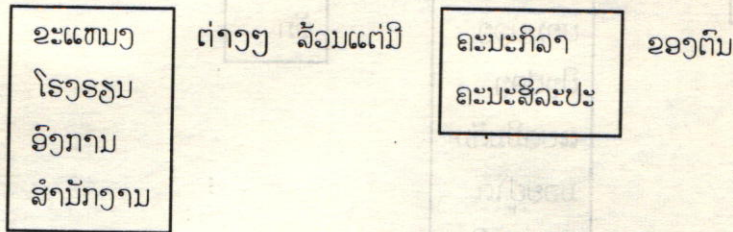
ຂຶ້ນຊັກໄຊ້

3. ວິທີໃຊ້ສັບ “ຕ່າງໆ”

ຄຳນາມ	+ ຕ່າງໆ
ຂະແໜງ	ຕ່າງໆ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.



4. ແບບວະລີ

ກໍ່	+ ຄຸນນາມ + ກິລິຍາ	+ ຢູ່
ກໍ່	ພໍ່ແລ້ວ ມັກ	ຢູ່

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ເພິ່ນ
ເຈົ້າ

ຫລິ້ນ

ບານສິ່ງ
ບານຕະ
ບານບ່ວງ
ປົງປອງ
ແບດມິນຕັນ
ນວຍຢູໂດ
ນວຍສາກິນ

ກໍ່

ພໍ່ແລ້ວ
ເກັ່ງ
ຄັກ

ຢູໂດ

ຂ. ຂ້ອຍ ກໍ່ ນັກ
ພັກ

ຫລິ້ນບານຕະ
ແຕ່ງກິນ
ເບິ່ງລະຄອນ
ເຄື່ອນໄຫວສິລະປະ
ໄປຖ່ຽວໃນເມືອງ

ຢູ່ແຕ່ບໍ່ມີໂອກາດ

ຄ.

ເພິ່ນ
ຂ້ອຍ

ກໍ່

ຮູ້
ເຂົ້າໃຈ
ຫລິ້ນເປັນ
ເຄີຍເຮັດ

ຢູ່ ແຕ່ ບໍ່ສູ້

ເກັ່ງ
ຄັກ

ປານໃດ

5. ແບບວະລີ “ຈັກວ່າ.....ບໍ່.....”

ກ.

ຈັກວ່າ	+ ນາມ ບໍ່	+ ນາມ ບໍ່	+ ນາມ ບໍ່	+ ນາມ ບໍ່
ຈັກວ່າ	ບານເຕະບໍ່	ບານສົງບໍ່	ບານບ່ວງບໍ່	ບານນ້ຳບໍ່

ຂ.

(ຈັກວ່າ) ^{໑)}	ຄຸນນາມ ບໍ່	+ ຄຸນນາມ ບໍ່	+ ຄຸນນາມ ບໍ່.....
(ຈັກວ່າ)	ໝາ ບໍ່	ບາງ ບໍ່	ຍາວ ບໍ່.....

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ. ຈັກວ່າ ບານເຕະບໍ່, ບານສົງບໍ່, ບານບ່ວງບໍ່, ໂອຍບານ

ຫຍັງ	ລາວ ເຝີນ ອ້າຍ	ກໍ່ ຫລິ້ນ	ເກັ້ງ ພໍ່ແລ້ວ ເປັນ	ໝົດ
------	---------------------	-----------	--------------------------	-----

ຂ. ຈັກວ່າ ປື້ນບໍ່, ພັບບໍ່, ປາກກາບໍ່, ດິນສັບ

ເຝີນ	ນິຊົບ ໝົດ
ລາວ	
ອ້ອຍ	

໑) ໝາຍເຫດ: ອາດຈະລະ “ຈັກວ່າ”

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

໑.

ຫໍສະໝຸດ
ໂຮງຮຽນ
ນະທາວິທະຍາໄລ
ຢູ່ຫີນ
ຢູ່ຜີ

ນິ້ຍື່ນຫລາຍຊະນິດ: ຫນາບໍ່, ບາງບໍ່, ໃໝ່ບໍ່, ນ້ອຍບໍ່

໒.

ຂ້ອຍ
ເຝີນ
ເຂົາເຈົ້າ
ພວກເຮົາ

ຮູ້ຈັກ ກັບຄືນຫລາຍເພດຫລາຍໄວ: ຍິງບໍ່, ຊາຍບໍ່, ເຖົ້າບໍ່
ໝຸ່ມບໍ່, ກາງຄືນບໍ່

6. ແບບວະລີ

(ແຮ່ງ)	ຄຸນນາມ	+ ກວ່າ	+ ສິ່ງປຽບທຽບ	+ ຊ້າ(ອີກ)ຊ້າ
(ແຮ່ງ)	ເກັ່ງ	ກວ່າ	ຂ້ອຍ	ຊ້າ(ອີກຊ້າ)

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ຝົນ
ລາວ
ເຂົາເຈົ້າ

ເວົ້າລາວ

ເກັ່ງ
ລ່ຽມໄຫລ
ມົວ
ຄັກ
ດີ

ກວ່າຂ້ອຍ ອີກຊ້າ ໄດ້!

ຂ.

ອ້າຍ
ເອື້ອຍ
ເພື່ອນ
ເມຍ
ຜົວ

ຂ້ອຍແຮ່ງ

ຈ່ອຍ
ຕຸ້ຍ
ໜຸ່ມ
ເຖົ້າ

ກວ່າຂ້ອຍອີກຊ້າ

ຄ.

ໃສວ່າ

ອ້າຍເຈົ້າ
ເອື້ອຍ
ນ້ອງ
ໝູ່

ນັກ
ຫຼົງໄຫຼ

ກິລາກວ່າເຈົ້າຊ້າຕວາ

ງ. ຂ້ອຍວ່າ ບົດຮຽນນີ້

ຍາວ

ກວ່າບົດກ່ອນອີກຊ້າ

ຍາກ

ງ່າຍ

ສົມ

ຈ.

ເລຍ

ນ້ອງ

ອ້າຍ

ເອື້ອຍ

ແມ່

ພໍ່

ໝູ່

ຄູ

ຫລານ

ລູກ

ເອື້ອຍໄພ່

ອ້າຍເຂີຍ

ພໍ່ຕູ່

ແມ່ຕູ່

ເພິ່ນ

ຕົ້ນນອນ

ນາ

ແລ້ວ

ກ່ອນ

ລຸນ

ເພິ່ນອີກຊ້າ

7. ວິທີໃຊ້ວະລີ " ໃຜລາວ", "ໃຜມັນ"

ກ. "ໃຜລາວ" ຫລື "ໃຜມັນ" ມີຄວາມໝາຍຄືກັນກັບ "ແຕ່ລະຄົນ", "ຕົນ" ເຊັ່ນ:
 "ບັນດາພະນັກງານກັບເມືອບ້ານຂອງໃຜລາວ"- "ພະນັກງານແຕ່ລະຄົນກັບເມືອ
 ບ້ານຂອງຕົນ"

ຂ. ອາດຈະຊື່າ ຄຳນາມ ຫລື "ຂອງ" ແຊກເຂົ້າລະຫວ່າງ "ໃຜ-ລາວ".
 "ໃຜ-ມັນ" ເປັນ ບ້ານໃຜ ບ້ານລາວ, ຂອງໃຜຂອງລາວ, ຕົວໃຜຕົວມັນ ໆລໆ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ. ພໍ່

ເລິກຮຽນ
 ເລິກການ
 ຄຳລົງ

ພວກເຂົາ
 ພວກເພິ່ນ
 ພະນັກງານ
 ທັງຫລາຍ

ກໍ່ ກັບເມືອ

ເຮືອນຂອງໃຜລາວ
 ເຮືອນໃຜເຮືອນລາວ

ຂ.

ພວກ

ທະຫານສັດຕູ
 ໂຈນ
 ຄົນຮ້າຍ

ຕົວໃຜຕົວມັນ, ແລ່ນໜີກະເຈີດກະເຈີງ

ຄ.

ນັກສຶກສາ
ຊຸມຊັອຍ
ເຂົາເຈົ້າ
ພວກເພີນ

ພາກັນຫລິ້ນກິລາປະເພດຕ່າງໆຕາມໃຈມັກຂອງໃຜລາວ

ງ.

ພວກເຮົາ
ທຸກຄົນ

ເອົາ
ສິ່ງ
ນອບ

ປຶ້ມຂອງໃຜລາວໃຫ້ຄູເບິ່ງ

8. ວິທີໃຊ້ສັບ “ເອງ”

	ຄຳນາມ	
(ຕົວ)	ແທນນາມ	+ ເອງ
	ທາງໂຮງຮຽນ	ເອງ
(ຕົວ)	ເພີນ	ເອງ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ທາງ

ໂຮງຮຽນ

ສຳນັກງານ

ມະຫາວິທະຍາໄລ

ໂຮງງານ

ເອງກໍ່ ມີ

ຄະນະກິລາ

ຄະນະສິລະປະ

ຂອງຕົນ

ຂ. ຕົວ

ຂ້ອຍ

ເພິ່ນ

ເຂົາ

ນາງ

ເຈົ້າ

ເອື້ອຍ

ເອງກໍ່ມັກ

ຫລິ້ນກິລາ

ເບິ່ງກິລາ

ເບິ່ງລະຄອນ

ຝັງຫມໍ່ຄຳ

ແທ້

ຄ.

ພວກ

ຊນ

ຂ້ອຍ

ເຈົ້າ

ເຂົາ

ເພິ່ນ

ອ້າຍ

ນັກສຶກສາ

ເອງ ກໍ່

ພະຍາຍາມຢ່າງເຕັມທີ່ແລ້ວ

ບໍ່ເຂົ້າໃຈປານໃດດອກ

9. ບົດອ່ານຟື້ນຖານ

ຫລັ້ນກິລາ

ຂະນະນີ້ເລີ່ມເຂົ້າລະດູຮ້ອນແລ້ວ, ອາກາດນັບມື້ນັບຮ້ອນຂຶ້ນຊັກໄຊ້, ນັກສຶກສາທັງຫລາຍພາກັນລຸກຕັ້ງແຕ່ຮຸ່ງເຮົ້າ ເພື່ອຫັດແອບກາຍບໍລິຫານຫລືບໍ່ຊັ້ນກໍ່ຫັດແບບແລ່ນຕິດອາວຸດ, ຕອນແລງ, ເມື່ອຕາເວັນຄ່ອຍແດດອ່ອນລົງແລ້ວ, ພວກເຂົາເຈົ້າກໍ່ພາກັນອອກໄປຫລິ້ນກິລາກາງແຈ້ງຢູ່ເດີນກິລາ: ບານເຕະບໍ່, ບານສົ່ງບໍ່, ບານບ່ວງບໍ່, ແລ້ວແຕ່ໃຈມັກ ຫລືຄວາມຖະຫນັດຂອງໃຜລາວ ບາງຄົນກໍ່ຊວນກັນໄປລອຍນ້ຳ ຢູ່ເຊື້ອງໂຮງຮຽນ, ໃຜບໍ່ມັກແຂ່ງແດດກໍ່ເຂົ້າໄປຫລິ້ນກິລາໃນຮົ່ມ ເຊັ່ນ ບົ່ງປອງ, ແບດມິນຕັນ, ມວຍສາກິນ, ມວຍຢູໂດ ໆລໆ.

ຂະແໜງຮຽນຕ່າງໆ ສ່ວນຫລາຍມີຄະນະກິລາຂອງຕົນ ເພື່ອສົ່ງເຂົ້າແຂ່ງຂັນກັບຄະນະອື່ນໆ ໃນໂອກາດທີ່ມີການແຂ່ງຂັນຊົງລາງວັນ ເຊິ່ງທາງໂຮງຮຽນຈັດໃຫ້ມີຂຶ້ນທຸກປີ. ທາງໂຮງຮຽນເອງກໍ່ຈັດທຶນລວມຂອງຕົນ ເພື່ອສົ່ງໄປແຂ່ງຂັນກັບໂຮງຮຽນອື່ນໆ ຫລື ແຂ່ງຂັນສັນທະໄມຕິກັບອົງການຕ່າງໆ.

ໃນໄລຍະທີ່ຈະມີກອງປະຊຸມໃຫຍ່ຂອງຄະນະພັກໂຮງຮຽນ ຫລື ກອງປະຊຸມໃຫຍ່ຂອງອົງການມະຫາຊົນຂອງໂຮງຮຽນ ບັນດາຄະນະກິລາປະເພດຕ່າງໆ ຂອງທຸກຂະແໜງ ມັກຈະຈັດໃຫ້ນັກກິລາຂອງຕົນເຝິກຊ້ອມຢ່າງຄັກແນ່ ແລະ ສົ່ງເຂົ້າແຂ່ງຂັນ ສະເຫລີມສະຫລອງຜົນສຳເລັດຂອງກອງປະຊຸມເຫລົ່ານັ້ນຢ່າງສຸດສີມື.

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ລະດູ

ຮ້ອນ, ລະດູຮ້ອນ

mùa

nóng, mùa hè

ອາກາດ	không khí
ນັບນີ້ນັບ	ngày càng
ຊັກໃຊ້	quá; mát mẻ
ຮຸ່ງເຊົ້າ	sáng sớm, bình minh
ແລ່ນ	chạy
ອາວຸດ	vũ khí
ຄ່ອຍ	dần dần, từ từ
ອ່ອນ	yếu, mềm
ກາງແຈ້ງ	ngoài trời
ເດີນກິລາ	sân vận động
ບານເຕະ	bóng đá
ບານສົ່ງ	bóng chuyền
ບານບ່ວງ	bóng rổ
ແລ້ວແຕ່ໃຈ	tùy ý, tùy tâm, tùy nghi
ຖະໜັດ	ưa thích, thị hiếu
ໃຜລາວ	ai nấy, họ .
ຊວນ, ຊວນກັນ	rủ rê, rủ nhau
ລອຍນ້ຳ	bơi
ເຊ	sông
ຂ້າງ	cạnh, bên cạnh
ແຂ່ງແດດ, ແຂ່ງ	phơi nắng; thi (đua)
ຮົ່ມ	bóng râm
ປົງປອງ	bóng bần

ມວຍສາກົນ	quyền Anh
ມວຍຢູໂດ	võ du đồ
ແຂ່ງຂັນ	thi đấu, thi đua
ໂອກາດ, ໃນໂອກາດ	dịp, nhân dịp
ຊິງ	đoạt, chiếm, giành
ລາງວັນ	giải thưởng
ທີມ	đội (bóng)
ອື່ນ	khác
ສັນທະໄມຕີ	hữu nghị
ອົງການ	cơ quan, đoàn thể
ມະຫາຊົນ	quần chúng
ປະເພດ	loại, môn
ນັກກິລາ	vận động viên
ເຝິກຊ້ອມ	luyện tập
ສະເຫລີມສະຫລອງ	chào mừng
ຜົນສຳເລັດ	thành công, thành tựu
ສຸດສີນີ	nhiệt liệt

ບົດສິນທະນາ

ຄຳໃບ: ໄຊ ເຈົ້າມັກຫລິ້ນກິລາບໍ່?

ສີວິວິໄຊ: ມັກແທ້!

ຄຳໃບ: ເຈົ້າມັກກິລາປະເພດໃດຫລາຍກວ່າໝູ່?

ສິວິໄຊ: ສຳລັບກິລາກາງແຈ້ງຂ້ອຍມັກບານເຕະກວ່າໝູ່, ສ່ວນກິລາໃນຮົ່ມ ຂ້ອຍມັກນວຍສາກົນທີ່ສຸດ.

ຄຳໃບ: ອ້າຍເຈົ້າເດ? ລາວມັກຫລິ້ນກິລາຄືເຈົ້າບໍ່?

ສິວິໄລ: ເວົ້າແທ້ໄດ, ລາວແຮ່ງມັກຫລິ້ນກິລາກວ່າຂ້ອຍຊ້າ.

ຄຳໃບ: ລາວມັກຫລິ້ນກິລາປະເພດໃດ?

ສິວິໄຊ: ລາວຫລິ້ນບານສິ່ງໄດ້ດີຫລາຍ, ບານບ່ວງລາວຫລິ້ນກໍ່ພໍແລ້ວຢູ່, ລາວມີແວວໃນດ້ານການກິລາແທ້ໄດ້.

ຄຳໃບ: ນ້ອງເຈົ້າເດ ຫລິ້ນບານຫຍັງບໍ່?

ສິວິໄຊ: ຄັນຊິເວົ້າແລ້ວ ແມ່ນບານຫຍັງລາວກໍ່ຫລິ້ນ ຈັກວ່າບານເຕະເບາະ, ບານສິ່ງເບາະ, ບານບ່ວງເບາະ, ບານແກວ່ງເບາະ, ລາວຫລິ້ນໝົດ. ພໍແຕ່ກັບມາຈາກໂຮງຮຽນລາວກໍ່ຝ້າງປົບໄປຊ້ອມບານຢູ່ເດີມກິລາໂລດ.

ຄຳໃບ: ເວົ້າແທ້, ອ້າຍນ້ອງເຈົ້າ ໃຜກໍ່ມັກຫລິ້ນກິລານັ້ນ!

ສິວິໄຊ: ເຈົ້າເດ! ເຈົ້າມັກກິລາປະເພດໃດ?

ຄຳໃບ: ຂ້ອຍມັກກິລາທຸກປະເພດ ບໍ່ວ່າກາງແຈ້ງ ຫລື ໃນຮົ່ມລູ່ ລານຫລືໃນນ້ຳ ແມ່ນຫຍັງຂ້ອຍກໍ່ມັກ.

ສິວິໄຊ: ໂທ! ຄັນຊື້ນເຈົ້າກໍ່ແມ່ນຍອດນັກກິລາຕໍ່!

ຄຳໃບ: ບໍ່ວ່າຕີ ຂ້ອຍມັກກິລາບໍ່ແມ່ນນັກກິລາ ຂ້ອຍຫລິ້ນກິລາບໍ່ເປັນຈັກແນວ!

ສິວິໄລ: ຄັນຊື້ນກໍ່ແມ່ນວ່າ ເຈົ້າມັກເບິ່ງກິລາຫລາຍກວ່າມັກຫລິ້ນ ແມ່ນບໍ່?

ຄຳໃບ: ເອ້! ຄືວ່າຫັນແລ້ວໄປ!

ຫາມຈັກໝາຍ ວຽກບ້ານ

1. ຈົງປຽນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ ເປັນປະໂຫຍກມີວະລີ “ນັບມື້ນັບ.....ຊື່ນ

ຊັກໄຊ້”

ຕົວຢ່າງ:

ອາກາດຮ້ອນ

ອາກາດນັບມື້ນັບຮ້ອນຂຶ້ນຊັກໄຊ້.

ກ. ຝົນຕົກໜັກ.

ຂ. ລົມແຮງ

ຄ. ຝາແຈ້ງ.

ງ. ນ້ອງຂ້ອຍຫລິ້ນບານຕະເກັ່ງ.

ຈ. ນັກສຶກສາ ເວົ້າຄວາມລາວລ່ຽນໄຫລ.

ສ. ພວກເຮົາເຂົ້າໃຈບົດຮຽນດີ.

ຊ. ບົດກວດກາຍາວ ແລະ ຍາກ

ຍ. ການແຂ່ງຂັນຟິດເຕີອດ.

2. ເດີນສັບຕໍ່ໄປນີ້ລົງຊ່ອງວ່າງໃຫ້ແທດເໝາະ: ຕ່າງໆ, ບັນດາ, ເຫລົ່າ
ນັ້ນ, ຊຸມ, ຫົງຫມົດ.

ກ.ພະນັກງານຂອງໂຮງຮຽນ ພາກັນໄປອອກແຮງງານ.

ຂ. ພວກເຂົາ.....ລ້ວນດູຫມັນ.

ຄ. ໃຜກໍ່ມີເຄື່ອງມືປະເພດ.....ຄົນລະຢ່າງສອງຢ່າງ.

ງ.....ທີ່ເຮັດແລ້ວກ່ອນ ພວມກະກຽມກັບເມື່ອ.

ຈ. ພວກເຂົາ.....ລ້ວນຮູ້ສຶກເນື້ອຍ ແທ້ເນື້ອຍວ່າແຕ່ກໍ່ມ່ວນພໍແລ້ວ.

3. ໂຮມປະໂຫຍກໃນໝວດ (ຈ) ກັບປະໂຫຍກໃນໝວດ (ຂ) ເຂົ້າເປັນ
ປະໂຫຍກດຽວ.

ຕົວຢ່າງ:

ຂ້ອຍຮູ້ຄວາມລາວ ຂ້ອຍຮູ້ບໍ່ເກັ່ງປານໃດ.

-ຂ້ອຍກໍຮູ້ຄວາມລາວຢູ່ ແຕ່ບໍ່ເກັ່ງປານໃດ.

ກ

-ເພິ່ນຢາກໄປຖ່ຽວໃນເມືອງ

-ພວກຂ້ອຍນັກຫລິ້ນບານເຕະ

-ເຂົາເຈົ້າມີໂສ້ງຍືນໂຕໜຶ່ງ

-ເມື່ອວານນີ້ຂ້ອຍໄປເບິ່ງລະຄອນ

-ເຈົ້າເວົ້າແມ່ນ

ຂ

ເພິ່ນບໍ່ມີລົດຖີບ

ພວກຂ້ອຍບໍ່ມີເວລາ

ໂສ້ງຍືນເກົ່າໂພດແລ້ວ

ຂ້ອຍບໍ່ພໍເຈົ້າ

ເຂົາເຈົ້າບໍ່ເຫັນດີ

4. ໂຮມປະໂຫຍກໃນໝວດ(ກ)ກັບໝວດ(ຂ)ເຂົ້າເປັນປະໂຫຍກດຽວ.

ຕົວຢ່າງ:

ບົດຮຽນກ່ອນຍາວ

ບົດນີ້ຍາວກວ່າ

-ບົດຮຽນນີ້ຍາວກວ່າບົດກ່ອນອີກຊ້າ.

ກ

+ ຫ້ອງນີ້ສະອາດ

+ຂ້ອຍແລ້ວລຸນເຈົ້າ

+ບຸນມີຫລິ້ນ ປົງປອງເກັ່ງ

+ສິນນອນມັກດົນຕີ

+ປີນກະບອກນີ້ດີຫລາຍ

ຂ

ຫ້ອງນັ້ນສະອາດກວ່າ

ເພິ່ນແລ້ວລຸນຂ້ອຍ

ບຸນມາ ຫລິ້ນປົງປອງເກັ່ງກວ່າ

ສີສະຫລຽວມັກດົນຕີກວ່າ

ປີນກະບອກນັ້ນດີກວ່າ

5. ປ່ຽນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ເປັນປະໂຫຍກທີ່ໃຊ້ວະລີ: “ໃຜລາວ” “ໃຜມັນ”

-ນັກສຶກສາແຕ່ລະຄົນ ນັ່ງບ່ອນຂອງຕົນ

-ທະຫານສັດຕູແຕ່ລະຄົນ ແລ່ນໜີກະເຈີດກະເຈີງ.

-ພວກເຮົາຍືນຍົມຢູ່ຫໍສະໝຸດຕາມໃຈມັກຂອງແຕ່ລະຄົນ.

6. ອ່ານບົດອ່ານພື້ນຖານແລ້ວຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

ກ. ຂະນະນີ້ອາກາດເປັນແນວໃດ?

ຂ. ເປັນຫຍັງມັກສຶກສາຈັ່ງພາກັນລຸກແຕ່ເຊົ້າ?

ຄ. ຕອນແລງພວກເຂົາມັກຫລິ້ນເຮັດຫຍັງ? ຍາມໃດ?

ງ. ກິລາກາງແຈ້ງມີຫຍັງແດ່?

ຈ. ກິລາໃນຮົ່ມມີຫຍັງແດ່?

ສ. ຂະແໜງຮຽນຕ່າງໆມີຄະນະກິລາໄວ້ເຮັດຫຍັງ?

ຊ. ທາງໂຮງຮຽນເດ?

ຍ. ໂອກາດໃດທີ່ຄະນະມັກກິລາຕ່າງໆພາກັນເຝິກຊ້ອມຢ່າງຄັກແນ່?

ດ. ເຈົ້າເດ? ເຈົ້າມັກຫລິ້ນກິລາບໍ່?

ເຈົ້າມັກຫລິ້ນກິລາ ຫລືມັກເບິ່ງກິລາ?

ເຈົ້າຫລິ້ນກິລາປະເພດໃດ?

ເຈົ້າລອຍນ້ຳເປັນບໍ່?

ເຈົ້າເີນວຍສາກົນເປັນບໍ່?

ເຈົ້າຫລິ້ນນວຍຢູໂດເປັນບໍ່?

ເຈົ້າຫລິ້ນບານຫຍັງໄດ້ດີທີ່ສຸດ?

7. ອ່ານບົດສົນທະນາແລ້ວຕັ້ງຄໍາຖາມ ຖາມໝູ່ຄູ່ດ້ວຍເນື້ອໃນກ່ຽວກັບ
ການກິລາໃຫ້ພະຍາຍາມໝູນໃຊ້ແບບປະໂຫຍກ ແລະ ວະລີທີ່ຮຽນແລ້ວ.

ບົດທີ 11

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ
2. ແບບປະໂຫຍກ: ບໍ່ພຽງແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນຫາກຍັງ.....
ອີກດ້ວຍ
3. ວິທີບອກອາການເຈັບໄຂ້
4. ວິທີໃຊ້ສັບ “ຈົນ”
5. ວິທີໃຊ້ວະລີ “ຢູ່ສະເໝີ”
6. ປະໂຫຍກຊື່ເງື່ອນໄຂ “ຫາກ.....ຈະ.....”
7. ບົດອ່ານຝຶນຖານ “ໂຮງໝໍນ້ອຍຂອງໂຮງຮຽນ”

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລີຕໍ່ໄປນີ້:

ເຈັບ, ປວດ, ເນື້ອຍ, ແສບ, ໄຄ່, ຕໍ້, ບວມ, ຍິ່ງ, ບອດ, ໝວກ, ເຫລ່ວ, ເຄ, ແຄ້ນ, ຮາກ, ເທື່ອ, ໄອ, ໄຂ້, ວິນ, ຕົນ, ເອີມ, ຈ່ອຍ, ສຽດ, ແມງ, ລົມ, ຢາ, ເຂັ້ມ, ປັ້ງ, ເຄີຍ, ຈົນ, ວັດແທກ, ຊັ່ງ, ສັກ, ລອງ, ກວດ, ກົດ, ກັນ, ປົວ, ລີ້ນ, ຄໍ, ຄາງ, ຫົວ, ແຂ້ວ, ປອດ, ຫ້ອງ, ແຂນ, ຂາ, ແອວ, ຄິງ, ຫູ, ຄີມ, ເຫລັກ, ຈີ່, ຈຳ, ອັນ, ຍ່ອມ, ໝວດ, ຈ້ອຍ, ຄົນເຈັບ, ເຈັບຫົວ, ປວດແຂ້ວ, ແຂ້ວແມງ, ເນື້ອຍ

ຄົງ, ເມື່ອຍແອວ, ເມື່ອຍຂາ, ແສບຄໍ, ແສບລົ້ນ, ຕັບໄຄ່, ຕີນໄຄ່, ຕາຕີ້, ຕາແດງ,
ຕາເຫລ່ວ, ຕາບອດ, ປາດບວມ, ຫ້ອງໄຄ່, ຫ້ອງຍິ່ງ, ຫູຫນວກ, ຫູຕຶງ, ຂາເຄ,
ແຄ້ນເອິກ, ແຄ້ນຄໍ, ຢາກຮາກ, ຮາກແຕກຮາກແຕນ, ເທື່ອໄຫລ, ເທື່ອແຕກເທື່ອ
ແຕນ, ໄອໄກ່, ໄອກົນ, ໄອຄ້ອກ, ໄອແຄ້ກ, ໄຂ້ສູງ, ໄຂ້ຫນາວ, ໄຂ້ສັນ, ໄຂ້ປາ, ໄຂ້
ຫມາກແດງ, ວິນຫົວ, ວິນຫນ້າ, ຄໍເອິມ, ຄໍໄຄ່, ຄໍຕິບ, ແຂນລ່ອຍ, ເປ້ຍລ່ອຍ, ສຽດ
ເອິກ, ສຽດຫົວໃຈ, ເຈັບຫົວໃຈ, ເປັນລົມ, ເປັນໄຂ້, ເປັນບ້າ, ເປັນໄອ, ເປັນແຂ້ວ
ແມງ, ຂະຫນາດ, ຢາງຂະຫນາດ, ອີຫລີ, ອີຫລີອີຫລໍ່, ເອົາແທ້ເອົາວ່າ, ຫັນໃຈ,
ຫັນໃຈເຂົ້າ, ຫັນໃຈອອກ, ຫັນໃຈບໍ່ທົ່ວທ້ອງ, ຫັນໃຈບໍ່ຄ້ອງ, ຕັນດັນ, ຈົມຫັນໃຈບໍ່
ຄ້ອງ, ມີດປາດ, ມີດປາດມື, ບາດເຈັບ, ບາດທະຍັກ, ປະກັນ, ຮັບປະກັນ, ຜົນດີ,
ຜົນຮ້າຍ, ຜົນເສຍ, ເປົ້າຫມາຍ, ຄາດຫມາຍ, ຫລໍ່ຫລອມ, ຫ່ວງໃຍ, ເປັນຫ່ວງ
ເປັນໃຍ, ສຸຂະພາບ, ສຸຂະສຶກສາ, ໂຮງໝໍ, ໂຮງໝໍນ້ອຍ, ທ່ານໝໍ, ພະຍາບານ,
ໂຮງພະຍາບານ, ສະຖານພະຍາບານ, ປະຖົມພະຍາບານ, ພະຍາດ, ກວດພະຍາດ,
ປົວພະຍາດ, ປິ່ນປົວພະຍາດ, ພະຍາດພະຍຸ, ພະຍາດລະບາດ, ອຸບັດເຫດ, ຢານ້ຳ,
ຢາເມັດ, ຢາສັກ, ຢາສູບ, ແຈກຢາ, ກິນຢາ, ສັກຢາ, ບັນສັກຢາ, ເຂັ້ມສັກຢາ,
ມີດປາດ, ມີດຕັດ, ມີດຟັກ, ມີດພັບ, ຄົນຕັດ, ຣຳແຜ, ຜ້າຣຳແຜ, ຝ້າຍີຣຳແຜ,
ປາດສະຈາກ, ປາດສະຈາກພະຍາດ, ໂຄສະນາ, ຮູບພາບໂຄສະນາ, ຄຳຂວັນ,
ແຜນຕະລາງ, ສະຖິຕິ, ສ້າງສະຖິຕິ, ທຳລາຍສະຖິຕິ, ສະຖິຕິຄົນເຈັບ, ສະຖິຕິຄົນ
ເກີດ, ສະຖິຕິຄົນຕາຍ, ພີ່ນ້ອງ, ຍາດພີ່ນ້ອງ, ພໍ່ແມ່ພີ່ນ້ອງ, ຕັກເຕືອນ, ຄຳຕັກເຕືອນ,
ສະເໝີ, ຢູ່ສະເໝີ, ສະເໝີກົກ, ສະເໝີປາຍ, ຈີ້ຈຳ, ມິດໃສ, ນ້ຳໃຈ, ຫົວໃຈ,
ຮ່າງກາຍ, ສົມບູນ, ອຸນທະພູນ, ວັດອຸນທະພູນ, ວັດຄວາມສູງ, ວັດວົງອົກ, ວັດວົງ
ເອິກ, ຊັງນ້ຳນັກ, ລົດນ້ຳຫນັກ, ໃບສັງຢາ, ໃບກວດເລືອດ, ໃບກວດພະຍາດ, ຊັກ
ຊ້າ, ຊັກໄຊ້, ອັນຕະລາຍ, ໄພອັນຕະລາຍ, ອາການເຈັບ, ອາການໄຂ້, ອາການ
ພະຍາດ, ລະອຽດ, ຢາງລະອຽດ, ຂໍ້ລະອຽດ, ລາຍລະອຽດ, ປົວລະບັດ, ຄົນເຈັບ,

ເບິ່ງແຍງ, ເບິ່ງແຍງດູແລ.

2. ແບບປະໂຫຍກ ບໍ່ພຽງແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນຫາກຍັງ.....ອີກດ້ວຍ

ຕົວຕັ້ງ	ບໍ່ພຽງແຕ່	+ ກຳມະ	+ ເທົ່ານັ້ນ	ຫາກຍັງ	+ ກຳມະ	ອີກດ້ວຍ
ພວກເຮົາ	ບໍ່ພຽງແຕ່	ຮຳຮຽນ	ເທົ່ານັ້ນ	ຫາກຍັງ	ເຝິກຝົນຫລໍ່ ຫລອມ	ອີກດ້ວຍ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ພວກເຮົາ
ນັກສຶກສາ
ທະຫານທັງ-
ຫລາຍ

ບໍ່ພຽງແຕ່ ຮຳຮຽນເທົ່ານັ້ນຫາກຍັງ

ເຝິກຝົນຫລໍ່ຫລອມ
ອອກແຮງງານ
ຊ່ວຍເຫລືອກັນ

ອີກດ້ວຍ

ຂ.

ທ້າວ ສິນສັກ
ນາງສີສະໝອນ
ສະຫາຍ ແຂ່ງ

ບໍ່ພຽງແຕ່ຮູ້ພາສາລາວເທົ່ານັ້ນ ຫາກຍັງຮູ້

ພາສາອັງກິດ
ພາສາຫວຽດ
ກຳປູເຈຍ
ລັດຊະ

ຄ.

ອາກາດ ບໍ່ພຽງແຕ່ໝາວ ເທົ່ານັ້ນຫາກຍັງ

ນິຝົນ
ນິລົມແຮງ
ນິດນົວ

ອີກດ້ວຍ

ງ.

ພວກເພີ່ມພຽງແຕ່

ຫັດແອບກາຍບໍລິຫານ
ເຮັດວຽກຢ່າງຕຸກນັ້ນ
ບໍ່ດົນເຫລົ້າ

ເທົ່ານັ້ນຫາກຍັງ

ຫລັ້ນຈິງ
ພັກພ່ອນ
ບໍ່ສູຍາ

ອີກດ້ວຍ

3. ວິທີບອກອາການເຈັບໄຂ້

1.

ຜູ້	ຮູ້ສຶກ	+ ເປັນແນວໃດ	+ ອະໄວຍະວະ
ຂ້ອຍ	ຮູ້ສຶກ	ເຈັບ	ຫົວ
ເພີ່ມ		ປວດ	ແຂ້ວ

ບົດເລິກຫັດແບບປຸງແຫນ

ກ.

ຂ້ອຍ
ທ້າວນັ້ນ
ນາງນັ້ນ

ເຈັບ
ປວດ

ຫົວ
ແຂ້ວ
ຕາ
ຫູ
ແຂນ
ຂາ
ສີຂ້າງ
ແອວ

ຢ່າງຂະໜາດ
ເອົາແທ້ເອົາວ່າ

ຂ.

ຂ້າພະເຈົ້າ
ເຝີນ

ເນື້ອຍ

ແຂນ
ຂາ
ຄີງ
ຫລັງ
ແອວ
ຕາ
ຄໍ

ຫລາຍ
ອີຫລີ

ຄ.

ທ້າວນີ້
ນາງນັ້ນ

ແສບ

ຄໍ
ຕາ
ລັ້ນ

ງ.

ຂ້ອຍ ເພິ່ນ ເຂົາ ທ້າວນີ້	ຮູ້ສຶກ ວິນ	ຫົວ ຫມ້າ	ແລະ ຕົ້ນດັງຈົນຫັນໃຈບໍ່ຄ້ອງ
----------------------------------	------------	-------------	----------------------------

ຈ.

ເຈົ້າເຈັບຫຍັງ? ຂ້ອຍເຈັບ

ຕາ ຫົວ ແຂ້ວ ຫູ ແອວ

ສ. ເຈົ້າເຈັບຢູ່ປ່ອນໃດ ຂ້ອຍເຈັບ (ຢູ່)

ແຂນ ຂາ ແອວ ຫ້ອງ ເອິກ ຫົວ

2.

ຕົວຕັ້ງ	+ ອະໄວຍະວະ	+ ເປັນແນວໃດ
ຂ້ອຍ	ປອດ	ບວມ

ບົດເລິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ຂ້ອຍ
ຝົນ

ປອດບວມ
ຕາ ຕັ້
ທ້ອງ ຍິ່ງ
ຫູ ໝວກ
ຫູ ເງິງ
ຕາບອດ
ຕາ ເຫລ່ວ
ຂາ ເຄ
ຫົວໃຈ ອ່ອນ
ຕັບ ອັກເສບ
ຕັບ ໄຄ່

ປອດໃຈ +	ຕັ້ງອັກ
ອາ	ອອຂ້
ອຳ	ອອຂ້

ຂ.

ເຈົ້າເປັນຫຍັງ? ຂ້ອຍ

ເຈັບຫົວ

ປອດບວມ

ທ້ອງຍິ່ງ

ແຄ້ນເອິກ

3.

ຕົວຕັ້ງ	+ ກິລິຍາ
ຂ້ອຍ	ໄອ
ຂ້ອຍ	ໄຂ້

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແຂ່ງ

ເຈົ້າເປັນຫຍັງ? ຂ້ອຍ

ໄອ	ຫລາຍ
ໄອ	ຄ້ອກໄອແຄ້ກ
ຈາມ	
ໄຂ້	ສູງ
ເມື່ອຍ	ຫລາຍ
ນອນ	ບໍ່ຫລັບ
ຮາກ	ແຕກຮາກແຕນ
ຢາກ	ຮາກ
ຄັນ	ຫມົດຕົນຕົວ

4. ແບບປະໂຫຍກ 2 ແລະ 3 ອາດໃຊ້ກິລິຍາ “ເປັນ” ນຳໜ້າ ຄຳກຳນະເຊັ່ນ:

ຂ້ອຍ ເປັນ ປອດບວນ

ເພິ່ນ ເປັນ ໄຂ້

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ເຈົ້າເປັນແນວໃດ?

ຂ້ອຍເປັນ

ປອດບວມ

ແຂ້ວແມງ

ຕາຕໍ້

ຄໍເອີມ

ໄອ

ໄຂ້

ລົມ

5. ຄົ້ນອາການກາຍເປັນພະຍາດກໍ່ໃຊ້ວະລິເປັນພະຍາດ + ອາການ ເຊັ່ນ:

ຊື່ພະຍາດ

ຂ້ອຍເປັນພະຍາດຫົວໃຈອ່ອນ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ຂ້ອຍ

ຫ້າວນັ້ນ

ຝົນ

ເປັນພະຍາດ

ຫົວໃຈ

ປອດບວມ

ຕາແດງ

ເຈັບກະເພາະ

ເຈັບຕັບ

ຕັບອັກເສບ

ລົມຝືດ

ຄາງຫູມ

ຂ. ຫລານນ້ອຍເປັນພະຍາດຫຍັງ?

ເພິ່ນເປັນພະຍາດ

ໄອໄກ່
ເປ້ຍລ່ອຍ
ຫ້ອງຖອກ
ຄໍຕຶບ
ບາດທະຍັກ
ໄຂ້ຫມາກແດງ

4. ວິທີໃຊ້ສັບ “ຈົນ”

1.

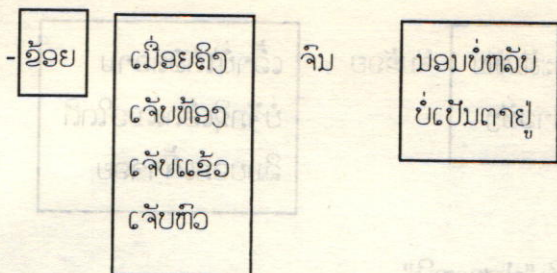
ຕົວຕັ້ງ	ກຳມະ	+ ຈົນ	+ ກຳມະ
ຂ້ອຍ	ໄອ	ຈົນ	ແສບຄໍ້

2.

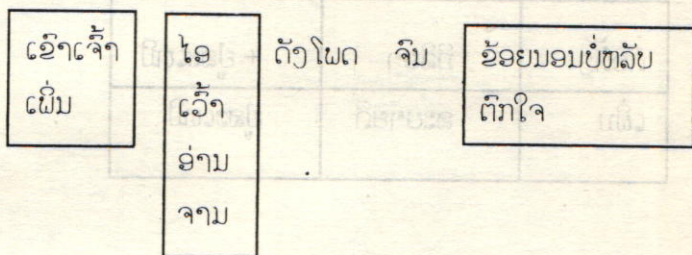
ປະໂຫຍກ	ຈົນ	ປະໂຫຍກ
ເພິ່ນເວົ້າໄວ	ຈົນ	ຂ້ອຍຟັງບໍ່ຫັນ

ບົດເລິກຫັດແບບປຸງແທນ

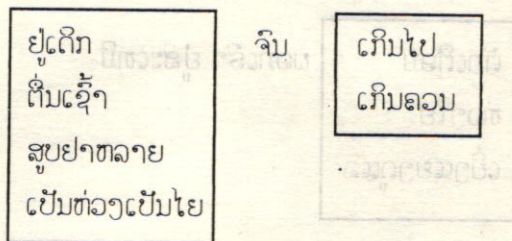
ກ. ເຈົ້າເຈັບເປັນຈັ່ງໃດ?



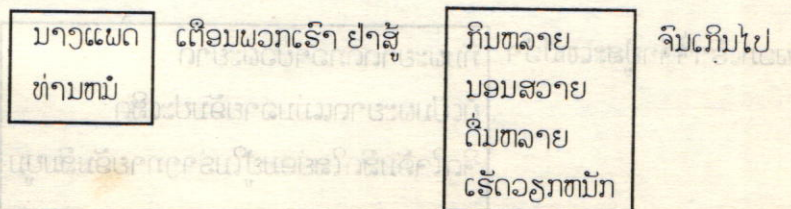
ຂ.



ຄ. ຢ່າສູ້



ງ.



ເກີນວ່າ

ກະທັນຫັນ
ຝ່າວຝັ່ງ

ຈົນຂ້ອຍ

ເວົ້າບໍ່ໄດ້ພໍຄວາມ
ບໍ່ຈັກຊື່ເຮັດແນວໃດດີ
ສົມບອກເຈົ້າຈອຍ

5. ວິທີໃຊ້ວະລີ “ຢູ່ສະເໝີ”

ຕົວຕັ້ງ	ກິລິຍາ	+ ຢູ່ສະເໝີ
ເຜີນ	ສະບາຍດີ	ຢູ່ສະເໝີ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ. ທ່ານໝໍ

ຕັກເຕືອນ
ຫ່ວງໃຍ
ເບິ່ງແຍງດູແລ

ພວກເຮົາ ຢູ່ສະເໝີ

ຂ.

ພວກເຮົາຈື່ຈຳຢູ່ສະເໝີວ່າ

ກັນພະຍາດຕົກວ່າປົວພະຍາດ
ບໍ່ເປັນພະຍາດແມ່ນລາຍອັນປະເສີດ
ຈິດໃຈອັນສົດໃສຍ່ອມຢູ່ໃນຮ່າງກາຍອັນສົມບູນ

ຄ.

ນັກສຶກສາ
ພະນັກງານແລະທະຫານ

ຫມັ້ນ

ເຝິກແອບກາຍບໍລິຫານ
ເຝິກຝົນຫລໍ່ຫລອມ
ເຝິກຊ້ອມກິລາ
ທົບທວນບົດຮຽນ
ເຮັດອະນາໄມ

ຢູ່ສະເໝີ

ງ.

ພວກເຮົາ
ພວກເພິ່ນ

ພ້ອມ(ຢູ່)ສະເໝີທີ່ຈະ

ຮັບໃຊ້
ຊ່ວຍເຫລືອ

ປະເທດຊາດ
ການປະຕິວັດ
ປະຊາຊົນພໍ່ແມ່ພີ່ນ້ອງ
ກອງທັບ
ເຜື້ອນມິດ

໒. ແບບປະໂຫຍດ ຊື່ ເຈື່ອນໄຂ “ຫາກ.....ຈະ”

1

ຫາກ	+ ປະໂຫຍກ	+ ຈະ	+ ກໍາມະ
ຫາກ	ພວກເຮົາຊັກຊ້າ	ຈະ	ສວາຍ

2

ຫາກ	+ ກໍາມະ	+ ຕົວຕັ້ງ	+ ຈະ	+ ກໍາມະ
ຫາກ	ຊັກຊ້າ	ພວກເຮົາ	ຈະ	ສວາຍ

3

ຫາກ	+ ປະໂຫຍກ	+ ຕົວຕັ້ງ	+ ຈະ + ກຳມະ
ຫາກ	ພວກເຮົາຊັກຊ້າ	ພວກເຂົາ	ຈະ ໄປກ່ອນ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທກ

ກ. ຫາກ ພວກເຈົ້າ ບໍ່ຮັກສາ ສຸຂະພາບ ຈະ ເຈັບໄຂ້ໄດ້ງ່າຍ

ພວກເຮົາ

ບໍ່ຮັກສາ

ສຸຂະພາບ
ອະນາໄມ
ກຳລັງ

ຈະ ເຈັບໄຂ້ໄດ້ງ່າຍ

ຂ. ຫາກ ເຈົ້າ ບໍ່ຟັງຄວາມ

ຄູ

ຂ້ອຍ

ອາຈານ

ພະນັກງານ

ເສຍວຽກໄດ້!

ຄ. ຫາກ ຂຸມເຈົ້າ

ຕື່ນສວາຍ
ຊັກຊ້າ

ຂ້ອຍ ຊິ

ໄປ
ເມື່ອ

ກ່ອນໄດ້

ງ. ຫາກ ເຈົ້າ ບໍ່

ກິນຢາ
ສັກຢາ
ນອນໂຮງໝໍ
ຝັງຄວາມໝໍ

ມັນຊິເຊົາໄດ້ຈັ່ງໃດ!

7. ບົດອ່ານຜົນຖານ

ໂຮງໝໍນ້ອຍຂອງໂຮງຮຽນ

ເພື່ອຮັບປະກັນໃຫ້ການປະດິດສ້າງພະນັກງານໃຫ້ແກ່ກອງທັບ ໄດ້ຜົນດີຕາມເປົ້າ
ໝາຍ ທາງໂຮງຮຽນບໍ່ພຽງແຕ່ຈະເອົາໃຈໃສ່ຕໍ່ການຮຳຮຽນ ແລະ ເຝິກຝົນຫລໍ່
ຫລອມຂອງນັກສຶກສາເທົ່ານັ້ນຫາກຍັງເປັນຫວ່າງເປັນໃຍນຳສຸຂະພາບຂອງທຸກໆຄົນ
ອີກດ້ວຍ. ທາງໂຮງຮຽນໄດ້ຈັດໃຫ້ມີໂຮງໝໍນ້ອຍຂອງໂຮງຮຽນຂຶ້ນ ເພື່ອກວດພະ
ຍາດ, ປິ່ນປົວພະຍາດ ແລະ ປະຖິ້ມພະຍາບານໃຫ້ຜູ້ທີ່ເຈັບໄຂ້ໄດ້ປ່ວຍຫລືຖືກບາດ
ເຈັບຍ້ອນອຸບັດເຫດ.

ໂຮງໝໍນ້ອຍແຫ່ງນີ້ ຕັ້ງຢູ່ໃນຂົງເຂດຫໍຝັກຂອງນັກສຶກສາໃນຫ້ອງກວດ
ພະຍາດ, ຫ້ອງສັກຢາ ແລະ ປະຖິ້ມພະຍາບານ, ຫ້ອງແຈກຢາ ແລະ ຫ້ອງຝັກຄົນ
ເຈັບ. ໃນແຕ່ລະຫ້ອງລ້ວນມີອຸປະກອນການແພດ ແລະ ເຄື່ອງໄຊ້ໄມ້ສອຍຢ່າງຄົບ
ຖ້ວນ. ທຸກສິ່ງທຸກຢ່າງລ້ວນສະອາດສະອາງເປັນລະບຽບຮຽບຮ້ອຍໂດຍສະເພາະ
ເຄື່ອງມືກວດພະຍາດ ແລະ ພະຍາບານເຊັ່ນ: ຫູຟັງ, ເຫລັກກົດລີ້ນ, ເຂັມສັກຢາ,
ບັງສັກຢາ, ມິດປາດ, ມິດຕັດ, ຄີນ, ຜ້າຮຳແຜ, ຝ້າຍໆລຽງ ແມ່ນປາດສະຈາກແມ່
ພະຍາດຢ່າງເດັດຂາດເທິງຝ້າຫ້ອງກວດພະຍາດມີຮູບພາບໂຄສະນາການປ້ອງກັນ
ພະຍາດ ແລະ ຄຳຂວັນ “ກັນພະຍາດດີກວ່າປົວພະຍາດ” ຕິດຢູ່ເທິງຝິ້ອແຜນຕະລາງ
ສະແດງສະຖິຕິຄົນເຈັບ.

ບັນດານາຍ ແລະ ນາງແພດ ຊຶ່ງສູງກ່າວຂຶ້ນຕື້ນ ລ້ວນເປັນຄົນໃຈບຸນຮັກແພງ
ຄົນເຈັບປານຍາດຜີ້ນ້ອງຂອງຕົນ ແລະ ພະຍາຍາມປົວລະບັດເບິ່ງແຍງພວກເຂົາ
ຢ່າງສຸດໃຈ, ພວກເພິ່ນຕັກເຕືອນນັກສຶກສາຢູ່ສະເໝີວ່າ ທຸກຄົນຄວນຮັກສາສຸຂະ
ອະນາໄມໃຫ້ດີ ແລະ ຄວນຈື່ຈຳໄວ້ວ່າ “ຈິດໃຈອັນສົດໃສ ຍ່ອມຢູ່ໃນຮ່າງກາຍອັນ
ສົມບູນ”.

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ໂຮງໝໍ, ໂຮງໝໍນ້ອຍ	bệnh viện, bệnh xá
ຮັບປະກັນ	bảo đảm
ປະດິດສ້າງ	sáng tạo
ເປົ້າໝາຍ	đối tượng
ບໍ່ພຽງແຕ່	không những
ເອົາໃຈໃສ່	quan tâm, chú ý
ຝຶກຝົນຫລໍ່ຫລອມ	rèn luyện
ສຸຂະພາບ	sức khỏe
ເປັນຫ່ວງເປັນໄຍ	chăm lo
ກວດ	kiểm tra, khám (bệnh)
ພະຍາດ	bệnh
ປິວ	điều trị (bệnh), chữa
ປະຖົມພະຍາບານ	sơ cứu
ເຈັບໄຂ້	ốm đau
ປວຍ	đau yếu
ບາດເຈັບ	(bị) thương
ຍ້ອນ	do, bởi
ອຸບັດເຫດ	sự cố
ສັກຢາ	tiêm thuốc
ຢາ	thuốc

ຄົນເຈັບ	bệnh nhân
ອຸປະກອນການແພດ	dụng cụ y tế, y cụ
ຫູຟັງ	tai nghe (bệnh)
ເຫລັກກົດລິນ	cái ấn lưỡi
ເຂັມສັກຢາ	kim tiêm
ບັ້ງສັກຢາ	ống tiêm, sơ ranh
ມີດປາດ	dao mổ
ມີດຕັດ	kéo
ຄືມ	kìm, panh
ຜ້າຮຳແຜ	băng
ຝ້າຍ	bông
ຮູບພາບ	hình ảnh
ໂຄສະນາ	tuyên truyền
ປ້ອງກັນ, ປ້ອງກັນພະຍາດ	đề phòng, phòng bệnh
ສະຖິຕິ	thống kê
ນາຍແພດຊື້ນຕົ້ນ	y tá
ນາຍແພດຊື້ນສູງ	bác sĩ
ຄົນໃຈບຸນ	người thùy mị, phúc hậu, người tốt
ຝີນ້ອງ	bà con thân thuộc
ບົວລະບັດ	chăm sóc
ຕັກເຕືອນ	nhắc nhở, cần dặn
ຮັກສາ	giữ gìn
ຈື່ຈຳ	ghi nhớ

ຈິດໃຈ

tâm hồn, tư tưởng

ສິດໃສ

lành mạnh

ສົມບູນ

hoàn toàn; chính thức

ບົດສົນທະນາ

ທ່ານໝໍ: ນ້ອງເປັນຫຍັງນໍ?

ສະໜອງ: ຈັ່ງວ່າ ຈັກວ່າປວຍຫລືຈັ່ງໃດບໍ່?

ທານໝໍ: ນ້ອງເປັນແນວໃດ? ເວົ້າເບິ່ງດູ່!

ສະໜອງ: ຕອນແລງໆເຫັນສີໝາວໆຄືງ ບາດແລ້ວພັດເຫັນຮ້ອນໆ ຄໍາລົງມັກ
ໄອຄ້ອກໄອແຄ້ກເນື່ອງຄືງເອົາແທ້ເອົາວ່າ ກິນເຂົ້າບໍ່ແຊບ, ນອນບໍ່ຫລັບ
ຄັກ, ຕື່ນເຊົ້າຂຶ້ນມາວິນຫົວຢາງຂະໜາດໄອຫລາຍກວ່າເກົ່າ, ເນື່ອງ
ຄືງຈົນບໍ່ເປັນຕາຢູ່ຜຸ້ນໄດ້!

ທ່ານໝໍ: ເຈົ້າໄດ້ວັດອຸນຫະພູມບໍ່?

ສະໜອງ: ເຈົ້າວັດໄດ້ແຕ່ 38 ອົງຊ້າ = 38°

ທ່ານໝໍ: ຜ່ານມາ... ນ້ອງໄດ້ກວດເລືອດບໍ່?

ສະໜອງ: ບໍ່ແຕ່ນ້ອງຮູ້ວ່າເລືອດນ້ອງແມ່ນໝວດອາ (A)

ທ່ານໝໍ: ເອົາລະ ນ້ອງເອົາໃບກວດເລືອດໄປກວດເລືອດສາກ່ອນ ແລະ ນີ້ ໃບ
ສົ່ງຢາໄປຮັບເອົາຢາ ຢູ່ຫ້ອງແຈກຢາເມື່ອ ກິນກ່ອນ ໃຫ້ກິນມື້ລະ 4 ເມັດ
ຫລັງຕອນເຊົ້າ 2 ເມັດ ຕອນແລງ 2 ເມັດ ຫລັງອາຫານ ກິນຍາຫມົດ
ແລ້ວເອົາຜົມການກວດເລືອດມາຫາຂ້ອຍອີກເດັດ, ເປັນໄຂ້ແບບນີ້ຢ້ານ
ບໍ່ເຊົາງ່າຍດອກຕ້ອງປິ່ນປົວໄວຫາກຊັກຊ້າຈະເປັນອັນຕະລາຍ ຕໍ່ສຸຂະ
ພາບແຕ່ວ່າຕ້ອງກວດກາຕິດຕາມອາການເຈັບຢາງລະອຽດ ຢ່າສູບຢາ

ຫລາຍເດັ!

ສະຫນອງ: ເຈົ້າ ຂໍຂອບໃຈນຳທ່ານຫມໍ ນ້ອງລາກ່ອນເດັ.

ທ່ານຫມໍ: ເຈົ້າ ໂຊກດີ!

ວຽກບ້ານ

1. ຈົ່ງປ່ຽນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ເປັນແບບປະໂຫຍກຕ່າງໆທີ່ເຄີຍໃຊ້:

ກ. ຫົວຂ້ອຍເຈັບ

ຂ. ແຂ້ວຂ້ອຍແມງ

ຄ. ເອິກຂ້ອຍແຄ້ນ

ງ. ຫົວໃຈຂ້ອຍເຈັບສຽດ

ຈ. ກະເພາະຂ້ອຍເຈັບ

ສ. ຕາຂ້ອຍແດງ

ຊ. ຫ້ອງຂ້ອຍຢຶງ

ຍ. ຕັບຂ້ອຍໄຄ່

ດ. ປອດຂ້ອຍບວມ

ຕ. ຕາຂ້ອຍຕໍ້

2. ໂຮມປະໂຫຍກຫມວດ (ກ) ກັບຫມວດ (ຂ) ເຂົ້າເປັນປະໂຫຍກດຽວຕາມຕົວຢ່າງ:

ຂ້ອຍເຈັບແຂ້ວ ຂ້ອຍນອນບໍ່ຫລັບ

ຂ້ອຍເຈັບແຂ້ວຈົນນອນບໍ່ຫລັບ

-ຂ້ອຍເຈັບແອວ

ຂ້ອຍນັ່ງດົນບໍ່ໄດ້

-ເຝື່ນຫ້ອງຢຶງ

ເຝື່ນບໍ່ຢາກກິນເຂົ້າ

-ຂ້ອຍໄອ

ຂ້ອຍນອນບໍ່ຫລັບ

-ເຝີນເວົ້າດັງ

ໃຜກໍ່ໄດ້ຍິນ

-ເຂົາເຈົ້າແລ່ນໄວ

ຂ້ອຍແລ່ນນຳບໍ່ຫັນ

-ຂ້ອຍຮ້ອນ

ຂ້ອຍເທື່ອແຕກເທື່ອແຕນ

3. ຂຽນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ໃຫ້ຈົບ

-ຫາກພວກເຮົາພະຍາຍາມເຝິກແອບໃຫ້ດີ.....

-ຫາກບໍ່ຝັງຄວາມທ່ານໝໍ.....

-ຫາກເຈົ້າບໍ່ກິນຢາ.....

-ຫາກເຈົ້າເີ່ນສວາຍໂພດ.....

-ຫາກພວກເຮົາບໍ່ຮັກສາສຸຂະພາບ.....

4. ຈົງແຕ່ງປະໂຫຍກໃຊ້ວະລີ "ຢູ່ສະເໝີ" ນາ 5 ປະໂຫຍກ

5. ອ່ານບົດອ່ານຟື້ນຖານແລ້ວຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

ກ. ທາງໂຮງຮຽນເຮັດຫຍັງແດ່ເພື່ອປະກອບຜົນການປະດິດສ້າງພະນັກງານໃຫ້ກອງທັບ?

ຂ. ໂຮງໝໍນ້ອຍຂອງໂຮງຮຽນມີຫນ້າທີ່ຫຍັງແດ່?

ຄ. ໃນໂຮງໝໍນ້ອຍມີຫ້ອງຫຍັງແດ່?

ງ. ໃນແຕ່ລະຫ້ອງມີຫຍັງແດ່?

ຈ. ເຄື່ອງຂອງເຫລົ່ານັ້ນເປັນແນວໃດ?

ສ. ບັນດານາຍ ແລະ ນາງແພດ ເປັນຄົນແນວໃດ?

ຊ. ພວກເຝີນເຕືອນນັກສຶກສາວ່າແນວໃດ?

ຍ. ເຈົ້າເຫັນດີນຳຄຳຕັກເຕືອນນັ້ນບໍ່? ຍ້ອນຫຍັງ?

6. ຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

- ເຈົ້າເຄີຍໄປໂຮງຫມໍບໍ່? ຍ້ອນຫຍັງ?
- ເຈົ້າເຄີຍສັກຢາບໍ່? ເພື່ອປົວພະຍາດຫຍັງ?
- ເຈົ້າເຄີຍໄປຊົ່ງນ້ຳຫມັກບໍ່? ເຈົ້າຫມັກຈັກກິໂລ?
- ເຈົ້າສູງຈັກແມັດ? ລອງວັດເບິ່ງດູ່!
- ວົງເອິກເຈົ້າກວ້າງເທົ່າໃດ?

7. ພັດປ່ຽນກັນສະແດງບົດບາດຂອງຫມໍ ແລະ ຄົນເຈັບ ຕາມເນື້ອໃນຂອງ
ບົດສົນທະນາ.

ເອກະສານທີ 1

ສັນຕິພາບ ກັບ ຄຸ້ມ ຄວບຄຸມ ບາດກ້າວສູ່ກັບຄືນ

ເອກະສານທີ 2

..... ກ່ຽວກັບ ກ່ຽວກັບ ກ

..... ກ່ຽວກັບ ກ່ຽວກັບ ກ

..... ກ່ຽວກັບ ກ່ຽວກັບ ກ

..... ກ່ຽວກັບ ກ່ຽວກັບ ກ

ເອກະສານທີ 3 ພາກທີ 1

ເປັນ/ກໍລະນີ ຂອງ ການປະຕິບັດ

ກໍລະນີ ກ່ຽວກັບ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ
 ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ
 ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ
 ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ
 ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ
 ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ
 ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ
 ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ ການປະຕິບັດ

ບົດທີ 12

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ

2. ວິທີໃຊ້ຄຳສັບ: ຫລາຍ, ຫນ້ອຍ, ພໍ່ຊິ, ໄດ້, ຂາດ, ໃຫ້

3. ແບບປະໂຫຍກ:

ກ. ເຖິງວ່າ.....ກໍຕາມແຕ່.....

ຂ.ສາກ່ອນຈັ່ງ.....

ຄ. ຄັນວ່າ.....ກໍ

4. ບົດອ່ານຜົນຖານ: ການປະຊຸມຫ້ອງ

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລິຕໍ່ໄປນີ້:

ປະຊຸມ, ການປະຊຸມ, ກອງປະຊຸມ, ທີ່ປະຊຸມ, ສຳຫລວດ, ບົດສຳຫລວດ, ຮຳ
ຮຽນ, ການຮຳຮຽນ, ຜົນການຮຳຮຽນ, ຂະບວນ, ຂະບວນການ, ໄຂຂະບວນການ
ແຂ່ງຂັນ, ການແຂ່ງຂັນ, ຊຸກຍູ້, ຜົນ, ຜົນດີ, ຜົນຮ້າຍ, ໄດ້ຜົນ, ຄຳປາໄສ, ກ່າວ
ຄຳປາໄສ, ເຊິ່ງ, ຜູ້ເຊິ່ງ, ຍົກ, ຍົກໃຫ້ເຫັນ, ຂີ້, ຂີ້ດີ, ຂີ້ບົກຜ່ອງ, ໄລຍະ, ໄລຍະເວ
ລາ, ຄຳເຫັນ, ປະກອບຄຳເຫັນ, ເຕັມ, ເວົ້າ, ເຕັມບັນທຶກ, ບັນທຶກຄຳເຫັນ, ຊີວິດ, ຊີ
ວິດປະຈຳວັນ, ອະພິປາຍ, ຂ້ອຍພິປາຍ, ຄຳອະພິປາຍ, ການອະພິປາຍ, ເຖິງວ່າ,

ເຖິງແມ່ນວ່າ, ຫລາຍ, ຢ່າງຫລາຍ, ຫນ້ອຍຢ່າງຫນ້ອຍ, ພໍ, ພໍຄວນ, ພໍສົມຄວນ, ຂາດ, ຂາດຕົກບົກຜ່ອງ, ເຄີຍ, ເຄີຍໂຕ, ດັດແກ້, ເອົາໄວ້, ຍາມໃດ, ໂລດ, ເອົາໂລດ, ໂອກາດ, ໂອກາດດີ, ໃນທີ່ສຸດ, ຕ່າງກໍ່, ເປັນເອກະສັນ, ທັງນີ້, ທັງນັ້ນ ຂອດ, ຂອດຕົ້ນຕໍ, ດຳເນີນ, ດຳເນີນການ, ແມ່ນຄວາມ, ເອື້ອນ, ຝົນເອື້ອນ.

2. ວິທີໄຊ້ຄຳສັບ

ຫລາຍ
ຫນ້ອຍ

ຫລາຍ	+ ຄຳນາມ (ລັກສະນະນາມ) ຄົນ ສະຫາຍ ອັນ ກ້ານ ດວງ ໂຕ
------	---

ບົດເຝິກຫັດ 1

ນັກຮຽນ ເຝື້ອນ	ຫລາຍ ຫນ້ອຍ	ຄົນ ສະຫາຍ	ເຂົ້າໃຈບົດຮຽນ ປາກຄວາມລາວ ຂຽນຫວາຍ ອ່ານພາສາລາວ	ໄດ້ດີ
------------------	---------------	--------------	---	-------

ຄຳຊຸມນາມ	+ ຫລາຍ + ເຄີຍ
ດີ	
ງາມ	
ຈົບ	
ໄວ	
ຊ້າ	

ຄຳກຳມະ	+ ຫລາຍ
ອ່ານ	
ຂຽນ	
ເວົ້າ	
ນອນ	
ກິນ	

ບົດເຝິກຫັດ2

ສະຫາຍ
ເພິ່ນ
ນາງນັ້ນ
ສ່ຽວ
ເອື້ອຍ
ນ້ອງ

ດີ	ຫລາຍ	+	ພາບແທ້
ບໍ່			ບໍ່
ບໍ່			ບໍ່
ບໍ່			ບໍ່

ບົດເຝິກຫັດ 3

ນາງສິນພອນ
ອ້າຍບຸນມີ
ເອື້ອຍຄຳບາງ

ອ່ານ
ຂຽນ
ຂຽນ
ຮູ້

ຫລາຍ

ບົດເຝິກຫັດ 4

ເຈົ້າ
ເພິ່ນ
ສາວນັ້ນ

ອ່ານ
ເວົ້າ

ດີ
ໄວ
ຊ້າ

ຫລາຍ
ເຕີບ

ພິຊີ

ຄຸນນາມ +	ພິຊີ ຄໍາກາມະ
ແຊບ	ກິນ
ຫລາຍ	ເຮັດ
ຊັດເຈນ	ຮູ້

ຄຸນນາມ
ພິຊີ
ຄໍາກາມະ
ແຊບ
ຫລາຍ
ຊັດເຈນ

ບົດເຝິກຫັດ 5

ໝາກນ່ວງ
ກັບເຂົ້າ
ເຝີ

ໝ່ວຍນີ້

ແຊບ

ພິຊີກິນໄດ້ຢູ່

ຄຸນນາມ
ພິຊີ
ແຊບ
ຫລາຍ
ຊັດເຈນ

ຄຸນນາມ
ພິຊີ
ກິນ
ໄດ້ຢູ່

ບົດເຝິກຫັດ 6

ຄູ
ເຝີນ

ເວົ້າ
ອ່ານ
ດັງ

ຊ້າ
ຊັດເຈນ

ພິຊີ

ຝັງ

ໄດ້ຢູ່

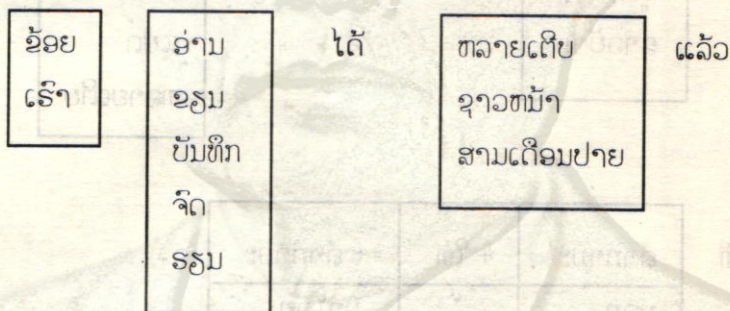
ຄຸນນາມ
ພິຊີ
ຊ້າ
ຊັດເຈນ

ຄຸນນາມ
ພິຊີ
ຝັງ

ຄຸນນາມ
ພິຊີ
ໄດ້ຢູ່

ຄຳກຳມະ	+ ໄດ້ + ຄຸນນາມຫລືວະລີ ບອກຈຳນວນ
ອ່ານ ຂຽນ ຈິດ ບັນທຶກ	ໄດ້ ຫລາຍເຕີບ ຊາວໜ້າ ສອງວັນ

ບົດເຝິກຫັດ.7



ຂາດ: ຂາດ + ຄຸນນາມ ຫລື ວະລີບອກຈຳນວນ

ບົດເຝິກຫັດ 8:

ຂາດ

ຫລາຍ
ສອງໜ້າ
ສາມຄົນ

ບົດເຝິກຫັດ 9

ນັກຮຽນ
ແມ່ຍິງ
ທະຫານ
ຜູ້ເຖົ້າ
ຊາວບ້ານ

ຍັງ

ຂາດ

ອີກ

ສີ່

ຄົນ

ຫ້າ

ຫົກ

ເຈັດ

ແປດ

ຫລາຍໂດຍ

ໃຫ້

ຄໍາກໍາມະ	+ ໃຫ້	+ ຄໍາກໍາມະ
ບອກ		ມາໄວ້
ສະເໜີ		
ຂໍ		
ສັ່ງ		

ບົດເຝິກຫັດ 10

ຄູ ເຝິນ	ບອກ ສັ່ງ	ໃຫ້	ອ່ານ ເວົ້າ ຂຽນ	ຊ້າງ ໄວໆ ຊັດເຈນ ຖືກ	ແດ່
------------	-------------	-----	----------------------	------------------------------	-----

ຄຳກຳມະ	+ ໃຫ້	+ ຄຳນາມ ຄຳແທນນາມ	+ ຄຳກຳມະ
ບອກ ສັ່ງ	ໃຫ້	ນັກຮຽນ ຂ້ອຍ	ອ່ານ

ບົດເຝິກຫັດ 11

ຄູ	ບອກ ສັ່ງ	ໃຫ້	ຂ້ອຍ ເຈົ້າ ເຝິນ ເຂົາເຈົ້າ	ອ່ານດັງໆ ຂຽນງາມໆ
----	-------------	-----	------------------------------------	---------------------

ໃຫ້	+ ປະໂຫຍກ
ໃຫ້	ເຈົ້າຊີໄວ້ເດີ້ ພວກເຮົາປາກແຕ່ຄວາມລາວ

ບົດເຝິກຫັດ 12

ໃຫ້	ພວກເຈົ້າ ພວກເຮົາ	ຊື່ຄັກໆ ປາກແຕ່ຄວາມລາວ		
-----	---------------------	--------------------------	--	--

3. ແບບປະໂຫຍກ

ກ. ເຖິງວ່າ	+ ອະນຸປະໂຫຍກ	+ ກໍ່ຕາມ	+ ແຕ່	+ ອະນຸປະໂຫຍກ
ເຖິງວ່າ	ຝົນຕົກ	ກໍ່ຕາມ	ແຕ່	ຂ້ອຍກໍ່ໄປໂຮງຮຽນ

ບົດເຝິກຫັດ 1

ເຖິງວ່າ	ເຝົ້າ ຄ ເຂົ້າເຈົ້າ ສະຫາຍ	ເວົ້າໄວ ເວົ້າຄ່ອຍ	ກໍ່ຕາມ ແຕ່	ເຮົາ ຂ້ອຍ	ກໍ່ຟັງອອກ
---------	-----------------------------------	----------------------	------------	--------------	-----------

ເຖິງວ່າ	ພວກເຮົາ ເຂົາເຈົ້າ ຂ້ອຍ ເພິ່ນ	ຫາກໍ່ຮຽນ	ກໍ່ຕາມ ແຕ່	ເຮົາ ເຂົາເຈົ້າ ຂ້ອຍ ເພິ່ນ	ກໍ່ພໍຊື່ຮູ້ໄດ້
---------	---------------------------------------	----------	------------	------------------------------------	----------------

ເຖິງວ່າ	+ ວະລີ + ກໍ່ຕາມແຕ່	+ ປະໂຫຍກ
ເຖິງວ່າ	ຍັງໝຸ່ມຢູ່ກໍ່ຕາມແຕ່	ເພິ່ນກໍ່ຊື່ນາມແທ້

ບົດເລິກຫັດ 2

ເຖິງວ່າ	ຫາກໍ່ຮຽນ	ກໍ່ຕາມ ແຕ່	ພວກເຮົາ ເພິ່ນ ລາວ ເຂົາເຈົ້າ ຂ້ອຍ	ກໍ່ພໍຊື່	ເວົ້າ ຮູ້ ຮຽນ ອ່ານ	ໄດ້
---------	----------	------------	--	----------	-----------------------------	-----

ຂ.

ອະນຸປະໂຫຍກ	+ ສາກ່ອນຈ້າງ	+ ວະລີກຳມະ
ຟົນເອື້ອນ	ສາກ່ອນຈ້າງ	ອອກເດີນທາງ

ວະລີກຳມະ	+ ສາກ່ອນຈ້ງ	+ ວະລີກຳມະ
ເຮັດວຽກບ້ານແລ້ວ	ສາກ່ອນຈ້ງ	ໄປຖ່ຽວ

ບົດເຝິກຫັດ3

ຄູ ຫົວຫນ້າ	ອານຸຍາດ ສາກ່ອນຈ້ງ	ເຮັດ ໄປຫຼິ້ນ ກິນ ເມື່ອບ້ານ ອອກຈາກຫ້ອງ
---------------	-------------------	---

ບົດເຝິກຫັດ 4

ເຮັດວຽກບ້ານແລ້ວ ຂຽນຫວາຍແລ້ວ ກ່າຍບົດຮຽນແລ້ວ ທ່ອງຈຳແລ້ວ	ສາກ່ອນ ຈ້ງ ໄປຖ່ຽວ
--	-------------------

ຄືນວ່າ	+ ປະໂຫຍກ	+ ກໍ່	+ ວະລີກຳມະ
ຄືນວ່າ	ພວກເຮົາພະຍາມຫມຸນໃຊ້	ກໍ່	ພໍຊິເວົ້າໄດ້

ຄັນວ່າ	+ ວະລີກຳມະ	+ ຄຳນາມ	+ ກໍ່	+ ວະລີກຳມະ
ຄັນວ່າ	ພະຍາຍາມໝູ່ໃຊ້	ພວກເຮົາ	ກໍ່	ພໍຊິເວົ້າໄດ້

ບົດເຝິກຫັດ 5

ຄ.

ຄັນວ່າ

ພວກເຮົາ

ພະຍາຍາມ ແຕ່ ກໍ່ ພໍຊິ

ເຮັດໄດ້

ເຂົາເຈົ້າ

ຂຽນແລ້ວ

ເຈົ້າ

ໄປໄດ້

ລາວ

ອ່ານອອກ

ເພິ່ນ

ຝັງອອກ

ບົດເຝິກຫັດ 6

ຄັນວ່າ ພະຍາຍາມແຕ່

ພວກເຮົາ

ກໍ່ ພໍ ຊິ

ເຮັດໄດ້

ເຂົາເຈົ້າ

ຂຽນແລ້ວ

ເຈົ້າ

ໄປໄດ້

ລາວ

ອ່ານອອກ

ເພິ່ນ

ຝັງອອກ

4. ບົດອ່ານພື້ນຖານ

ການປະຊຸມທ້ອງ

ພວກເຮົາຮຽນພາສາລາວມາໄດ້ ສາມເດືອນປາຍແລ້ວ, ວັນນີ້ ທ້ອງພາສາລາວຂອງພວກເຮົາ ໄດ້ໄຂການປະຊຸມ ເພື່ອສຳຫລວດຜົນການຮຳຮຽນທີ່ຜ່ານມາ ແລະ ໄຂຂະບວນການແຂ່ງຂັນເພື່ອຊຸກຍູ້ການຮຳຮຽນໃຫ້ໄດ້ຜົນດີຂຶ້ນອີກ, ໃນວັນນີ້ ຂະບວນການ”ປາກຄວາມລາວ”.

ສະຫາຍ ໝາກ ຫົວໜ້າທ້ອງ ໄດ້ກ່າວຄຳປາໄສໄຂກອງປະຊຸມ. ຫລັງຈາກນັ້ນສະຫາຍຖາຍ ຮອງຫົວໜ້າທ້ອງ ອ່ານບົດສຳຫລວດຜົນງານ. ເຊິ່ງຍົກໃຫ້ເຫັນທັງຂໍ້ດີ ແລະ ຂໍ້ບົກພ່ອງຕ່າງໆໃນໄລຍະທີ່ຜ່ານມາ, ຈາກນັ້ນ ເພີ່ນເຊີນຊວນນັກຮຽນທຸກຄົນປະກອບຄຳເຫັນຕື່ມ.

ເມື່ອສະຫາຍ ເລຂາກອງປະຊຸມບັນທຶກທຸກຄຳເຫັນກ່ຽວກັບບົດສຳຫລວດແລ້ວ ສະຫາຍຫົວໜ້າທ້ອງ ສະເໜີໃຫ້ໄຂຂະບວນການແຂ່ງຂັນຊຸກຍູ້ການຮຽນ, ເພີ່ນສະເໜີວ່າ ພວກເຮົາຮຽນສັບ ແລະ ແບບປະໂຫຍກໄດ້ຫລາຍພໍຊິເວົ້າພາສາລາວນຳກັນໃນຊີວິດປະຈຳວັນໄດ້ແລ້ວ, ດັ່ງນັ້ນພວກເຮົາຄວນຊີໄຂຂະບວນການ “ປາກຄວາມລາວ” ເພື່ອປະກອບສ່ວນຊຸກຍູ້ການຮຽນໃຫ້ດີຂຶ້ນ.

ທີ່ປະຊຸມອະພິປາຍ ຂໍສະເໜີນີ້ຢ່າງ ຟົດຟື້ນ. ຍາງສະຫາຍໃຫ້ຄຳເຫັນວ່າ: ເຖິງວ່າ ພວກເຮົາຈະຮູ້ຄຳສັບ ແລະ ແບບປະໂຫຍກ ໄດ້ຈຳນວນໜຶ່ງແລ້ວກໍຕາມ ແຕ່ກໍຍັງຂາດອີກຫລາຍເຕີບ ຍັງບໍ່ພໍຊິເວົ້າໄດ້ໃນທຸກໂອກາດດອກ, ອີກຢ່າງໜຶ່ງ ແບບປະໂຫຍກຍັງໜ້ອຍ ຢ້ານວ່າ ພວກເຮົາຊິເວົ້າຜິດໆ ຖືກໆ ຈົນເຄີຍໂຕແລ້ວ ຊິດັດແກ້ໄດ້ຍາກເອົາ ໄວ້ຍາມໃດ ຮຽນຄຳສັບ ແລະ ແບບປະໂຫຍກໄດ້ຫລາຍໆ ແດ່ສາກ່ອນຈັ່ງເວົ້າໃຫ້ຖືກຕ້ອງໂລດດີກ່ວາ.

ຫລາຍສະຫາຍພັດເຫັນວ່າ ຄວນໄຂຂະບວນການ “ປາກຄວາມລາວ” ໃນທຸກໂອກາດ, ທຸກບ່ອນ ແຕ່ດຽວມີໂລດ ເພາະວ່າ ເຖິງວ່າ ຄຳສັບ ແລະ ແບບປະໂຫຍກ ຍັງໜ້ອຍຢູ່ຕາມ ແຕ່ຄັນວ່າເຮົາພະຍາຍາມໝູນໃຊ້ກໍ່ພໍຊິເວົ້າໄດ້ໃນຊີວິດປະຈຳວັນ ຫລື ຢ່າງໜ້ອຍກໍ່ພໍເວົ້າໃນຫ້ອງຮຽນໄດ້ຢູ່.

ທີ່ປະຊຸມອະພິປາຍກັນໃນເວລາພິມຄວນ ໃນທີ່ສຸດຕ່າງກໍ່ຕົກລົງກັນເປັນເອກະສັນວ່າໃນຫ້ອງຮຽນໃຫ້ທຸກຄົນປາກແຕ່ຄວາມລາວ. ສ່ວນໃນຊີວິດປະຈຳວັນໃຫ້ພະຍາຍາມປາກຄວາມລາວ ໃຫ້ໄດ້ຫລາຍທີ່ສຸດ ທັງນີ້ເພາະວ່າຂອດສຳຄັນຕົ້ນຕໍໃນການຮຽນພາສາແມ່ນການປາກເວົ້າ.

ເມື່ອໄດ້ເວລາ ສະຫາຍຫົວໜ້າຫ້ອງຜູ້ດຳເນີນການປະຊຸມກໍ່ກ່າວອັດກອງປະຊຸມ.

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ການປະຊຸມ	hội nghị
ສຳຫລວດ	kiểm điểm
ຜົນ	kết quả
ຂະບວນການ	phong trào
ຊຸກຍູ້	thúc đẩy
ກ່າວ	trình bày, báo cáo, nói
ຄຳປາໄສ	lời phát biểu
ຜົນງານ	thành tích
ຍົກໃຫ້ເຫັນ	thể hiện, nêu lên

ຂໍ້ດີ	ưu điểm
ຂໍ້ບົກຜ່ອງ	khuyết điểm
ຜ່ານ	qua
ໄລຍະ	quãng, thời kỳ
ຈາກນັ້ນ	sau đó
ເຊັ່ນຊວນ	mời
ປະກອບ	góp, đóng góp
ຄໍາເຫັນ	ý kiến
ເຕີມ	thêm
ເລຂາ	thư ký, bí thư
ບັນທຶກ	ghi
ສັບ	từ ngữ
ແບບປະໂຫຍກ	câu, kết cấu câu
ຊີວິດປະຈຳວັນ	sinh hoạt hàng ngày
ອະພິປາຍ	thảo luận
ຝຶດຝົນ	sôi nổi, sôi động
ເຖິງວ່າ	tuy nhiên, mặc dù
ຂາດ	thiếu; rách
ອີກຢ່າງໜຶ່ງ	vả lại
ແກ້	sửa
ຍາກ	khó
ຢ້ານ	sợ
ໂລດ	ngay, lập tức

ກວ່າ	hơn
ພັດ, ພັດເຫັນວ່າ	lại, lại nhận thấy rằng
ໝູນໃຊ້	áp dụng, vận dụng
ຢ່າງໜ້ອຍ	chí ít, ít ra
ພໍສົນຄວນ	tương đối
ທີ່ສຸດ	cuối cùng, kết thúc
ຕົກລົງກັນ	quyết định
ເປັນເອກະສັນ	nhất trí
ເພາະວ່າ	bởi vì
ຕົ້ນຕໍ	chủ yếu, chính
ຂອດ	khâu; nút
ສຳຄັນ	quan trọng
ດຳເນີນ	tiến hành
ອັດກອງປະຊຸມ, ອັດ	bế mạc, đóng, đầy

ບົດສົນທະນາ

ສ/ຫ ໝາຍ: ຂໍເຊີນບັນດາສະຫາຍໃຫ້ຄຳເຫັນກ່ຽວກັບຂະບວນການ “ປາກ
ຄວາມລາວ”.

ສ/ຫ ມາຍ: ຂ້ອຍ ມີຄວາມເຫັນວ່າ ຄັນວ່າປາກຄວາມລາວໄດ້ກໍ່ແມ່ນດີແທ້ຢ້ານ
ແຕ່ວ່າ ຄຳສັບເຮົາຍັງໜ້ອຍ ແບບປະໂຫຍກ ກໍ່ຍັງບໍ່ຫລາຍເທື່ອ ຄັນ
ຊິໃຫ້ເວົ້າ ຜິດໆ ຖືກໆ ພັດຊິເຄີຍໂຕດັດແກ້ຍາກ ສູ້ເອົາໄວ້ຍາມໃດຮຽນ
ຮູ້ໄດ້ຫລາຍແຕ່ຈັ່ງປາກໃຫ້ຖືກຄວາມລາວໂລດບໍ່ດີກວ່າບໍ່?

ສ/ຕ ນາມ: ຂ້ອຍເຫັນດີນຳສະຫາຍຫົວໜ້າ ເຮົາຄວນໄຂຂະບວນການປາກຄວາມ
ລາວແຕ່ດຽວນີ້ໂລດ ເພາະວ່າ ເຖິງວ່າສັບ ແລະ ແບບປະໂຫຍກ ຂອງ
ເຮົາຍັງບໍ່ຫລາຍ ແຕ່ຄືນວ່າເຮົາພະຍາຍາມຫມຸນໃຊ້ກໍ່ພໍຊິເວົ້າຮູ້ເລື່ອງ
ກັນ ຢູ່ດອກ ອີກຢ່າງໜຶ່ງ ຮຽນແລ້ວຈະຕ້ອງຫັດ, ຄົ້ນບໍ່ຫັດຊື່ບໍ່ຈີ່ ບໍ່ຊຳ
ນາມ.

ສ/ຕ ປິນ: ຂ້ອຍວ່າເຮົາຈັ່ງຊື່ຢູ່ໃນຫ້ອງໃຫ້ພວກເຮົາເວົ້າແຕ່ຄວາມລາວ, ສ່ວນຢູ່
ໃນນອກຫ້ອງ ໃຫ້ພະຍາຍາມປາກຄວາມລາວຫລາຍແດ່.

ສ/ຕ ບາ: ແມ່ນຄວາມ! ຂ້ອຍເຫັນດີນຳ ສ/ຕ ປິນ

ສ/ຕ ໝາຍ: ມີໃຜຄັດຄ້ານບໍ່? ເຮົາລະຄັນບໍ່ມີໃຜຄັດຄ້ານກໍ່ເປັນອັນວ່າພວກເຮົາ
ຕົກລົງຕາມຄຳເຫັນ ສ/ຕ ປິນເບາະ?
ດັ່ງນັ້ນເລິກປະຊຸມ, ເຊີນພັກ.

ບົດເຝິກຫັດ

1. ໃຊ້ສັບ ແລະ ວະລິຕໍ່ໄປນີ້ແຕ່ງເປັນປະໂຫຍກ ຫລາຍ, ໜ້ອຍ, ພໍຊິ, ຂາດ, ໄດ້, ໃຫ້, ສະເໝີ, ເອົາໄວ້, ໂລດ, ເວົ້າ, ປາກ, ອະພິປາຍ.
2. ແຕ່ງປະໂຫຍກ ຕາມແບບປະໂຫຍກທີ່ຮຽນໃນບົດນີ້ ແບບລະ 3 ປະໂຫຍກ.
3. ອ່ານບົດຫັດອ່ານໃຫ້ຄ່ອງແລ້ວຕອບຄຳຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

ກ. ຫ້ອງພາສາລາວໄຂກອງປະຊຸມເຮັດຫຍັງ?

ຂ. ໃຜເປັນຜູ້ດຳເນີນການປະຊຸມ?

ຄ. ໃຜອ່ານບົດສຳຫລວດເວົ້າເຖິງຫຍັງແດ່?

ງ. ໃຜເປັນຜູ້ສະເໜີ ໄຂຂະບວນການແຂ່ງຂັນ “ປາກຄວາມລາວ”

ດ. ຄຳເຫັນຂອງໂຕສະຫາຍເອງ ໄດ້ ເປັນແນວໃດ?

4. ແບ່ງກັນອ່ານບົດສົນທະນາຕາມຈຳນວນຕົວລະຄອນໃນບົດສົນທະນາ.

ບົດທີ 13

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ
2. ທົບທວນແບບປະໂຫຍກທີ່ຮຽນແລ້ວ.
3. ບົດອ່ານຟື້ນຖານ: ນິທານເລື່ອງເຕົ້າແລະກະຕ່າຍ

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລິຕໍ່ໄປນີ້:

ກ້າ, ສາດ, ສ່ອງ, ສົມ, ອ້າ, ຫາວ, ກົວ, ເຢາະ, ເຍ້ຍ, ເຕົ້າ, ນຶງ, ກູ, ບັກ, ຫມໍ, ຫານ, ອອກ, ບະ, ຊ້າ, ແນມ, ຫລຽວ, ຄອນ, ຍອດ, ເງິຍ, ເຄິ່ງ, ລະດູ, ລະດູບານໃໝ່, ລະດູຮ້ອນ, ລະດູຮ່ວງໂຮຍ, ລະດູໜາວ, ລະດູຝົນ, ລະດູແລ້ງ, ດວງຕາເວັນ, ດວງອາທິດ, ດວງເດືອນ, ດວງຈັນ, ສາດນ້ຳ, ສາດແສງ, ປໍລໍ, ປໍລໍຫົວ, ປໍລໍອອກມາ, ປໍລໍອອກຈາກ, ຂອບຝ້າ, ແສງແດດ, ແສງຕາເວັນ, ແສງອາທິດ, ແສງອາລຸນ, ວາດຊົງ, ສົມຊື່, ສົມເປັນນັກກິລາ, ຍອດຫຍ້າ, ຍອດໄມ້, ຍອດຊາຍ, ຍອດຍິງ, ລະອາ, ເມື່ອຍລະອາ, ກຽດຄ້ານ, ຂີ້ຄ້ານ, ຫົວເຂົ້າ, ຫົວນ້ຳ, ຫົວນອນ,

ຫລຽວເບິ່ງ, ຫລຽວເຫັນ, ຫລຽວຫລັງ, ຫົວຂວັນ, ຫົວຂຶ້ນບັກໃຫຍ່, ເຢາະເຍ້ຍ, ຫານເວົ້າ, ຫານເຮັດ, ຫານເສັງ, ຫານແລ່ນເສັງ, ຜຸ່ນໄດ້, ຜຸ່ນຫວະ, ຜຸ່ນເຕີ, ຜຸ່ນເບາະ, ໝໍ້ນັ້ນ, ໝໍ້ບຸນນີ, ບັກນີ້, ບັກນັ້ນ, ບັກໃຫຍ່, ບັກນ້ອຍ, ບັກຫໍາ, ດູດູກ, ດູຫມິ່ນ, ເຊື້ອງຊ້າ, ຊັກຊ້າ, ຫ້ຖອຍ, ຫຍ້ທໍ້, ເທົ່າກັນ, ເທົ່ານັ້ນ, ເທົ່ານີ້, ເທົ່າທີ່ຈະໄວທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຈະໄວໄດ້, ງາມທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຈະງາມໄດ້, ທັງຮຽນທັງເຮັດ, ທັງຫົວທັງຄິດ, ແມ່ນອນ, ຢາງແມ່ນອນ, ຮອງຫ້ອງ ກິນຮອງຫ້ອງ, ກະຕ່າຍ, ກະຕ່າຍຕື່ນຕູມ, ທະເຫລທະໄຫລ, ຫຍ້າອ່ອນ, ເຄິ່ງຫນຶ່ງ, ເຄິ່ງເດືອນ, ເຄິ່ງທາງ, ຫລັກໄຊ, ຫລັກຫມັ້ນ, ເສັ້ນໄຊ, ຫົວຂີດຫົວໄຖ, ແລ່ນຫົວຂີດຫົວໄຖ, ປະໝາດ, ຄວາມປະໝາດ, ປະລາໄຊ, ຄວາມປະລາໄຊ, ພະຍາຍາມ, ຄວາມພະຍາຍາມ, ສຳເລັດ, ຄວາມສຳເລັດ ຜົນສຳເລັດບໍ່ເກີດ, ບໍ່ເກີດພະຍາດ, ບໍ່ແຮ່, ບໍ່ເງິນ, ບໍ່ຄຳ, ກ້າຊ້າຍ, ກ້າຂວາ, ກ້າບູລະພາ, ກ້າອາຄະເນ, ກ້າທັກສິນ, ກ້າພາຍັບ, ກ້າອຸດອນ, ເບິ່ງແມ່, ຈັ່ງເບິ່ງ, ຈັ່ງວ່າ, ຈັ່ງຊິຮູ້, ຈອງຫອງ, ວາດຊົງ, ເວົ້າຈອງຫອງ, ທ້າ, ທ້າເສັງ, ທ້າແລ່ນເສັງຮັບຄຳທ້າ.

2. ຫົບຫວນແບບປະໂຫຍກ ແລະ ວິທີໃຊ້ສັບ

ກ. ຈົງຕື່ມ “ໄດ້, ໄດ້ຮັບ, ຖືກ”, ລົງໃນຊ່ອງວ່າງ.

- ການເຕະບານເມື່ອວານນີ້ແມ່ນຄະນະໃດ.....ຄະນະໃຜເສຍ?
- ຂໍຢືນປາກກາແດ່ຈັດຄາວ.....ບໍ່ອ້າຍ?
- ເຝົ້າວ່າເຝົ້າບໍ່.....ເວົ້າແນວນັ້ນໄດ້
- ຂໍໂທດ ຂ້ອຍເວົ້າ.....ບໍ່?
- ໂອ!ນີ້ເບິ່ງເຈົ້າສັງນາມ່ວນຊື່ນແທ້? ແມ່ນແລ້ວ ຂ້ອຍຫາກໍ.....ຈິດຫມາຍຈາກແມ່ຂ້ອຍ.
- ເຈົ້າ.....ເຊີນໄປໃນງານລ້ຽງບໍ່?

-ນັກສຶກສາລ້ວນແຕ່.....ການດູແລເບິ່ງແຍງຂອງທາງໂຮງຮຽນເປັນ
ຢ່າງດີ.

-ພວກເຮົາ.....ຄຳສັ່ງຂອງຜູ້ອຳນວຍການໂຮງຮຽນໃຫ້ໄປຊື້ອຸປະກອນ
ການສອນ.

-ເຝີນ.....ຫົວໜ້າໃຊ້ໃຫ້ໄປຂົນເຄື່ອງມືອອກແຮງງານ.

-ຝົນເລື່ອງນີ້.....ການຊົມເຊີຍຈາກມະຫາຊົນ.

-ເຝີນ.....ຄູ່ຕຳໜີຍ້ອນວ່າເຝີນມາສວຍ

-ອ້າຍກິກຂ້ອຍ.....ລູກສອງຄົນ.

-ທ້າວນັ້ນເວົ້າພາສາລາວ.....ຢູ່ຫາກບໍ່ເກັ່ງປານໃດ

-ບົດກວດການີ້ກ່ອນນີ້ເຈົ້າ.....ຄະແນນຫຍັງ?

ຂ. ປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ຂາດສັບຫຍັງແດ່? ຈົງເຕີມໃຫ້ຄົບ.

-ພວກເຮົາປາກແຕ່ຄວາມລາວເດີ!

-ເຖິງວ່າພວກເຮົາຮູ້ຄວາມລາວບໍ່ຫລາຍ ພວກເຮົາກໍພະຍາຍາມເວົ້າ.

-ພວກເຮົາພະຍາຍາມ ພວກເຮົາກໍຊິເວົ້າໄດ້ຢູ່.

-ເຝີນສັ່ງຂ້ອຍມາຫາເຈົ້າ.

-ແມ່ນໃຜບອກເຈົ້າເຮັດແນວນັ້ນ?

-ທ່ານໝໍຕັກເຕືອນເຮົາຮັກສາສຸຂະອະນາໄມດີ.

-ທຸຍ! ເຈົ້າເຮັດຂ້ອຍຕົກໃຈໝົດ!

-ຂໍເຂົ້າຢາເປັນຫວ່າງເປັນໄຍຫລາຍ.

-ເຝີນສັ່ງຂ້ອຍຈົດໝາຍກ້ານນັ້ນແລ້ວ.

-ບໍ່ໝາ! ຂ້ອຍບໍ່ເວົ້າແນວນັ້ນເທື່ອ!

ຄໍ. ຈົງແຕ່ງປະໂຫຍກທີ່ໃຊ້ວະລິ ແລະ ແບບປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ນາຢ່າງລະ 2 ປະ

ໂຫຍກ.

ນັບມື້.....ນັບ, ນັບມື້.....ແຮ່ງ.....
ເຖິງວ່າ.....ແຕ່.....ສາກ່ອນຈັ່ງ.....
ຄັນວ່າ.....ກໍ່.....ນອກຈາກຈະ.....ແລ້ວຍັງ.....
ບໍ່ພຽງແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນຫາກຍັງ.....ອີກດ້ວຍ.
ບໍ່ແມ່ນວ່າ.....ເທົ່ານັ້ນຫາກຍັງ.....ຢູ່ສະເໝີ

໘. ປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ຜິດຫລືຖືກ ຄັນຜິດກໍ່ແກ້ໃຫ້ຖືກ.

- ເພິ່ນມີໄປນຳເຮົາບໍ່? ມີ.

-ເຈົ້າໄດ້ຝັງເພິ່ນເວົ້າບໍ່? ໄດ້

-ເພິ່ນບອກຂ້ອຍຕັ້ງໃຈຮຽນດີ ແລ້ວເພິ່ນຊິໃຫ້ລາງວັນ

-ຂ້ອຍບໍ່ຮຽນເກັ່ງປານໃດອອກ!

-ໃຜບໍ່ເຮັດຖືກກໍ່ໃຫ້ເຮັດໃໝ່

-ເພິ່ນມາບໍ່ໄດ້ຍ້ອນເພິ່ນຖືກເຈັບແຂ້ວ

-ເພິ່ນເຄຊາຍ້ອນເພິ່ນຖືກລົ້ມຢູ່ເດິນບານ

-ອຸບັດເຫດນີ້ວານນີ້ເຮັດໃຫ້ຫລາຍຄົນແຕກຫົວ ອອກເລືອດ ແລະ ບາງຄົນກໍ່ຫັກຂາ
ຫັກແຂນແຕ່ກໍ່ໄດ້ປະຖົມພະຍາບານທັນທີ.

-ພວກເຮົາໄດ້ກອງທັບໃຫ້ມາຮຽນພາສາລາວ.

໑. ຈົ່ງຕື່ມ “ທີ່” ຫລື “ເຊິ່ງ” ລົງໃນຊ່ອງວ່າງໃຫ້ຖືກ

-ປີ້ນ.....ມີຢ່າງຫລວງຫລາຍໃນຫໍສະໝຸດ ແມ່ນປີ້ນ.....ທາງໂຮງ
ຮຽນຈັດຫາມາເອງ.

-ເລື່ອງ.....ຂ້ອຍເລົ່ານັ້ນເປັນເລື່ອງ.....ໃຜກໍ່ມັກຝັງໃດ!

-ທຸກໆເຊົ້າ ຂ້າພະເຈົ້າມັກຈະຫາບນ້ຳຊ່ອຍແມ່ຂ້ອຍ ກໍ່ເປັນການຫັດແອບກາຍບໍ່

ລິຫານໄປໃນຕົວ.

-ອ້າຍທະຫານ.....ພວມຍ່າງມາຫີນ ແມ່ນຜູ້..... ອ້ອຍຢາກພໍ້

-ໃຜກໍ່ຊົມເຊີຍນັກສຶກສາ.....ພາກພຽນດຸຫມັນ.

ສ. ຈິງຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

-ເຈົ້າເຄີຍແຕ່ງກິນບໍ່?

-ເຈົ້າຂ້າໄກ່ກິນໄດ້ບໍ່? ເຈົ້າເຮັດແນວໃດ?

-ເຈົ້າມັກອາຫານເຍື່ອງໃດທີ່ສຸດ?

-ຕາມເຈົ້າແລ້ວ ພວກເຮົາຄວນເວົ້າພາສາລາວທັງໃນເວລາຮຽນ ແລະ ເວລາ
ພັກຜ່ອນບໍ່? ຍ້ອນຫຍັງ?

-ຕາມທຳມະດາ ໃນການເຮັດອະນາໄມ ເຈົ້າໄດ້ມອບໝາຍໃຫ້ເຮັດຫຍັງແດ່?

-ເຈົ້າຊັກເຄື່ອງເອງ ຫລືໃຫ້ໃຜຊັກໃຫ້?

-ເຈົ້າຫມັ້ນຊັກເຄື່ອງຢູ່ສະເໝີບໍ່?

-ຕື່ມເຊົ້າມາຫລັງຈາກສ່ວຍຫນ້າ, ຜັດແລ້ວ ເຈົ້າເຮັດຫຍັງ?

-ອອກແຮງງານວ່າງແລ້ວເຝິກໃຫ້ຂຸມເຈົ້າເຮັດຫຍັງ?

-ເຈົ້າມັກຫລິ້ນກິລາບໍ່?

-ເຈົ້າຫລິ້ນກິລາປະເພດໃດ?

-ເຈົ້າ ລອຍນ້ຳເປັນບໍ່? ເຈົ້າລອຍໄດ້ໄກປານໃດ?

-ເຈົ້າແລ່ນຮ້ອຍແມັດໃຊ້ເວລາຈັກວິນາທີ?

-ເຈົ້າມັກຫລິ້ນກິລາຫຍັງທີ່ສຸດ?

-ເຈົ້າເຄີຍໄປກວດພະຍາດຢູ່ໂຮງຫມໍ້ນ້ອຍຂອງໂຮງຮຽນບໍ່?

-ເຈົ້າເປັນພະຍາດເຮື້ອຮັງຫຍັງບໍ່?

-ເຈົ້າຮູ້ຈັກວັດອຸນທະພູມບໍ່?

- ເຈົ້າສັກຢາເປັນບໍ່?
- ເຈົ້າເປັນຕາກົນບໍ່?
- ເຈົ້າເຄີຍເປັນໄຂ້ຍຸງບໍ່? ອາການໄຂ້ເປັນແນວໃດ?
- ເຈົ້າເຄີຍຊັງນ້ຳໝັກບໍ່? ເຈົ້າໝັກເທົ່າໃດ?
- ເຈົ້າສູງຈັກແມັດ?
- ເຈົ້າວ່າພະຍາດມະເລັງອັນຕະລາຍບໍ່?
- ເລືອດເຈົ້າແມ່ນໝວດຫຍັງ?
- ຕາມຄວາມເຫັນຂອງເຈົ້າແລ້ວ ເຮັດແນວໃດເຮົາຈຶ່ງຮັກສາສຸຂະພາບແຂງແຮງ ຢູ່ສະເໝີໄດ້?
- ຢູ່ໂຮງໝໍນ້ອຍຂອງໂຮງຮຽນມີແພດປະເພດໃດແດ່?
- ເຈົ້າເຄີຍໃຫ້ເພິ່ນເຮັດປະຖົມພະຍາບານບໍ່? ຍ້ອນຫຍັງ?

3. ບົດອ່ານຟື້ນຖານ

ເຕົ້າ ແລະ ກະຕ່າຍ

ຕອນເຊົ້າລະດູຮຸ່ງໂຮຍ ຢູ່ກ້ຳບູລະພາ ດວງຕາເວັນທີ່ຫາກໍ່ປໍລ້ອມຈາກກຂອບ ຝ້າກຳລັງສາດແສງອາລຸນແຫ່ງວັນໃໝ່ໄປທົ່ວຂົງເຂດ.

ເທິງຝັ່ງເຊ ເຕົ້າຕົວໜຶ່ງພວມແອບແລ່ນຢູ່ຜູ້ດຽວ ວາດຊົງສົມເປັນນັກກິລາເອົາ ແທ້ເອົາວ່າ.

ກະຕ່າຍຕົວໜຶ່ງຫາກໍ່ຕື່ນນອນ ວາດຊົງເນື້ອຍລະອາກຽດຄ້ານຄອນໆ ມັນອ້າ ປາກ ຫາວເທື່ອໜຶ່ງ, ມັນຄົງຫົວນອນຢູ່ແຕ່ເນື້ອຫລຽວເຫັນເຕົ້າພວມແອບແລ່ນ ມັນກໍ່ຫົວຂຶ້ນບັກໃຫຍ່ແລ້ວເວົ້າເຢາະເຍີ້ຍວ່າ:

ໂທ! ນຶ່ງກໍ່ມັກແລ່ນຫວະ? ນຶ່ງແອບແລ່ນມາດົນແລ້ວບໍ່ບັກຍອດນັກກິລາເຕົ້າ

ເອີຍ!

ເຈົ້າຢາສູ້ຝ່າວຫົວຂວັນເຮົາຫລາຍ ລອງແລ່ນເສັ້ງກັນເບິ່ງແມ້! ຈັ່ງເບິ່ງວ່າ
ໃຜຊິໄດ້ໃຜ. ກະຕ່າຍຕອບຢ່າງຈອງຫອງວ່າ.

-ໂທ! ນຶ່ງຫາມແລ່ນເສັ້ງກັບກູພຸ່ນຫວະ? ໄດ້! ໄດ້! ໃຫ້ມື່ງແລ່ນກ່ອນໂລດໝໍ!
ຝ່າຍກະຕ່າຍເວົ້າສຸດຄວາມເຕົ້າກໍ່ອອກແລ່ນ ໂລດມັນຄິດໃນໃຈວ່າ “ບະ! ໝໍນີ້ດູກູກ
ເຮົາໂພດ, ເຖິງວ່າເຮົາເຊື່ອງຊ້າກໍ່ຕາມແຕ່ເຮົາກໍ່ບໍ່ຍອມຫ້ຖອຍຢ່າງເດັດຂາດເຮົາ
ຕ້ອງພະຍາຍາມແລ່ນໃຫ້ໄວທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຈະໄວໄດ້”.

ກະຕ່າຍແນມເບິ່ງເຕົ້າແລ່ນ ມັນທັງຫົວທັງຄິດ “ເຮົາບໍ່ຈຳເປັນຕ້ອງຝ່າວໃຫ້ເຕົ້າ
ແລ່ນມໍ່ຊິຮອດຫລັກໄຊເຮົາຈັ່ງຊິເລີ່ມຕົ້ນແລ່ນກໍ່ໄດ້ ແນວໃດເຮົາກໍ່ຊິເຖິງຫລັກໄຊ
ກ່ອນຢ່າງແມ່ນອນ ເຮົາຄວນຫາຫຍ້າກິນຮອງ ຫ້ອງກ່ອນດີກວ່າ”.

ຄິດແລ້ວ ກະຕ່າຍກໍ່ທະເຫລທະໄຫລໄປຕາມທາງ ຄອນໆ ມັນກໍ່ກິນຫຍ້າອ່ອນ
ສອງສາມຍອດແລ້ວ ກະໂດດໂລດເຕັ້ນຢ່າງມ່ວນຊື່ນ.

ດົນເຕີບ ກະຕ່າຍຈຶ່ງປະເຈືຄິດເຖິງການເສັ້ງມັນຫາກໍ່ເງິນໜ້າກໍ່ຫລຽວເຫັນເຕົ້າ
ຝ່າຍເຂົ້າເສັ້ນໄຊແລ້ວ ມັນຝ່າວແລ່ນຢ່າງຫົວຂີດຫົວໄຖ ແຕ່ບໍ່ທັນແລ້ວ! ມັນແລ່ນ
ໄດ້ເຄິ່ງທາງເທົ່ານັ້ນ ເຕົ້າກໍ່ຮອດຫລັກໄຊກ່ອນແລ້ວ!

ນິທານເລື່ອງນີ້ສອນໃຫ້ຮູ້ວ່າ “ຄວາມພະຍາຍາມຢູ່ໃນ ຜົນສຳເລັດຍ່ອມຢູ່ຫຼັກ
ແລະ ຄວາມປະໝາດເປັນບໍ່ເກີດແຫ່ງຄວາມປະລາໄຊ”.

Từ vựng

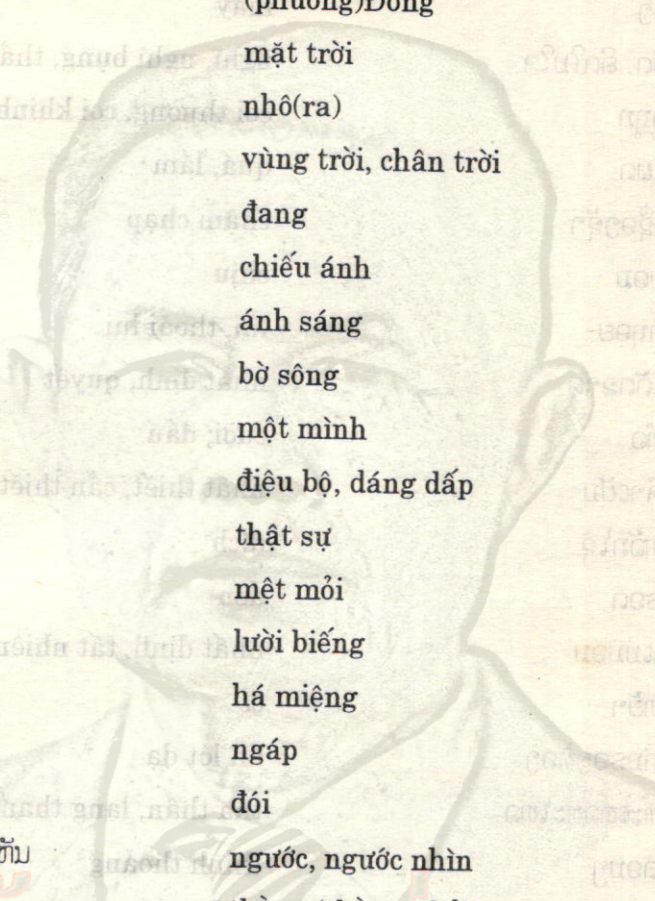
ປະມວນສັບ

ເຕົ້າ

con rùa

ກະຕ່າຍ

con thỏ



ລະດູຮ່ວງໂຮຍ	mùa thu
ບູລະພາ	(phương)Đông
ດວງຕາເວັນ	mặt trời
ປໍລິ	nhô(ra)
ຂອບຝ້າ	vùng trời, chân trời
ກຳລັງ	đang
ສາດແສງ	chiếu ánh
ແສງອາລຸນ	ánh sáng
ຝັ່ງເຊ	bờ sông
ຜູ້ດຽວ	một mình
ວາດຊົງ	điệu bộ, dáng dấp
ເອົາແທ້ເອົາວ່າ	thật sự
ເມື່ອຍລະອາ	mệt mỏi
ກຽດຄ້ານ	lười biếng
ອ້າປາກ	há miệng
ຫາວ	ngáp
ຫົວ	đói
ຫລຽວ, ຫລຽວເຫັນ	ngược, ngược nhìn
ບັກ	thằng (thằng nhỏ)
ເຈົ້າ	anh, mày, ông, đấng ấy
ຝ້າວ	vội
ຫົວຂວັນ	chế nhạo
ເສັງ	thi

ຈອງຫອງ	láo xước
ມຶງ	mày
ຄິດ, ຄິດໃນໃຈ	nghĩ, nghĩ bụng, thầm nghĩ
ດູກູກ	coi thường, coi khinh
ໂພດ	quá, lắm
ເຊື່ອງຊ້າ	chậm chạp
ຍອມ	chịu
ຫ້ຖອຍ	lùi, thoái lui
ເດັດຂາດ	nhất định, quyết
ຫົວ	cười; đầu
ຈຳເປັນ	nhất thiết, cần thiết, bắt buộc dĩ
ຫລັກໄຊ	đích
ຮອດ	đến
ແມ່ນອນ	nhất định, tất nhiên
ຫຍ້າ	cổ
ກິນຮອງທ້ອງ	ăn lót dạ
ທະເຫລທະໄຫລ	tha thẩn, lang thang
ຄອນໆ	thỉnh thoảng
ເຕັມ	nhảy nhót
ມ່ວນຊື່ນ	vui vẻ
ດົນ, ດົນເຕີບ	lâu, rất lâu
ປະເຈືຄິດ	xúc nhó
ຫົວຂີດຫົວໄຖ	hối hả

ທັນ, ບໍ່ທັນ

kịp, không kịp

ສອນ

day

ນິທານ

câu chuyện ngụ ngôn

ປະໝາດ

khinh suất, coi thường

ປະລາໄຊ

thua, thất bại

ຈົງຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

- ເຕົ້າແອບແລ່ນນໍາໃຜ? ວາດຊົງມັນເປັນແນວໃດ?
- ເປັນຫຍັງກະຕ່າຍຈັ່ງມີວາດຊົງເມື່ອຍລະອາກຽດຄ້າມ
- ເປັນຫຍັງກະຕ່າຍຈັ່ງຫົວຂຶ້ນບັກໃຫຍ່?
- ກະຕ່າຍຄິດແນວໃດ ຈິ່ງຮັບຄໍາທ້າເສັງຢ່າງຈອງຫອງ?
- ເຕົ້າທັງແລ່ນທັງຄິດວ່າແນວໃດ?
- ເປັນຫຍັງກະຕ່າຍຈັ່ງແລ່ນບໍ່ສູ້ເຕົ້າ?
- ເຈົ້າເຫັນດີນໍາຄໍາສວນຂອງນິທານເລື່ອງນີ້ບໍ່?

ບົດທີ 14

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ
2. ວິທີໃຊ້ຄຸນນາມຊື່ຈຳນວນບໍ່ເຈາະຈົງ: ຫລາຍ, ຫນ້ອຍ, ພໍ, ເຕັມ, ຄົບ, ຂາດ, ເຫລືອ, ປອດ
3. ແບບປະໂຫຍກຊື່ ເຫດ-ຜົນ ທີ່ໃຊ້ຄຳເຊື່ອມ: ຈິ່ງ, ຈັ່ງ, ກໍ່ເລີຍ.
4. ວິທີປະຕິເສດໂດຍສົມບູນ: “ບໍ່.....ເລີຍ ໃສ່ຊື່.....”
5. ວິທີໃຊ້ວະລີ “ພຽງແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນ”
“ພຽງແຕ່.....ຫາກບໍ່”
6. ແບບປະໂຫຍກ “ກິລິຍາ + ໂດຍ”
7. ບົດອ່ານຜົນຖານ: ເບິ່ງຮູບເງົາ.

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລີຕໍ່ໄປນີ້:

ພໍ ເຕັມ ຄົບ ເຫລືອ ຂາດ ອິດ ປອດ ຫລາຍ ຫນ້ອຍ ໄຫ
ທົບ ຖົງ ຄັບ ຄາ ແຫນ້ນ ຫນາ ອັດ ເກືອ ໃສ່ ຕື່ມ ຈິ່ງ

ຈ້ງ ເລີຍ ລິ້ງ ເຄີຍ ຫລົງ ລືມ ຈີ່ ຈຳ ເທື່ອ ດ້ວ ຂີດ
 ຂຽນ ເລົ່າ ແຕ່ງ ແຕ້ມ ເພງ ຮ້ອງ ແຕ່ ເກືອບ ຈອງ
 ຈໍ ມໍ ສ້າງ ເຕີດ ສ່ອງ ແສງ ໂດຍ ໄກ ໄກ້ ປາບ ສູ່
 ລ້ຽງ ຊັ້ນ ຈຸດ ຢອກ ເຊື່ອ ຍອດ ຮອບ ເຢັນ ກ້າ ຊີ້
 ຫມົບ ຄຽວ ຝົນ ພໍ ພໍດີ ພ່ງາມ ພໍໃຊ້ ພໍໃຈ ພຽງພໍ ສົມ
 ພໍ ພໍແລ້ວ ເຕັມອັດ ເຕັມມັບ ເຕັມໃຈ ເຕັມເພດ ເຕັມຕົວ ຄົບ
 ຖ້ວນ ຄົບຊຸດ ຄົບຫາ ເຫລືອລົ້ນ ເຫລືອໃຈ ຂາດເຂີນ ຂາດຕົກ
 ບົກພ່ອງ ອິດຢາກ ອິດຢາກປາກແຫ້ງ ປອດຄົນ ປອດທະຫານ ປອດ
 ໄຜ ປອດອາວຸດນິວເຄຍ ຫລາຍຄວາມ ໄຫມ້າ ໄຫຫີນ ຫິ່ງໄຫຫີນ
 ໄຫປາແດກ ຫຸບໄມ້ ຫົບເຈ້ຍ ຫົບເຫລັກ ຫົບເງິນ ຄັບຄາ ຄັບແຄບ
 ຄັບຄາໝາແຫມ້ນ ຄັບຄົນຢູ່ໄດ້ ຄັບໃຈຢູ່ຍາກ ແຫມ້ນໝາຖາວອນ
 ລິ້ງເຄີຍ ລິ້ງແກວ່ນ ແກວ່ນເຄີຍ ຫລົງລືມ ຫລົງໄຫລ ຫລົງຜິດ
 ຫລົງທາງ ຂີດກ້ອງ ຂີດຫົວແຖວ ຂີດຂ້າ ຂີດງຽບງຽງ ເລົ່າລື ເລົ່າ
 ນິທານ ເລົ່າເລື່ອງ ແຕ່ງເພງ ແຕ່ງກອນ ປະດິດແຕ່ງ ເພງຟື້ນ
 ເມືອງ ເພງສາກົນ ເພງລາວເດີມ ເພງປະກອບ ບົດເພງ ຮ້ອງເພງ
 ແວ່ບ້ານ ແວ່ຮ້ານອາຫານ ເກືອບຕາຍ ເກືອບທຸກວັນ ເກືອບໝົດ
 ເກືອບລືມ ຈອງບັດ ຈອງປີ້ ຈຸຮູບເງົາ ຈໍຝົນ ຈໍຫມັງ ຈໍແກ້ວ ຈໍ
 ເງິນ ຈຳວ້າງ ສ່ອງແສງ ສ່ອງແສງໃຫ້ເຫັນ ຫ່າງເຫີນ ຫ່າງໄກ
 ຫ່າງຈາກ ປາບປາມ ປາບຈາລະຊົນ ລ້ຽງອາຫານ ລ້ຽງກາເຟ
 ລ້ຽງເບຍ ລ້ຽງເຫລົ້າ ຢອກລໍ້ ຢາຢອກ ເວົ້າຢອກ ນັກຢອກ ຄົນ
 ນັກຢອກ ເຊື່ອຖື ເຊື່ອຫມັ້ນ ເຊື່ອໃຈ ເຊື່ອເພິ່ນສາ ເຊື່ອຂ້ອຍສາ
 ຍອດຢ້ຽມ ຍອດທຸງ ຍອດຊີ້ນແມ່ນໝາ ຍອດປາແມ່ນອ່ຽນຮອບຄໍາ
 ຮອບເດິກ ຄົບຮອບ ນ້ຳຕານ ນ້ຳເຢັນ ກາເຟເຢັນ ຕູ້ເຢັນ ເຂົ້າເຢັນ

ກ້າເວົ້າ ກ້າຄິດ ກ້າເຮັດ ເກັ່ງກ້າສາມາດ ນັ່ງຊຶ່ງ ເວົ້າຢອກຊຶ່ງ
 ຫມິນຫມັດ ຫມິນປັກໃຫຍ່ ຫມິນໃສ່ເຝີນ ຄຽດແຄ້ນ ຄຽດໃສ່ເຝີນ ຢາ
 ສູ້ຄຽດເດີ! ຝັນດີ ຝັນຮ້າຍ ຝັນຫວານ ນອນຝັນ ຝັນກາງເວັນ ຫົວ
 ຊາ ເອົາຫົວຊານໍ້າ ບໍ່ຫົວຊາດອກ ສົມໃຈ ບໍ່ສົມນໍ້າ ບໍ່ໄດ້ສົມໄດ້
 ພຽງແຕ່ ໄດ້ແຕ່ ເວົ້າແຕ່ປາກ ເອົາແຕ່ໃຈຕົນເອງ ນັດພົບ ນັດ
 ຫມາຍ ຜູ້ສະແດງ ຜູ້ສະແດງນໍ້າ ກຳກັບການສະແດງ ຫ້ອງວາງສະ
 ແດງ ໂສເຫລ ນັກແຕ້ມ ນັກຮຽນ ນັກຂຽນ ນັກຮົບ ດາລາ ດາ
 ລາໃຫມ່ ດາລາຍິງ ດາລາຊາຍ ດວງດາລາ ສວນສັດ ສວນດອກ
 ໄມ້ ສວນສາທາລະນະ ສວນຄົວ ໂຮງມະໂຫລະສົບ ໂຮງຖ່າຍຮູບເງົາ
 ໂຮງຖ່າຍຟິມ ໂປແກມຟິມ ຈະເລີນ ຈະເລີນກ້າວຫນ້າ ຈະເລີນຮຸ່ງເຮືອງ
 ຕິດຕັ້ງ ຕິດຕັ້ງເຄື່ອງຈັກ ເຄື່ອງປັບອາກາດ ລະບົບສຽງສະແຕລິໂອ
 ຫັນສະໄໝ ລ້າສະໄໝ ນໍ້າສະໄໝ ວິທະຍາສາດ ວິທະຍາສາດສັງ
 ຄົມ ດຳລົງ ດຳລົງຊີວິດ ປອດໃສ ສິດໃສ ປະຊາຊົນ ປະຊາຊົນ
 ລາວ ມະຫາຊົນ ລົດນິຍົມ ລົດນິຍົມສູງ ຊາວເມືອງ ຊາວນາ
 ຊາວໄຮ່ ຊາວສວນ ຊາວລາວ ສອກຫລົກຫ່າງໄກ ຫັດສະນະ ສຸຂາ
 ໄປສຸຂາ ສະດວກ ສະດວກສະບາຍ.

2. ວິທີໃຊ້ຄຸນນາມຊື່ຈຳນວນບໍ່ເຈາະຈົງ:

ຫລາຍ ຫນ້ອຍ ພໍ ເຕັມ ຄົບ ຂາດ ອິດ ເຫລືອ ປອດ
 ຫ້າຫນ້າທີ່ເປັນຄຳກຳມະ

1.

ຄຳຕົວຕັ້ງ	ຄຳກຳມະ
ນາມ ⁽¹⁾	ເຕັມ + ນາມ ⁽²⁾
ນ້ຳ	ເຕັມ ໄຫ
ຄົນ	ເຕັມ ບ້ານ

ໝາຍເຫດ

ນາມ⁽¹⁾

ແມ່ນສິ່ງທີ່ກ່າວເຖິງ

ນາມ⁽²⁾

ຊື່ບອກບ່ອນ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ຂ້ອຍ
ເຝີນ
ເຂົ້າເຈົ້າ

ເຫັນ
ມີ

ລູກເຕັມບ້ານ ຫລານເຕັມເມືອງ
ນ້ຳເຕັມໄຫ
ເງິນເຕັມຫີບ
ເຂົ້າເຕັມຖົງ
ນັກຮຽນເຕັມຫ້ອງ

ຂ.

ຄົນ
ນ້ຳ
ເງິນ
ເຂົ້າ
ນັກຮຽນ
ຄົນເຈັບ

ເຕັມ

ບ້ານ
ໄຫ
ຫີບ
ຖົງ
ຫ້ອງ
ໂຮງຫມໍ

ແລ້ວບໍ່? - ເອີ້ນ ເຕັມແລ້ວ
ຫລີຍັງ? - ຮີ້ ບໍ່ທັນເຕັມເທື່ອ

2.

ຕົວຕັ້ງ	ກຳມະ		
ນາມ ⁽²⁾	ຄຸນນາມ	+ ໄປດ້ວຍ	+ ນາມ ⁽¹⁾
ບ້ານ	ເຕັມ	ໄປດ້ວຍ	ຜູ້ຄົນ

ຫມາຍເຫດ:

+ ຄັນເອົານາມ ⁽²⁾ ເປັນຄຳກຳມະຕ້ອງເຕີມວະລີ “ໄປດ້ວຍ”

ຫ້າຍຄຸນນາມແລ້ວຈັງເຖິງ ນາມ ⁽²⁾

+ ອາດຈະໃຊ້ຄຸນນາມ ຫລືວະລີຄຸນນາມກໍໄດ້ ເຊັ່ນ:

ບ້ານເຕັມອັດໄປດ້ວຍຜູ້ຄົນ

ສະໂມສອນຄັບຄາຫມາແຫນ້ນ ໄປດ້ວຍ ຜູ້ຄົນ

+ ແບບປະໂຫຍດ ສ່ວນຫລາຍໃຊ້ໃນກໍລະນີທີ່ນາມ ⁽¹⁾ ມີຄຳຂະຫຍາຍ
ຄວາມຍາວ ຫລືເປັນຄຳຫລາຍພະຍາງເຊັ່ນ: ຜູ້ຄົນ ຄົນ, ແປກຫນ້າໆລຽງ.

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ຫ້ອງປະຊຸມ
ຫໍສະໝຸດ
ສະໂມສອນ
ເດີ່ນກິລາ
ຕະຫລາດເຊົ້າ

ເຕັມອັດ
ຄັບຄາຫມາແຫນ້ນ
ແຫນ້ນອັດ

ໄປດ້ວຍ ຜູ້ຄົນທຸກເພດທຸກໄວ

2.

ຝົນມ່ວນຈັ່ງຊີ້ສົມພໍ

ໂຮງສາຍຮູບເງົາ
ສະໂມສອນ
ຫ້ອງປະຊຸມ
ເດີ່ນສາຍຮູບເງົາ

ຈຶ່ງ

ເຕັມອັດ
ຄັບຄາຫນາແຫນ້ນ
ແຫນ້ນອັດ

ໄປດ້ວຍຜູ້ເບິ່ງ

3.

ພໍ ຄົບ ປອດ

ຄຳຕົວຕັ້ງ	+ ກຳມະ	
ນາມ ₍₂₎	+ ພໍ ຄົບ ປອດ	ນາມ ₍₂₎
ຫມໍ້ແກງ ຕະຫລາດ ກອງປະຊຸມ	ພໍ ປອດ ຄົບ	ເກືອ ຄົມ ຄົມ

ໝາຍເຫດ:

ນາມ₍₂₎: ຊື່ບອກບ່ອນ

ນາມ₍₁₎: ສິ່ງທີ່ກ່າວເຖິງ

ສຳຫລັບ “ພໍ” ກັບ “ປອດ” “ຄົບ” ບໍ່ມີວະລີ

“ໄປດ້ວຍ” ຕາມຫລັງ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ຫມໍ້ແກງ ພໍ

ເກືອ
ນ້ຳປາ
ນ້ຳຕານ
ໝາກເຜັດ

ແລ້ວ ຢ່າສູ້

ຕື່ມ
ໃສ່

ອີກເດີ!

ຂ.

ຮວ້າຍ

ຕະຫລາດ
ສະໂມສອນ
ຫ້ອງປະຊຸມ
ຮ້ານຄ້າ
ໂຮງລະຄອນ
ໂຮງສາຍຮູບເງົາ
ຫ້ອງບັນຍາຍ
ຫ້ອງກິນ
ຮ້ານອາຫານ
ຮ້ານກິນດື່ມ

ສັງມາ ປອດ ຄົນແທ້ນັ້ນ!

ຄ.

ກອງປະຊຸມ
ຫ້ອງຮຽນ
ຈຸເຣົາ

ຄົບຄົນແລ້ວໄດ້ ລົງມືເທາະ!

4. ຂາດ, ອິດ, ເຫລືອ

ຄຳຕົວຕັ້ງ	ຄຳກຳມະ	
(ນາມ) (ແທນນາມ)	+ ຂາດ	+ ນາມ ⁽¹⁾
ທາງໂຮງຮຽນ ທ້າວ ຄຳແດງ ເຝີນ	ຂາດ ອິດ ເຫລືອ	ສໍ່ຂາວ ເງິນ ປີ້ນ

ໝາຍເຫດ:

-ນາມ⁽¹⁾ ໃນທີ່ນີ້ ແມ່ນປະກອບ ກິລິຍາໃນພາກສ່ວນ ກຳມະ.

-ນາມ ຫລື ແທນນາມໃນພາກສ່ວນຕົວຕັ້ງ ບໍ່ແມ່ນ ຊື່ ບ່ອນຄື ໃນແບບ
ປະໂຫຍກກ່ອນໆ ຫາກແມ່ນຜູ້ກະທຳ.

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ທາງໂຮງຮຽນ ຂາດ

ອຸປະກອນ

ວັດຖຸປະກອບ

ສໍ້ຂາວ

ພະລາກອນ

ຄູສອນພາສາ

ເຄື່ອງມືທົດລອງ

ຈຳນວນໜຶ່ງ

ຂ.

ຂ້ອຍ

ພວກເຮົາ

ບໍ່ ອິດ

ເງິນ

ໝູ່ຄູ່

ເພື່ອນມິດ

ປີ້ນ

ກະສຸນ

ອາວຸດ

ດອກ. ຢາສູ້ເປັນຫ່ວງນໍ້າຫລາຍ

ເທົາ!

ຄ.

ຄັນຊີເວົ້າໄປແລ້ວນີ້

ເຝິ່ມ
ຂ້ອຍ

 ເຫລືອ

ເງິນ
ອາວຸດ
ເຂົ້າ

 ແຕ່

ອິດ
ຂາດ

 ໝູ່ຄູ່
ກະສຸນ
ເກືອ
ຄວາມພະ-
ຍາຍາມ

ງ.

ເຈົ້າເຫລືອ

ເງິນ
ປີ້ນ
ກະສຸນ
ເກືອ
ເຂົ້າ
ນ້ຳປາ

 ຫລາຍ

ປານໃດ?
ບໍ່?

 ພໍ ຊື່ໃຫ້ຂ້ອຍຍືນແດ່ບໍ່!

5. ຫລາຍ, ຫນ້ອຍ

ຄຳຕົວຕັ້ງ	ກຳມະ			
ນາມ ແທນນາມ	ນີ	+ ນາມ	+ ຫລາຍ ຫນ້ອຍ	+ ຈັກສະນະນາມ
ບົດນີ້	ນີ	ສັບໃໝ່	ຫລາຍ	(ຄຳ)
ເຝິ່ມ	ນີ	ປີ້ນ	ຫນ້ອຍ	(ຫົວ)

ຫມາຍເຫດ:

- ຫລາຍ ແລະ ຫນ້ອຍ ໃນທີ່ນີ້ເປັນຄຳຂະຫຍາຍໃຫ້ ກິລິຍາ “ນີ” ແລະ ອາດມີລັກສະນະນາມຕາມຫລັງອີກ.
- ຄົນລາວບໍ່ໃຊ້ “ຫລາຍ” ຫລື “ຫນ້ອຍ” ເປັນຄຳກິລິຍາ + ຄຳປະກອບ ເຊັ່ນ: ບໍ່ເວົ້າວ່າ “ຂ້ອຍຫລາຍປື້ມ”
“ບິດນີ້ຫນ້ອຍຄຳສັບ” ແຕ່ເວົ້າວ່າ “ຂ້ອຍມີປື້ມຫລາຍ (ຫົວ)”
“ບິດນີ້ມີສັບໃໝ່ຫລາຍ (ຄຳ)”
- ອາດຈະລະກິລິຍາ “ນີ” ໃນແບບປະໂຫຍກວະລິບອກສະຖານທີ່ + ມີ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ຫ້ອງນີ້	ນີ	ໂຕ້ຕ່ຳ ມັກຮຽນ ສໍ້ຂາວ ຂີ້ຝຸ່ນ ຂີ້ເຫຍື່ອ ໄຍແມງມຸນ	ຫລາຍ ຫນ້ອຍ	ກວ່າ	ຫ້ອງຂ້ອຍ

ຂ.

ເຝີນ

ມີ

ລູກ

ເງິນ

ລູກສິດ

ຫລາຍ

ຫນ້ອຍ

ແທ້ ໄດ້

ຄ.

ມີ

ຄົນເບິ່ງ

ຄົນຊື້

ຄົນຝັງ

ຄົນກິນ

ຄົນຫລິ້ນ

ຫລາຍບໍ່ ຂໍ ຮື, ບໍ່ຫລາຍດອກຫນ້ອຍດຽວທໍ່ນັ້ນ

ງ.

ນັກສຶກສາ

ພະນັກງານ

ນາງຄູ

ທະຫານ

ພະລາກອນ

ກຳມະກອນ

ຫລາຍ

ຫນ້ອຍ

ຄົນພວມ

ຫັດແອບກາຍບໍລິຫານ

ເຝິກຍິງປືນ

ເຝິກເຂົ້າແຖວ

3. ແບບປະໂຫຍກຊື່ ເຫດ-ຜົນ ທີ່ໃຊ້ຄຳເຊື່ອມ-ກໍ່ເລີຍ ຈັ່ງ ຈຶ່ງ

ປະໂຫຍກບອກເຫດ		ປະໂຫຍກບອກຜົນ	
ຍ້ອນວ່າ ເນື່ອງຈາກ ເພາະວ່າ		ຕົວຕັ້ງ	+ ຈັ່ງ + ກຳມະ ຈັ່ງ + ກໍ່ເລີຍ +
ຍ້ອນວ່າ ເນື່ອງຈາກ ເພາະວ່າ	ຝົນຕົກ ແດດຮ້ອນ ຂ້ອຍບໍ່ຮູ້	ຂ້ອຍ	ຈຶ່ງ ບໍ່ໄປ ຈຶ່ງ ບໍ່ ມາ ກໍ່ເລີຍ ບໍ່ ເມື່ອ

ໝາຍເຫດ: ເມື່ອໃຊ້ຄຳເຊື່ອມ “ກໍ່ເລີຍ” ອາດຈະລະວະລິ “ຍ້ອນວ່າ”; ເນື່ອງຈາກ, ເພາະວ່າ “ ໃນປະໂຫຍກບອກເຫດກໍ່ໄດ້ ເຊັ່ນ: “ເຈົ້າບໍ່ສັ່ງ ຂ້ອຍກໍ່ເລີຍ ບໍ່ເອົາມານຳ”.

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ. ຍ້ອນວ່າ ເນື່ອງຈາກວ່າ ເພາະວ່າ	ຂ້ອຍ	ຄາວຮຸກ, ຕື່ນສວາຍ, ຄາປະຊຸມ, ບໍ່ສຳບາຍ, ອຸກໃຈ,	ຂ້ອຍ	ຈັ່ງ ກໍ່ເລີຍ	ບໍ່	ໄປເບິ່ງຝົນ ໄປຊ້ອມກິລາ ຢາກໄປໃສ
---------------------------------------	------	---	------	-----------------	-----	-------------------------------------

ຂ.

ເຈົ້າເວົ້າແນວນັ້ນ,

ຂ້ອຍ
ເພິ່ນ
ເຂົ້າເຈົ້າ
ພວກເຮົາ

ກໍ່ເລີຍ
ຈິ່ງ
ຈິ່ງ

ບໍ່ຊວນເຈົ້າໄປ
ຄຽດໃສ່ເຈົ້າຫລາຍ
ຫມືນປັກໃຫຍ່

ຄ.

ຈິ່ງຊັ້ນແລ້ວ,

ເພິ່ນ
ເຂົ້າເຈົ້າ
ຂ້ອຍ

ຈິ່ງ
ຈິ່ງ

ເຂົ້າໃຈຜິດ
ຄຽດຫລາຍ
ຫມືນປັກໃຫຍ່
ບໍ່ວົນນໍາ
ເອົາຫົວຊານໍາ

ງ.

ຍ້ອນເຈົ້າບໍ່ຟັງຄວາມ

ຂ້ອຍ
ເພິ່ນ
ເຂົ້າເຈົ້າ

ມັນຈິ່ງ

ໄປປັກໃຫຍ່
ເສຍວຽກ
ຍາກ
ເສຍເວລາ

ຈິ່ງຊັ້ນ

4. ວິທີປະຕິເສດໂດຍສົມບູນ "ບໍ່...ເລີຍ ໃສ່ຊື່..."

1.

ບໍ່	ກິລິຍາ + ຄຸນນາມ	ເລີຍ ຈັກດີ ຈັກເມັດ
ບໍ່ ບໍ່	ຮູ້ຫຍັງ ງາມ	ເລີຍ ຈັກດີ

ບົດເຝິກຫັດແບບປ່ຽນແທນ

ກ.

ວັນ

ນີ້
ນັ້ນ

ບໍ່

ງາມ
ແພງ
ຖືກ
ຈົບ
ເປັນຕາກິນ
ເປັນຕາເບິ່ງ

ເລີຍ
ຈັກດີ
ຈັກເມັດ

2.

ຂ້ອຍ
ເພິ່ນ

ບໍ່

ເຫັນ
ເມື່ອຍ
ຫົວຊາ
ງຶດ
ຢ້ານ
ຮູ້
ເຮັດ
ເຊົາເມື່ອຍ

ເລີຍ
ຈັກດີ
ຈັກເມັດ

ໄດ້

ຄ.

ໂອຍ!

ບົດຮຽນນີ້
ຝົນເລື່ອງນີ້
ລະຄອນເລື່ອງນີ້
ລິເກເລື່ອງນີ້

ຈັ່ງແມ່ນບໍ່ມ່ວນ

ເລີຍ
ຈັກດີ
ຈັກເມັດ

2.

ໃສຊິ	+ ກິລິຍາ
ຫ່ອນຊິ	+ ຄຸນນາມ
ໃສຊິ	+ ຮູ້
ຫ່ອນຊິ	+ ແກ້ງ

ບົດເຝິກຫັດແບບປ່ຽນແທນ

ກ.

ຂ້ອຍ
ເຝີນ
ເຂົາເຈົ້າ

ໃສຊິ
ຫ່ອນຊິ

ຮູ້
ມັກ
ກິນ
ມ່ວນ
ເກັ່ງ
ເຄີຍ

ຂ.

ໃສຊິແມ່ນຈັ່ງຊັ້ນ

ເຈົ້າ
ເຝີນ

ເຂົ້າໃຈຜິດ
ຫລົງ
ລົມ
ຈຸຜິດ

ແລ້ວຕໍ່!

ຄ.

ຖ້າ

ເຈົ້າ
ເຝີນ

ເວົ້າ
ເຮັດ

ແນວນັ້ນ

ໃສຊິ
ຫ່ອນຊິ

ຖືກ
ຜິດ
ມ່ວນ
ແມ່ນ
ດີ

໑.

ບໍ່ວ່າຕິ!

ຂ້ອຍ

ເພິ່ນ

ເຂົາເຈົ້າ

ໃສຊິໄດ້

ຮູ້ນຳ

ເຫັນ

ຮຽນ

ສັງ

ເຮັດ

ໄປ

ຫລິ້ນ

ຫົວຊານຳ

ເທື່ອ

ໝາຍເຫດ:

ປະຕິເສດໃນອະດີດ ອາດມີ “ໄດ້” ນຳໜ້າ ກຳມະ ແລະ “ເທື່ອ” ຢູ່ຫຼາຍ
ກຳມະ ເຊັ່ນ:

ຂ້ອຍບໍ່ທັນໄດ້ຝັງ ເທື່ອ

ຂ້ອຍໃສຊິ ໄດ້ຝັງ ເທື່ອ (ປະຕິເສດສົມບູນ)

5. ວິທີໃຊ້ວະລີ: ແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນ :

1.

ຂ້ອຍ

ກິລິຍາ	ແຕ່	+ ນາມ	ເທົ່ານັ້ນ
ຊື່	ແຕ່	ປຶ້ມ	ເທົ່ານັ້ນ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ທ້າວນັ້ນ

ເວົ້າໄດ້
ຝັງໄດ້

ແຕ່

ພາສາຫວຽດ

ເທົ່ານັ້ນ

ພາສາລັດເຊຍ
ພາສາກຳປູເຈຍ
ພາສາຈີນ

ຂ.

ຂ້ອຍ ໄປ ແຕ່

ຫໍສະໝຸດ
ສະໂມສອນ
ຫ້ອງບັນຍາຍ
ຫ້ອງກິນ

ເທົ່ານັ້ນ

ຄ.

ຢູ່ນີ້ແຕ່

ທ້າວບຸນເຕັມ
ນາງຈັນເພັງ

ເທົ່ານັ້ນທີ່

ຮູ້ພາສາລັດເຊຍ
ເຫລືອເງິນ
ອິດເຄື່ອງໃຊ້
ຮ້ອງເພງເປັນ

ງ.

ພວກຂ້ອຍໄດ້

ມັກ
ຝັງ
ເຫັນ

ແຕ່

ນີ້
ເທື່ອ

ດຽວເທົ່ານັ້ນ

ຈ.

ລະວັງເດີ! ກັບໄຟ ຍັງເຫລືອແຕ່

ດ້ວດຽວ
ສອງດ້ວ
ສາມດ້ວ
ສີ່ດ້ວ

ເທົ່ານັ້ນໄດ້

ສ.

ຂ້ອຍວ່າ

ເສື້ອຜົນ
ໂສ້ງໂຕ
ປື້ນເຫລັ້ມ
ດິນສີແທ້ໆ

ນີ້ ແມ່ນ ແຕ່ຂອງ

ນາງຈັນເພັງ
ທ້າວບຸນນີ

ເທົ່ານັ້ນ

2.

(ຂ້ອຍ)

ກິລິຍາ	+ ແຕ່ວ່າ	+ ວະລີ + ປະໂຫຍກ
ຮູ້	ແຕ່ວ່າ	ບໍ່ດີ ເຝິນບໍ່ໄດ້ນາ

ບົດເຝິກຫັດແບບປ່ຽນແທນ

ກ.

ຂ້ອຍໄດ້ຍິນແຕ່ວ່າ

ເພິ່ນມາຈາກເມືອງລາວ
ຝົນເລື່ອງມີຕີ
ມື້ອື່ນເຮົາໄດ້ພັກຮຽນ
ຄູ່ພວມຄາວຽກ

ຂ.

ຂ້ອຍຮູ້ແຕ່ວ່າ ບໍ່

ຈົບ
ງາມ
ມ່ວນ
ເປັນຕາກິນ
ໄດ້ເລື່ອງ

ຂ້ອຍ
ເພິ່ນ

ກໍ່ເລີຍ ບໍ່ສົນ

ຄ.

ຂ້ອຍໄດ້ຍິນແຕ່ວ່າ

ມີຄົນເບິ່ງຫລາຍຂະໜາດ
ເພິ່ນກໍ່ຢາກໄປເບິ່ງຄືກັນ
ປື້ມຍັງເຫລືອຫລາຍຢູ່
ເພິ່ນບໍ່ໃຫ້ໄປຫລິ້ນໄກ

ໝາຍເຫດ

ອາດຈະເພິ່ນ “ພຽງ” ຢູ່ຫນ້າ “ແຕ່” ເພື່ອເນັ້ນຫນັກ ເຊັ່ນ:
ກັບໄຟເຫລືອ “ພຽງແຕ່” ການດຽວເທົ່ານັ້ນ

3.

	ພຽງແຕ່	+ ກິລິຍາ	+ ເທົ່ານັ້ນ
ຂ້ອຍ	ພຽງແຕ່	+ ໄດ້ຍິນ	+ ເທົ່ານັ້ນ

ຫມາຍເຫດ:

- ບໍ່ອາດລະ “ພຽງ” ໃນກໍລະນີນີ້ໄດ້.
- “ພຽງແຕ່” ອາດນຳຫມ້າ ພາກສ່ວນຄຳກຳມະທັງຫມົດ ເຊັ່ນ:
 “ຂ້ອຍພຽງແຕ່ ໄດ້ຍິນເຂົາເຈົ້າໂສລ່ວກັນ ເທົ່ານັ້ນ”
 “ເພິ່ນພຽງແຕ່ ຝັງເຂົາເວົ້າ ເທົ່ານັ້ນ”
 -ອາດຈະໃຊ້ “ໄດ້ແຕ່” ແທນໃຫ້ “ພຽງແຕ່”

ບົດເລິກຫັດແບບປ່ຽນແທນ

ກ.

ທ້າວນັ້ນ

ພຽງແຕ່
ໄດ້ແຕ່

ກິນກັບນອນ

ໄປຖ່ຽວ

ອ່ານຫນັງສືເລື່ອງ

ຂີດໆຂຽນໆ

ຫມົດນີ້ ເທົ່ານັ້ນ

ຂ.

ຕອນເຊົ້ານີ້ເຈົ້າເຮັດຫຍັງແດ່? ຂ້ອຍພຽງແຕ່

ແປຫນັງສື

ເທົ່ານັ້ນ

ເຮັດວຽກບ້ານ
ເຮັດອະນາໄມ
ຊັກເຄື່ອງ

4.

ພຽງແຕ່ ເຝິກພຽງແຕ່	+ ກຳນະ ເວົ້າ	+ ຫາກບໍ່ ຫາກບໍ່ໄດ້	+ ກຳນະ ເຮັດເທື່ອ
----------------------	-----------------	-----------------------	---------------------

ບົດເລິກແບບປຸ້ນແທນ

໗.

ຂ້ອຍ
ເຝິກ
ເຂົາເຈົ້າ

ພຽງແຕ່

ເບິ່ງ
ຝັງ
ຮູ້ຈັກເຂົາ

ຫາກບໍ່ໄດ້

ຫລິ້ນ
ເວົ້າ
ລົງແກວ່ນ

ເທື່ອ

ຂ.

ຂ້ອຍພຽງແຕ່ໄດ້ຍິນເຂົາ

ໂສເຫລ່
ເລົ່າ

ເທົ່ານັ້ນ

ຫາກບໍ່ໄດ້

ເຫັນ
ເບິ່ງ
ອ່ານ

ເທື່ອ

6. ແບບປະໂຫຍກ: "ກິລິຍາ + ໂດຍ"

ຄຳຕົວຕັ້ງ	ຄຳກຳມະ
ນາມ ⁽¹⁾ ປຶ້ມເຫລັ້ມນີ້	+ ກິລິຍາ + ໂດຍ + ນາມ ⁽¹⁾ ຂຽນ ໂດຍ ຄູສີທອງ

ໝາຍເຫດ

- ນາມ⁽²⁾ ເປັນຄຳຕົວຕັ້ງແຕ່ແມ່ນຜູ້ຖືກກະທຳ
ນາມ⁽²⁾ ແມ່ນຜູ້ກະທຳແຕ່ຈັດຢູ່ໃນພາກສ່ວນຄຳກຳມະ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ. ນອກເໜືອຈາກນີ້ ມີ ແຕ່ງ ໂດຍ ທ້າວ ປາງຄຳ

ບົດລະຄອນ
ບົດກາບກອນ
ບົດເພງ

ນີ້
ນັ້ນ

ຂ. ຝົນເລື່ອງນີ້ສ້າງ ໂດຍ

ໂຮງຖ່າຍຮູບເງົານະຄອນໂຮ່ຈິມິນ
ໂຮງຖ່າຍຮູບເງົາແຫ່ງກອງທັບ
ໂຮງຖ່າຍຮູບເງົາເລື່ອງຮ່າໂນ້ຍ

ຄ.

ຝົມປະເພດຕ່າງໆທີ່ສ້າງໂດຍຫວຽດນາມ ນັບມື້ນັບ

ຫລາຍ
ມ່ວນ
ດີ

ງ.

ປະທານຸກົມເຫລົ່ານີ້

ຮຽບຮຽງໂດຍໃຜ?
ແມ່ນໃຜເປັນຜູ້ຮຽບຮຽງ?

ຮຽບຮຽງໂດຍ

ເລຢູເລືອງ
ນະຫາສີລາ
ທ້າວສີທອງ

7. ບົດອ່ານພື້ນຖານ

ເບິ່ງຮູບເງົາ

ຫລັງຈາກຕັ້ງໜ້າເຮັດວຽກ ແລະ ຜະລິດຢ່າງດຸຫມັ້ນພາກພຽນແລ້ວ ໃນຍາມວ່າງ ແລະ ວັນຫຍຸດການ, ຊາວຮ່າໂນ້ຍ ສ່ວນຫລວງຫລາຍ ມັກຈະໄປຝັກຜ່ອນຢູ່ຕາມສວນສາທາລະນະ, ສວນສັດ ຫລືຕາມໂຮງມະໂຫລະສົບຕ່າງໆ ເປັນຕົ້ນແມ່ນຢູ່ໂຮງສາຍຮູບເງົາເຊິ່ງມີຢູ່ເກືອບທຸກຊຸມ.

ຕາມໂຮງສາຍຮູບເງົາເຫລົ່ານີ້ ລ້ວນຄົບຄັ້ງແຫນ້ນໜ້າໄປດ້ວຍ ຜູ້ຄົນທຸກເພດທຸກໄວ, ໃຜໆກໍ່ຕິດເຄື່ອງໃໝ່ໃສ່ເຄື່ອງງາມເຕັມເພດ, ໃຜມັນຍ່າງຄຽງຄູ່ກັນໄປ, ຜູ້ມີຈອງບັດລ່ວງໜ້າແລ້ວ ກໍ່ຍ່າງເບິ່ງໂປແກມຝົມ ຫລື ຜ່ານປະຕູເຂົ້າໄປຫາບ່ອນນັ່ງ ແລະ ລົມກັນຢ່າງງຽບໆໃນໂຮງສາຍ. ຜູ້ທີ່ມາກ່ອນເວລາຫລາຍກໍ່ແວ່ຮ້າມເຄື່ອງຕື່ມ ຫລືບໍ່ຊື້ນກໍ່ຖືໂອກາດໄປຊົມຫ້ອງວາງສະແດງຕ່າງໆ ເຊິ່ງຢູ່ນ້ຳໂຮງສາຍ, ສ່ວນຜູ້ທີ່ຍັງບໍ່ທັນມີບັດກໍ່ພາກັນເຂົ້າແຖວຊື້ບັດຢ່າງເປັນລະບຽບຮຽບຮ້ອຍ.

ວຽກງານຮູບເງົາຂອງພວກເຮົາໄດ້ຈະເລີນກ້າວໜ້າໄປຢ່າງບໍ່ຫຼຸດຢັ້ງ. ນອກ
ຈາກຈະມີໂຮງສາຍຮູບເງົາແບບຈຳກັດຊຶ່ງຕິດຕັ້ງເຄື່ອງປັບອາກາດ ແລະ ລະ
ບົບສຽງສະແຕລີໂອແບບທັນສະໄໝແລ້ວ, ພວກເຮົາຍັງສາມາດສ້າງຝີມເລື່ອງ,
ຝີມຂ່າວສານ, ສາລະຄະດີ, ຝີມວິທະຍາສາດ ແລະ ຝີມກາຕູນ ເຊິ່ງສ່ອງແສງໃຫ້
ເຫັນວິທີດຳລົງຊີວິດອັນປອດໃສຂອງປະຊາຊົນເຮົານອກຈາກນັ້ນ, ພວກເຮົາຍັງຈັດ
ສາຍບັນດາຝີມຂອງປະເທດສັງຄົມນິຍົມຕ່າງໆ ເຊິ່ງສ່ວນຫລາຍແມ່ນຝີມປາບຈາ
ລະຊົນ ແລະ ຝີມຊີວິດ ທີ່ຖືກລົດນິຍົມຂອງນະໜາຊົນໂດຍທົ່ວໄປ.

ວຽກງານຮູບເງົາຂອງພວກເຮົາ ບໍ່ແມ່ນວ່າຊີຮັບໃຊ້ສະເພາະຊາວເມືອງເທົ່າ
ນັ້ນ ຫາກຍັງມີໜ່ວຍສາຍຮູບເງົາເຄື່ອນທີ່ນຳເອົາຄວາມມ່ວນຊື່ນໄປສູ່ພື້ນທີ່ຂອງ
ຊາວໄຮ່ຊາວນາ ແລະ ທະຫານທີ່ຢູ່ສອກຫລີກຫ່າງໄກຢູ່ສະເໝີ, ອັນນີ້ກໍເປັນການ
ສ່ອງແສງໃຫ້ເຫັນທັດສະນະ “ສິລະປະເພື່ອຊີວິດ” ຂອງວຽກງານຮູບເງົາຂອງເຮົາ
ໄດ້ຢ່າງໜຶ່ງ.

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ເບິ່ງ

xem

ຮູບເງົາ

hình ảnh, hình bóng

ຫຼຸດການ

nghỉ việc

ສ່ວນຫລວງຫລາຍ

đa phần

ສາທາລະນະ

công cộng

ສວນສາທາລະນະ

công viên

ສວນສັດ	vườn thú
ໂຮງມະໂຫລະສິບ	rap hát, nhà hát
ໂຮງສາຍຮູບເງົາ	rap chiếu bóng, điện ảnh
ເກືອບ	hầu hết
ຄຸ້ມ	phố xá
ຄັບຄັ່ງ	chật chội
ແຫມ້ນໝາ	đông đúc
ເພດ	giới
ໄວ	lứa tuổi
ເຕັມເພດ	diện, bánh bao
ຍ່າງ	đi
ຄຽງຄູ່	song song, sánh đôi
ບັດ	vé (xem phim)
ໂປແກມຟິມ	chương trình phim
ລົມກັນ	nói chuyện
ງຽບ	im lặng, lặng lẽ
ແວ່	ghé
ຮ້ານ	hiệu, nhà hàng
ເຄື່ອງດື່ມ	đồ uống
ຈະເລີນກ້າວໜ້າ	tiến bộ
ຟິມເລື່ອງ	phim truyện
ຟິມຂ່າວສານ	phim tài liệu
ສາລະຄະດີ	nghệ thuật

ວິທະຍາສາດ	khoa học
ວິທີ	cách thức, phương pháp
ປະເທດ	nước
ສັງຄົມນິຍົມ	xã hội chủ nghĩa
ຮັບໃຊ້	phục vụ
ຊາວເມືອງ	thị dân
ເຄື່ອນທີ່	lưu động
ຊາວນາ	nông dân
ທະຫານ	bộ đội
ສອກຫລີກ	héo lánh
ຫ່າງໄກ	xa xôi
ຫັດສະນະ	quan điểm
ສິລະປະ	nghệ thuật

ບົດສົນທະນາ

ນາມ: ວັນເສົາໜ້າພວກເຮົາໄປເບິ່ງຝົນກັນເນາະ? ເຮົາຊິລ້ຽງໂຕເອົາບໍ່?

ນຽນ: ຂອບໃຈຫລາຍໆ ໄປກໍ່ໄປພັກຜ່ອນຢ່ອນອາລົມແຕ່ກະດີຄືກັນ, ແຕ່ວ່າເຮົາຕ້ອງຈອງບັດລ່ວງໜ້າບໍ່?

ນາມ: ແນ່ນອນແລ້ວ, ຝົນດີໆແບບນີ້ ແນວໃດກໍ່ຕ້ອງມີຄົນເບິ່ງຫລາຍຂະໜາດ, ເຮົາຊິເບິ່ງຊັ້ນໃດດີ, ຮື?

ນຽນ: ຊັ້ນສອງສາ, ນັ່ງຊັ້ນລຸ່ມເຂົ້າອອກງ່າຍ, ໄປສຸຂາກໍ່ສະດວກ.

ເອີ! ແຕ່ວ່າຝົນເລື້ອງຫຍັງນີ້?

ນາມ: ເລື້ອງ “ຈຸດນັດພົບ”, ເພິ່ນວ່າຜູ້ສະແດງນຳທັງຊາຍ ແລະ ຍິງ ລ້ວນແຕ່
ເປັນຕາລາຫນ້າໃໝ່ ແຕ່ສະແດງໄດ້ດີ ບໍ່ຢອກໄດ, ເພງປະກອບກໍ່ມ່ວນ
ແທ້.

ນຽນ: ສົມພໍເນາະ ເຂົາເຈົ້າຈັ່ງໂສເຫລ່ກັນທົ່ວເນືອງ, ເອີ, ແມ່ນໃຜກຳກັບການ
ສະແດງນີ້?

ນາມ: ຈັ່ງວ່າ, ຂ້ອຍກໍ່ບໍ່ໄດ້ສັງເກດ. ຮູ້ແຕ່ວ່າ ສ້າງໂດຍໂຮງຖ່າຍຮູບເງົາສັງ
ລວມແຫ່ງນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ ຂ້ອຍກໍ່ເລີຍເຊື່ອວ່າຕ້ອງຍອດຢ້ຽມຢາງເດັດ
ຂາດ.

ນຽນ: ໃຜເປັນຜູ້ແຕ່ງບົດລະຄອນ?

ນາມ: ໂອຍ, ຈັກເດ! ໄປເບິ່ງແລ້ວກໍ່ຊິຮູ້ດອກໄປ! ແຕ່ວ່າເຮົາຊິໄປເບິ່ງ ຮອບ
ຄໍ່າຫລືຮອບເດິກດີ?

ນຽນ: ຮອບເດິກກວ່າດີ. ຕອນຄໍ່າເຮົາຊິໄດ້ຖືໂອກາດແວ່ຮ້ານເຄື່ອງດື່ມ ຫາ
ຫຍັງເຢັນໆກິນສາກ່ອນ. ຄັນເຫລືອເວ່ລາກໍ່ຖືໂອກາດໄປຊົມຫ້ອງສະແດງ
ຮູບແຕ້ມຂອງນັກແຕ້ມຮ່າໂນ້ຍອີກ, ເຫັນດີບໍ່?

ນາມ: ເອີ, ກໍ່ດີສືກັນ.

ນຽນ: ນີ້! ຖາມແດ່ເດີ! ເຈົ້າມີເງິນພໍບໍ່?

ນາມ: ຮວ້າຍ! ຊ່າງຖາມຫລາຍເຈົ້າກໍ່ດາຍ! ຄັນອິດເງິນຂ້ອຍໃສ່ຊື້ກ້າຊວນເຈົ້າ
ໄປ.

ນຽນ: ເອົາລະ, ຄັນຂາດອີກທໍ່ໃດ ຈັ່ງຊື້ຕື້ນໃຫ້ຄົບຈອກເດີ?

ນາມ: ບໍ່ຂາດດອກ! ຍ້ານເຫລືອພຸ້ນແລ້ວຕໍ່! ເຊົາ, ຢາສັ່ງເວົ້າຫລາຍຄວາມ
ເທາະ!

ນຽນ: ໂອຍ! ເວົ້າຢອກຊື່ໆ ຢາສັ່ງໝືນຫລາຍເທາະ, ໝູ່ເອີຍ.

ວຽກບ້ານ

1. ປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ ຜິດຫລືຖືກ ຄັນຜິດກໍ່ແກ້ໃຫ້ຖືກ

- ຫ້ອງບັນຍາຍ ເຕັມອັດບັນດານັກສຶກສາ

- ໄຫເຕັມນ້ຳແລ້ວຫວະ?

- ເຂົາເຈົ້າວ່າ ເພິ່ນຫລາຍລູກແທ້ຫວະ?

- ໝ້ອຍຄົນຮູ້ວ່າເພິ່ນເປັນເວດຊະກອນ

- ຫ້ອງນີ້ສັງມາຫລາຍຂັ້ນຫຍິບແທ້!

- ຍ້ອນວັດຖຸປະກອນຂາດຈຳນວນໜຶ່ງ ເຮົາເລີຍເຮັດບໍ່ແລ້ວ

- ຢາສູ້ຫລາຍຄວາມເທາະ!

- ຮືວ່າຫັນແລ້ວ"ນ່ວນຫລາຍ ຝັນຫລາຍ..."

- ເພິ່ນແຕ່ໄປຮຽນເທົ່ານັ້ນ

2. ຈົງປຽນປະໂຫຍກບອກ ຜົນ-ເຫດ ເປັນປະໂຫຍກ ເຫດ-ຜົນ

ຕົວຢ່າງ:

ຂ້ອຍຂາດຮຽນ ເພາະວ່າຂ້ອຍບໍ່ສຳບາຍ

ເພາະວ່າຂ້ອຍບໍ່ສຳບາຍ, ຂ້ອຍຈຶ່ງຂາດຮຽນ.

ຍ້ອນວ່າຂ້ອຍບໍ່ສຳບາຍ, ຂ້ອຍຈຶ່ງຂາດຮຽນ.

ເນື່ອງຈາກ ຂ້ອຍບໍ່ສຳບາຍ, ຂ້ອຍຈຶ່ງຂາດຮຽນ

ຂ້ອຍບໍ່ສຳບາຍ, ຂ້ອຍເລີຍຂາດຮຽນ

- ຂ້ອຍບໍ່ໄປເບິ່ງຝົນ ເພາະວ່າຝົນຕົກໜັກ.

- ນັກສຶກສາບໍ່ອອກໄປເດີນກິລາ ຍ້ອນວ່າແດດຮ້ອນໂພດ.

- ຄູ່ບໍ່ມາສອນໄດ້ເນື່ອງຈາກວ່າ ເພິ່ນຄາປະຊຸມ.
- ນາງສົມຫວັງຫມິນບັກໃຫຍ່ ຍ້ອນວ່າຫ້າວບຸນມາເວົ້າຢອກລາວ.
- ດິນດີ ຍ້ອນຫຍ້າປົກ.
- ຂ້ອຍຮຽນບໍ່ທັນໝູ່ຍ້ອນຂ້ອຍຂາດຮຽນຫລາຍມື້.
- ເລື່ອງມັນໄປບັກໃຫຍ່ ຈັ່ງຊື່ກໍຍ້ອນຂ້ອຍບໍ່ຝັງຄວາມເພິ່ນ.
- ຂ້ອຍເຕີນສວາຍ ຍ້ອນຂ້ອຍຂີ້ຄ້ານລູກ.
- ຂ້ອຍເຊື່ອຫມັ້ນວ່າ ຝົນເລື່ອງນີ້ຕ້ອງດີ ຍ້ອນຂ້ອຍຮູ້ວ່າ ສ້າງໂດຍໂຮງຖ່າຍຮູບເງົາ
ສັງລວມແຕ່ງນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ.

6. ຈົງປຽນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ເປັນປະໂຫຍກປະຕິເສດສົມບູນ

ຕົວຢ່າງ:

ຂ້ອຍບໍ່ຮູ້ → ຂ້ອຍ ບໍ່ ຮູ້ ເລີຍ
 ຂ້ອຍ ບໍ່ ຮູ້ ຈັກດີ
 ຂ້ອຍ ບໍ່ ຮູ້ ຈັກເມັດ.
 ຂ້ອຍ ໃສ ຊິ ຮູ້
 ຂ້ອຍ ຫ່ອນ ຊິ ຮູ້

- ຂ້ອຍບໍ່ເຂົ້າໃຈບົດຮຽນນີ້.
- ເພິ່ນບໍ່ມັກຝົນສົງຄາມ.
- ນາງ ດວງເດືອນ ບໍ່ເຫັນດີນຳເຈົ້າ.
- ຫ້າວບຸນເຕັມ ບໍ່ໄດ້ໄປຮ່າໂນ້ຍ.
- ນ້ອງສາວຂ້ອຍຫລິ້ນບານສົ່ງບໍ່ເປັນ
- ຂ້ອຍຮຽນເຂົ້າໃຈບົດນີ້ບໍ່ດີປານໃດ.
- ເພິ່ນຝັງພາສາຫວຽດບໍ່ອອກ.

4. ຈົ່ງແຕ່ງປະໂຫຍກທີ່ມີວະລີ “ແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນ” ແລະ
“ພຽງແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນ” ຕາມແບບປະໂຫຍກຕ່າງກັນມາ 5 ປະໂຫຍກ.

5. ຈົ່ງປຽນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ເປັນປະໂຫຍກທີ່ໃຊ້ “ໂດຍ”.

ເກືອບຢ່າງ:

ເວດຊະກອນ ແຕ້ມຮູບພາບນີ້.

ຮູບພາບນີ້ແຕ້ມ ໂດຍເວດຊະກອນ.

-ຄູສີທອງແຕ່ງຕຳລາເຫລັ້ມນີ້.

-ກຳມະກອນຫວຽດນາມ ສ້າງໂຮງງານແຫ່ງນີ້.

-ວິສະວະກອນຫວຽດນາມປະດິດສ້າງເຄື່ອງຈັກນີ້.

-ໂຮງຖ່າຍຟິມແຫ່ງກອງທັບສ້າງຟິມເລື່ອງນີ້.

-ນ້ອງຊາຍຂ້ອຍເຮັດໂຕະໜ່ວຍນີ້.

6. ອ່ານບົດອ່ານພື້ນຖານໃຫ້ລ່ຽມໄຫລ ແລ້ວຕອບຄຳຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

-ຊາວຮ່າໂນ້ຍ ມັກຈະໄປພັກຜ່ອນຢູ່ໃສແດ່?

-ຈົ່ງເວົ້າເຖິງຜູ້ຄົນທີ່ໄປເບິ່ງຮູບເງົາ ເຂົາເຈົ້າເຮັດຫຍັງແດ່.

ກ່ອນທີ່ຈະເຂົ້າເບິ່ງ?

-ເປັນຫຍັງຈຶ່ງເວົ້າໄດ້ວ່າວຽກງານຮູບເງົາຂອງພວກເຮົາໄດ້ຈະເລີນກ້າວໜ້າໄປ
ຢ່າງບໍ່ຫຼຸດຢັ້ງ?

-ວຽກງານຮູບເງົາຂອງເຮົາຮັບໃຊ້ໃຜແດ່!

7. ຈົ່ງຜັດປຽນກັນສວມບົດບາດຂອງ ນາມ ແລະ ນຽນໃນບົດສົນທະນາ.

ບົດທີ 15

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ
2. ແບບປະໂຫຍກ ບອກຜົນໃຊ້ວະລີເຊື່ອມ "ດັ່ງນັ້ນ, ເພາະສະນັ້ນ, ດ້ວຍເຫດນັ້ນ, ຍ້ອນແນວນັ້ນ.
3. ວິທີໃຊ້ສັບ "ເຮັດດ້ວຍ....."
4. ວິທີໃຊ້ວະລີ "ສະແດງອອກເຊິ່ງ + ນາມ".
5. ວິທີໃຊ້ວະລີ "ເປັນທີ່ + ກິລິຍາ"
6. ບົດອ່ານຝຶນຖານ: ຮ້ານສັບພະສິນຄ້າແຫ່ງນະຄອນຮ່າໂນ້ຍ.

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລີຕໍ່ໄປນີ້:

ຈອກ ແກ້ວ ກາ ຢາງ ໄມ້ ເຄືອບ ເຫລັກ ຫນັງ ເຈ້ຍ ຝ້າຍ
 ຊີ້ ຂາຍ ທອນ ຕໍ່ ລົດ ຖົງ ນັບ ທົນ ປອກ ເຝິງ ກຸ້ມ
 ດັ່ງນັ້ນ ສະນັ້ນ ເພາະສະນັ້ນ ດ້ວຍເຫດນັ້ນ ເນື່ອງດ້ວຍ ເຫດນັ້ນ
 ຍ້ອນແນວນັ້ນ ຈ້ງຊັ້ນ ຄຸນນະພາບ ຄຸນນະພາບສູງ ຄຸນນະພາບດີ ທົນ

ທານ ນິຍົມ ເປັນທີ່ນິຍົມ ຄວາມນິຍົມ ລົດນິຍົມ ແກ້ວຜະລິດ
 ແກ້ວແຫວນເງິນຄໍາ ຢາງລົດ ຢາງດິບ ດິນເຄືອບ ປອກກະສຸນ ເຝິງ
 ຕົນເອງ ນະໂຍບາຍ ນະໂຍບາຍການເມືອງ ຕໍ່ສູ້ ການຕໍ່ສູ້ ການ
 ຕໍ່ສູ້ກູ້ຊາດ ໄວ້ວາງໃຈ ໄວ້ເນື້ອເຊື້ອໃຈ ເອົາໃຈ ເອົາໃຈໃສ່ ເອົາ
 ໃຈໃສ່ຈົດຕໍ່ ທະນົງໃຈ ພໍໃຈ ຖືກໃຈ ເຕັມໃຈ ໃຈກາງ ເອ້ຍ້ອງ
 ຊວນຊົມ ຊວນຊື້ ເຊີນຊວນ ເປັດຕະເລັດ ຂອງເປັດຕະເລັດ ຫມວດ
 ເປັດຕະເລັດ ຫັດຖະກຳ ອຸດສາຫະກຳ ສິລະປະຫັດຖະກຳ ຄວັດສະລັກ
 ຂຶ້ນຊື່ ມີຊື່ສຽງ ວັດຖຸ ວັດຖຸດິບ ວັດຖຸປະກອບ ຍີ່ຫໍ້ ຕິດຍີ່ຫໍ້
 ເໝາະສົມ ເໝາະກັບຖົງເງິນ ບໍລິໂພກ ຜູ້ບໍລິໂພກ ຊຸກຍູ້ ຈໍລະຄອນ
 ການຈໍລະຈອນແຈກຢາຍ ຈຳໜ່າຍ ຈຳໜ່າຍສິນຄ້າ ສຳນັກພິມຈຳ
 ໜ່າຍ ຍື້ນແຍ້ມ ຍື້ນຫົວ ຍື້ນແຍ້ມແຈ່ມໃສ ນິ່ມນວນ ປະຕິບັດ ປະ
 ຕິບັດຄໍາຂວັນ ປະຕິບັດຄໍາສັ່ງ ປະຕິບັດໜ້າທີ່ ຖົງຕີນ ຖົງມື ຖົງ
 ເງິນ ຖົງເຂົ້າ ຂະໜາດ ຂະໜາດໃຫຍ່ ຂະໜາດນ້ອຍ ຢາງຂະ
 ໜາດ ສີອິດ ສີດຳ ສີແດງ ສີເທລືອງ ສີຂາວ ສີຂຽວ ສີນ້ຳ
 ເງິນ ສີເລືອດໝູ ລົດຜ່ອນ ລົດລາຄາ ຮ້ອຍຖ້ວນ ຊາວຖ້ວນ ຖ້ວນ
 ໜ້າ ຕໍ່ຮອງ ຕໍ່ຮອງລາຄາ ຕາຍຕົວ ລາຄາຕາຍຕົວ ແບບຕາຍ
 ຕົວ ເວົ້າແທ້ ເວົ້າອີຫລີ ເວົ້າຫລາຍ ເວົ້າຫລາຍຄວາມ ຊ່າງເວົ້າ
 ຄັນຊິເວົ້າໄປແລ້ວ ທອນເງິນ ເງິນທອນ ທອນໃຫ້ເຝື້ນສອງກີບ.

ສະແດງ ສະແດງວ່າ ສະແດງໃຫ້ເຫັນ ສະແດງອອກເຊິ່ງ ຜູ້ສະ
 ແດງ ນັກສະແດງ ການສະແດງ ຜູ້ກຳກັບການສະແດງ ຜູ້ອຳນວຍ
 ການສະແດງ ສະແດງລະຄອນ ສະແດງກາຍະສິນ ຜູ້ສະແດງນຳ ຜູ້
 ສະແດງຮອງ

2. ແບບປະໂຫຍກບອກເຫດ-ຜົນທີ່ໃຊ້ວະລີເຊື່ອມ: "ດັ່ງນັ້ນ"

ປະໂຫຍກບອກເຫດ	+ ດັ່ງນັ້ນ	ປະໂຫຍກບອກຜົນ ຕົວຕັ້ງ + ຈິ່ງ + ກຳມະ
ຜົນຕົກຫມົດນີ້	ດັ່ງນັ້ນ	ຂ້ອຍຈິ່ງບໍ່ໄປຊ້ອມບານ

ໝາຍເຫດ: ອາດແທນ "ດັ່ງນັ້ນ" ດ້ວຍ "ເພາະສະນັ້ນ,
ດ້ວຍເຫດນັ້ນ, ຍ້ອນແນວນັ້ນ, ຈິ່ງຊັ້ນ"

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ:

ກ.

ຮູບເງົາເລື່ອງນີ້ມ່ວນ

ດັ່ງນັ້ນ

ຫລາຍຄົນຈິ່ງຢາກເບິ່ງ

ເພາະສະນັ້ນ

ດ້ວຍເຫດນັ້ນ

ເນື່ອງດ້ວຍເຫດນັ້ນ

ຍ້ອນແນວນັ້ນ

ຈິ່ງຊັ້ນ

ຂ. ພື້ນຖານອຸດສາຫະກຳຂອງເຮົາໄດ້ຈະເລີນຂຶ້ນແລ້ວ

ດັ່ງນັ້ນ
ເພາະສະນັ້ນ
ດ້ວຍເຫດນັ້ນ
ເນື່ອງດ້ວຍເຫດນັ້ນ
ຍ້ອນແນວນັ້ນ
ຈຶ່ງຊັ້ນ

ຜະລິດພັນ
ສິນຄ້າ

ຂອງເຮົາຈຶ່ງ

ມີຄຸນນະພາບສູງ
ມີລາຄາຖືກ
ທົນທານ
ເປັນທີ່ນິຍົມ
ຂອງປະຊາຊົນ

3. ວິທີໃຊ້ວະລີ ເຮັດດ້ວຍ + ນາມ

ນາມ ⁽¹⁾	ເຮັດດ້ວຍ	+ ນາມ
ຈອກ	ເຮັດດ້ວຍ	ຢາງ

ໝາຍເຫດ

ນາມ⁽¹⁾ = ສິ່ງຂອງ

ນາມ⁽²⁾ = ວັດຖຸດິບ

ຖ້າເປັນວະລີຂະໜາຍອາດຈະລະ “ເຮັດດ້ວຍ” ເຊັ່ນ: ທິບໄມ້ = ທິບເຮັດດ້ວຍໄມ້

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ຂ້ອຍ
ເຝິນ

ຢາກຊື້ ຈອກ ເຮັດດ້ວຍ

ແກ້ວຜະລິກ

ຢາງ

ດິນເຄືອບ

ດິນເຜົາ

ໄມ້

ບັງໄຜ່

ຂ.

ແຈກັນ ໜ່ວຍນີ້ ເຮັດດ້ວຍຫຍັງ? -ເຮັດດ້ວຍ

ດິນເຄືອບ

ແກ້ວຜະລິກ

ດິນເຜົາ

ໄມ້

ບັງໄຜ່

ປອກກະສຸນ

ຢາງ

ຄ. ທິບ

ໄມ້
ເຫລັກ
ຫນັງ
ເຈ້ຍ

ໜ່ວຍນີ້ລາຄາເທົ່າໃດ?

4. ວິທີໃຊ້ວະລີ ສະແດງອອກ "ເຊິ່ງ + ນາມ"

ຕົວຕັ້ງ	ສະແດງອອກເຊິ່ງ	+ ນາມວະລີ
ອັນນີ້	ສະແດງອອກເຊິ່ງ	+ ນະໂຍບາຍເພິ່ງຕົນເອງ + ຄວາມພະຍາຍາມຂອງເຮົາ + ການຕໍ່ສູ້ຢ່າງເດັດດ່ຽວ

ໝາຍເຫດ:

ນາມ ໃນທີ່ນີ້ຕ້ອງແມ່ນນາມ ທີ່ເປັນນາມທຳເຊັ່ນ:

ນະໂຍບາຍ, ຜົນສຳເລັດ ໆລໆ

ຫລືມາຈາກ ຄຸນນາມ ແລະ ກິລິຍາ ເຊິ່ງ ມີ "ຄວາມ" ຫລື

"ການ" + ຄຸນນາມ ເຊັ່ນ: ຄວາມງາມ, ການກິນຢູ່ ໆລໆ
+ ກິລະຍາ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ອັນນີ້ ສິ່ງເຫລົ່ານີ້	ສະແດງອອກເຊິ່ງ	-ການໄວ້ວາງໃຈຂອງຊັ້ນເທິງຕໍ່ພວກເຮົາ. -ຄວາມພະຍາຍາມຂອງເຮົາໃນການຮຳຮຽນ. -ຄວາມຮັກຂອງເຮົາຕໍ່ໜ້ອຍນະ. -ຄວາມດຸຫນັກພາກພຽນຂອງເຮົາ ໃນການອອກແຮງງານ -ການເອົາໃຈໃສ່ຂອງເພິ່ນໃນການ ເຮັດວຽກງານທີ່ໄດ້ຮັບມອບໝາຍ.
-------------------------	---------------	---

5. ວິທີໃຊ້ ວະລີ "ເປັນທີ່ + ກິລິຍາ"

ເປັນທີ່	+ ກິລິຍາ
ເປັນທີ່	ນິຍົມ
ເປັນທີ່	ພໍໃຈ

ຫມາຍເຫດ:

ກິລິຍາໃນທີ່ນີ້ຕ້ອງແມ່ນກິລິຍາບອກຮູ້ສຶກ ແລະສ່ວນຫລາຍ
ເປັນຄຳຫລາຍພະຍາງ ຫລື ບໍ່ກໍຕ້ອງມີຄຳຂະຫຍາຍເປັນກິລິຍາວະລີ.

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ສິ່ງເຫລົ່ານີ້ ເປັນທີ່

ນິຍົມ
ພໍໃຈ
ຊື່ນຊົມຍິນດີ
ຫະມົງໃຈ

ຂອງຄົນທົ່ວໄປ
ຂອງພວກເຮົາ

ຂ.

ສິນຄ້າ
ຜະລິດພັນ

ຂອງເຮົາໄດ້ເປັນທີ່ນິຍົມຂອງ

ລູກຄ້າທັງໃນ ແລະ ນອກປະເທດ
ພໍ່ແມ່ຜີ້ນ້ອງຊາວນາຊາວໄຮ່.
ນະຫາຊົນ

ຄ.

ຜົນສຳເລັດ
ໄຊຊະນະ

ອັນນີ້ ໄດ້ເປັນທີ່

ຊົມຊືມຍິນດີ
ທະນົງໃຈ
ພໍໃຈ

ຂອງປະຊາຊົນທັງຊາດ

6. ບົດອ່ານຟື້ນຖານ

ຮ້ານ ສັບຜະສິນຄ້າແຫ່ງ ນະຄອນຮ່າໂນ້ຍ

ຮ້ານສັບຜະສິນຄ້າແຫ່ງນະຄອນຮ່າໂນ້ຍ ຕັ້ງຢູ່ໃຈກາງເມືອງ ເຊິ່ງເປັນຢ່າມ
ການຄ້າຂອງກຳແພງນະຄອນນີ້ແມ່ນຮ້ານຄ້າແຫ່ງລັດທີ່ໃຫຍ່ທີ່ສຸດໃນພາກເໜືອ
ຫວຽດນາມ, ຕົວຮ້ານເປັນອາຄານສອງຊັ້ນແບບທັນສະໄໝ ແລະ ໄດ້ຮັບການເອ້
ຍ້ອງຢ່າງງາມຕາ; ຊວນຊົມ, ຊວນຊື້ ເປັນຢ່າງຍິ່ງ.

ຊັ້ນລຸ່ມຂາຍສິນຄ້າ ຈຳພວກເຄື່ອງເຫລັກ, ເຄື່ອງເຮືອນ, ເຄື່ອງຮຽນ, ເຄື່ອງ
ຂຽນ, ເຄື່ອງຫລິ້ນຂອງເດັກນ້ອຍ, ເຄື່ອງເປັດຕະເລັດ ແລະ ໂສ້ງເສື້ອສຳເລັດຮູບ.

ຊັ້ນເທິງຂາຍເຄື່ອງດົນຕີ, ເຄື່ອງກິລາ, ເຄື່ອງຫນັງ, ສິ່ງຫໍ່ ແລະ ເຄື່ອງສິລະ
ປະຫັດຖະກຳ ເຊິ່ງສ່ວນຫລາຍແມ່ນເຄື່ອງຄວັດສະລັກ, ເຄື່ອງດິນເຜົາ, ເຄື່ອງສານ,

ຝັງລາຍທີ່ຂຶ້ນຊື່ຂອງຫວຽດນາມ.

ສິນຄ້າສ່ວນຫລາຍຜະລິດດ້ວຍວັດຖຸດິບທີ່ຫາໄດ້ພາຍໃນປະເທດ ອັນນີ້ກໍ່ເປັນການສະແດງອອກເຊິ່ງນະໂຍບາຍເພິ່ງຕົນເອງກຸ່ມຕົນເອງຂອງພັກເຮົາຢ່າງໜຶ່ງ ບັດຈຸບັນນີ້ ຝື້ນຖານອຸດສາຫະກຳຂອງເຮົາໄດ້ຈະເລີນຂຶ້ນຢ່າງໄວວາດັ່ງນັ້ນສິນຄ້າທີ່ຕິດຍີ່ຫໍ້ “ຜະລິດໃນຮ່າໂນ້ຍ, ຫວຽດນາມ” ຈຶ່ງນັບມື້ນັບຫລາຍຂຶ້ນ ແລະ ແຮ່ງຈົບງາມ, ທົນທານ, ລາຄາຖືກເໝາະກັບຖົງເງິນຂອງຜູ້ບໍລິໂພກໂດຍທົ່ວໄປ ທັງຍັງເປັນທີ່ນິຍົມຂອງຊາວຕ່າງປະເທດອີກດ້ວຍ.

ເພື່ອໃຫ້ຄວາມສະດວກແກ່ຜູ້ບໍລິໂພກ ແລະ ເພື່ອຊຸກຍູ້ການຈໍລະຈອນແຈກຢາຍສິນຄ້າ, ທາງຮ້ານຈັດໃຫ້ມີໜ່ວຍບໍລິການເຄື່ອນທີ່ເຊິ່ງນຳສິນຄ້າໄປຈຳໜ່າຍຕາມໂຮງງານ, ສະຖານທີ່ກໍ່ສ້າງ, ສຳນັກງານ ແລະ ຊ້າຍທະຫານ.

ບັນດາພະລາກອນຂອງຮ້ານຍາມໃດກໍ່ ຍື່ນແຍ້ມແຈ່ມໃສ, ຮັບຕ້ອນຜູ້ຊື້ດ້ວຍທ່າທີອັນສຸພາບ, ນິ່ມນວນ ແລະ ເອົາໃຈຜູ້ຊື້ທຸກຄົນ, ພວກເພິ່ນລ້ວນແຕ່ພະຍາຍາມປະຕິບັດຄຳຂວັນທີ່ວ່າ “ຖືກໃຈຜູ້ໄປ, ຝໍໃຈຜູ້ມາ”.

Từ vựng

ປະນວນສັບ

ຮ້ານຄ້າ

cửa hàng, nhà hàng, hiệu buôn

ສັບພະສິນຄ້າ

bách hóa

ຢ່ານ

khu vực, khoảng

ກຳແພງນະຄອນ

thành phố

ລັດ

nhà nước

ອາຄານ

tòa nhà

ເອ້ຍ້ອງ	trang trí, bài trí
ຊວນຊົມ	hấp dẫn
ຊັ້ນລຸ້ນ	tầng trệt
ເຄື່ອງເຫລັກ	đồ kim loại
ເຄື່ອງເຮືອນ	đồ dùng nội thất
ເຄື່ອງຮຽນເຄື່ອງຂຽນ	đồ dùng học tập (sách vở, giấy bút)
ເຄື່ອງຫລິ້ນ	đồ chơi
ເດັກນ້ອຍ	trẻ con
ເປັດຕະເລັດ	linh tinh, lật vật
ໂສ້ງເສື້ອ	quần áo
ຊັ້ນເທິງ	tầng trên
ເຄື່ອງດົນຕີ	nhạc cụ
ເຄື່ອງໜັງ	đồ da (giày dép)..
ເຄື່ອງກິລາ	dụng cụ thể thao
ຫັດຖະກຳ	thủ công
ຄວັດສະລັກ	chạm chổ
ເຄື່ອງດິນເຜົາ	đồ gốm
ເຄື່ອງສານ	đồ đan
ວັດຖຸດິບ	nguyên liệu
ນະໂຍບາຍ	chính sách
ເຝິງຕົນເອງກຸ້ມຕົນເອງ	tự cấp tự túc
ປັດຈຸບັນ	hiện nay
ອຸດສາຫະກຳ	công nghiệp

ຍີ່ຫໍ້	nhãn hiệu
ທົນທານ	bền, chịu đựng
ລາຄາ, ລາຄາດຖີກ	giá, giá rẻ
ເໝາະ	hợp
ຖົງ, ຖົງເງິນ	túi, túi tiền
ບໍລິໂພກ	tiêu dùng, tiêu thụ
ນິຍົມ	thị hiếu
ຊາວຕ່າງປະເທດ	người nước ngoài
ສະດວກ	thuận tiện, thuận lợi
ຈໍລະຈອນ	lưu thông
ແຈກຢາຍ	phân phối
ໜ່ວຍ	tổ, đội
ບໍລິການ	dịch vụ
ເຄື່ອນທີ່	lưu động
ຈໍາໜ່າຍ	bán, phát hành
ໂຮງງານ	xí nghiệp
ສະຖານທີ່	địa điểm, nơi
ສໍານັກງານ	cơ quan
ຄ້າຍ	doanh trại
ພະລາກອນ	nhân viên
ຍິ້ມແຍ້ມແຈ່ມໃສ	tươi cười, vui vẻ
ຮັບຕ້ອນ	giao tiếp
ສຸພາບ	lịch sự

ທ່າທີ
ນິມນວນ
ເອົາໃຈ

thái độ
mềm dẻo, nhã nhặn
chiều chuộng

ບົດສົນທະນາ

- ພະລາກອນ: ສະບາຍດີ, ອ້າຍ, ອ້າຍຕ້ອງການຊື້ຫຍັງນໍ?
- ຜູ້ຊື້: ເຮົາຢາກຊື້ ຖົງຕີນຄູ່ໜຶ່ງ.
- ພະລາກອນ: ອ້າຍຢາກຊື້ຊະນິດໃດ, ຊະນິດເຮັດດ້ວຍນິລົງ ຫລື ເຮັດດ້ວຍຝ້າຍ?
- ຜູ້ຊື້: ມີຊະນິດເຮັດດ້ວຍນິລົງ ເຊິ່ງຜະລິດຈາກຕ່າງປະເທດ ບໍ່?
- ພະລາກອນ: ເຈົ້າ, ມີຢູ່ ອ້າຍໃສ່ຂະໜາດໃດ?
- ຜູ້ຊື້: ເຮົາໃສ່ຂະໜາດ 39 (ເປີ 39)
- ພະລາກອນ: ເຈົ້າມັກສີຫຍັງ, ອ້າຍ?
- ຜູ້ຊື້: ສີອິດມີບໍ່ນາໆ?
- ພະລາກອນ: ໝ້າເສຍດາຍ ທີ່ສີອິດຫາກໍ່ໝົດພໍດີ, ອ້າຍໃສ່ສີເລືອດ ໝູ່ເນາະ?
- ຜູ້ຊື້: ເຈົ້າ, ກໍ່ໄດ້ຢູ່, ລາຄາຄູ່ເທົ່າໃດ?
- ພະລາກອນ: ຮ້ອຍຊາວກີບ.
- ຜູ້ຊື້: ບໍ່ລົດໃຫ້ແດ່ເບາະ? ເອົາຮ້ອຍຖ້ວນສາ, ໄດ້ບໍ່?
- ພະລາກອນ: ທຸຍ! ອ້າຍກໍ່ຊ່າໆເວົ້າຢອກຫລາຍ, ຮ້ານຄ້າແຫ່ງລັດ ໃສ່ຊີວິດການຕໍ່ຮອງລາຄານໍ! ລາຄາຕາຍຕົວໝົດຕວາ.

ໃຜຊິກ້າເວົ້າໂພດນ້ຳອ້າຍເດ.

ຜູ້ຊື້: ຊັ້ນເບາະ. ເອົານີ້, ຂໍສົ່ງເງິນໃຫ້ນາງ.

ພະລາກອນ: ຂອບໃຈອ້າຍ. ນີ້ເດີ, ເງິນທອນ ອ້າຍນັບເບິ່ງໃຫມ່ສາ.

ຜູ້ຊື້: ຄົບແລ້ວ, ໄປເດີນາງ!

ພະລາກອນ: ເຈົ້າ, ໄປດີເດີ, ອ້າຍ.

ວຽກບ້ານ

1. ຈົງໂຮມປະໂຫຍກໃນໝວດ: ກ. ກັບໝວດ. ຂ. ເຂົ້າເປັນປະໂຫຍກ.

ບອກ ເຫດ-ຜົນ ໂດຍໃຊ້ຄຳເຊື່ອມທັງໝົດທີ່ຮຽນແລ້ວ.

ຕົວຢ່າງ:

ຝົນຕົກໝົດນີ້, ຂ້ອຍບໍ່ໄປຫລິ້ນ,

ຝົນຕົກໝົດນີ້ ດັ່ງນັ້ນ ຂ້ອຍຈຶ່ງບໍ່ໄປຫລິ້ນ,

ຍ້ອນວ່າຝົນຕົກໝົດນີ້, ຂ້ອຍຈຶ່ງບໍ່ໄປຫລິ້ນ, ໆລໆ.

-ເສື້ອແຂນຫ່ອງຊະນິດນີ້ງາມແທ້ ຫລາຍຄົນມັກ.

-ເສື້ອຍຶດແບບນີ້ທົນທານ. ໃຜກໍ່ຢາກຊື້.

-ເສື້ອກັນຝົນ ຕົວນີ້ ລາຄາຖືກ. ຂ້ອຍຊື້ຕັ້ງສອງໂຕ.

-ເສື້ອຄຸມໂຕນັ້ນ ເຮັດດ້ວຍໂຫມພົມ. ເພິ່ນບໍ່ເອົາ.

-ເສື້ອກັນໝາວຊະນິດນີ້ເປັນທີ່ນິຍົມຂອງຄົນຫວຽດ ຂ້ອຍເອົາມາຕ້ອນເຈົ້າ.

-ເສື້ອຊ້ອນໂຕນີ້ ສັ້ນໂພດ. ຂ້ອຍປຽນໂຕໃຫມ່,

-ໂສ້ງຢືນໂຕນັ້ນ ຍາວໂພດ. ຂ້ອຍໃສ່ບໍ່ພໍດີ.

-ໂສ້ງຊ້ອນໂຕນີ້ ສິງາມໆແດ່. ຂ້ອຍນັກໃສ່ຫລາຍ.

2. ຈົງ ໂຮມປະໂຫຍກຕາມຕົວຢ່າງ.

- ຈອກໜ່ວຍນີ້ ເຮັດດ້ວຍຢາງ. ຈອກໜ່ວຍນີ້ງາມແທ້.

ຈອກທີ່ເຮັດດ້ວຍຢາງໜ່ວຍນີ້ງາມແທ້.

ຈອກຢາງໜ່ວຍນີ້ງາມແທ້.

- ເສື້ອກັນຝົນໂຕນີ້ເຮັດດ້ວຍນິລົງ. ເສື້ອກັນຝົນທົນທານ.

- ກາຊົງຊາໜ່ວຍນີ້ເຮັດດ້ວຍເຄືອບຂາວ. ກາຊົງຊາງາມແທ້.

- ທີບໜ່ວຍນີ້ເຮັດດ້ວຍເຈ້ຍ. ທີບບໍ່ທົນດອກ.

- ເສື້ອທ່ອງໂຕນີ້ເຮັດດ້ວຍຝ້າຍ ເສື້ອທ່ອງໃສ່ເຢັບດີ

- ເສື້ອຊ້ອນໂຕນີ້ເຮັດດ້ວຍເຍັບດ້ວຍນິລົງ. ເສື້ອຊ້ອນທົນທານ.

- ໂສ້ງກິນຂອງຂ້ອຍເຢັບດ້ວຍແຜ. ໂສ້ງກິນຂອງຂ້ອຍງາມ.

- ເສື້ອຍືດຂອງຂ້ອຍທໍດ້ວຍຝ້າຍ. ເສື້ອຍືດຂອງຂ້ອຍໃສ່ເຢັບດີ.

3. ອ່ານບົດອ່ານພື້ນຖານແລ້ວຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

-ຮ້ານສັບພະສິນຄ້າແຫ່ງນະຄອນຮ່າໂນ້ຍຕັ້ງຢູ່ໃສ?

-ຕົວຮ້ານເປັນແນວໃດ?

-ຊັ້ນລຸ່ມຂາຍຫຍັງແດ່?

-ຊັ້ນເທິງເດ?

-ສິນຄ້າທີ່ຜະລິດຈາກຕ່າງປະເທດມີຫລາຍບໍ່?

-ການຜະລິດສິນຄ້າຂອງພວກເຮົາໃນປັດຈຸບັນນີ້ເປັນແນວໃດ?

-ເປັນຫຍັງທາງຮ້ານຈຶ່ງຈັດໃຫ້ມີໜ່ວຍບໍລິການເຄື່ອນທີ່?

-ບັນດາພະລາກອນໃນຮ້ານມີທ່າທີ່ເປັນແນວໃດ?

-ເຈົ້າເຄີຍໄປຊື້ເຄື່ອງຢູ່ຮ້ານສັບພະສິນຄ້າແຫ່ງນະຄອນຮ່າໂນ້ຍ ບໍ່?

-ເຈົ້າຊື້ຫຍັງ? ຊື້ຈັກອັນ? ລາຄາອັນລະເທົ່າໃດ? ເຂົາເຈົ້າລົດໃຫ້ເຈົ້າແດ່ບໍ່?

-ເຈົ້າມັກທ່າທິຂອງຜະລາກອນຢູ່ຫີນບໍ່? ຍ້ອນຫຍັງ?

4. ຈົງປຽນກັນສະແດງບົດບາດຂອງຜູ້ຊື້ ແລະ ຜະລາກອນຮ້ານຄ້າຕາມເນື້ອ
ໃນ ບົດສົນທະນາຫລືອາດຈະດັດແປງຕາມໃຈໃຜລາວ.

ບົດທີ 16

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ

2. ວິທີໃຊ້ຄູ່ສັບສຳຮອງ: “.....ໄປ.....ມາ”

“.....ແລ້ວ.....ອີກ”

“.....ຊ້າງຊາກງ”

3. ວິທີໃຊ້ກິລິຍາ “ໄປ, ມາ”

4. ວິທີໃຊ້ກິລິຍາບອກການເຄື່ອນທີ່ເຊິ່ງມີທິດທາງແນ່ນອນ:

ຂຶ້ນ, ລົງ, ເຂົ້າ ແລະ ບໍ່ແນ່ນອນ: ອອກ, ຂ້າມ

5. ວິທີໃຊ້ວະລິ: ຄຸນນາມ + ແຕ່ + ນາມ

6. ບົດອ່ານຝຶນຖານ: ຈົດໝາຍຈາກບ້ານເກີດ.

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ:

ຈົງອ່ານສັບ ແລະ ວະລິຕໍ່ໄປນີ້:

ຊ້າ ຊາກ ຝັ່ງ ຂຶ້ນ ລົງ ເຂົ້າ ອອກ ຂວ້າມ ຂ້າມ ສູ່
ເທິງ ໃຕ້ ກ້ອງ ລຸ່ມ ນອກ ເຊ ກ້າວ ປຽກ ເປື້ອນ ຕົມ

ຈົກ ຫລົບ ປ່ອຍ ຄາວ ເຄື່ອນ ຈອດ ລັດ ຜ່ານ ຄົ້ນ ຕ້ອນ
 ຮັບ ທິບ ຊອກ ຮົ່ມ ໝ້າ.
 ຊ້າງຊາກງ ຊ້າໄປຊ້າມາ ຫລົບໄປຫລົບມາ ຜັງຊ້າຍ ຜັງຂວາ ຜັງ
 ຂອງ ຝາກຜັງ ຂຶ້ນເໝືອ ລົງໃຕ້ ລົງເຮືອ ລົງເຮືອນ ລົງຈາກ
 ເຮືອນ ລົງໄປ ລົງມາ ເຂົ້າມາ ເຂົ້າໄປ ເຂົ້າໃນເຮືອນ ອອກ
 ໄປ ອອກມາ ອອກນອກບ້ານ ອອກໄປໃນສວນ ຂວ້າມນ້ຳ ຂວ້າມ
 ຝາກ ຂວ້າມໄປ ຂ້າມມາ ຂ້າມຮ່ອງ ຂ້າມສູ່ຝັ່ງຝຸ່ນ ຂ້າມຮົ່ວ ຢູ່
 ເທິງບ້ານ ນັ່ງເທິງຕັ່ງ ນອນເທິງຕຽງ ກັ່ງລົງ ກັ່ງລົງໃຕ້ໂຕະ ກັ່ງ
 ລົງກ້ອງຕະລ່າງ ນັ່ງລຸ່່ມຕະລ່າງ ກ້າວຂຶ້ນເທິງເຮືອນ ກ້າວເຂົ້າໄປໃນ
 ເຮືອນ ປຽກຊຸ່ມ ປຽກນ້ຳຝົນ ປຽກນ້ຳເທື່ອ ປຽກແຕ່ນ້ຳເທື່ອ ເປື້ອນ
 ດິນ ເປື້ອນຕົມ ເປື້ອນແຕ່ຂີ້ຕົມ ເປື້ອນແຕ່ຂີ້ຝຸ່ນ ຈົກຖົງ ຈົກເອົາເງິນ
 ອອກຈາກຖົງ ຈົກເອົາຈົດໝາຍອອກມາອ່ານ ອ່ານແລ້ວອ່ານອີກ ອ່ານ
 ຫລົບໄປຫລົບມາ ອ່ານຊ້າອ່ານຊາກ ອ່ານຊ້າງຊາກງ ປ່ອຍໄກ່
 ປ່ອຍນົກ ປ່ອຍໃຫ້ຂ້ອຍນັ່ງຜູ້ດຽວ ປ່ອຍໃຫ້ເພິ່ນຄອງຖ້ຳ ຂີ້ຄ້າມ ຂີ້ຕີ້
 ຂີ້ຝຸ່ນ ຈັກຄາວ ບໍ່ຈັກຄາວ ເຄື່ອນທີ່ ເຄື່ອນໄຫວ ເຄື່ອນທັບ ເຄື່ອນ
 ຂະບວນ ຈອດລົດ ລົດຈອດ ບ່ອນຈອດລົດ ຫ້າມຈອດລົດ ຢ່າງລັດ
 ລັດທົ່ງນາ ລັກສະໝາມ ຜ່ານມາ ຜ່ານບ້ານ ຜ່ານນ້ຳສ້າງ ຄົ້ນ
 ກະເບົ້າ ຄົ້ນຫາ ຄົ້ນພົບ ຄົ້ນຄວ້າ ຄົ້ນເອົາເຄື່ອງ ຂອງຕ້ອນ ໄປ
 ຕ້ອນ ມາຕ້ອນ ຮັບຄຳ ຮັບຮອງ ຮັບເອົາ ຮັບຮູ້ ທົ່ວທິບ ບໍ່
 ຈັກທິບ ທົ່ວທິບທົ່ວແດນ ບໍ່ຈັກທິບຈັກແດນ ຊອກເວລາ ຊອກເງິນ
 ຊອກໂອກາດ ຊອກຮູ້ ຊອກຮູ້ຊອກເຫັນ ລີ້ໝ້າ ຫລິ້ນໝາກລີ້ ໝ້າ
 ຕາ ໝ້າຕາມອມແນມ ກ່ຽວຂ້ອງ ກ່ຽວກັບ ກັບມາ ກັບເມືອ
 ໝາກເສິກ ໝາກຮຸກ ເມື້ອໃນ ໃຈຄວາມ ລົດໄຟ ສະຖານີ ສະ

ຖານິລົດໄຟ ໂຮງໄປສະນີ ຂະບວນ ຂະບວນລົດໄຟ ຂະບວນຄົນ ຍ່າງ
 ເປັນຂະບວນ ວົງແຂນ ວົງເດືອນ ວົງແຫວນ ແມ່ນອນ ແມ່ນອນ
 ແລ້ວ ອວຍພອນ ຂໍອວຍພອນ ຄຳອວຍພອນ ຂໍອວຍພອນໃຫ້ເຈົ້າແຂງ
 ແຮງ ຂໍອວຍພອນໃຫ້ເຈົ້າຈົງມີສຸຂະພາບແຂງແຮງ ເທື່ອນີ້ ເທື່ອຫນ້າ
 ເທື່ອຫລັງ ເທື່ອຫນ້າເທື່ອຫລັງ ເທື່ອລະກ້າວ ເທື່ອທຳອິດ ເທື່ອສຸດ
 ທ້າຍ.

2. ວິທີໃຊ້ຄູ່ສັບສຳຮອງໄປ.....ມາ
ແລ້ວ.....ອີກ
ຊ້າງຊາກງ

ກິລິຍາ	+ ໄປ	+ ກິລິຍາ	ມາ
ກິລິຍາ	+ ແລ້ວ	+ ກິລິຍາ	ອີກ
ກິລິຍາ	+ ຊ້າງ ຊາກງ		
ອ່ານ	ໄປ	ອ່ານ	ມາ
ເວົ້າ	ແລ້ວ	ເວົ້າ	ອີກ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ນາຍແພດເຄື່ອນ

ແລ້ວ
ໄປ

ເຄື່ອນ

ອີກ
ມາ

ວ່າເຮົາ

ຕ້ອງຮັກສາອະນາໄມ
ບໍ່ຄວນສູບຢາ
ຢາຢູ່ເດິກ
ຜັດແຂ້ວກ່ອນນອນ

ຊ້າງຊາກງ

ຂ.

ຂ້ອຍ
ເຝົ້າ

ໄດ້

ເບິ່ງຝົນເລື່ອງນີ້
ອ່ານນິຍາຍເລື່ອງນັ້ນ
ຝັງບົດເພງນີ້

ຫລົບໄປຫລົບມາ
ຊ້າງຊາກງ

ຕັ້ງຫລາຍເທື່ອ

ຄ.

ທ້າວຈີ່ແທ່ງ

ອ່ານ
ເລົ່າ

ໄປ
ແລ້ວ

ອ່ານ
ເລົ່າ

ມາ
ອີກ

ຈັກວ່າທ່ືນໃດເທື່ອ

ໝາຍເຫດ: ຖ້າກິລິຍາມີຄຳປະກອບອີກກໍ່ໃຫ້ໃຊ້ວະລີ “ຫລົບໄປຫລົບມາ” ຫລື “ຊ້າໄປຊ້າມາ” ຫລື “ຊ້າງຊາກງ” ຕາມຫລັງຄຳປະກອບ.

ງ.

ທ້າວ ຈີ່ແທ່ງ

ອ່ານ
ຂຽນ

ຈົດໝາຍ

ຫລົບໄປຫລົບມາ
ຊ້າໄປຊ້າມາ
ຊ້າງຊາກງ

ຈັກວ່າທ່ືນໃດເທື່ອ

3. ວິທີໃຊ້ ກິລິຍາ “ໄປ” “ມາ”

1.

ໄປ	+ ນາມບອກສະຖານທີ່
ມາ	+ ກິລິຍາ
ໄປ	+ ໂຮງໝໍ
ມາ	+ ກວດພະຍາດ

ໝາຍເຫດ:

“ໄປ” ເປັນກິລິຍາອອກຈາກບ່ອນເວົ້າ

“ມາ” ເປັນກິລິຍາມຸ່ງສູ່ບ່ອນເວົ້າ ເຊັ່ນ:

“ຂ້ອຍໄປໂຮງໝໍ” (ຕອນເວົ້ານັ້ນ ຂ້ອຍຢູ່ບ້ານ)

“ຂ້ອຍມາໂຮງໝໍ” (ຕອນເວົ້ານັ້ນ ຂ້ອຍຢູ່ໂຮງໝໍ)

—————> ໄປ

—————< ມາ

2.

ໄປ	+ ນາມບອກສະຖານທີ່ + ກິລິຍາ	+ ມາ
ໄປ	ໂຮງໝໍ ກວດພະຍາດ	ມາ ມາ

ນາ	+ ແຕ່ ຈາກ	+ ນາມບອກສະຖານທີ່ + ກິລິຍາ + ການ + ກິລິຍາ
ນາ ນາ	ແຕ່ ແຕ່ ຈາກ	ໂຮງໝໍ ກວດພະຍາດ ການກວດພະຍາດ

ໜ້າຍເຫດ: ຄຳຖາມສຳລັບແບບປະໂຫຍກນີ້ ແມ່ນ:

ຕົວຕັ້ງ	+ ໄປໃສນາ ຂໍ
ເຈົ້າ	ໄປໃສນາ

ຕົວຕັ້ງ	+ ນາຈາກໃສ + ນາແຕ່ໃສ
ເຈົ້າ ເຝີນ	ນາຈາກໃສ ນາແຕ່ໃສ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ອ້າຍ
ເອື້ອຍ
ແມ່

ເຈົ້າຢູ່ບ້ານບໍ່ຊຸ່່ບ, ເຝີນບໍ່ຢູ່ດອກ, ເຝີນໄປ

ໂຮງໝໍ

ແລ້ວ

ໂຮງຮຽນ

ຕະຫລາດ

ກວດພະຍາດ

ຮຽນ

ຊື້ເຄື່ອງ

ຂ.

ສວາຍ
ຄໍ່າ
ເດິກ

ເຕີບແລ້ວໄດ້, ເປັນຫຍັງບໍ່ເຫັນເຝີນນາ

ຜີ

ນໍ້!

ກວດພະຍາດ

ຮຽນ

ເບິ່ງຝົນ

ຄ.

ເຝີນໄປ

ຫໍສະໝຸດ
ຮ້ານຂາຍສັບພະສິນຄ້າ
ຕະຫລາດ
ໂຮງສາຍຮູບເງົາ
ອູ່ນໜັງສື
ຊື້ຖົງເຕີນ
ເບິ່ງຝົນ

ມໍ່ຊື້

ນາ

ແລ້ວ.

ກັບມາ

໑.

ເຈົ້າ

ໄປໃສມາ

? -ຂ້ອຍໄປ

ຫ້ອງສະໝຸດ ມາ
ອ່ານຫນັງສື ມາ

ມາແຕ່ໃສ

-ຂ້ອຍມາແຕ່

ລຸກແຕ່ໃສມາ

ຫ້ອງສະໝຸດ
ເບິ່ງຝົນ
ຫລິ້ນໝາກເສິກ
ອາບນ້ຳ

ຈ.

ເຝີນ ຫາກ

ມາ

ຈາກ

ກັບມາ

ນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ

ວຽງຈັນ

ຮ່າໂນ້ຍ

ໂຮງຮຽນ

ການຝຶກແອບວິຊາການທະຫານ

ການອອກແຮງງານ

4. ວິທີໃຊ້ ກິລິຍາບອກການເຄື່ອນທີ່ຢ່າງມີທິດທາງ: ເຂົ້າ, ຂຶ້ນ, ລົງ
ແລະ ບໍ່ມີທິດທາງແນ່ນອນ: ອອກ, ຂ້ານ

1.

ກິລິຍາ ນິທິດທາງ	+ ນາມບອກສະຖານທີ່
ເຂົ້າ ຂັ້ນ ລົງ	ຫ້ອງ ເຮືອນ ເຮືອ

2.

ກິລິຍາ ນິທິດທາງ	+ ຄຳຕໍ່	+ ຄຳນາມບອກສະຖານທີ່
ເຂົ້າ ຂັ້ນ ລົງ	ໃນ ເທິງ ກ້ອງ	ຫ້ອງ ເຮືອນ ຕະລ່າງ

3.

ກິລິຍາ ນິທິດທາງ	+ ໄປ ມາ	+ ຄຳຕໍ່	+ ຄຳນາມບອກສະຖານທີ່
ເຂົ້າ ຂັ້ນ ລົງ ຂ້າມ	ໄປ ມາ ໄປ ໄປ	ໃນ ເທິງ ກ້ອງ ສູ່	ຫ້ອງ ເຮືອນ ຕະລ່າງ ຝັ່ງຝັນ

4.

ກິລິຍາ ບໍ່ມີທິດທາງ	+ ກິລິຍາ ມີທິດທາງ	+ ໄປ ມາ	+ ຄຳຕໍ່	+ ຄຳນາມບອກສະຖານທີ່
ຍ່າງ	ເຂົ້າ	ມາ	ໃນ	ຫ້ອງ
ກ້າວ	ຂຶ້ນ	ໄປ	ເທິງ	ເຮືອນ
ແລ່ນ	ລົງ	ມາ	ກ້ອງ	ຕະລ່າງ
ລອຍ	ຂ້າມ	ໄປ	ສູ່	ຝັ່ງຝຸ່ນ
ປີບ	ອອກ	ໄປ	ໃນ	ສວນ

5.

ກິລິຍາບໍ່ມີ ທິດທາງແນ່ນອນ	+ ໄປ ມາ	+ ຄຳຕໍ່	+ ນາມບອກສະຖານທີ່
ອອກ	ໄປ	(ໃນ)	ສວນ
ຂ້າມ	ໄປ	(ສູ່)	ຝັ່ງຝຸ່ນ

ໝາຍເຫດ:

“ຂ້າມ” ອາດຈະເປັນກິລິຍານິຄໍາປະກອບໂດຍກົງ ເຊັ່ນ:

“ຂ້າມຮ່ອງ” ຫລື ອາດຈະເປັນກິລິຍາ ຊື່ທິດທາງບໍ່ແນ່ນອນ

ເຊັ່ນດຽວກັບ “ອອກ” ເຊັ່ນ: “ຂ້າມໄປບ້ານເພີນ”

ຄວນສັງເກດ ຄໍາຕໍ່ທີ່ໃຊ້ຕ້ອງສົມຄູ່ກັບກິລິຍາ

“ຂຶ້ນ” ສົມຄູ່ກັບ “ເທິງ”

“ລົງ” ສົມຄູ່ກັບ “ລຸ່ມ, ໃຕ້, ກ້ອງ”

“ເຂົ້າ” ສົມຄູ່ກັບ “ໃນ”

“ອອກ” ສົມຄູ່ກັບ “ໄປ, ຈາກ, ນອກ, ສູ່”

“ຂ້າມ” ສົມຄູ່ກັບ “ໄປ, ສູ່”

“ນອກ”ໝາຍຄວາມວ່າ “ອອກຈາກ” ດັ່ງນັ້ນ ບໍ່ເວົ້າວ່າ

“ເພີນອອກໄປນອກສວນ” ຖ້າເວົ້າວ່າ ເພີນອອກນອກສວນ

ເພີນອອກຈາກສວນໄປທາງນອກ ບໍ່ຢູ່ໃນສວນອີກ.

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ຂໍເຊີນ ບັນດາ

ສະຫາຍ

ທ່ານ

ເຂົ້າ ຫ້ອງ

ຂຶ້ນເຮືອນ

ລົງເຮືອ

ຂ້າມ ເຊ

ເນີ!

ຂ.

ເພິ່ນໄປໃສແລ້ວ? ເພິ່ນ

ເຂົ້າ ໃນ ຫ້ອງ
ຂຶ້ນ ເທິງ ເຮືອນ
ລົງ ກ້ອງ ຕະລ່າງ

ແລ້ວຕໍ່

ຄ.

ໄດ້ເວລາແລ້ວໄດ້

ເຂົ້າໄປໃນຫ້ອງຜຸ້ນ
ຂຶ້ນມາເທິງເຮືອນຝີ
ລົງມາກ້ອງຕະລ່າງຝີ
ຂ້າມໄປສູ່ຝັ່ງຜຸ້ນ

ສາ
ເທາະ

ງ.

ພັກບາແຕ່

ໂຮງຮຽນ ເພິ່ນກໍ
ປະຊຸມ

ຍ່າງເຂົ້າໄປໃນຫ້ອງຜັກ
ກ້າວຂຶ້ນໄປເທິງເຮືອນ
ແລ່ນລົງໄປກ້ອງຕະລ່າງ
ລອຍຂ້າມໄປຝັ່ງຜຸ້ນ
ປົບອອກໄປຈາກບ້ານ

ໂລດ

5. ວິທີໃຊ້ ວະລີ “ຄຸນນາມ + ແຕ່ + ນາມ”

ຄຸນນາມ	+ ແຕ່	+ ນາມ
ປຽກ	ແຕ່	ນ້ຳເຫຼືອ
ເປື້ອນ	ແຕ່	ຂີ້ຕົມ

ໝາຍເຫດ: ແບບວະລີນີ້ ມີຄວາມໝາຍຮຽງໄປທາງບໍ່ຜິດໃຈ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

11/11/98 ທ່ານ ທ່ານ
ທ່ານ (ຈຳນວນ/ຊື່)

ກ.

ໂທ! ເຈົ້າ

ໄປເຮັດຫຍັງມາ
ມາແຕ່ໃສ

ຕົນໂຕ
ຫນ້າ

ເຈົ້າຈິ່ງ

ປຽກ
ເປື້ອນ
ເຕັມ

ແຕ່

ນ້ຳເທື່ອ
ຂີ້ຕົມ
ຂີ້ຝຸນ

ຂ.

ເຈົ້າຫາກໍ່ມາແຕ່

ອອກແຮງງານ
ເຕະບານ

ຕີ! ສົມພໍ, ຕົນໂຕເຈົ້າຈິ່ງ

ປຽກ
ເປື້ອນ
ເຕັມ

ແຕ່ນ້ຳເທື່ອ

6. ບົດອ່ານຝຶນຖານ

ຈົດໝາຍຈາກບ້ານເກີດ

ເຊົ້ານີ້ສະຫາຍ ຫງຽນຈີ່ແຫ່ງ ໄດ້ຮັບຈົດໝາຍກ້ານໜຶ່ງຈາກນ້ອງສາວເພີ່ນ. ກັບຈາກໂຮງຮຽນ, ພໍແຕ່ນາຮອດຫ້ອງພັກ, ເພີ່ນກໍ່ຟ້າວຂຶ້ນຕຽງຈົກເອົາຈົດໝາຍ ອອກມາອ່ານເພີ່ນອ່ານແລ້ວອ່ານອີກ, ຫລົບໄປຫລົບມາຕັ້ງຫລາຍເທື່ອ. ເນື້ອໃນ ໃຈຄວາມຂອງຈົດໝາຍມີດັ່ງນີ້:

ທີ່ບ້ານ

ວັນທີ 18 ກໍລິກົດ 1987

ອ້າຍແຫ່ງທີ່ເຄົາລົບຮັກ,

ຂໍໂທດນຳອ້າຍຫລາຍໆທີ່ນ້ອງປອຍໃຫ້ອ້າຍຕ້ອງຄອງຖ້າຂ່າວຈາກນ້ອງດົນ
ເຕີບ. ຍ້ອນຫຍັງວ່າດີ? ຍ້ອນແຕ່ຂີ້ຄ້ານໂພດທີ່ນັ້ນແລ້ວ! ຫວັງວ່າອ້າຍຄົງຈະອະ
ໄພໃຫ້ນ້ອງສາວຂີ້ດີຂອງອ້າຍເນີ. ດຽວນີ້ນ້ອງຈະເລົ່າໃຫ້ອ້າຍຟັງເຖິງການເດີນ
ທາງຂອງນ້ອງເດີ. ນີ້ນັ້ນນ້ອງຂຶ້ນລົດໄຟໄດ້ບໍ່ຈັກຄາວ ລົດກໍ່ເຄື່ອນຂະບວນໂລດ.
ມັ່ງເທິງລົດ, ເວົ້າແທ້, ນ້ອງຄິດຮອດອ້າຍຫລາຍ ຈົນລົດຈອດຍາມໃດກໍ່ບໍ່ຮູ້ເນື້ອ
ຄຶງ. ລົງຈາກລົດນ້ອງພໍ້ພວກໝູ່ມາຕ້ອນຮັບຢູ່ສະຖານີ. ພວກເຮົາພາກັນລົງເຮືອ
ຂວ້າມເຊ ແລ້ວຍ່າງລັດທົ່ງນາເນືອບ້ານ. ຜ່ານນ້ຳ ສ້າງໄດ້ບໍ່ຈັກກ້າວນ້ອງກໍ່ພໍ້
ແມ່ອອກມາຕ້ອນ. ໂອຍຈັງແມ່ນດີໃຈຫລາຍ! ຕົນໂຕນ້ອງປຽກແຕ່ເທື່ອ, ໜ້າຕາ
ເຕັມແຕ່ຂີ້ຝຸນ, ປາມນັ້ນນ້ອງກໍ່ແລ່ນໃສ່ວົງແຂນຂອງແມ່ໂລດ.

ຄືນນັ້ນ, ຫລັງຈາກໄປອາບນ້ຳ ຖ່າຍເຄື່ອງມາ ນ້ອງຈັງຄຸ້ນເອົາຂອງຕ້ອນ ແລະ
ຈິດໝາຍຂອງອ້າຍ ແລະ ພວກໝູ່ຄູ່ອ້າຍໄປສົ່ງໃຫ້ທຸກຄົນ, ໃຜກໍ່ດີໃຈ ແລະ ພາ
ກັນຖາມຫາອ້າຍ ຈົນນ້ອງບໍ່ຈັກຊິຕອບໃຜກ່ອນໃຜລຸນ. ແມ່ນອນແລ້ວ, ເຮື້ອຍຮົງ
ກໍ່ຂວ້າມມາບ້ານເຮົາຫລິ້ນນຳນ້ອງຄືກັນ, ລາວຕີນ້ອງວ່າເປັນຫຍັງບໍ່ຊວນອ້າຍເນືອ
ນຳ! ລາວເຊີນແມ່ຂວ້າມໄປຫລິ້ນບ້ານລາວແຕ່ແມ່ບໍ່ກ້າຮັບຄຳ, ຢ້ານວ່າອ້າຍບໍ່
ຝໃຈ, ວ່າຊັ້ນ! ອ້າຍເຫັນເປັນແນວໃດ? ເອີ ສາເນາະ! ເຮື້ອຍ ຮົງ ທັງງາມ ທັງ
ຈົບ, ເປັນຕາຮັກແທ້ໄດ້.

ໂອຍ! ນ້ອງຂຽນຫົວຫົບຫົວແດນຫລາຍນີ້, ຢ່າສູ້ຄຽດນ້ອງເດີ.

ສຸດທ້າຍນີ້ນ້ອງຂໍຝາກຄວາມຢຽມຢາມຖາມຂ່າວເຖິງໝູ່ນັກຮຽນຮ່ວມຫ້ອງ
ຂອງອ້າຍທຸກຄົນ. ຂໍອວຍພອນໃຫ້ອ້າຍແຂງແຮງ ແລະ ຮຽນດີ.

ຮັກ ແລະ ຄິດເຖິງ

ເລທູ

ຍາມໃດ	lúc nào, khi nào
ພໍ້	gặp, gặp gỡ
ໝູ່	bạn bè
ສະຖານີ	nơi, ga
ເຮືອ	thuyền
ຂ້າມເຊ	qua sông
ຍ່າງລັດ	đi tắt
ຫົງນາ	cánh đồng
ເມືອ	trở về
ບ້ານ	làng, thôn
ຕ້ອນ	đón, tiếp
ຈັງແມ່ນ	biết bao, xiết bao
ປຽກ	ước
ເທື່ອ	mỗi hồi
ໝ້າ	mặt
ເຕັມ	đầy
ຂີ້ຝຸນ	bụi bặm
ວົງແຂນ	vòng tay
ຖ່າຍເຄື່ອງ	thay đồ
ຂອງຕ້ອນ	quà
ກໍ	cũng
ດີໃຈ	vui lòng, mừng rỡ
ຈົນ	đến nỗi

ຕິ	trách cứ
ກ້າ, ກ້າເຮັດ	dám, dám làm
ເປັນຕາຮັກ	đáng yêu
ທົ່ວທິບທົວແດນ	lung tung
ຄຽດ	giận, ghét
ຝາກ, ຝາກຄວາມ	gửi, gửi lời
ອວຍພອນ	chúc
ແຂງແຮງ	mạnh khỏe

ບົດສົນທະນາ

- ແທ່ງ: ເຈົ້າລຸກແຕ່ໃສມາ, ຮິ, ຫ້າວ ບິ່ງ?
- ບິ່ງ: ມາແຕ່ແລ່ນໝາກເສິກ, ມີເລື່ອງຫຍັງຫວະ?
- ແທ່ງ: ກະດຽວວ່າໄປຫໍສະໝຸດ, ຂ້ອຍເຂົ້າຫໍສະໝຸດຊອກຫາເຈົ້າເກືອບໝົດ
ທຸກບ່ອນ ແຕ່ບໍ່ເຫັນ, ອອກໄປເດີນບານກໍບໍ່ເຫັນ, ລົງໄປເຮືອນຄົວກໍບໍ່ເຫັນ,
ຈັກວ່າເຈົ້າໄປລີ້ຢູ່ບ່ອນໃດ?
- ບິ່ງ: ຂ້ອຍເຫັນເຈົ້າພວມໄປອາບນ້ຳ. ໝົດຕົວເຈົ້າປຽກແຕ່ນ້ຳເທື່ອ, ໝ້າຕາ
ກໍເປື້ອນແຕ່ຂີ້ຝຸນ, ຂ້ອຍເລີຍບໍ່ຊວມໄປນຳ.
- ແທ່ງ: ເປັນຫຍັງເຈົ້າຢູ່ດິນແຫ້ງ? ເຈົ້າລົງເຊອາບນ້ຳ ຫລືຂວ້າມໄປຫລິ້ນຝັ່ງຝຸນ
ຊັ້ນບໍ່?
- ບິ່ງ: ບໍ່ໝາ! ຂ້ອຍ ຫລິ້ນແຕ່ໝາກເສິກ ແລ້ວກໍກັບມາພີ່ໂລດ, ຂໍໂທດເນີ!
ຢ່າສູ້ຄຽດເຮົາອີກເທື່ອ. ເທື່ອໜ້າເທື່ອຫລັງເຮົາຊິບໍ່ລິມຊວມໂຕດອກ.
- ແທ່ງ: ເອີ, ກໍ່ຈັ່ງເບິ່ງ!

ວຽກບ້ານ

1. ຈົງປຽນແທນ"ຫລາຍເທື່ອ" ດ້ວຍ"...ໄປ.....ນາ"

".....ແລ້ວ.....ອີກ" ".....ຫລົບໄປຫລົບນາ"

".....ຊ້າໆຊາກໆ" ໃນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້:

- ຄູເຕືອນເຜີນຫລາຍເທື່ອວ່າຕ້ອງນາໃຫ້ທັນເວລາ.

- ທ້າວ ຈີ່ແທ່ງ ອ່ານຈົດໝາຍຈາກນ້ອງເຜີນຫລາຍເທື່ອ.

- ນາງນັ້ນ ຖາມຂ້ອຍຫລາຍເທື່ອກ່ຽວກັບເຈົ້າ.

- ກອງປະຊຸມຫ້ອງອະພິປາຍຫລາຍເທື່ອກ່ຽວກັບບັນຫານັ້ນ.

- ບົດລະຄອນນີ້ໄດ້ສະແດງຫລາຍເທື່ອຢູ່ໂຮງມະໂຫລະສົບໃຫຍ່.

- ຝົນກາຕູນເລື່ອງນີ້ສາຍຫລາຍເທື່ອ ຢູ່ໂຮງສາຍຮູບເງົາ ກິນດົງ.

- ບົດນີ້ຄູບັນຍາຍຫລາຍເທື່ອແລ້ວ ແຕ່ຂ້ອຍຊ້ຳພັດລືມສາ.

2. ຈົງໂຮມປະໂຫຍກໝວດ: ກ. ເວົ້າກັບໝວດ ຂ. ໃຫ້ຖືກກັບແບບປະໂຫຍກ"

"ໄປ.....ນາ" ແລະ "ນາແຕ່....." "ນາຈາກ....."

ກ

- ທ້າວບິ່ງໄປສະໂມສອນ.

- ນາງສີສົມພອນໄປໂຮງໄປສະນີ

- ເອື້ອຍຂ້ອຍໄປຕະຫລາດດົງຊວນ

- ຫົວໜ້າຫ້ອງໄປປະຊຸມ

- ຄູ່ຂ້ອຍໄປຫໍສະໝຸດ

ຂ

ທ້າວບິ່ງກັບນາແລ້ວ

ນາງ ສີສົມພອນມໍ່ຊິນາແລ້ວ

ເອື້ອຍຂ້ອຍຍັງບໍ່ທັນນາ.

ຫົວໜ້າຫ້ອງຫາກໍ່ກັບນາ

ຄູ່ຂ້ອຍຫາກໍ່ກັບນາ

- ທ້າວຈີ່ແຫ່ງໄປອາບນ້ຳ ທ້າວຈີ່ແຫ່ງບໍ່ທັນມາ
- ເຝີນໄປເບິ່ງຮູບເງົາ ເຝີນຫາກໍ່ກັບມາ
- ນ້ອງຂ້ອຍໄປຊ້ອມບານ ນ້ອງຂ້ອຍຫາກໍ່ມາ

3. ຈິງເຕີມຄຳຕໍ່ “ເທີງ, ລຸ່ມ, ໃຕ້ກ້ອງໃນ, ນອກ, ຈາກ, ສູ່”

ໃຫ້ແກ່ປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ໃຫ້ເໝາະສົມ:

- ລົດໂອໂຕພວມແລ່ນເຂົ້າໄປຕົວເມືອງ
- ລົດໄຟກຳລັງເຄື່ອນຂະບວນອອກສະຖານີ.
- ຍົນພວມບິນຂຶ້ນຝ້າ.
- ຜູ້ຊົມ ພວມຢ່າງເຂົ້າຫ້ອງວາງສະແດງສິນຄ້າ.
- ບິກຂອງເຝີນກຶ້ງລົງຜືນໂຕະ.
- ຄູວາງສໍ້ຂາວໄວ້ຫນ້າໂຕະ.

4. ປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ຜິດຫລືຖືກ? ຄົ້ນຜິດກໍ່ແກ້ໃຫ້ຖືກ

- ຍາມໃດວ່າງກໍ່ຂ້າມບ້ານຂ້ອຍຫລິ້ນເນີ!
- ເຝີນຢ່າງອອກນອກສວນແລ້ວ
- ທ້າວຈີ່ແຫ່ງຫາກໍ່ມາຈາກກວດພະຍາດ
- ຄູບັນຍາຍຊ້ຳໆຊາກໆ ບົດຮຽນນີ້.

5. ອ່ານບົດອ່ານຜື້ນຖານ ແລ້ວຕອບຄຳຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

- ເປັນຫຍັງນ້ອງສາວ ທ້າວແຫ່ງຈິ່ງປ່ອຍໃຫ້ເຝີນຄອຍຖ້າຂ່າວດົນຫລາຍ?
- ນ້ອງສາວ ທ້າວແຫ່ງກັບເມືອບ້ານດ້ວຍທາງໃດ?
- ລົງຈາກລົດໄຟແລ້ວເຝີນໄປໃສ?

-ເພິ່ນ ພໍ່ແມ່ເພິ່ນຍາມໃດ?

-ເພິ່ນເອົາຂອງຕ້ອນໄປໃຫ້ເຂົາເຈົ້າຍາມໃດ?

-ນາງຮຶງຊວນແມ່ທ້າວແຫ່ງໄປໃສ?

ຄືນວ່າເຈົ້າເປັນຈີ່ແຫ່ງເຈົ້າເຫັນດີນໍ້າມ້ອງສາວບໍ່? ຍ້ອຍຫຍັງ?

6. ຜັດປຽນກັນສະແດງບົດບາດຂອງ ແຫ່ງ ແລະ ປິ່ງໃນບົດສົນທະນາ.

ບົດທີ 17

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ
2. ວິທີໃຊ້ວະລີ “ຄຸນນາມ + ດ້ວຍ + ນາມ”
3. ວິທີໃຊ້ຄູ່ຄໍາສັບສໍາຮອງ “ຍິ່ງ.....ຍິ່ງ.....”
“ແຮ່ງ.....ແຮ່ງ.....”
4. ວິທີໃຊ້ກິລິຍາ “ກາຍເປັນ, ກັບກາຍເປັນ”
5. ວິທີໃຊ້ວະລີ “ຄຸນນາມ + ຂຶ້ນ
+ ລົງ”
6. ວິທີໃຊ້ວະລີ “ນໍານາເຊິ່ງ + ນາມ”
7. ບົດອ່ານພື້ນຖານ “ນະຄອນຫລວງຮ່າໂນ້ຍ”

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ

ຈົ່ງອ່ານສັບ ແລະ ວະລີຕໍ່ໄປນີ້:

ແຮ່ງ ຍິ່ງ ດ້ວຍ ຊ້າ ພັດ ໄວ ຊ້າ ຄຣຸດ ຫມິນ ກາຍ
ເປັນ ຜົນ ຈ່ອຍ ດັຍ ຟີ ແຄບ ຄັບ ກວ້າງ ໃຫຍ່ ດໍາ
ຂາວ ສູງ ຕໍ່າ ເຕ້ຍ ດົນ ວັດ ຫໍ ຍອມ ແກ່ ລັດ ພັກ

ເຊິ່ງ ທີນ ໂຮມ ຕ່ຳ ແຜ່ນ ປຸງ ກໍ່ ສ້າງ ສູນ ທາງ ສຸກ
ສົມ ຣັກ ຣອດ ສັດ ສັງ

ແຮ່ງໄປແຮ່ງຮູ້ຫລາຍ ແຮ່ງຫລາຍແຮ່ງດີ ຍິ່ງເບິ່ງກໍ່ຍິ່ງມັກ ງານດ້ວຍດອກ
ໄມ້ງານດ້ວຍຜູ້ຄົນ ຊ້ຳພັດ ຊ້ຳພັດບໍ່ຮູ້ ຊ້ຳພັດລືມ ໄວງເຂົ້າ ຊ້ຳລົງ
ຄຽດບັກໃຫຍ່ ໝືນຂຶ້ນມາ ກາຍເປັນ ຈາກຮ້າຍກາຍເປັນດີ ກັບກາຍ
ເປັນ ກັບກາຍເປັນສັບສົນ ກັບກາຍເປັນຫຍຸ້ງຍາກ ຈ່ອຍລົງ ຕ່ຳລົງ
ອ່ອນລົງ ຕຸ້ຍຂຶ້ນ ຜີຂຶ້ນ ແຮງຂຶ້ນ ແຂງແຮງຂຶ້ນ ຄັບເຂົ້າ ແຄບ
ເຂົ້າ ຄັບໄປ ແຄບໄປ ຄັບເຮືອນຢູ່ໄດ້ຄັບໃຈຢູ່ຍາກ ຄັບແຄບ ຄັບ
ຄາຫມາແຫມ້ນ ກວ້າງອອກ ກວ້າງໄປ ໃຫຍ່ຂຶ້ນ ດຳໄປ ຂາວຂຶ້ນ
ສູງຂຶ້ນ ດົນໄປ ຍຸກສະໄໝ ຍຸກຫິນ ສະໄໝກາງ ຫິນສະໄໝ ຂາຍ
ບໍ່ອອກ ສິນຄ້າຂາຍບໍ່ອອກ ສິນຄ້າເຂົ້າ ສິນຄ້າອອກ ສຳຄັນ ບັນ
ຫາ ສຳຄັນ ຄວາມສຳຄັນ ທາດເຄມີ ທາດເຫລັກ ທາດສີເທົາ ຕ່ຳ
ແຜ່ນ ຕ່ຳຫໍ ຕ່ຳຫຼກ ປຸງແຕ່ງ ປຸງແຕ່ງໄມ້ ປຸງແຕ່ງສະບຽງອາຫານ
ທາງລົດ ທາງເຮືອ ທາງບົກ ທາງອາກາດ ທາງນ້ຳ ທາງລົດໄຟ
ສະຖານີໂທລະທັດ ສະຖານີວິທະຍຸ ສະຖານີຕຳຫລວດ ດ້ານວັດຖຸ ດ້ານ
ຈິດໃຈ ລຳດັບ ເປັນລຳດັບ ເປັນກ້າວໆ ບຸນຄຸນ ຮູ້ບຸນຄຸນ ຊີວິດ
ຊີວິດການເມືອງ ຊີວິດການເປັນຢູ່ດ້ານວັດຖຸ ແລະ ຈິດໃຈ ສຸກສຳລານ
ຜາສຸກ ສຸກໃຈ ຈັບໃຈ ສົມໃຈ ສົມກັບ ສົມຄູ່ ຖະໜອນ ຖະ
ໜອນແຂກຄົນ ຖະໜອນຮັກ ທັດສະນີຍະພາບ ທັດສະພາບ ວັດວາ
ວັດວາອາຮາມ ວັດສີສະເກດ ວັດອົງຕື້ ວັດກວ່ານສີ ວັດແຫ່ງວັນ
ນະຄະດີ ຫໍພະ ຫໍໄຊ ຫໍສົບ ຫໍພະແກ້ວ ຫໍເສີດຽວ ຫໍຟີຟິດຫະພັນ

ການປະຕິວັດ ທີ່ພິພິດທະພັນປະຫວັດສາດ ທີ່ພິພິດທະພັນກອງທັບ ທາດ
ຫລວງ ທາດເຕົ້າ ຍອນເສຍ ຍອນສາ ອ່ອນຍອມ ບໍ່ຍອມເວົ້າ ບໍ່
ອ່ອນຍອມ ເດັດຂາດ ໃຫ້ແກ່ ໄດ້ແກ່ ລັດຖະບານ ລັດຖະທຳມະນູນ
ລັດຖະມົນຕີ ລັດກຳມະກອນຊາວນາ ພັກການເມືອງ ພັກພວກ ພັກຝ່າຍ
ພັກກອມມູນິດ ພັກກອມມູນິດຫວຽດນາມ ພັກປະຊາຊົນປະຕິວັດ ພັກຄົນ
ງານ ພັກແລະລັດ ພັກຜ່ອນ ພັກຢາງສະຫງົບ ທຶນຮອນ ນາຍທຶນ
ນາຍທຶນຈຳຫນ່າຍ ນາຍທຶນຊາດ ທຶນນິຍົມ ລັດທິທຶນນິຍົມ ລັດທິສັງຄົມ
ນິຍົມ ລັດທິກອມມູນິດ ລັດທິນາກເລນິນທີ່ຊະນະເລີດ ກໍ່ເຮືອນ ກໍ່ສ້າງ
ສ້າງສາ ດັດສ້າງ ສູນກາງ ສູນກາງເມືອງ ສູນຄົມມະນາຄົມ ສູນ
ການຄ້າ ສູນວັດທະນະທຳ ສູນເສດຖະກິດ ສູນການສຶກສາ ສູນຄົ້ນ
ຄວ້າວິທະຍາສາດ ອາດຫານ ພິລະອາດຫານ ອັນພິລະອາດຫານ ອະ
ດິດອັນພິລະອາດຫານ ການຕໍ່ສູ້ຢ່າງພິລະອາດຫານ ສວນສັດ ສວນອຸດທະ
ຍານ ສວນສາທາລະນະ ສວນດອກໄມ້ ສວນຄົວ ສວນພັກ ສິງສາ
ລາສັດ ສັດລ້ຽງ ສັດປີກ ທະນົງໃຈ ເອກອ້າງທະນົງໃຈ ຈັດຕັ້ງ
ສະໜາມຫລວງ ມູນເຊື້ອ ມູນເຊື້ອແຫ່ງການຕໍ່ສູ້ ມູນເຊື້ອແຫ່ງຄວາມສາ
ມັກຄີ ປາກົດ ປາກົດຕົວ ປາກົດພາບ ປາກົດການ ເມືອງຫລວງ
ເມືອງຂຶ້ນ ລ່າເມືອງຂຶ້ນ ຫົວເມືອງຂຶ້ນ ເຕົ້າໂຮມ ປະເທດຊາດ ປະ
ເທດຊາດເປັນອັນຫນຶ່ງອັນດຽວ ເຕົ້າໂຮມເອກະສານ ຕໍ່ເນື່ອງ ລຽນຕິດ
ອາໄລເພາະຫາ ໄວ້ອາໄລ ອາໄລອາວອນ ສີວິໄລ ເອກະລາດ ປະ
ຊາທິປະໄຕ ສາທາລະນະລັດສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ ສາທາລະນະລັດປະ
ຊາທິປະໄຕປະຊາຊົນລາວ ສາທາລະນະລັດປະຊາຊົນກຳປູເຈຍ.

2. ວິທີໃຊ້ວະລີ: "ຄຸນນາມ + ດ້ວຍ + ນາມ"

ຮ່າໂນ້ຍ	ຄຸນນາມ	+ ດ້ວຍ	+ ນາມ
	ງາມ	ດ້ວຍ	ທັດສະນີຍະພາບ ທຳມະຊາດ.

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທກ

ກ.

ຮ່າໂນ້ຍ
ວຽງຈັນ

ສວຍງາມດ້ວຍ

ທັດສະນີຍະພາບທຳມະຊາດ
ວັດວາອາລາມ
ບູຮານວັດຖຸ
ຮ່ອງຮອຍປະຫວັດສາດ

ຂ.

ນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ
ຮ່າໂນ້ຍ

ຝີລະອາດຫານດ້ວຍ ມູນເຊື້ອ

ປະຕິວັດ

ຕໍ່ສູ້ບໍ່ຍອມຈຳນົນ

ຄ.

ຮ່າໂນ້ຍທັງສວຍງາມດ້ວຍ

ທັດສະນີຍະພາບທຳມະຊາດ
ວັດວາອາລາມ
ບູຮານສະຖານ

ແລະ

ຝີລະອາດຫານດ້ວຍມູນເຊື້ອ

ປະຕິວັດ
ຕໍ່ສູ້ບໍ່ຍອມຈຳນົນ

ງ.

ຮ່າໂນ້ຍສວຍງາມດ້ວຍຫຍັງແດ່?

-ດ້ວຍ

ຜູ້ຄົນທີ່ສິວິໄລ
ທັດສະນີຍະພາບທຳມະຊາດ
ບູຮານສະຖານ
ບູຮານວັດຖຸ
ອຸດທິຍານ

3. ວິທີໃຊ້ຄຳສັບສຳຮອງ

“ຍິ່ງ.....ຍິ່ງ.....”

“ແຮງ.....ແຮງ.....”

ຍິ່ງ ແຮ່ງ	+ ກຳມະ	ກໍ່ຍິ່ງ ແຮ່ງ	+ ກຳມະ
ຍິ່ງ ແຮ່ງ	ຮຽນ ຫລາຍ	ກໍ່ຍິ່ງ ແຮ່ງ	ເກັ່ງ ດີ

ຍິ່ງ ແຮ່ງ	+ ກຳມະ	+ ເທົ່າໃດກໍ່	+ ຍິ່ງ ແຮ່ງ	+ ກຳມະ	+ ເທົ່ານັ້ນ
ຍິ່ງ ແຮ່ງ	ຮຽນ ໄວ	ເທົ່າໃດກໍ່ ເທົ່າໃດກໍ່	ຍິ່ງ ແຮ່ງ	ເກັ່ງ ດີ	ເທົ່ານັ້ນ ເທົ່ານັ້ນ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ພວກເຮົາ

ແຮ່ງ
ຍິ່ງ

ເຝິກຫັດຫລາຍ ກໍ່

ແຮ່ງ
ຍິ່ງ

ຮູ້ຫລາຍ
ຊຳນານ
ເວົ້າໄດ້ລ່ຽມໄຫລ

ຂ.

ພວກເຮົາຊື່ພະຍາຍາມ

ເຮັດ
ມາ
ໄປ

ແຮ່ງ
ຍິ່ງ

ໄວ

ແຮ່ງ
ຍິ່ງ

ດີ

ຄ.

ອ້ອຍ
ເຝິນ

ແຮ່ງ

ຝ້າວ
ຊ້າ
ໄວ
ຄຽດ
ຫພິນ

ເທົ່າໃດ

ເຝິນ
ອ້ອຍ

ຊ້າພັດ
ກໍ່

ແຮ່ງ

ເລ່ງ
ຢອກ

ເທົ່ານັ້ນ

4. ວິທີໃຊ້ກິລິຍາ “ການເປັນ ກັບກາຍເປັນ”

ຕົວຕັ້ງ	ກັບກາຍເປັນ	+ ຄຸນນາມ ຫລື ຄຸນນາມວະລີ + ນາມວະລີ
ບັນຫານີ້ ຫ້າວນັ້ນ	ກັບກາຍເປັນ ກັບກາຍເປັນ	ສັບສົນ ຄົນທີ່ມີຊື່ສຽງດັ່ງດັງ

໗.

ຕົວຕັ້ງ	ກາຍເປັນ ເປັນ	+ ຄຳນາມ (ຫລື ນາມວະລີ)
ທ້າວນັ້ນ	ກາຍເປັນ ໄດ້ເປັນ	- ວິສະວະກອນ ແລ້ວ - ຄົນທີ່ມີຊື່ສຽງດັ່ງດ້ງ

ຫມາຍເຫດ:

ອາດໃຊ້ກິລິຍາ "ຜັນເປັນ" ແທນ "ກັບກາຍເປັນ" ເຊັ່ນ:
 "ນິໃສໃຈຄໍ້າວນັ້ນໄດ້ຜັນເປັນຜິດປົກກະຕິ"

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

໗.			
ນາງສິນພອນ	ອາດຈະ ໄດ້	ກາຍເປັນ	- ຄົນທີ່ມີຊື່ສຽງດັ່ງດ້ງ - ນາງຄູສອນພາສາລາວ - ນາງແພດຊັ້ນສູງ - ສະມາຊິກພັກ - ຄົນດີ - ວິດສະວະກອນ

ຂ.

ບັນຫາ
ເລື່ອງ

ນີ້ ຈະກັບກາຍເປັນ

ສັບສົນ

ຫຍຸ້ງຍາກ

ບັນຫາທີ່ເຂົ້າໃຈຍາກ

ຂໍ້ຫຍຸ້ງຍາກແກ່ເຮົາ

ຄ.

ເມືອງຫລວງຮ່າໂນ້ຍ
ເມືອງຫລວງວຽງຈັນ

ໄດ້ກາຍເປັນ

- ສູນກາງການເມືອງ

- ສູນກາງການຄົມມະນາຄົມ

- ສູນກາງເສດຖະກິດ

- ສູນກາງວັດທະນະທຳ

- ເມືອງທີ່ສວຍງາມ

- ຫົວໃຈຂອງທັງປະເທດ

- ທີ່ຕັ້ງຂອງສູນກາງພັກ

5. ວິທີໃຊ້ວະລີ "ຄຸນນາມ

+ ຂຶ້ນ"

+ ລົງ

+ ໄປ

+ ອອກ

+ ເຂົ້າ

- ຢາກຊື້ລັກສະນະຫລືອ ສະພາບທີ່ ເຝັ້ນທະວີຂຶ້ນ

ກໍ່ໃຊ້

ຄຸນນາມ	+ ຂຶ້ນ
	+ ອອກ

ເຊັ່ນ:

ດີຂຶ້ນ

ກວ້າງອອກ

- ຢາກຊື້ ລັກສະນະ ຫລື ສະພາບທີ່ເສື່ອມລົງ

ກໍ່ໃຊ້

ຄຸນນາມ	+ ລົງ
	+ ເຂົ້າ
	+ ໄປ

ເຊັ່ນ: ຈ່ອຍລົງ

ແຄບເຂົ້າ

ດຳໄປ

“ອອກ ແລະ ເຂົ້າ” ສ່ວນຫລາຍໃຊ້ກັບ ຄຸນນາມ ບອກລັກສະນະ ຂະໜາດເນື້ອທີ່ ແລະ ຄວາມຍາວ ເຊັ່ນ: ກວ້າງ, ໃຫຍ່, ຄັບ, ແຄບ, ສັ້ນ, ຍາວ.

ບໍ່ໃຊ້ “ອອກ ແລະ ເຂົ້າ” ກັບ ຄຸນນາມ ຊື້ລັກສະນະ ຄຸນນະພາບ ເຊັ່ນ: ບໍ່ເວົ້າ ວ່າ “ງາມອອກ, ຈ່ອຍເຂົ້າ”.

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ພວກເຮົາພະຍາຍາມເຮັດໃຫ້ຮ່າໂນ້ຍ

ໃຫຍ່ໂຕ

ຂຶ້ນ

ສວຍງາມ

ສະອາດສະອາງ

ສະຫວ່າງສະໄຫວ

ຂ.

ດຣວນີ້ ແນມເບິ່ງ

ເພິ່ນ

ຄືຈັ່ງ

ຕັ້ຍ

ຂຶ້ນ

ແດ່ຈັກໜ່ວຍ

ລາວ

ຟີ

ໄປ

ນາງ

ສູງ

ເຈົ້າ

ດໍາ

ຂາວ

ຄ.

ຕົວເມືອງຮ່າໂນ້ຍ

ນັບມື້ນັບກວ້າງອອກຫລາຍ

ຂົງເຂດອຸດສາຫະກຳ

ຂົງເຂດຫໍຝັກ

ງ. ຈຳນວນ

ປະຊາກອນ

ແຮ່ງ

ຫລາຍ

ຂຶ້ນ ເນື້ອທີ່ດິນນາແຮ່ງແຄບເຂົ້າ

ໂຮງງານ

ເພີ່ມ

ສະຖານທີ່ກໍ່ສ້າງ

ຈ.

ເຮົາ
ເພິ່ນ
ຂ້ອຍ

ແຮງຕຸ້ຍຂັ້ນ ໂສ້ງເສື້ອຄືຈັ່ງແຮງຄັບ

ເຂົ້າ
ໄປ

ສ.

ຂ້ອຍ
ເພິ່ນ
ເຂົາເຈົ້າ

ເຫັນ ຫາງເສັ້ນນີ້ ຄືຈັ່ງ

ຍາວ ອອກ
ສັ້ນ ເຂົ້າ

ແທ້ໄດ້

6. ວິທີໃຊ້ວະລີ “ນໍາມາເຊິ່ງ”

	ນໍາມາເຊິ່ງ	+ ນາມຫລີ ນາມວະລີ
ໄຊຊະນະມີໄດ້	ນໍາມາເຊິ່ງ	ຄວາມຜາສຸກແກ່ປະຊາຊົນ
ພັກເຮົາເປັນຜູ້ໄດ້	ນໍາມາເຊິ່ງ	ຊີວິດອັນຜາສຸກໃຫ້ແກ່ປວງຊົນ

ໝາຍເຫດ:

ຄໍານາມໃນພາກກໍານະນີ ຕ້ອງແມ່ນນາມ ທີ່ມາຈາກຄຸນນາມ ຫລື ກິລິຍາ ຫລື ນາມທີ່ຊີ້ບອກສິ່ງທີ່ເປັນນາມະທໍາ (ອາກາລະນາມ)

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

1. ການຕໍ່ສູ້ຂອງເຮົາ ໄດ້ນຳມາເຊິ່ງ

ການຕໍ່ສູ້ຂອງເຮົາ

ການນຳມາຂອງຝັກ

ໄດ້ນຳມາເຊິ່ງ

ໄຊຊະນະຂັ້ນສຸດທ້າຍ

-ສັນຕິພາບ ແລະ ຄວາມເປັນທຳ

-ຊີວິດໃໝ່ສັງຄົມນິຍົມ

-ການເຕົ້າໂຮມປະເທດຊາດເປັນ

ອັນໜຶ່ງອັນດຽວ

-ຄວາມເອກອ້າງທະນິງໃຈໃຫ້ແກ່

ປະຊາຊາດຫວຽດນາມ

2. ໄຊຊະນະຂອງບັນຮົບໂຮງຮຸ້ນ ໄດ້ນຳມາເຊິ່ງ

ໄຊຊະນະຂອງບັນຮົບໂຮງຮຸ້ນ ໄດ້ນຳມາເຊິ່ງ

-ຄວາມເປັນເອກະພາບຂອງຊາດ

-ຄວາມສະຫງົບສຸກຂອງປວງຊົນ

-ຄວາມທະນິງໃຈຂອງກອງທັບ

-ຄວາມປາລາໄຊຢ່າງເຈັບແສບ

ຂອງສັດຕູ

7. ບົດອ່ານພື້ນຖານ

ນະຄອນຫລວງຮ່າໂນ້ຍ

ຮ່າໂນ້ຍ ແດນແຫ່ງຄວາມສີວິໄລນັບພັນປີ ໄດ້ກາຍເປັນນະຄອນຫລວງຂອງ
ປະເທດຫວຽດນາມແຕ່ດົນນານ ຮ່າໂນ້ຍງາມດ້ວຍທັດສະນີຍະພາບທຳມະຊາດ

ແລະ ສະຖາປັດຕະຍະກຳແບບໂບຮານ ຂອງ ຊາວຫວຽດນາມ ບັນດາໝອງ
ຮ່ວມກໍ່ຮຸມ, ໝອງໄຕ, ອຸດທະຍານ ເລນິນ, ທາດເຕົ້າ, ຫໍເສົາດຽວ, ວັດແຫ່ງວັນ
ນະຄະດີ ແລະ ເປັນຕົ້ນ ແມ່ນສຸສານຂອງທ່ານປະທານໂຮ່ຈິມິນ ໄດ້ເປັນທີ່ຈັບໃຈ
ທຸກຄົນທີ່ມາຢາມຮ່າໂນ້ຍ.

ຮ່າໂນ້ຍ ບໍ່ພຽງແຕ່ສວຍງາມ ຫາກຍັງພິລະສາດຫາມດ້ວຍມູນເຊື້ອແຫ່ງການ
ຕໍ່ສູ້ບໍ່ຍອມຈຳນົນຂອງຕົນ ເທິງຈັດຕຸລັດ ບາດິ່ງ ປະຫວັດສາດ ທ່ານປະທານໂຮ່ຈິ
ມິນ ໄດ້ອ່ານຄຳປະກາດເອກກະລາດ ໃຫ້ກຳເນີດແກ່ປະເທດສາທາລະນະລັດປະຊາ
ທິປະໄຕຫວຽດນາມ ເຊິ່ງເປັນລັດກຳມະກອນຊາວນາ, ລັດທຳອິດໃນອາຊີອາຄະ
ເນ ຈັດຕຸລັດບາດິ່ງແມ່ນບ່ອນທີ່ທ່ານໂຮ່ຈິມິນ ປາກົດຕົວຕໍ່ປະຊາຊົນຫວຽດນາມເທື່ອ
ທຳອິດ ແລະ ທັງເປັນບ່ອນທີ່ທ່ານ ນອນພັກຢ່າງສະຫງົບ ຫຼັງຈາກທີ່ໄດ້ນຳພາ
ປວງຊົນຫວຽດນາມ ໃນນັ້ນມີຊາວຮ່າໂນ້ຍຕໍ່ສູ້ຕ້ານພວກລ່າເມືອງຂຶ້ນ ຝະລັ່ງ ແລະ
ຈັກກະພັດອາເມລິກາ ເພື່ອປົດປ່ອຍ ປະເທດຊາດ ແລະ ເຕົ້າໂຮມບ້ານເມືອງເປັນ
ອັນໜຶ່ງອັນດຽວແຕ່ລະວັນ ຂະບວນຄົນຕໍ່ເນື່ອງລຽນຕິດກັນຢູ່ໜ້າສຸສານຂອງທ່ານ
ເພື່ອເຂົ້າອາໄສເພາະຫາ ທ່ານປະທານທີ່ຍິ່ງໃຫຍ່ຂອງຕົນຜູ້ເຊິ່ງໄດ້ເຮັດໃຫ້ປົດພູມ
ຫວຽດນາມທີ່ແສນຮັກແພງກາຍເປັນແວ່ນແຍງອັນໃສເຫຼື້ອມຂອງຍຸກສະໄໝ ນຳ
ມາເຊິ່ງຄວາມເອກອ້າງທະນິງໃຈໃຫ້ແກ່ປະຊາຊາດຫວຽດນາມ.

ກ່ອນການປະຕິວັດເດືອນສິງຫາ ຮ່າໂນ້ຍ ພຽງແຕ່ເປັນຕະຫລາດຈຳໜ່າຍສິນ
ຄ້າຕ່າງປະເທດ ເຊິ່ງສ່ວນຫລາຍແມ່ນສິນຄ້າຂາຍບໍ່ອອກຂອງນັກລ່າເມືອງຂຶ້ນຝະ
ລັ່ງ ແລະ ປະເທດ ນາຍທຶນອື່ນໆ ຫຼັງການປະຕິວັດເປັນຕົ້ນແມ່ນຫຼັງຈາກປະເທດ
ຊາດໄດ້ຖືກເຕົ້າໂຮມ ແລະ ໄດ້ຮັບການສະຖາປະນາເປັນປະເທດສາທາລະນະລັດ
ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ, ຮ່າໂນ້ຍໄດ້ກາຍເປັນຕົວເມືອງອຸດສາຫະກຳທີ່ສຳຄັນຂອງ
ຫວຽດນາມ, ບັນດາໂຮງງານກົມຈັກໂຮງຈັກທາດເຄມີ ໂຮງງານຕຳແຜ່ນ, ປຸງ
ແຕ່ງສະບຽງອາຫານ ໆລໆ ທີ່ໜັ້ນສະໄໝ ໄດ້ຖືກກໍ່ສ້າງຂຶ້ນ ນັບມື້ນັບຫລາຍ.

ຮ່າໂນ້ຍນອກຈາກຈະເປັນສູນກາງເມືອງເສດຖະກິດ ແລະ ສູນຄົມມະນາຄົມ ທາງບົກ, ທາງລົດໄຟ, ທາງນໍ້າ, ທາງອາກາດ ແລ້ວຍັງເປັນສູນວັດທະນະທຳຂອງ ຫວຽດນາມອີກດ້ວຍ. ປະຊາຊົນຮ່າໂນ້ຍໄດ້ກໍ່ສ້າງໂຮງຮຽນ, ສູນຄົ້ນຄວ້າວິທະ ຍາສາດ ໂຮງພະຍາບານ, ໂຮງມະໂຫລະສິບ, ໂຮງສາຍຮູບເງົາ, ສະໂມສອນ, ສະຖານີໂທລະທັດ ເຊິ່ງລ້ວນແຕ່ທັນສະໄໝຂຶ້ນຢ່າງຫລວງຫລາຍ. ຊີວິດການເປັນ ຢູ່ທັງດ້ານວັດຖຸ ແລະ ຈິດໃຈຂອງຊາວຮ່າໂນ້ຍ ນັບມື້ນັບດີຂຶ້ນ ເປັນລຳດັບ, ພວກ ເຮົາແຮ່ງສຸກສຳລານແຮ່ງ ຮູ້ບຸນຄຸນຂອງທ່ານປະທານໂຮ່ຈິມິນ, ຂອງພັກ ແລະ ລັດ ທີ່ນຳມາເຊິ່ງຊີວິດອັນຜາສຸກໃຫ້ແກ່ພວກເຮົາ.

ຮ່າໂນ້ຍ ສົມກັບເປັນຫົວໃຈຂອງທັງປະເທດ, ປະຊາຊົນຫວຽດນາມ ໃຜຼ່ງກໍຖະ ຫນອນຮັກເມືອງຫລວງຂອງຕົນ.

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ນະຄອນຫລວງ

thành phố

ແດນ

đất đai

ສິວິໄລ

văn hiến, văn minh

ທັດສະນີຍະພາບ

phong cảnh, cảnh vật

ທຳມະຊາດ

thiên nhiên

ສະຖາປັດຕະຍະກຳ

kiến trúc

ໂບຮານ

cổ kính, cũ

ໝອງ

hồ

ອຸດທະຍານ

tượng đài

ທາດ	tháp
ຫໍເສົາດຽວ	chùa một cột
ສຸສານ	lăng tẩm
ຈັບໃຈ	hấp dẫn
ສວຍງາມ	đẹp
ຝົລະອາດຫານ	anh dũng, dũng cảm
ມູນເຊື້ອ	truyền thống
ຕໍ່ສູ້	đấu tranh
ບໍ່ຍອມຈຳນົມ	không chịu khuất phục
ຍອມຈຳນົມ	đầu hàng
ປະຫວັດສາດ	lịch sử
ຄຳປະກາດເອກະລາດ	tuyên ngôn độc lập
ໃຫ້ກຳເນີດ	khai sinh
ສາທາລະນະລັດ	cộng hòa
ອາຊີອາຄະເນ	Đông Nam Á
ຈັດຕຸລັດ	kỳ đài, lễ đài
ປະກົດຕົວ	xuất hiện
ສະຫງົບ	yên ổn, bình yên, thanh bình
ລ່າເມືອງຂຶ້ນ	thực dân
ຈັກກະພັດ	đế quốc
ປົດປ່ອຍ	giải phóng
ເຕົ້າໂຮມ	tập hợp, tập trung
ບ້ານເມືອງ	đất nước

ຂະບວນ, ຂະບວນຄົນ

ຕໍ່ເນື່ອງ

ອາໄລ

ຍິ່ງໃຫຍ່

ປີຕຸ້ມ

ແວ່ນແຍງ

ໃສເຫລື້ອນ

ຍຸກສະໄໝ

ເອກອ້າງທະນົງໃຈ

ປະຕິວັດ

ຕະຫລາດ

ສິນຄ້າ

ສິນຄ້າຂາຍບໍ່ອອກ

ນາຍທຶນ

ກາຍເປັນ

ໂຮງງານກົນຈັກ

ໂຮງຈັກທາດເຄມີ

ໂຮງງານຕຳແຜ່ນ

ປຸງແຕ່ງ

ສະບຽງອາຫານ

đoàn, đoàn người

nối tiếp, liên tục

viếng

vĩ đại

quê hương, Tổ quốc

tấm gương

trong sáng

thời đại

tự hào

cách mạng

thị trường, chợ búa

hàng hóa

hàng hóa ế ẩm

tư bản, tư sản

trở thành

xí nghiệp cơ khí

nhà máy hóa chất

nhà máy dệt

chế biến

lương thực thực phẩm

ບົດສິນທະນາ

ຈີ່ແທ່ງ: ເປັນແນວໃດ ພອນ ເຈົ້າໄປຢາມຮ່າໂນ້ຍໄດ້ຫລາຍແລ້ວບໍ່?

ສີສິນພອນ: ກໍ່ບໍ່ໄດ້ຫລາຍປານໃດດອກ ອ້າຍເອີຍ

ຈີ່ແທ່ງ: ເຈົ້າໄປຮອດໃສແດ່?

ສີສິນພອນ: ຂ້ອຍໄດ້ໄປຢາມບັນດາຫໍພິດທະພັນການປະຕິວັດ, ການທະຫານ ແລະ
ປະຫວັດສາດ, ໄປຫລິ້ນເຮືອຢູ່ໜອງໄຕ, ໄປເບິ່ງສິ່ງສາລາສັດຢູ່ສວນ
ເລນິນ, ເອີ ຫາກໍ່ໄດ້ແຕ່ເທົ່ານັ້ນແລ້ວ.

ຈີ່ແທ່ງ: ເຈົ້າເຫັນນະຄອນຫລວງຂອງເຮົາເປັນແນວໃດ?

ສີສິນພອນ: ເທື່ອນີ້ແມ່ນເທື່ອທຳອິດທີ່ຂ້ອຍມາຢາມຮ່າໂນ້ຍ ແລະ ກໍ່ບໍ່ໄປຫັນໄດ້
ຫລາຍກໍ່ເລີຍບໍ່ທັນຮູ້ຫຍັງຫລາຍກ່ຽວກັບຕົວເມືອງຄືຊາວຮ່າໂນ້ຍດ່ອກ.
ແຕ່ແຮງຫລາຍໄປແຮງເຫັນວ່າຮ່າໂນ້ຍງາມແທ້ງາມວ່າ ໄດ້ ທັດສະນີ
ຍະພາບກໍ່ງາມ ຄົນກໍ່ງາມ ເນາະອ້າຍເນາະ!

ຈີ່ ແທ່ງ: ກໍ່ແມ່ນຢູ່ ແຕ່ພວກເຮົາຍັງຕ້ອງສູ້ຊົນເຜື່ອເຮັດ ໃຫ້ຮ່າໂນ້ຍ ທັງໃຫຍ່ທັງ
ງາມ ຂຶ້ນເປັນລຳດັບ. ພວກເຮົາແຮງທະນິງໃຈກັບອະດີດອັນພິລະອາດ
ຫານເທົ່າໃດ ແຮງຈະຕ້ອງພະຍາຍາມ ສ້າງຮ່າໂນ້ຍ ໃຫ້ສົມກັບເປັນຫົວ
ໃຈຂອງທັງປະເທດເທົ່ານັ້ນ. ຖ້າມາງເຫັນດີ ຂ້ອຍຊິຂັນອາສາພາມາງ
ໄປ ຊອກຮູ້ຮ່າໂນ້ຍເພີ່ມອີກ.

ສີສິນພອນ: ຂອບໃຈອ້າຍຫລາຍໆ ຂ້ອຍດີໃຈແທ້ ທີ່ຈະໄດ້ນຳອ້າຍ, ອ້າຍພາຂ້ອຍ
ເຂົ້າອາໄລເພາະຫາລູງໂຮ່ແດ່ ໄດ້ບໍ່ອ້າຍ?

ຈີ່ແທ່ງ: ຍິນດີ ອາທິດໜ້າເດີ!

ສີສິນພອນ: ຂອບໃຈອ້າຍຫລາຍໆ

*

* *

ຈິ່ແທ່ງ: ສະບາຍດີ ເລລາມ?

ເລລາມ: ສະບາຍດີອ້າຍ, ໂທອ້າຍຈາກໄປໃສຕົນແທ້? ແນມເບິ່ງອ້າຍຄືຈັ່ງຕຸ້ຍ
ຜີຂຶ້ນ ເອົາກະດອກກະເດ້ຍແທ້ນີ້!

ຈິ່ແທ່ງ: ອ້າຍໄປພັກພື້ນຢູ່ຊາຍທະເລ ເຫັນບໍ່ໂຕອ້າຍດຳໄປຫລາຍຕວາ?

ເຈົ້າເດເຈົ້າໄປໃສ? ຂ້ອຍແນມເບິ່ງເຈົ້າຄືຈັ່ງຈ່ອຍຜອມລົງ.

ເລລາມ: ຊັ້ນຫລະ? ແຕ່ນ້ອງຊ້າພັດເຫັນຕົນເອງແຂງແຮງຂຶ້ນອາດຈະເປັນເພາະ
ອອກແຮງງານຫລາຍຈິ່ງເຮັດໃຫ້ນ້ອງແຂງແຮງຂຶ້ນດີ.

ຈິ່ແທ່ງ: ເຈົ້າເຮັດຫຍັງນີ້?

ເລລາມ: ນ້ອງຊ່ອຍແມ່ຂຸດໝອງປາໃຫ້ຫວ້າງໆ ອອກອີກ ເພື່ອລ້ຽງປາໄດ້ຫລາຍ
ຂຶ້ນກວ່າເກົ່າ.

ຈິ່ແທ່ງ: ຄັນຊັ້ນເນື້ອທີ່ປູກຜັກກໍ່ຕ້ອງແລບເຂົ້າແລ້ວ ນີ້?

ເລລາມ: ເອີ ກໍ່ ແລບໄປແຕ່ຈັກໜ່ອຍ ແຕ່ກໍ່ບໍ່ເທົ່າໃດດອກ ຝັດກິນຢູ່ຍາມໃດວ່າງ
ອ້າຍກໍ່ໄປຢາມນ້ອງແດ່ເດີ.

ຈິ່ແທ່ງ: ເອີ ຂອບໃຈບາດໝ້າສາກ່ອນ, ຊິຊອກເວລາໄປຫລິ້ນນຳດອກ
ອ້າຍໄປກ່ອນ ເດີ.

ເລລາມ: ເຈົ້າ, ໄປເດີ.

1. ໃຊ້ຄູ່ຄຳສັບສ້າງອົງ”ຍິງ.....ຍິງ.....” ແລະ

“ແຮ່ງ.....ແຮ່ງ.....” ເພື່ອສ້າງການພົວພັນກັນລະຫວ່າງບັນດາປະ
ໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້:

- ພວກຂ້ອຍເຝິກຫັດຫລາຍ

ພວກຂ້ອຍເກັ່ງພາສາລາວ

- ຫ້າວນັ້ນເວົ້າໄວ

ພວກຂ້ອຍບໍ່ເຂົ້າໃຈ

- ເຝິກໄປຫລາຍ

ເຝິກຮູ້ຫລາຍ

- | | |
|-----------------------|-------------------------|
| - ພວກເຮົາຢູ່ລາວ | ພວກເຮົາຮັກແພງປະເທດນີ້ |
| - ຂ້ອຍຢູ່ຮ່າໂນ້ຍດົນ | ຂ້ອຍຢູ່ຮ່າໂນ້ຍຫລາຍ |
| - ຂ້ອຍຝັງເພງນີ້ | ຂ້ອຍຕິດໃຈ |
| - ຂ້ອຍແນມເບິ່ງນາງນັ້ນ | ນາງນັ້ນຫນ້າແດງຂຶ້ນ |
| - ຂ້ອຍໄປ | ຂ້ອຍເຫັນທາງຄືຈັ່ງຍາວອອກ |

2. ຈົ່ງຫາຄຳຄຸນນາມເຊິ່ງມີຄວາມໝາຍກົງກັນຂ້າມ ກັບຄຳຄຸນນາມຂີດເສັ້ນກ້ອງເດີມ ລົງຊ່ອງວ່າງເຮັດໃຫ້ປະໂຫຍກມີຄວາມໝາຍ ເໝາະສົມ.

- ແຕ່ກ່ອນຂ້ອຍຈ່ອຍຫລາຍ ດຽວນີ້ຂ້ອຍ.....
- ບົດຮຽນກ່ອນງ່າຍ, ບົດຮຽນຕໍ່ໄປນີ້ຊື່.....
- ທຳອິດບັນຫານີ້ງ່າຍດາຍ, ດຽວນີ້ນັບນັບນີ້ນັບ.....
- ແຕ່ກ່ອນສວນຂອງເພິ່ນແຄບ, ດຽວນີ້ນັບນັບນີ້ນັບ.....
- ກ່ອນນີ້ບົດກວດກາສັ້ນ, ຕໍ່ໄປນັ້ນຊື່.....
- ປີກາຍນີ້ເພິ່ນອ່ອນແອຫລາຍ, ປີນີ້ເພິ່ນຄືຈັ່ງ.....
- ຕອນເພິ່ນຢູ່ຮ່າໂນ້ຍເພິ່ນຂາວແທ້, ມາຈາກພັກພື້ນຢູ່ຊາຍທະເລເພິ່ນຊື້າພັດ.....

3. ປ່ຽນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ໃຫ້ເປັນປະໂຫຍກທີ່ຄຳກຳມະນີກິລິຍາ “ກາຍເປັນ” ແລະ “ກັບກາຍເປັນ”.

- ພວກເຮົາຈະເປັນນາຍພາສາ
- ຮ່າໂນ້ຍເປັນສູນອຸດສາຫະກຳ ແຫ່ງໜຶ່ງ
- ບັນຫານີ້ສັບສົນຫຍຸ້ງຍາກ
- ພື້ນຖານອຸດສາຫະກຳຂອງເຮົາຈະເປັນພື້ນຖານອຸດສາຫະກຳທີ່ທັນສະໄໝ.

-ປະເທດເຮົາຈະເປັນປະເທດສັງຄົມນິຍົມທີ່ເຂັ້ມແຂງຢູ່ອາຊີອາຄະເນ.

4. ອ່ານບົດອ່ານຟື້ນຖານໃຫ້ລ່ຽມໄຫລແລ້ວເລົ່າຄືນໃຫມ່ ຕາມຄໍາຖາມ ເຈາະຈີ້ມຕໍ່ໄປນີ້:

-ຮ່າໂນ້ຍໄດ້ກາຍເປັນນະຄອນຫລວງຂອງຫວຽດນາມດົນແລ້ວບໍ່?

-ທັດສະນີຍະພາບທີ່ສວຍງາມຂອງຮ່າໂນ້ຍມີຫຍັງແດ່?

-ຈັດຕຸລັດບາດິ່ງແມ່ນຮ່ອງຮອຍປະຫວັດສາດແຫ່ງຫນຶ່ງບໍ່? ຍ້ອນຫຍັງ?

-ກ່ອນການປະຕິວັດຮ່າໂນ້ຍເປັນແນວໃດ?

-ຫລັງການປະຕິວັດຮ່າໂນ້ຍກັບກາຍເປັນແນວໃດ?

-ພວກເຮົາຮູ້ສຶກເປັນແນວໃດຕໍ່ລູງໂຮ່ ແລະ ພັກເກືອເຮົາມີຊີວິດສຸກສຳລານຂຶ້ນ?

5. ຜັດປຽນກັນອ່ານບົດບາດຂອງ ຈີ່ແຫ່ງ ແລະ ສີສິນພອນ ໃນບົດສົນທະນາ(1) ແລະ ສະແດງບົດບາດຂອງ ຈີ່ແຫ່ງ ແລະ ເລລານໃນບົດສົນທະນາ(2)

ຫາມຈຳໜ່າຍ

ບົດທີ 18

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ
2. ວິທີໃຊ້ກິລິຍາວ່າ "ອາດ, ອາດຈະ, ອາດສາມາດໄດ້-ເປັນ"
3. ແບບປະໂຫຍກສົມມຸດ
4. ວິທີໃຊ້ "ຊ່າງ"
5. ວິທີໃຊ້ສັບ "ຄື"
6. ວິທີໃຊ້ວະລີ ".....ທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຈະ.....ໄດ້"
7. ບົດອ່ານເພີ່ມຖານ "ເມືອງຫລວງວຽງຈັນ"

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ

ຈົ່ງອ່ານສັບ ແລະ ວະລີຕໍ່ໄປນີ້:

ເຈົ້າ ອາດ ໄດ້ ເປັນ ແປ ຖ້າ ຫາກ ຊ່າງ ຄື ຖຽງ
 ບອກ ເວົ້າ ແພງ ຍ້າຍ ກວມ ບຸກ ປິ່ນ ດ້ານ ກອດ ກ່ອນ
 ເສົ້າ ເຊົາ ໂປ່ ບາດ ຫລ້າ ຊ້າງ ປາຍ ແຫລ່ງ ຄຸນ ທູດ

ເຈົ້າໄຊຍະເສດຖາທິລາດ ເຈົ້າສຸລິຍວົງສາ ເຈົ້າອານຸ ເມືອງຫລວງ
ນະຄອນຫລວງ ຫລວງພະບາງ ສະກັດ ດີສະກັດ ສະກັດກັ້ນ ຮຸກຮານ
ຜູ້ຮຸກຮານ ການຮຸກຮານ ແຫລ່ງຊຸນນຸມ ແຫລ່ງເຕົ້າໂຮມ ແຫລ່ງຂ່າວ
ແຫລ່ງນ້ຳ ເຕັມທີ ຈຸດໃຈກາງ ປ້ອມໜັ້ນ ປ້ອມໜັ້ນຊາຍແດນ ວິ
ລະຊົນ ວິລະບູລຸດ ບຸນຄຸນ ຄຸນງາມຄວາມດີ ຂຸນບູລົມ ຝ້າງຶ່ມ ດິນ
ແດນ ກະບຽດ ກະບຽດນີ້ວ ກວມລວມ ກວມເຖິງ ກວມມີ ສະພາ
ລັດຖະມົນຕີ ສະພາແຫ່ງລັດ ສະພາປະຊາຊົນສູງສຸດ ສະພາວິທະຍາສາດ
ທູຕານທູດ ທູດທະຫານ ທູດວັດທະນະທຳ ເອກອັກຄະລັດຖະທູດ ເອກ
ອັກຄະລັດຖະທູດຜູ້ມີອຳນາດເຕັມ ສະຖານທູດ ປອດໄພ ປອດໄພການ
ເມືອງ ໄພສັງຄົມ ຫໍພະແກ້ວ ຫໍໄຊ ຫໍພະຄານ ປາກວ່າ ສິບ
ປາກວ່າບໍ່ທໍ່ຕາເຕັມ ປາກວ່າມີເຖິງ ເວົ້າແຕ່ປາກຫາກບໍ່ເຮັດ ເດືອນເຝັງ
ເດືອນມືດ ເດືອນດາວ ວົງເດືອນ ດວງເດືອນ ຫາດຊາຍ ຫາດດອນ
ຈັນ ເປີຍລົມ ຍ່າງເປີຍລົມ ນັ່ງລົດ ອອນຊອນ ເປັນຕາອອນຊອນ
ອອນຊອນໃຈ ຄຳໂຄງ ຄຳກາບກອນ ແຕ່ງໂຄງ ແຕ່ງກາບກອນ
ບາດນີ້ ບາດຫລັງ ບາດຫລ້າ ຫມາກແຕງ ຫມາກກ້ຽງ ຫມາກແຕງ
ຊ້າງ ໜ່ວຍທຳອິດ ໜ່ວຍປາຍ ຈັນເຝັງ ວັນເຝັງ ສົງໃສ ບໍ່
ຕ້ອງສົງໃສ ປຽບທຽບ ນຳຫນ້າ ບຸກຫນ້າປິນຕົວ ເປັນໄປ ຄວາມ
ເປັນໄປ ເປັນນາ ເປັນໄຂ້ ເຈັບເປັນ ພາກພື້ນ ພາກພື້ນອາຊີ ພາກ
ພື້ນອາຊີອາຄະເນ ພາກພື້ນເອີຣົບ ກອດກ່ອນ ກອດເອິກ ກອດຈູບ
ກອດກ່ອນລູກນ້ອຍ ໂຄງກົງ ເຫັນກັບຕາ ຝັງກັບຫູ ເວົ້າກັບປາກ ຮຸ່ງ
ເຫລື້ອມ ຮຸ່ງເຮືອງເຫລື້ອມເຫລື້ອມ ສີຊີ່ ສິລະປະກຳທີ່ສີຊີ່ ນັກວິທະຍາ
ສາດທີ່ສີຊີ່ ດາລາລະຄອນທີ່ສີຊີ່ ບາງທີ ບາງເທື່ອ ລາງເທື່ອ

2. ວິທີໃຊ້ ກິລິຍາຊ່ວຍ: "ອາດ, ອາດຈະ, ສາມາດ, ໄດ້, ເປັນ"

1.

ຕົວຕັ້ງ	ອາດ ອາດຈະ ສາມາດ ສາມາດຈະ	+ ກິລິຍາ	ໄດ້
ຝົນ ຝົນ ຝົນ	ອາດ ອາດຈະ ສາມາດ	ເຮັດໃຫ້ເຮົາເສຍເວລາ ຕົກແຮງ ເວົ້າພາສາລາວ	ໄດ້

ໝາຍເຫດ:

“ອາດ, ອາດຈະ” ໝາຍເຖິງຄວາມເປັນໄປໄດ້

“ສາມາດ” ໝາຍເຖິງ ຄວາມເກັ່ງພໍທີ່ຈະເຮັດໄດ້

“ໄດ້” ໝາຍເຖິງ ຄວາມເກັ່ງພໍທີ່ຈະເຮັດໄດ້ ຫລື

ໄດ້ຮັບອານຸຍາດໃຫ້ເຮັດ.

“ໄດ້” ອາດຈະໃຊ້ຕ່າງຫາກບໍ່ຕ້ອງໄປກັບ “ອາດ, ອາດຈະ” ຫລື “ສາມາດ” ແຕ່ຕ້ອງເອົາໄວ້ຫລັງ ກິລິຍາ.

2.

ກິລິຍາ	+ ໄດ້ ເປັນ
ໄປ ລອຍນ້ຳ	ໄດ້ ເປັນ

- ຄຳວ່າ ຂະໜານ ໃຫ້ ເຈົ້າ ໄດ້ ເປັນ
- ຄຳວ່າ ນີ້ ອາດ ມາ ຂະໜານ ໄດ້
- ພວກເຮົາ ເຮົາ ກຸ່ມ ຂະໜານ ໄດ້
- ກ່າວ ເຮົາ ກຸ່ມ ຂະໜານ ໄດ້
- ບໍ່ ຈຳ ກັດ ຂະໜານ ໄດ້ ເປັນ ໄດ້

ໝາຍເຫດ:

“ເປັນ” ໝາຍຄວາມວ່າຮູ້ຈັກເຮັດ.

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແກ່ນ

ກ.

ເຈົ້າ

ອາດຈະ
ສາມາດ

ແປບົດຄວາມນີ້
ອະທິບາຍ
ສິ່ງຈິດໝາຍກ້ານນີ້
ແຕ້ມແຜນທີ່ລາວ

ໃຫ້

ຂ້ອຍ
ເຝິກ

ບໍ່ ຂໍ
ໄດ້ບໍ່ ຂໍ

2.

ຕອນແລງນີ້ ຂ້ອຍອາດຈະ

ໄປເບິ່ງຮູບເງົາ
ບໍ່ກິນເຂົ້າຢູ່ບ້ານ
ມາສວຍ
ໄປຫາເຈົ້າ

ຄ.

ເພິ່ນສາມາດ

ເວົ້າໄດ້ສາມພາສາ
ຂຽນບົດຄວາມເປັນພາສາລາວ
ແຕ່ງກາບກອນ
ແຕ້ມຮູບພາບ

ງ.

ບາງທີ ທ້າວບຸນມີອາດສາມາດ

ຊ່ວຍເຫລືອເຈົ້າໄດ້
ອະທິບາຍໃຫ້ເຮົາໄດ້
ເປັນນາຍພາສາໃຫ້ເຮົາ

ໄດ້ ເພາະວ່າລາວ-
ເກັ່ງແທ້

ຈ.

ເພິ່ນ
ເຈົ້າ

ຢາກ

ຢູ່
ກິນ
ເຮັດ
ສ່ວຍໜ້າ

ກໍ່ ໄດ້ ຢາກ

ໄປ
ນອນ
ເຊົາ
ອາບນ້ຳ

ກໍ່ໄດ້ ແລ້ວແຕ່

ເພິ່ນ
ເຈົ້າ
ເຫາະ

ສ.

ໃຫ້ເນີ ຂ້ອຍ

ເຂົ້າ
ເນື້ອ
ອອກ
ຂຶ້ນ
ລົງ
ສູບຢາ

ໄດ້ບໍ່ຊ່ - ເຊີນໂລດ

ຊ.

ເຈົ້າ

ປາກຄວາມລາວ
ເວົ້າພາສາຫວຽດ
ຂັບລົດ
ອີ່ລົດຈັກ

ໄດ້
ເປັນ

ບໍ່ ຊ່
ບໍ່ ຊ່

ໄດ້
ເປັນ

ຢູ່ແຕ່ບໍ່ເກັ່ງປານໃດ

ຍ.

ຂ້ອຍ

ລອຍນ້ຳ
ເຕະບານ
ຫລິ້ນໝາກເສິກ

ເປັນຢູ່ແຕ່ນີ້ຂ້ອຍ

ລອຍ
ເຕະ
ຫລິ້ນ

ບໍ່ໄດ້ເພາະວ່າຂ້ອຍບໍ່ສຳບາຍ

3. ແບບປະໂຫຍກສົມມຸດ

1.

ຫາກວ່າ ສົມມຸດວ່າ	+ ປະໂຫຍກ	+ ປະໂຫຍກ (ຕົວຕັ້ງ) ກໍຄົງຊິ + (ກິລິຍາ)
ຫາກວ່າ ຫາກວ່າ ສົມມຸດວ່າ	ເຈົ້າຮູ້ພາສາລາວເກັ່ງ ເພິ່ນຊິໄປ ຂ້ອຍບໍ່ເຫັນດີ	ຂ້ອຍກໍຄົງໃຫ້ເຈົ້າຊ່ອຍຂ້ອຍແລ້ວ ຂ້ອຍກໍຄົງຊິໄດ້ໄປນຳ ເຈົ້າຊິເຮັດບໍ່?

2.

ຖ້າ	+ ຕົວຕັ້ງ	+ ຫາກ	+ ກຳມະ	+ ປະໂຫຍກ
ຖ້າ ຖ້າ	ເຈົ້າ ຂ້ອຍ	ຫາກ ຫາກ	ໄດ້ໄປວຽງຈັນ ເວົ້າຖືກ	ໃຫ້ເຈົ້າໄປຫາຂ້ອຍເດີ ເຈົ້າຊິເສບຫຍັງໃຫ້ຂ້ອຍ?

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ຫາກວ່າ
ສົມມຸດວ່າ

ເຈົ້າ ເປັນ

ຂ້ອຍ
ເຝິນ
ຫມໍ
ຄູ

ເຈົ້າ ຊິ

ເຮັດ
ເວົ້າ

ແນວໃດ ?

ຂ.

ຖ້າເຈົ້າຫາກໄດ້ໄປຢາມວຽງຈັນ ໃຫ້ຊອກໂອກາດ

ໄປຊົມທາດຫລວງ ເດີ
ຍ່າງເບີຍລົມແຄມຂອງ
ຊື້ເຄື່ອງ ຢູ່ຕະຫລາດເຊົ້າ
ເບິ່ງຫມໍລຳເລື່ອງ

ຄ.

ຂ້ອຍຄືຊີບ

ລູກ
ຊື່
ຮູ້ເນື້ອ

ໄດ້ດອກຖ້າເຈົ້າຫາກບໍ່ມາເອີ້ນ

4. ວິທີໃຊ້ ຄຳສັບ “ຊ່າງ”

1.

ຊ່າງ	+ ກິລິຍາ
ຊ່າງ	ຍ້ອງ

ໝາຍເຫດ:

“ຊ່າງ + ກິລິຍາ” ໝາຍຄວາມວ່າ ເຮັດໄດ້ດີຫລື

ຮູ້ເຮັດໄດ້ດີ ເຊັ່ນ:

“ນິຜົວໃຫ້ຊ່າງຍ້ອງ, ນິນ້ອງໃຫ້ຊ່າງຍໍ”

2.

ບໍ່ຊ່າງຊິ	+ ກິລິຍາ
ບໍ່ຊ່າງຊິ	+ ຖາມ

ໝາຍເຫດ:

-“ບໍ່ຊ່າງ” ໝາຍຄວາມວ່າ ເຮັດບໍ່ໄດ້ດີ ຫລື

ບໍ່ຮູ້ແນວເຮັດໃຫ້ດີ.

-“ບໍ່ຊ່າງຊິ” ໝາຍຄວາມວ່າ ບໍ່ຄວນ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ເຈົ້າ
ອ້າຍ

ກໍ່ ຊ່າງ

ເວົ້າ
ເຮັດ
ຖາມ
ປຽບທຽບ
ຍ້ອງ

ເນາະ!

ຂ.

ເມຍ
ເອື້ອຍ

ເພິ່ນເປັນຄົນຊ່າງ

ຄົວກິນ
ເວົ້າ
ເອົາໃຈຄົນ

ແທ້ໄດ້

ຄ. ແດດຮ້ອນແນວນີ້ ຂ້ອຍບໍ່ຊ່າງຊິ

ເນື້ອ ແລ້ວ!
ຫລິ້ນ
ກິນເຫລົ້າ
ສູບຢາ

5. ວິທີໃຊ້ສັບ"ຄື"

1.

ຕົວຕັ້ງ	ຄື	+ ນາມ
ລູກຂ້ອຍ	ຄື	ແມ່

2.

ຕົວຕັ້ງ	ກິລິຍາ	ຄື	+ ນາມ
	ຄຸນນາມ		
ຂ້ອຍ	ເຮັດ	ຄື	ເຈົ້າ
ເຈົ້າ	ຕຸ້ຍ	ຄື	ເພິ່ນ

3.	ຕົວຕັ້ງ	ຄື	+ ກິລິຍາ
	ເພິ່ນ ເຈົ້າ	ຄື ຄືຈັ່ງ	ຢາກເດືອນພວກເຮົາໃຫ້ດຸໝັ່ນຂຶ້ນ ດ້ຍຂຶ້ນ

4.	ປະໂຫຍກ	ຄື	ປະໂຫຍກ
	ເພິ່ນກໍ່ເວົ້າ	ຄື	ເຈົ້າບອກຂ້ອຍ

5.	ປະໂຫຍກ	ຄືກັນກັບ	ປະໂຫຍກ
	ວຽງຈັນໂຄ້ງກົງໄປຕາມລຳຂອງ	ຄືກັນກັບ	ວົງເດືອນກອດກ່ອນ ຫາດດອນຈັນໄວ້ໃນຊວງອົກ

6.	ປະໂຫຍກ	ຄືຈັ່ງວ່າ	ປະໂຫຍກ
	ເພິ່ນເຮັດ	ຄືຈັ່ງວ່າ	ຂ້ອຍບໍ່ຮູ້ຫຍັງຈັກດີ

ບົດເລິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ລູກຊາຍ
ລູກສາວ
ລູກກົກ
ລູກຫລ້າ

ເຈົ້າ ຄື ພໍ່ ຫລື ຄື ແມ່?

ຂ.

ຜູ້ຊ້າຍຄົນນັ້ນຄື

ອ້າຍ
ນ້ອງ
ພໍ່
ລູ
ອາວ
ນ້າ

ຂ້ອຍແທ້!

ຄ.

ເພິ່ນກໍ່

ເວົ້າ
ເຮັດ
ຖາມ
ຖືຮຽງ
ເລົ່າ
ແຂງແຮງ
ສູງ
ຈ່ອຍ
ເຕ້ຍ

ຄືເຈົ້າ

ຂ. ຊຶ້ນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ ຄື ຢາກເຕືອນພວກເຮົາ

- ດຸໜັ່ນພາກພຽນ

- ເຮັດວຽກຫລາຍ

ຂຶ້ນ, ດີຂຶ້ນ

- ຫລໍ່ຫລອມ

ເຝິກຝົນຕົນເອງ

- ບຸກໜ້າບິນຕົວຂຶ້ນ

ຄ. ຂ້ອຍແນມເບິ່ງ

ເຈົ້າ

ຄືຈັ່ງ

ເຝິນ

ຈ່ອຍ

ລົງ

ອ່ອນແອ

ລົງ

ດຳ

ໄປ

ຂາວ

ຂຶ້ນ

ຕຸ້ຍ

ຂຶ້ນ

ແຂງແຮງ

ຂຶ້ນ

ງາມ

ຂຶ້ນ

ງ. ເຝິນເຮັດຄືຈັ່ງໃດ?

- ກໍ່ຄືຂ້ອຍ

ເຮັດ

ຫັນແລ້ວ!

ເວົ້າ

ບອກ

ສອນ

ຈ. ຫຼຍ! ເຈົ້າເວົ້າຄືຈັ່ງວ່າ

ເຈົ້າເປັນຄູ່ຂ້ອຍພຸ່ນດອກ!
 ຂ້ອຍບໍ່ຮູ້ຫຍັງເລີຍ
 ເພິ່ນແພງເຈົ້າຫລາຍ
 ເຈົ້າໄດ້ເຫັນກັບຕາ
 ເຈົ້າເຄີຍຢູ່ວຽງຈັນ

ສ. ລຸງໂຮ່ຮັກ

ເດັກນ້ອຍ
 ທະຫານ
 ຊາວຫນ່ວນ
 ກຳມະກອນ
 ຜູ້ອອກແຮງງານ
 ຊາວໄຮ່ຊາວສວນ

ຄືກັນກັບ ພໍ່ແມ່ຮັກລູກ.

6. ວິທີໃຊ້: ຄຸນນາມ + ທີ່ສຸດ + ເທົ່າທີ່ຈະ + ຄຸນນາມ + ໄດ້
 + ກິລິຍາ

ຄຸນນາມ	+ ທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຈະ	+ ຄຸນນາມ ກິລິຍາ	+ ໄດ້
ໄວ	ທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຈະ	ໄວ	ໄດ້
ດີ	ທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຈະ	ເຮັດ	ໄດ້

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ. ພວກເຮົາຕ້ອງເຮັດໃຫ້

ໄວ

ທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຈະ

ໄວ

ໄດ້

ດີ

ດີ

ເກັ່ງ

ເກັ່ງ

ງາມ

ງາມ

ສະອາດ

ເຮັດ

ຂ. ຂ້ອຍຢາກ

ຊື່

ໂມງດີທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຈະ

ຊື່

ຍົມ

ຍົມ

ຂໍ

ຂໍ

ຄ. ພວກເພິ່ນພະຍາຍາມກໍ່ສ້າງຮ່າໂນ້ຍໃຫ້ເປັນຕົວເມືອງທີ່

ງາມ

ທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຈະ

ງາມ

ໄດ້

ສະອາດ

ສະອາດ

ເປັນລະບຽບ

ເປັນ

ຮຽບຮ້ອຍ

7. ບົດອ່ານຜືນຖານ

ເມືອງຫລວງວຽງຈັນ

ປີ 1460, ເຈົ້າໄຊຍະເສດຖາທິລາດ ໄດ້ໃຫ້ຍ້າຍເມືອງຫລວງຈາກ ຫລວງ
ພະບາງມາຢູ່ວຽງຈັນ, ເຊິ່ງຕັ້ງຢູ່ບົນຝັ່ງຊ້າຍແມ່ນ້ຳຂອງ, ທັງນີ້ເພື່ອສະກັດກັ້ນການ
ຮຸກຮານຂອງສັດຕູຈາກທາງເໜືອລົງມາອີກ, ທັງເຫັນວ່າວຽງຈັນ ແມ່ນແຫລ່ງ
ຊຸມນຸມເຊິ່ງສາມາດເຕົ້າໂຮມກຳລັງເພື່ອຜັດທະນາເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ ແລະ
ປ້ອງກັນຊາດໄດ້. ແຕ່ວ່າເປັນຍ້ອນການຮຸກຮານຂອງພວກສັກດິນາສະຫຍາມ ແລະ
ຝະລັ່ງດັ່ງນັ້ນວຽງຈັນເຊິ່ງເດີມທີ່ຢູ່ຈຸດໃຈກາງຂອງປະເທດຈຶ່ງໄດ້ກາຍເປັນປ້ອມ
ຫນ້າແຄນຊາຍແດນ.

ວຽງຈັນໂຄ້ງກົງໄປຕາມລຳຂອງເປັນໄລຍະທາງ 10 ກວ່າກິໂລແມັດ, ບັນດາ
ຖະໜົນສາຍຕາຂອງວຽງຈັນ ເຊິ່ງເອີ້ນຕາມຊື່ຂອງບັນດາວິລະຊົນ ຜູ້ມີຄຸນງາມ
ຄວາມດີຕໍ່ຊາດເຊັ່ນ: ຂຸນບູລົມ, ຝ້າງົມ ເສດຖາທິລາດ, ສາມແສນໄທ, ເຈົ້າອານຸ
ຽລາງ ຄືຢາກເຕືອນເສັ້ນຄົນເມືອງຫລວງກໍ່ຄືປະຊາຊົນທົ່ວປະເທດໃຫ້ປົກປັກຮັກສາ
ດິນແດນທຸກກະບຽດນີ້ວຂອງເມືອງຫລວງເຊິ່ງກໍ່ເປັນທັງຊາຍແດນຂອງຕົນອີກ
ດ້ວຍ.

ວຽງຈັນສວຍງາມໄປດ້ວຍທາດ ເຈດີ ແລະ ວັດວາອາຮາມ, ເຊິ່ງກວມເຖິງ
ຫນຶ່ງສ່ວນສີ່ຂອງຈຳນວນວັດທົ່ວປະເທດ, ອາດຈະເວົ້າໄດ້ວ່າ ທາດຫລວງ, ຫໍພະ
ແກ້ວ, ວັດສີສະເກດ, ວັດສົງຕື້ ແລະ ບູຮານສະຖານອື່ນໆໃນເມືອງຫລວງວຽງຈັນ
ລ້ວນແມ່ນຜົນງານຊັ້ນຍອດຢ້ຽມຂອງສິລະປະກຳລາວ ແລະ ທັງເປັນປະກົດພາບ
ນູນເຊື້ອແຫ່ງການສ້າງຊາດ ແລະ ປ້ອງກັນຊາດ, ນູນເຊື້ອແຫ່ງຄວາມສາມັກຄີ
ແລະ ຄວາມປອງດອງຊາດຂອງປະຊາຊົນລາວ.

ປັດຈຸບັນນີ້ ເມືອງຫລວງວຽງຈັນ ມີປະຊາກອນສາມແສນກວ່າຄົນ ແລະ ເປັນ

ທີ່ຕັ້ງຂອງສູນກາງພັກປະຊາຊົນປະຕິວັດລາວ, ສະພາປະຊາຊົນສູງສຸດ, ສະພາລັດ
ຖະບານ ແລະ ຄະນະທູດານຸທູດບຸກໜ້າປະເທດຕ່າງໆ. ວຽງຈັນພວມປົນຕົວເຜື່ອ
ນໍ້າໜ້າໃນທຸກດ້ານປ້ອງກັນຊາດ, ປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບທາງການເມືອງ, ເສດ
ຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ ແລະ ການສຶກສາໃຫ້ສົມກັບເປັນຫົວໃຈຂອງທັງປະເທດ ສົມ
ກັບເປັນທໍລະຄານອັນຮຸ່ງເຮື້ອງຂອງລະບອບປະຊາທິປະໄຕປະຊາຊົນບັນຜັງຂອງ.

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ເມືອງຫລວງ

ຍ້າຍ

ແມ່ນ້ຳຂອງ

ສະກັດກັ້ນ

ຮຸກຮານ

ສັດຕູ

ແຫລ່ງ

ຊຸມນຸມ

ສາມາດ

ກຳລັງ

ຂະຫຍາຍ

ເສດຖະກິດ

ວັດທະນະທຳ

ປ້ອງກັນຊາດ

thủ đô

dời, di chuyển

sông Mê Kông

ngăn chặn

xâm lược

kẻ thù

nguồn

hội họp

có thể

lực lượng

phát triển

kinh tế

văn hóa

quốc phòng

ແຕ່ວ່າ	nhưng
ສັກດິນາ	phong kiến
ສະຫຍາມ	Miama
ປ້ອມໝັ້ນ	pháo đài
ໂຄ້ງກົງ	cong, uốn lượn
ຖະໜົນ	đường phố
ວິລະຊົນ	anh hùng
ຄຸນງາມຄວາມດີ	công tích, công trạng, có công
ເສັ້ນຄົນ	thế hệ
ປົກປັກຮັກສາ	bảo vệ, giữ gìn
ດິນແດນ	lãnh thổ
ກະບຽດນີ້ວ	tắc, gang tặc
ຊາຍແດນ	biên giới
ທາດ	tháp
ເຈດີ	cải tiểu
ວັດວາອາຮາມ	chùa chiền
ຈຳນວນ	số lượng
ທາດຫລວງ	tháp lớn
ຫໍຜະແກ້ວ	chùa Phạ Kẹo
ບູຮານສະຖານ	nơi cổ kính, danh lam thắng cảnh
ຍອດຢ້ຽມ	tinh hoa, đỉnh cao
ປະກົດພາບ	tượng trưng, thể hiện
ສາມັກຄີ	đoàn kết

ປອງດອງ

ຊາດ

ປະຊາກອນ

ແສນ

ສູນກາງ

ທີ່ຕັ້ງ

ສະພາ

ສູງສຸດ

ລັດຖະບານ

ຄະນະທູດຕາມທູດ

ບິນຕົວ

ສົມກັບ

ຫົວໃຈ

ກໍພະຄານ

ຮຸ່ງເຫລື້ອມ

hòa hợp

dân tộc

dân cư, công dân

muối vạn

Trung ương

địa điểm, vị trí

hội đồng

tối cao

chính phủ

ngoại giao đoàn

vươn lên

xứng đáng

trái tim

lâu đài

huy hoàng, tráng lệ

ບົດສົນທະນາ

ຈີ່ແທ່ງ: ພອນເອີຍ, ເຈົ້າເລົ່າໃຫ້ຂ້ອຍຟັງເຖິງເນືອງຫລວງວຽງຈັນແດ່ໄດ້ບໍ່?

ເຂົາວ່າວຽງຈັນງາມແທ້ເດີ.

ສົມພອນ: ໂອຍ! ສິບປາກວ່າກໍ່ບໍ່ເທົ່າຕາເຫັນດອກ. ຖ້າວ່າໄດ້ໄປເຫັນກັບຕາເຈົ້າ

ຈິ່ງ ຊິຮູ້ສຶກວ່າວຽງຈັນງາມແນວໃດ ແມ່ນບໍ່ອ້າຍ?

ຈີ່ແທ່ງ: ໂຢ້ວ ຄັນໄດ້ໄປແລ້ວກໍ່ຊ່າງຊິຖາມແລ້ວ ຂ້ອຍກໍ່ຊອກຮູ້ວຽງຈັນ ຈາກປຶ້ມ

ແລະ ວາລະສານ ແລ້ວແຕ່ວ່າຢາກນ້ອງເວົ້າລະວຽດແຕ່ເທົ່ານັ້ນແລ້ວ.
ສີສິມພອນ: ວຽງຈັນງາມບ່ອນໃດວ່າຕິ? ເນື່ອງຫລວງວຽງຈັນງາມທີ່ສຸດແມ່ນໃນ
ຍາມກາງຄືນເດືອນເຜິ້ງຖ້າອ້າຍຫາກໄດ້ໄປຢາມວຽງຈັນແລ້ວ ໃຫ້ຊອກ
ໂອກາດອອກຢ່າງເປັນລົມຕາມຖະໜົນແຄມຂອງໃນຍາມກາງຄືນເດີ!
ໂອຍຈັ່ງແນ່ນເປັນຕາອອນຊອນ, ເນື່ອງຫລວງວຽງຈັນໂຄ້ງກົງໄປຕາມ
ລຳຂອງຄືກັນກັບວົງເດືອນກອດກ່ອມຫາດດອນຈັນໄວ້ໃນຊວງອີກ.

ຈີ່ແທ່ງ: ເຮົາມີ ຂ້ອຍຈີ່ຄຳໂຄງທີ່ເວົ້າເຖິງວຽງຈັນວ່າ"ໃຜວ່າວຽງຈັນເສົ້າ ເຊົາ
ເດີຢາໄດ້ວ່ານັ້ນຊິໄປບາດຫລ້າ ໝາກແຕງຊ້າງໝ່ວຍປາຍ"ຂ້ອຍເຫັນ
ວ່າຄຳໂຄງນີ້ຈັບໃຈຫລາຍ ແລະ ເຫັນວ່າ ໃນອີກບໍ່ດົນວຽງຈັນ ຈະກາຍ
ເປັນຈັນເຜິ້ງດວງໜຶ່ງໃນພາກພື້ນອາຊີ ຢ່າງບໍ່ຕ້ອງສົງໃສ ແມ່ນບໍ່ນາງ? ຊ
ສີສິມພອນ: ແມ່ນແທ້ ອ້າຍຊ່າງປຽບທຽບແທ້ເນາະ. ຊາວວຽງຈັນພວມບຸກຫນ້າ
ປີນຕົວສ້າງວຽງຈັນໃຫ້ມາຫນ້າໃນທຸກດ້ານໃຫ້ໄວທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຈະໄວໄດ້
ແຕ່ມັນກໍ່ຕ້ອງເປັນໄປຕາມລຳດັບເນາະອ້າຍເນາະ.

ວຽງຈັນ

1. ຈິງເຕີນຄຳສັບ: ອາດ, ອາດຈະ, ສາມາດ, ອາດສາມາດ, ເປັນໄດ້
ລົງໃນຊ່ອງວ່າງໃຫ້ເໝາະສົມ.

-ດ້ວຍຄວາມຄຽ່ນຄົມທີ່ສຸດ ພວກເຮົາກໍ່.....ເວົ້າໄດ້ວ່າພັກເຮົາຍິ່ງໃຫຍ່ແທ້

-ເຈົ້າ.....ແລ່ນຮ້ອຍແມັດໂດຍເສຍເວລາພຽງແຕ່ 10 ວິນາທີບໍ່?

-ເພິ່ນລອຍນ້ຳບໍ່.....ເພິ່ນຈິ່ງບໍ່ກ້າລົງເຊອາບນ້ຳເຊ

-ຂ້ອຍເຫລິ້ນໝາກເສິກ.....ຢູ່ແຕ່ດຽວນີ້ຂ້ອຍຫລິ້ນບໍ່.....

ເພາະວ່າຂ້ອຍເຈັບຫົວຫລາຍ

-ເຈົ້າ.....ເວົ້າ.....ຈັກພາສາ?

-ບາງທີເພິ່ນ.....ຊ່ວຍເຈົ້າໄດ້ ເພາະວ່າເພິ່ນແຂງແຮງເຕີບໄດ້

2. ຈົງໂຮມປະໂຫຍກໃນໝວດ (ກ) ເຂົ້າກັບໝວດ (ຂ) ຕາມແບບປະໂຫຍກສົມມຸດ.

ກ

ຂ

-ຂ້ອຍເປັນເພິ່ນ

ຂ້ອຍເປັນສຸກໃຈຫລາຍ

-ຂ້ອຍບໍ່ຮູ້ເມື່ອຄີງ

ເຈົ້າບໍ່ເອີ້ນ

-ເພິ່ນໄດ້ໄປຢາມວຽງຈັນ

ເພິ່ນຊິເອົາຂອງໄປຕ້ອນເຈົ້າ

-ເຈົ້າກາຍເປັນນັກວິທະຍາສາດ

ເຈົ້າເຮັດຫຍັງ?

-ຂ້ອຍເປັນດາລາລະຄອນ

ຂ້ອຍຈະໄປຫລິ້ນລະຄອນຢູ່ບ້ານເກີດ

3. ຈົງແຕ່ງປະໂຫຍກໃຊ້ສັບ"ຊ່າງ"ມາ 5 ປະໂຫຍກ

4. ຈົງແຕ່ງປະໂຫຍກໃຊ້ສັບ "ຄື" ມາ 6 ປະໂຫຍກ ເຊິ່ງມີຄວາມໝາຍຕ່າງກັນ

5. ຈົງແຕ່ງປະໂຫຍກໃຊ້ວະລີ "....."ທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຈະ.....ໄດ້"
ມາ 5 ປະໂຫຍກ.

6. ອ່ານບົດອ່ານພື້ນຖານແລ້ວຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

-ແມ່ນໃຜເປັນຜູ້ຕັ້ງເມືອງວຽງຈັນເປັນເມືອງຫລວງ? ຍ້ອນຫຍັງ

-ເປັນຫຍັງວຽງຈັນຈຶ່ງກັບກາຍເປັນປ້ອນຫມັ້ນແຄມຊາຍແດນ?

-ຊື່ຖະຫນົນຕ່າງໆ ໃນວຽງຈັນຄືຈັ່ງເຕືອນໃຫ້ຊາວວຽງຈັນເຮັດຫຍັງ?

-ວຽງຈັນສວຍງາມດ້ວຍຫຍັງແດ່?

-ປັດຈຸບັນນີ້ວຽງຈັນເປັນທີ່ຕັ້ງຂອງອົງການຫຍັງແດ່?

-ຊາວວຽງຈັນພວມບຸກຫນ້າ ປົນຕົວເພື່ອເຮັດຫຍັງ?

7. ຜັດປຽນກັນສະແດງບົດບາດຂອງຈີ່ແຫ່ງ ແລະ ສີສົມພອນໃນບົດສົນທະນາ.

ບົດທີ 19

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ
2. ແບບວະລີ “ສຸດທິ + ຄຸນນາມ
+ ກິລິຍາບອກຄວາມຮູ້ສຶກ”
3. ວິທີໃຊ້ກິລິຍາຊ່ວຍ “ຄົງ”
4. ແບບວະລີ “ຍັງຄົງ.....ຢູ່”
5. ວິທີໃຊ້ຄຳຕໍ່ “ຈົນ” “ຮອດ”
6. ແບບປະໂຫຍກ “ມີແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນ ຈຶ່ງ.....”
7. ວິທີໃຊ້ຄຳສັບສຳຮອງ “ຄ່ອຍໆ”
8. ບົດອ່ານພື້ນຖານ “ທາດຫລວງວຽງຈັນ”

1. ທົບຫວນວິທີອ່ານ

ຈົງອ່ານຄຳສັບ ແລະ ວະລີຕໍ່ໄປນີ້:

ປຸ້ນ ຊິງ ເອື້ອນ ມິດ ຕາຍ ຢາດ ເລືອດ ຍັນ ຟອກ ເຜື້ອ
 ກົ້ວ ຢຸດຕິ ມິດຈິລີ ມາບງ ຄ່ອຍໆ ເບົາບາງ ປົກຄຸມ ກະຈາຍ
 ຈົດຈໍ ຂົວນົວ ສາລາ ກຸດຕິ ລວດລາຍ ນ້ຳຄຳ ສີໄມ້ ລາຍ
 ມີ ສີໄມ້ລາຍມີ ຝາມີ ອານຸສອນ ສຳນຶກ ຈອມທາດ ຈອມພູ ປະ

ກາຍ ແດດຝົນລົມແຮງ ສັກຂີ່ຜີຍາມ ເຫດການ ຮ້ອຍຢ່າງພັນແນວ
ກ້ອງຜ້າສະເທືອນດິນ ໄຊຊະນະອັນກ້ອງຜ້າສະເທືອນດິນ ສັນຍາ ສັນຍາ
ລັກ ສັນຕິ ສັນຕິສຸກ ສັນຕິພາບ ໂຮມລ້ວງ ປະເທດໂຮມລ້ວງ ຈູດ
ເລົາເຜົາຜານ ສັກດິນາ ສັກດິນາໄທ ພວກສັກດິນາປະຕິການ ປຸ່ນບ້ານ
ຊິງເມືອງ ກະສັດ ກະສັດລາວ ກະສັດໄທ ຮັກຊາດ ຜູ້ຮັກຊາດ ນ້ຳ
ໃຈຮັກຊາດ ນ້ຳໃຈຮັກຊາດອັນແຮງກ້າ ນ້ຳໜ້ານ້ຳຜາ ກອງຂັນອາສາ
ສູ້ ຕໍ່ສູ້ ສູ້ຍືນ ສູ້ຍືນການຮຸກຮານ ສູ້ຍືນການປຸ່ນບ້ານຊິງເມືອງ, ສູ້ຊົນ
ສູ້ຊົນອອກແຮງງາມ ສູ້ຊົນສ້າງສາປະເທດຊາດ ຢາດນ້ຳ ຢາດເລືອດ
ຢາດເລືອດສຸດທ້າຍ ສາຍເລືອດ ສາຍເລືອດດຽວກັນ ລຸກຂຶ້ນ ລຸກຮີ
ຂຶ້ນ ລຸກຂຶ້ນສູ້ ລຸກຮີຂຶ້ນສູ້ ລຸກຂຶ້ນສູ້ຍືນ ປະລາໄຊ ການປະລາໄຊຢ່າງ
ເຈັບແສບ ການປະລາໄຊຢ່າງສິ້ນເຊີງ ການປະລາໄຊຢ່າງໜ້າອັບອາຍ
ແສນຮັກ ແສນຮັກແສນແພງ ປະເທດຊາດອັນແສນຮັກແສນແພງ ເມືອງ
ຂຶ້ນ ລ່າເມືອງຂຶ້ນ ຫົວເມືອງຂຶ້ນ ຕົກເປັນຫົວເມືອງຂຶ້ນ ຍຸກສະໄໝ
ຫລາຍຍຸກຫລາຍສະໄໝ ປະທັບ ປະທັບຕາ ປະທັບໃຈ ປະທັບຕາປະ
ທັບໃຈ ລົ້ມ ລົ້ມທະລາຍ ລົ້ມຫາຍຕາຍຈາກ ຄົນລົ້ມຢາຂ້າມ ຂາຍ
ຊາດ ປະຕິການຂາຍຊາດ ສັກກະລາດ ເປີດສັກກະລາດໃໝ່ ເອກະ
ລາດ ເປັນເອກະລາດ ຄວາມເປັນເອກະລາດ ເອກະລາດທາງການ
ເມືອງ ເອກະລາດທາງເສດຖະກິດ ມຸ່ງໜ້າ ມຸ່ງໜ້າສູ້ ມຸ່ງໜ້າຂຶ້ນ
ສູ້ ລະບອບ ລະບອບການເມືອງ ລະບອບສັງຄົມນິຍົມ ລະບອບກອມມູ
ນິດ ລະບອບທຶນນິຍົມ ລະບອບສັກດິນາ ສະເໜີສະເໜີພາບ ສະເໜີ
ພາບລະຫວ່າງຢັງ-ຊາຍ ພ້ອມພຽງ ພ້ອມພຽງຮຽງໜ້າ ຮຽງແຖວ
ສະຫລາດ ສະຫລາດສ່ອງໃສ ສະຫລາດສະຫລຽວ ຢູ່ດີກິນດີ ຄວາມຢູ່
ດີກິນດີ ກ້າວໜ້າ ຄວາມກ້າວໜ້າ ຄວາມກ້າວໜ້າທາງສັງຄົມ

ແກ້ງເວົ້າ ແກ້ງຍ້ອງ ວ່າຕີ ງາມບ່ອນໃດວ່າຕີ ກາຍແລະໃຈ ພ້ອມ
ກັນ ພ້ອມກັນນັ້ນ ຄົນໃໝ່ ຄົນສັງຄົມນິຍົມ ມີແຕ່ ມີແຕ່ໄດ້ໄປເທົ່າ
ນັ້ນຈຶ່ງຈະຮູ້ ສູງສະຫງ່າ ສະຫງ່າລາສີ ສະຫງ່າງາມ ພໍແຮງ ດົນ
ພໍແຮງ ເມື່ອຍພໍແຮງ ເຫັນທາດຫລວງມາພໍແຮງແລ້ວ ເກືອບແມ່ນ ເກືອບ
ຖືກ ເກືອບຕາຍ ປາກຫວານ ປາກເປັນ ປາກຈັດ ປາກຮ້າຍໃຈຕີ

2 ແບບວະລີ “ສຸດທິ + ຄຸນນາມ”
“ສຸດທິ + ກິລິຍາບອກຄວາມຮູ້ສຶກ”

1.

ສຸດທິ	+ ຄຸນນາມ
ສຸດທິ	ງາມຕາ ມ່ວນຊື່ນ

2.

ສຸດທິ	+ ກິລິຍາບອກຄວາມຮູ້ສຶກ
ສຸດທິ	ຮັກແພງ
ສຸດທິ	ດີໃຈ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ເນື່ອງຫລວງ

ວຽງຈັນ
ຮ່າໂນ້ຍ
ພະນົມເປັນ

ສຸດທີ່

ງົດງາມ
ຝີລະອາດຫານ
ສະອາດສະອາງ
ມ່ວນຊື່ນ

ຂ.

ພວກເຮົາ
ປະຊາຊົນຫວຽດນາມ

ສຸດທີ່

ຮັກແພງ
ເຄົາລົບຮັກ
ເຄົາລົບນັບຖື
ເຊື່ອໝັ້ນ

ລູກໂຮ່
ບັນດາຜູ້ນຳຂອງພັກ

ຄ.

ພວກເຮົາ

ສຸດທີ່

ຕື້ນຕົ້ນໃຈ
ສະບາຍໃຈ
ດີໃຈ
ພໍໃຈ
ເປັນສຸກໃຈ
ທະນົງໃຈ
ຊົມເຊີຍ

ຕໍ່

-ໄຊຊະນະຂອງການປະຕິວັດ
-ເດືອນສິງຫາ
-ຜົນສຳເລັດຂອງນະໂນບາປະຕິ
ວັດເດືອນຕຸລາແຫ່ງລັດເຊຍ

ໆ.

ໃຜໆ ກໍ່ ສຸດທີ່

ຄຽດແຄ້ນ
ເປັນເດືອດເປັນແຄ້ນຕໍ່

-ໂທດກຳຂອງສັດຕູ
-ການປຸ້ນປ້ານຊົງເມືອງ
-ໄພດັບສູນເຊື້ອຊາດຂອງ
-ພວກໂປນປົດ
-ການຮຸກຮານຂອງຈັກ
ກະພັດອາເມລິກາ

3. ວິທີໃຊ້ກິລິຍາຊ່ວຍ"ຄົງ"

ຕົວຕັ້ງ	ຄົງ	+ ກິລິຍາ
ຝັນອງ ເຈົ້າ ເຝິນ	ຄົງ ຄົງຈະ ຄົງຈະ	ຮູ້ດີ ເຂົ້າໃຈ ໄປແລ້ວ

ຫມາຍເຫດ:

ບໍ່ໃຊ້"ຄົງ" ນຳຫມ້າຄຳຕົວຕັ້ງ ເຊັ່ນ: ບໍ່ເວົ້າວ່າ:
"ຄົງຝັນອງຮູ້ດີ"

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ຝັ່ງ

ພວກເຮົາ

ຄົງ

ຈິຈຳ

ຮູ້

ບໍລິມ

ວ່າ

- ປະເທດຊາດເຮົາເຄີຍເກີດເປັນຫົວ

ເມືອງຂຶ້ນຂອງພວກລ່າເມືອງຂຶ້ນ

ຝະລັ່ງ

- ພວກລ່າເມືອງຂຶ້ນຝະລັ່ງເຄີຍຂະນ

ຂ້າປະຊາຊົນເຮົາຢາງໂຫດຫ້ຽມ

- ປະຊາຊົນເຮົາໄດ້ລຸກຂຶ້ນສູ່ຢ້ນການປຸງ

ບ້ານຊົງເມືອງຈົນຢາດເລືອດສຸດທ້າຍ

ຂ.

ຮວ້າຍ

ຫ້ອງຝັກ

ຫ້ອງບັນຍາຍ

ສັງມາປອດຄົນແນວນັ້ນ?

- ພວກເຂົາ

- ນັກສຶກສາ

ຄົງຈະ

ເມື່ອ

ໝົດແລ້ວຕໍ່!

ໄປຊ້ອມບານ

ອອກໄປໃນສວນ

ຄ.

ພວກອ້ອຍ
ພວກເພີນ

ຄົງຕ້ອງ

ຫົວຫລາຍ
ຫນາວສະບັ້ນ
ຝັກຢູ່ຫັ້ນ

ຫາກ

ຝົນບໍ່ເອື້ອນ
ເຈົ້າບໍ່ຊ່ວຍເຫລືອ

4. ແບບວະລີ “ຍັງຄົງ.....ຢູ່”

ຍັງຄົງ	+ ກິລິຍາ + ຄຸນນາມ	ຢູ່
ຍັງຄົງ	ຊື່	ຢູ່
ຍັງຄົງ	ຮຽນ	ຢູ່
ຍັງຄົງ	ແຂງແຮງ	ຢູ່

ຫນ້າຍເຫດ:

“ຍັງຄົງ”.....ຢູ່ = “ຍັງ.....ຢູ່”
 “ຄົງຍັງ”.....ຢູ່ = “ຄືຊື່ຍັງ.....ຢູ່”

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ຂ້ອຍ
ເຂົາ
ເພິ່ນ
ລາວ

ເວົ້າແນວໃດກໍຍັງຄົງ

ນັ່ງເສີຍ
ມືດຮຸ່ງ
ບໍ່ປາກບໍ່ຕິງ
ຮັກສາເດີມ
ເສຍດາຍ
ເສຍໃຈ

ຢູ່

ຂ.

ທາດຫລວງ ຍັງຄົງ

ເປັນທີ່ທະນົງໃຈຂອງຄົນລາວ
ສະຫງ່າລາສີ
ສວຍງາມ
ສູງສະຫງ່າ

ຢູ່ຕະຫລອດໄປ

ຄ.

ພວກເຮົາໃຜກໍຍັງຄົງ

ຖະໜອມຮັກ
ເຄົາລົບຮັກ
ຄິດຮອດ
ເຊື້ອຝັງ

ລູກໂຮ່ຢູ່

ງ.

ເຖິງວ່າ ເຖົ້າແລ້ວ ແຕ່

ເຝົ້ນ

ກໍຍັງຄົງ

ແຂງແຮງ

ຢູ່ໄດ

ລາວ

ງາມ

ສ່ອງໃສ

ມັກມ່ວນ

ມັກຢອກ

ຈ.

ອຸ້ຍຕາຍ!

ຕື້າຍຕາຍ

ເຈົ້າຍັງຄົງນັ່ງຖ້າ

ຂ້ອຍ

ພາເຂົ້າ

ລົດ

ຝົນເອື້ອນ

ເບິ່ງໂທລະທັດ

ຢູ່ຫວະ?

5. ວິທີໃຊ້ຄຳຕໍ່ “ຈົນ” - “ຮອດ”

1.

ກິລິຍາ	+ ຈົນ	+ ວະລີບອກຈຸດໝາຍ
ສູ້ຢັນ	ຈົນ	ຢາດເລືອດສຸດທ້າຍ
ຊື່	ຈົນ	ວັນຕາຍ

2.

ກິລິຍາ	+ ຈົນກວ່າ	+ ປະໂຫຍກ
ຕໍ່ສູ້	ຈົນກວ່າ	ສັດຕູຍອມປະລາໄຊ
ຮຽນ	ຈົນກວ່າ	ຝ່າຮຸ່ງ
ຖ້າ	ຈົນກວ່າ	ຝົນເອື້ອນ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸງແທນ

ກ.

ປະຊາຊົນ

ລາວ
ຫວຽດນາມ
ກຳປູເຈຍ

ໄດ້ ສູ້ຢູ່

ການຮຸກຮາມ
ຂອງພວກລ່າ
ເມືອງຂຶ້ນຝະລັ່ງ

ຈົນ

ຢາດເລືອດສຸດທ້າຍ
ໄດ້ຮັບໄຊຊະນະ
ຂັ້ນສຸດທ້າຍ

ຂ.

ບໍ່ເປັນຫຍັງດອກ ຂ້ອນຊີນັ້ນ

ຖ້າ

ຢູ່ຝັ່ງຈົນໝົດເວລາກໍໄດ້

ຮຽນ

ຝັງ

ເບິ່ງ

ຄ.

ຂຸມຂ້ອຍວ່າຊີນັ້ງ

ຖ້າ
ຮຽນ
ເບິ່ງ
ຝັງ

ຈົນກວ່າ

ເພິ່ນ
ເຈົ້າ

ກັບມາ

ງ.

ພວກເຮົາຍັງຕ້ອງສູ້ຊົນ ຈົນກວ່າ

ຊີໄດ້ຮັບຜົນສຳເລັດ
ໃຜກໍ່ໄດ້ຍູດິກິນດີ
ປະເທດຊາດເຮົາຈະເລີນພັດທະນາ
ທຸກຄົນລ້ວນມີຊີວິດອັນຜາສຸກ

6.ແບບປະໂຫຍກ “ມີແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນຈຶ່ງ”

1.

ມີແຕ່	+ ກຳມະ	ເທົ່ານັ້ນ	+ ຕົວຕັ້ງ	+ ຈຶ່ງ	+ ກຳມະ
ມີແຕ່	ໄດ້ໄປເຫັນກັບຕາແລ້ວ	ເທົ່ານັ້ນ	ເຮົາ	ຈຶ່ງ	ຮູ້ວ່າວຽງຈັນ ງາມປານໃດ

2.

ນິແຕ່	ຕົວຕັ້ງ	+ ກຳມະ	+ ເທົ່ານັ້ນຈິ່ງ	+ ກຳມະ
ນິແຕ່	ເຮົາ	ໄດ້ໄປເຫັນກັບ ຕາແລ້ວ	ເທົ່ານັ້ນຈິ່ງ	ຮູ້ໄດ້ວ່າວຽງຈັນງາມປານໃດ

3.

ນິແຕ່	+ ປະໂຫຍກ	+ ເທົ່ານັ້ນ	ຕົວຕັ້ງ	+ ຈິ່ງ	+ ກຳມະ
ນິແຕ່	ພວກເຮົາຕ້ອງຕໍ່ສູ້	ເທົ່ານັ້ນ	ສັດຕູ	ຈິ່ງ	ຍອມຢຸດຕິ ການຮຸກຮານ
ນິແຕ່	ພວກເຮົາຕ້ອງສູ້ຊົນ ອອກແຮງງານ	ເທົ່ານັ້ນ	ຊີວິດພວກ ເຮົາ	ຈິ່ງ	ຜາສຸກໄດ້

ແບບປະໂຫຍກແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ນິແຕ່ໄດ້ໄປເຫັນກັບຕາ ເທົ່ານັ້ນ

ພວກເຮົາ
ເຈົ້າ

-ຈິ່ງຮູ້ວ່າທາດຫລວງງາມແນວໃດ
-ຊາວວຽງຈັນດຸກນັ້ນປານໃດ
-ບຸນທາດຫລວງມ່ວນປານໃດ
-ຄົນລາວຖະໜອນແຂກຄົນແທ້

ຂ.

ນິແຕ່

ພວກເຮົາ
ພວກເພິ່ນ

ຕ້ອງ

ສູ້ຊົນອອກແຮງງານ
ພາກພຽນ
ດຸກນັ້ນ

ເທົ່ານັ້ນຈຶ່ງຈະ

ສຸກສຳລານໄດ້
ພໍພົບພໍຢູ່
ພໍລ້ຽງປາກລ້ຽງ
ຫ້ອງ

ຄ.

ນິແຕ່ພວກເຮົາສ້າງຜົນຖານເສດຖະກິດໃຫ້ດີ

ປະຊາຊົນເຮົາ

ຈຶ່ງຜາສຸກໄດ້

ລູກຫລານເຮົາ
ພໍແນ່ພໍນ້ອງເຮົາ
ປວງຊົນເຮົາ

7. ວິທີໃຊ້ຄຳສັບສຳຮອງ “ຄ່ອຍໆ”

ຄ່ອຍໆ	+ ກິລິຍາ + ຄຸນນິພາມ
ຄ່ອຍໆ	ກ້າວໄປ ສູງຂຶ້ນ

ໝາຍເຫດ:

-ຄ່ອຍໆ + ກິລິຍາ ໝາຍເຖິງ ກິລິຍານັ້ນເປັນໄປຕາມລຳດັບ

ເທື່ອລະຊັ້ນ ເທື່ອລະກ້າວ

-ກິລິຍາ + ຄ່ອຍໆ ໝາຍເຖິງ ກິລິຍານັ້ນມີສຽງດັງເບົາໆ.

ບໍ່ແຮງ, ບໍ່ດັງ

ຈຶ່ງສັງເກດຄວາມແຕກຕ່າງລະຫວ່າງສອງປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້

ກ. ຄ່ອຍໆ ເວົ້າກັບເພິ່ນ ເດີ! - ເວົ້າຫລາຍເທື່ອ

ຂ. ເວົ້າກັບເພິ່ນຄ່ອຍໆແດ່ເດີ! - ເວົ້າບໍ່ດັງ

ບົດເຝິກຫັດແບບປຸ້ນແທນ

ກ.

ເຜື້ອຂາວຄ່ອຍໆ

ເບົາບາງລົງ

ລອຍຕ່ຳລົງ

ປົກຄຸມຈອມຫາດ

ກະຈາຍໄປທົ່ວຂົງເຂດ

ຂ.

ບໍ່ເປັນຫຍັງດອກ ຈຶ່ງຄ່ອຍໆ

ເວົ້າ

ກັບເພິ່ນກໍ່ໄດ້

ລົມ

ຂໍ

ບອກ

ຮຽນ

ຄ. ຍ້ອນວ່າ

ດູໝັ່ນ

ຝາກຜຽນ

ເອົາໃຈໃສ່ຈິດຈໍ່

ຕັ້ງໜ້າເຮັດວຽກ

ຜະຍາຍາມ

ຊີວິດການເປັນຢູ່ຂອງເຮົາຈຶ່ງຄ່ອຍໆດີຂຶ້ນ

8. ບົດອ່ານພື້ນຖານ

ທາດຫລວງວຽງຈັນ

(ຄັດເຟັ້ນຈາກ "ລູກສາວຂອງພັກ" ໂດຍ ສ.ບຸບຜານຸວົງ, ສຳນັກພິມ ແລະ ຈຳໜ່າຍປຶ້ມ ສປປລາວ - ວຽງຈັນ, 1982)

ເຮົາມີໂອກາດໄດ້ໄປເຫັນທາດຫລວງວຽງຈັນ ໂອຍ! ຈັ່ງແມ່ນຊາດສະຫງ່າລາສີ, ເຮົາ ແລະ ໝູ່ສອງຄົນພາກັນໄປຊົມທາດຫລວງຕັ້ງແຕ່ເຊົ້າ. ນ້ຳໝອກຍາມໝາວຍັງກົວຂົວມົວທົ່ວໄປ ແລະ ເປັນເຝື້ອສີຂາວລອຍເລື່ອນປົກຄຸມຫລັງຫໍໄຊສາລາພັນຫ້ອງ ແລະ ກຸດດິທີ່ມີລວດລາຍຟອກນ້ຳຄຳຢ່າງງາມຕາ... ພວກເຮົາສູດທີ່ຕື່ນຕົ້ນໃຈເມື່ອໄດ້ເຫັນສີໄມ້ລາຍມືຂອງປູ, ຍ່າ, ຕາ, ຍາຍ ພວກເຮົາໃນສະໄໝກ່ອນ ສ້າງໄວ້ເປັນອານຸສອນໃຫ້ລູກຫລານລຸ້ນຫລັງ, ນອກນັ້ນພວກເຮົາຍັງສຳນຶກເຫັນວ່າ ຈອມທາດຫລວງທີ່ເຫລື້ອມເປັນປະກາຍຕໍ່ແສງແດດນັ້ນ ໄດ້ຜ່ານແດດຝົນລົມແຮງມາເປັນຮ້ອຍໆ ປີແລ້ວຄົງເປັນສັກຂີພິຍານໃຫ້ແກ່ເຫດການຮ້ອຍຢ່າງພັນ

ແນວຂອງສັງຄົມລາວ.

ຝີນ້ອງຄົງຮູ້ແລ້ວວ່າ ທາດຫລວງວຽງຈັນໄດ້ ສ້າງຂຶ້ນໃນສະໄໝເຈົ້າໄຊຍະ ເສດຖາທິລາດ, ທາດຫລວງຄົງເປັນສັກຂີພິຍານໃຫ້ແກ່ໄຊຊະນະອັນກ້ອງຟ້າສະ ເທືອນດິນຂອງປວງປະຊາຊົນລາວເຮົາໃນສະໄໝນັ້ນ, ຕໍ່ມາໃນສະໄໝເຈົ້າສຸລິ ຍະວົງສາທາດຫລວງກໍໄດ້ເປັນສັນຍາລັກແຫ່ງສັນຕິພາບຕ້ອນຮັບແຂກເມືອງທຶນາ ຈາກປະເທດໂຮມລັງ.

ແຕ່! ທາດຫລວງກໍໄດ້ເປັນສັກຂີພິຍານໃຫ້ແກ່ການຈູດເລົ່າເຜົາຜານຂອງພວກ ສັກດິນາໄທ ທີ່ເຂົ້າມາປຸ້ນບ້ານຊົງເມືອງຂອງພວກເຮົາໃນສະໄໝ ເຈົ້າອານຸກະ ສັດລາວທີ່ມີນ້ຳໃຈຮັກຊາດອັນແຂງກ້າ ນຳໜ້າກອງຂັນອາສາຂອງປະຊາຊົນລາວ ລຸກຂຶ້ນສູ່ຍືນຈົນເຖິງຢາດເລືອດສຸດທ້າຍ...

ທາດຫລວງວຽງຈັນ ບໍ່ສະເພາະແຕ່ໄດ້ເປັນສັກຂີພິຍານໃຫ້ແກ່ການປະລາໄຊ ອັນເຈັບແສບ ຂອງຊາດລາວພວກເຮົາໃນສະໄໝເຈົ້າອານຸເທົ່ານັ້ນ ຫາກຍັງໄດ້ ເປັນສັກຂີພິຍານໃຫ້ແກ່ການທີ່ປະເທດຊາດອັນແສນຮັກຂອງພວກເຮົາຕົກເປັນ ຫົວເມືອງຂຶ້ນຝະລັ່ງອີກດ້ວຍ....

ທາດຫລວງວຽງຈັນໄດ້ເປັນສັກຂີພິຍານໃຫ້ແກ່ໄຊຊະນະກໍຄືການ ປະລາໄຊຂອງ ຊາດເຮົາໃນຫລາຍຍຸກຫລາຍສະໄໝ ແຕ່ສິ່ງປະທັບໃຈທີ່ສຸດແມ່ນໃນວັນທີ 13 ເດືອນ 8 ປີ 1975 ທາດຫລວງໄດ້ເປັນສັກຂີພິຍານໃຫ້ແກ່ການລົ້ມທະລາຍແຫ່ງ ອຳນາດການປົກຄອງຂອງພວກລ່າເມືອງຂຶ້ນ ແລະ ພວກສັກດິນາປະຕິການຂາຍ ຊາດ, ເປີດສັກກະຫລາດໃໝ່ໃຫ້ແກ່ປະເທດຊາດອັນແສນຮັກຂອງພວກເຮົາ ທີ່ຈະ ມີຄວາມເປັນເອກະລາດອັນແທ້ຈິງ ແລະ ມຸ່ງໜ້າຂຶ້ນສູ່ລະບອບສັງຄົມນິຍົມ ເຊິ່ງ ເປັນລະບອບທີ່ດີເລີດ, ທຸກຄົນມີສິດສະເໝີພາບ, ຝີນ້ອງຮ່ວມຊາດທຸກຊົນຊາດ, ຊົນເຜົ່າ ພາຍໃຕ້ການນຳອັນສະຫລາດສ່ອງໃສຂອງພັກ ພ້ອມພຽງຮຽງໜ້າກັນ ສ້າງສາຊີວິດໃໝ່, ຊີວິດແຫ່ງຄວາມຢູ່ດີກິນດີ ແລະ ກ້າວໜ້າທາງສັງຄົມ.

Từ vựng

ປະມວນສັບ

ສະຫງ່າລາສີ	rực rỡ, huy hoàng
ນ້ຳໝອກ	sương mù
ຍາມໝາວ	mùa đông
ກິ້ວຂົວມິວ	mờ mịt, mịt mù
ຝື້ອ	mây
ລອຍເລື່ອນປົກຄຸມ	bao trùm, bệnh bồng bao phủ
ຫລັງ, ຫລັງຫໍ	mái, mái lầu
ກຸດດິ	nhà tổ, nơi các nhà sư tụng kinh
ລວດລາຍ	hoa văn
ຝອກນ້ຳຄຳ	dắt vàng
ສີໄມ້ລາຍມື	khéo léo, hoa tay
ປູ່ຍ່າຕາຍາຍ	tổ tiên ông bà ông vải
ອະນຸສອນ	lưu niệm, kỷ niệm, ký ức
ຈອນ	đỉnh, ngọn
ເລື້ອມ	óng ánh
ສັກຂີພິຍານ	chứng kiến; minh chứng
ເຫດການ	sự kiện
ສະໄໝ	thời kỳ, triều đại
ໄຊຊະນະ	thắng lợi
ກ້ອງຝ້າເທືອນດິນ	vang lưng, vang dội

ສັນຍາລັກ	tượng trưng
ປຸ້ນປ້ານຊົງເມືອງ	cướp bóc, xâm lược
ແຮງກ້າ	kiên cường
ລຸກຂຶ້ນ	nổi dậy, vùng lên
ຢາດ	giọt (nước)
ສະເພາະ	riêng
ເຈັບແສບ	đau đớn, đau xót
ລົ້ມທະລາຍ	sụp đổ
ປະຕິການ	phản động
ຂາຍຊາດ	bán nước
ສັກກະລາດ	kỷ nguyên
ໃໝ່	mới
ປະເທດຊາດ	Tổ quốc
ເອກະລາດ	độc lập
ແທ້ຈິງ	thực sự ; chân chính
ມຸ່ງໜ້າ	tiến bước, tiến lên
ສະເໝີພາບ	bình đẳng
ຝັນໂງ່ຮ່ວມຊາດ	đồng bào
ຊົນເຜົ່າ	bộ tộc
ການນໍາ	sự lãnh đạo
ສະຫລາດສ່ອງໃສ	sáng suốt
ຢູ່ດີກິນດີ	ấm no
ກ້າວໜ້າ	tiến bộ

ບົດສົນທະນາ

ຈີ່ແທ່ງ: ພອນ! ໂອຍ ດີໃຈເດ! ທີ່ໄດ້ພໍ້ນ້ອງອີກ ເປັນແນວໃດ? ຢູ່ດີ
ມີແຮງຢູ່ດີ?

ສິສິມພອນ: ເຈົ້າຂອບໃຈ ນ້ອງກໍຍັງຄ່ອຍສະບາຍດີຢູ່ ໃສ່ວ່າອ້າຍຫາກໍໄປວຽງ
ຈັນ ມາຊົ່ນຫວະ? ໄດ້ຊອກໂອກາດໄປຊົ່ນວຽງຈັນຄັກແນ່ ແລ້ວຕໍ່?

ຈີ່ແທ່ງ: ໂທ! ຄັນຊີໃຫ້ຊົ່ນຄັກແນ່ ຄືຊິຕ້ອງໃຊ້ເວລາເປັນເດືອນໆພຸ່ນແລ້ວ ເຮົາພຽງ
ແຕ່ໄດ້ໄປຊົ່ນ ບູຮານສະຖານ ແລະ ວັດວາອາຮາມໄດ້ຈຳນວນໜຶ່ງເທົ່າ
ນັ້ນ.

ສິສິມພອນ: ອ້າຍເຫັນວຽງຈັນເຮົາເປັນແນວໃດ?

ຈີ່ແທ່ງ: ເວົ້າແທ້ແລ້ວ ວຽງຈັນງາມອີກສິດໃດ ບໍ່ແມ່ນແກ້ງຍ້ອງດອກ! ງາມບ່ອນ
ໃດວ່າດີ?

ກ່ອນອື່ນໝົດ ແມ່ນຄົນເມືອງຫລວງ, ເຂົາເຈົ້າງາມທັງກາຍ ແລະ ໃຈ
ພວກເຂົາພວມບຸກຢືນເຜື່ອສ້າງຊີວິດໃໝ່ພ້ອມກັນນັ້ນກໍ່ເຝິກຝົນຫລັກຫລອມ
ຕົນເອງ ໃຫ້ກາຍເປັນຄົນໃໝ່, ຄົນສັງຄົມນິຍົມ, ວຽງຈັນຍັງງາມດ້ວຍ
ບູຮານສະຖານ ແລະ ບູຮານວັດຖຸຫລາຍແຫ່ງແຕ່ໜ້າເສຍດາຍທີ່ເຮົາ
ບໍ່ໄດ້ໄປເຫັນທຸກບ່ອນ.

ສິສິມພອນ: ເຫັນບໍ່! ນ້ອງກໍຍັງເຄີຍ ບອກອ້າຍແລ້ວເດ ວ່າ:

“ສືບປາກວ່າກໍ່ບໍ່ທົ່ຕາເຫັນ”

ຈີ່ແທ່ງ: ແມ່ນແທ້! ມີແຕ່ໄດ້ໄປເຫັນກັບຕາ ເຮົາຈຶ່ງຮູ້ໄດ້ວ່າ ວຽງຈັນ ງາມປານ
ໃດ, ເຮົາກັບໝູ່ໄດ້ໄປຍືນຊົມທາດຫລວງຕັ້ງແຕ່ເຊົ້າ, ເວລານັ້ນແສງ
ແດດເລີ່ມສາດສ່ອງລົງມາຫາດິນ, ໝູ່ເພື່ອຂາວໄດ້ຄ່ອຍໆ ເບົາບາງ
ລົງ ເຮັດໃຫ້ຈອມທາດເຊິ່ງສູງສະຫງ່າ ແລະ ຝອກຄຳເຫລື້ອມມາບາງຢູ່

ນັ້ນ ສິ່ງລັດສະໝີເປັນປະກາຍ ຢ່າງງາມຕາ ໂອຍ! ຈັງ ແມ່ນຊາດສະ
ຫງ່າລາສີ!

ສີສິມພອນ: ອ້າຍກໍ່ຊ່າງບັນຍາຍໄດ້ຄັກແນ່ແທ້ນັ້ນ! ສຳລັບຊາວເມືອງຫລວງຄື ນັ້ນ
ທີ່ເຄີຍເຫັນທາດຫລວງມາພໍ້ແຮງແລ້ວ ຍັງສຳນຶກເຫັນອີກວ່າ ທາດຫລວງ
ໄດ້ຜ່ານແດດຝົນລົມແຮງມາຕັ້ງແຕ່ສະໄໝເຈົ້າໄຊຍະເສດຖາຖິລາດພຸ້ນ
ຄົງໄດ້ເປັນສັກຂີພິຍານໃຫ້ແກ່ເຫດການ ຮ້ອຍຢ່າງພັນແນວຂອງສັງຄົມ
ລາວ, ໃຫ້ແກ່ໄຊຊະນະກໍ່ສຶກການປະລາໄຊຂອງຊາວລາວເຮົາ.....ເອີ...
ສຳລັບອ້າຍແລ້ວ ສິ່ງປະທັບໃຈທີ່ສຸດຂອງອ້າຍແມ່ນອີສັງນ້? ແມ່ນສາວງ
ເມືອງວຽງຕື່?

ຈິ່ແທ່ງ: ໂອຍ ເກືອບແມ່ນ! ສາວເມືອງວຽງທັງງາມທັງເກັ່ງ ແຕ່ວ່າຜູ້ງາມ ທີ່
ສຸດ, ເກັ່ງທີ່ສຸດ ຊ້ຳພັດມາຢູ່ຮ່າໂນ້ຍຜີແລ້ວ ເດ!

ສີສິມພອນ: ບໍ່ ວ່າເີ! ປາກຫວານແທ້ນັ້ນ ອ້າຍກໍ່ດາຍ!

ວຽງບ້ານ

1. ຈົງປຽນປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ເປັນປະໂຫຍກໃຊ້ວະລີ “ສຸດທີ່ + ຄຸນນາມ” ຫລື “ກິ
ລິຍາ”

-ພວກເຈົ້າຊ່າງດຸໝັ່ນແທ້!

-ໃຜກໍ່ຊົມເຊີຍວ່າປະຊາຊົນລາວຜິລະອາດຫາມເປັນຢ່າງຍິ່ງ.

-ທາດຫລວງວຽງຈັນງາມເອົາແທ້ເອົາວ່າ.

-ຄົນລາວຖະໜອນແຂກຄົນແທ້.

-ບໍ່ວ່າແຕ່ຄົນຫວຽດນາມ ປະຊາຊົນຜູ້ອອກແຮງງານທົ່ວໂລກລ້ວນແຕ່ຮັກແພງລຸງ

ໂຮ່ ເປັນທີ່ສຸດ.

-ເຮົາຕື່ນຕົນໃຈຫລາຍ ເມື່ອຮູ້ວ່າໂຕໄປຢາມແມ່ເຮົາຢູ່ໂຮງໝໍ.

2. ຈົງແຕ່ງ 4 ປະໂຫຍກທີ່ສະແດງໃຫ້ເຫັນຄວາມໝາຍຕ່າງກັນລະຫວ່າງ "ຄົງຍັງ" ແລະ "ຍັງຄົງ".

3. ຈົງເຕີມຄຳສັບ "ຈົນ" "ຈົນກວ່າ" ຫລື "ຮອດ" ລົງໃນຊ່ອງວ່າງໃຫ້ເໝາະສົມ.

-ນີ້ວານນີ້ເຈົ້າເມືອ.....ບ້ານຕອນຈັກໂມງ.ຊ

-ເຈົ້າຖ້າຂ້ອຍ.....ຮອດຈັກໂມງຈັງເມືອ?

-ເພິ່ນຊິຖ້າເຈົ້າຢູ່ນີ້.....ເຈົ້າຊິກັບນາ.

-ພວກເຮົາຈະພະຍາຍາມຮຽນ.....ສຳເຣັດຜົນ.

-ນາງ ສິສິມພອນ ອ່ານປຶ້ມເຫລັ້ມນັ້ນຕັ້ງແຕ່ຕົ້ນ.....ຈົບ

4. ຈົງແຕ່ງ 4 ປະໂຫຍກທີ່ສະແດງໃຫ້ເຫັນຄວາມໝາຍຕ່າງກັນລະຫວ່າງ "ຄ່ອຍໆ + ກິລິຍາ" ແລະ "ກິລິຍາ + ຄ່ອຍໆ".

5. ຈົງໂຮມປະໂຫຍກໃນໝວດ (ກ) ແລະ ປະໂຫຍກໃນໝວດ (ຂ) ເຂົ້າເປັນປະໂຫຍກ ຕາມແບບປະໂຫຍກ "ນີ້ແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນຈິ່ງ....."

ກ

-ພວກເຮົາພະຍາຍາມຢ່າງເຕັມທີ່

-ນັກສຶກສາເຮັດຕາມຄຳສອນຂອງຄູ

-ພວກເພິ່ນໝັ່ນເຮັດອະນາໄມ

-ທຸກຄົນຮັກສາສຸຂະພາບໃຫ້ດີ

-ພວກເຮົາບໍ່ພາກພຽນ

ຂ

ພວກເຮົາເຮັດຫລ້ວນໝ້າທີ່

ນັກສຶກສາກ້າວໜ້າໄດ້

ຫ້ອງພັກສະອາດສະອາງ

ທຸກຄົນຮຽນໄດ້ດີ

ພວກເຮົາຊິທຸກຍາກ

6. ປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ຜິດ ຫລື ຖືກ ຄົ້ນຜິດກໍ່ແກ້ໃຫ້ຖືກ.

- ຄົງຈະນາງສິມພອນກັບເມືອບ້ານແລ້ວຕື້.

- ເພິ່ນຄືຊິແມ່ນວ່າ ບໍ່ເຄີຍຮຽນພາສາຕ່າງປະເທດເທື່ອ.

- ຂ້ອຍຊິຍັງຄົງນັ່ງຢູ່ຝີ ຮອດເຝີນບອກຂ້ອຍເມື່ອ
- ພວກເຮົາມີແຕ່ເຮັດວຽກເທົ່ານັ້ນ ເຝີນໃໝ່ຊົນເຊີຍ
- ຊີວິດການເປັນຢູ່ ຂອງພວກເຮົາພວມດີຂຶ້ນຄ່ອຍໆ
- ຄ່ອຍໆ ປາກແດ່! ເຝີນກຳລັງນອນ
- ຂ້ອຍຊິເບິ່ງໜັງສືຈົນກວ່າເດິກ
- ຂ້ອຍຂໍໂທດເຝີນແນວໃດ ເຝີນກໍຍັງຄົງຄຣຸດຢູ່ຄືເກົ່າ.

7. ຈົງອ່ານບົດອ່ານພື້ນຖານແລ້ວຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້:

- ຜູ້ຂຽນໄປຊົມທາດຫລວງວຽງຈັນກັບໃຜ, ຍາມໃດ?
- ຫັດສະນີຍະພາບໃນຂົງເຂດທາດຫລວງຕອນນັ້ນເປັນແນວໃດ?
- ຜູ້ຂຽນມີຄວາມສໍາພັນແນວໃດຕໍ່ທາດຫລວງ?
- ໃຜເປັນຜູ້ສ້າງທາດຫລວງໃນສະໄໝໃດ?
- ພວກສັກດີນາໄທຣຸກຣານ ຈູດເລົ່າເຜົາຜານເມືອງລາວໃນສະໄໝໃດ?
- ເຈົ້າໄດ້ບໍ່ວ່າ ພວກລ່າເມືອງຂຶ້ນຝະລັ່ງ ເລີ່ມຮຸກຮານລາວໃນສະໄໝໃດ?
- ທາດຫລວງໄດ້ເປັນສັນຊີພິຍານໃຫ້ແກ່ໄຊຊະນະອັນຍິ່ງໃຫຍ່ທີ່ສຸດຂອງການປະຕິວັດລາວ ເມື່ອໃດ?
- ຫລັງຈາກໄຊຊະນະນັ້ນແລ້ວ ປະຊາຊົນລາວເຮັດຫຍັງ?
- ຈົງເລົ່າໃຫ້ໝູ່ຄູ່ຝັງເຖິງທາດຫລວງວຽງຈັນຕາມທີ່ເຈົ້າໄດ້ຮູ້ຫລັງຈາກໄດ້ອ່ານບົດອ່ານພື້ນຖານນີ້ແລ້ວ.

8. ຈົງຜັດປຽນກັນອ່ານ ບົດບາດຂອງ ຈີ່ແຫ່ງ ແລະ ສີສິນພອນ ໃນບົດສົນທະນາ ແລ້ວລິນກັນດ້ວຍເມື້ອໃນກ່ຽວກັບທາດຫລວງ.

ບົດທີ 20

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ
2. ທົບທວນການໃຊ້ຄຳສັບ ແບບວະລີ ແລະ ແບບປະໂຫຍກ
3. ບົດອ່ານພື້ນຖານ “ນິທານເລື່ອງຊຽງຫມັ່ງ”.

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ

ຈົງອ່ານຄຳສັບ ແລະ ວະລີຕໍ່ໄປນີ້:

ແອກ ແອກການປົກຄອງ ຈູບ ຫອມ ຫອມແມ້ນ ດອກໄມ້ຫອມ
ງາມແຕ່ຮູບຈູບບໍ່ຫອມ ລົ້ມ ນິດ ນິດຈີ່ລີ່ ນິນ ນິນຕາລົກໄລ່ ສະ
ເງີ້ ຕົກສະເງີ້ ຫາບ ຫາບນ້ຳ ຫາບທໍຫມັ່ງ ວິດ ວິດຕາຍ ຂ້າມ
ວິດ ນັ້ນ ຂ້າມນັ້ນ ແນວໃດກໍ່ຊິບໍ່ນັ້ນດອກ ນີ ຝາມີ ສີມີ ຝ້ອງ
ຝ້ອງຮ້ອງ ສິກ ສິກຈາກເພດສາມະເນນ ຝືດ ຕົ້ນ ລົກຫາດຕົ້ນ ນ້ຳ
ລົກ ຫລຽວ ຫລຽວເບິ່ງ ເສຍການພະນັນ ໄດ້ກໍ່ໄດ້ເສຍກໍ່ເສຍ ປົດ
ປົດຜ້າຄຸມ ລຸຍນ້ຳ ກ້າວ ກ້າວຂ້າມ ກ້າວບາດດຽວ ຈົ່ວ ພໍ່ຄ້າ
ສາມະເນນ ເນນນ້ອຍ ຈົ່ວນ້ອຍ ຊຽງ ຊຽງນ້ອຍ ຊຽງຫມັ່ງ ຕົກ
ລົງ ຕົກລົງລາຄາ ຕົກລົງກັນ ຖຽງ ຖົກຖຽງ ລະບຽບວິໄນ ຮີດ
ຄອງ ຝົກຊຸ ຄູບາ ພ້ອກ ແມ່ອອກ ມະຫາ ທິດພະ ພະອົງຫນຶ່ງ

ສາມະເນນຄົນໜຶ່ງ ຈົ່ວຄົນໜຶ່ງ ພໍ່ຄ້າ ແມ່ຄ້າ ລູກຄ້າ ຜ້າຄຸມ
 ເສື້ອຄຸມ ສະບົງ ຈິວອນ ສານ ຂຶ້ນສານ ບ້າ ເປັນບ້າ ຜີບ້າ ໂງ່
 ໂງ່ຈ້າ ກະດໍ້ ໜ້າຢາກຫົວກະດໍ້ ເປັນຕາຫົວກະດໍ້ ພະຍາ ພະຍາ
 ເມືອງ ຕັດສິນ ທ່ຽງທໍາ ກະຊ້າ ບາດ ສີ່ຊ້າຫ້າບາດ ຜອງໃສ່
 ສີ່ ສີ່ຫາເຫດຜົນ ຂີ້ສີ່ ຫຸ່ມ ຫຸ່ມລຸ່ມ ນົກ ສໍານົກ ນົກວ່າ ນົກ
 ຄຽດ ນົກຄຽດໃນໃຈ ຂົ່ມເຫັງ ຂົ່ມເຫັງເຕັງເຕັກ ກົດຂົ່ມເຫັງ ອົດ
 ອົດ ສົມໄວ້ກິນຫວານ ອົດກັນ ອົດທົນ ອົດເຂົາ ອົດນ້ຳ ຖູ ຖູໄຖ
 ຍອມ ຍອມເສຍການພະນັນ ຍອມປັນຍາ ຮິບໂຮມ ເຕົ້າໂຮມ ຈົມ
 ຮອດດຽວນີ້ ຈົມກາລະບັດນີ້

2. ຫົບຫວນການໃຊ້ຄໍາສັບແບບວະລີ ແລະ ແບບປະໂຫຍກ

ກ. ຈົງເຕີມສັບ “ດ້ວຍ” “ໄປດ້ວຍ” “ແຕ່” ລົງໃນຊ່ອງວ່າງໃຫ້ເໝາະສົມ

- ພວກເຮົາຕ້ອງສະກັດກັ້ນຝານິທິເຕັມ.....ເລືອດຂອງພວກຈັກກະພັດ.
- ພວກເຮົາຍັງຈຳຈຳຊີວິດທີ່ເຕັມ.....ເລືອດ ແລະ ນໍ້າຕາຂອງປະຊາຊົນເຮົາ
 ພາຍໃຕ້ແອກການປົກຄອງຂອງພວກລ່າເມືອງຂຶ້ນຝະລັ່ງ.
- ຢູ່ໜ້າໂຮງສາຍຮູບເງົາຄັບຄາຫນ້າແຫນ້ນ.....ຜູ້ຄົນ.
- ຝົນຕົກແຮງມາຫລາຍມື້ແລ້ວ ສະນັ້ນທາງເດີນຈົ່ງເຕັມ.....ອັດຕິນ
- ເຈົ້າໄປໃສມາ ຕົນໂຕຈົ່ງປຽກ.....ນ້ຳເຫຼືອ
- ເຝີນເມືອບ້ານ.....ລົດຖີບ

ຂ. ປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ຜິດ ຫລືດຖືກ? ຄັນຜິດກໍ່ແກ້ໃຫ້ຖືກ

- ເຮົາໃສຊິຮູ້ວ່າໂຕບໍ່ສໍາບາຍ
- ເຝີນຫລາຍລູກແທ້ໄດ້

- ຂ້ອຍໝັ້ນອຍເງິນເລີຍຊື້ບໍ່ ບໍ່ຄົບປີ້ນ.
- ຝົນຕົກແຮງຈຶ່ງຂ້ອຍບໍ່ໄປຫລິ້ນກິລາ.
- ເພິ່ນແຕ່ໄດ້ຍິນເຂົາເວົ້າເທົ່ານັ້ນຫາກບໍ່ເຄີຍເຫັນເທື່ອ.
- ພຽງຂ້ອຍຝັງເພິ່ນເທົ່ານັ້ນຫາກບໍ່ໄດ້ເບິ່ງເທື່ອ.
- ເພິ່ນພຽງແຕ່ເວົ້າຢອກຊຶ່ງດອກ!
- ນີ້ແລ້ວເຂົາຈຶ່ງວ່າ "ງາມແຕ່ຮູບຈູບບໍ່ຫອມ"
- ທ່ານໝໍເຕືອນພວກເຮົາຮັກສາດີສຸຂະພາບຂອງຕົນ.
- ນັກສຶກສາພາກັນເຮັດສະອາດຕື່ມໂຮງຮຽນ.
- ລາວເຮັດຂ້ອຍໝືນຫລາຍ.
- ແມ່ຂ້ອຍຫາກໍ່ອອກນອກ ສວນພື້ນ.
- ເພິ່ນຖືກລົ້ນ ແຕກຫົວ ອອກເລືອດຫລາຍ.
- ອາກາດແຮ່ງຮ້ອນຂຶ້ນຊັກໄຊ້.
- ຝົນແຮ່ງຕົກຂ້ອຍແຮ່ງຮ້ອນຂຶ້ນຊັກໄຊ້.
- ຝົນແຮ່ງຕົກຂ້ອຍແຮ່ງຮ້ອນໃຈ ເພາະວ່າຢ້ານເຈົ້າບໍ່ມາໄດ້
- ຄົງເຈົ້າຄອງຖ້າລາວດົນເຕີບນ້ຳ?
- ຄັນມີເວລາເຊີນຂ້າມບ້ານຂ້ອຍຫລິ້ນເດີ.
- ນີ້ມີສາມາດແດດຮ້ອນ.
- ຂ້ອຍຫລິ້ນໝາກເສິກເປັນຢູ່ ແຕ່ນີ້ຂ້ອຍບໍ່ຫລິ້ນໄດ້ ຍ້ອນວ່າຂ້ອຍຖືກເຈັບຫົວ
- ເຂົາເຈົ້າຖືກຖຽງກັນໄປມາດົນເຕີບ
- ເຂົາເຈົ້າຖຽງກັນໄປຖຽງກັນມາຢູ່ດົນເຕີບ
- ຂ້ອຍແມ່ນເບິ່ງເພິ່ນຄືຈັ່ງຕັ້ງຍອກຫລາຍ.
- ສວນດອກໄມ້ເຮັດງາມຕື່ມໂຮງຮຽນເຮົາ.
- ກະລຸນາຊ່ວຍຊັກຂ້ອຍເຄື່ອງຊຸດນີ້ແດ່.

- ເມື່ອວານນີ້ເຈົ້າມີໄປເບິ່ງຝົນຫລືບໍ່?

- ເຝົນໃຜຊິຮູ້ແນວນັ້ນ!

- ກະລຸນາອ່ານອີກແດ່! ຂ້ອຍບໍ່ທັນຝັງອອກ.

- ຫົວຫນ້າຫ້ອງສະເໝີເຝີນຮ້ອງເພງ “ສາມັກຄີ”

- ກອງທັບຕ້ອງການພວກເຮົາຮຽນໃຫ້ດີ.

- ນ້ອງສາວ ທ້າວ ຈີ້ແທ່ງ ຝາກລາວຈົດໝາຍກ້ານໜຶ່ງ.

- ເຝີນອ່ານອີກຈົດໝາຍກ້ານນັ້ນ.

- ລາວພຽງແຕ່ເວົ້າຫາກບໍ່ຍອມເຮັດຫຍັງເລີຍ.

ຄ. ຈິ່ງແຕ່ງປະໂຫຍກໃຊ້ສັບ ແບບວະລີ ແລະ ແບບປະໂຫຍກຕໍ່ໄປນີ້ຢ່າງລະ

3 ປະໂຫຍກ

- ຄື, ຄືຈັ່ງ, ຄືຊີ, ຄືຊີແມ່ນ, ຄືຈັ່ງວ່າ, ຄືກັນກັບ, ຄືດຽວ, ຈົນ
ຈົນກວ່າ, ຈົນວ່າ, ຮອດ, ເຖິງ, ຫາ, ຕັ້ງແຕ່...ຫາ, ຕັ້ງ
ແຕ່...ຈົນ, ຕັ້ງແຕ່.....ຮອດ, ອານຸຍາດ, ສະເໝີ, ສັ່ງ, ຈິ່ງ
ຈັ່ງ+ກິລິຍາ, ຍັງ...ຢູ່.ກໍ່+ກິລິຍາ + ຢູ່ ກໍ່+ຄຸນນາມຢູ່, ພໍແລ້ວ
ພໍແຮງ, ພໍປານໃດ, ສາມາດ, ອາດ, ອາດຈະ, ໄດ້, ເປັນ,
ຊ່າງ, ບໍ່ຊ່າງຊ, ນຳມາເຊິ່ງ, ສະແດງອອກເຊິ່ງ, ສະແດງ
ໃຫ້ເຫັນ, ສ່ອງແສງ, ສ່ອງແສງໃຫ້ເຫັນ, ຂຶ້ນ, ລົງ, ເຂົ້າ,
ອອກ, ຂ້າມ, ຄຸນນາມ + ອອກ, ຄຸນນາມ + ຂຶ້ນ, ກິລິຍາ +
ຂ້າມ, ກິລິຍາ + ອອກ + ໄປ + ຄຳຕໍ່, ຍິ່ງ.....ກໍ່ຍິ່ງ, ແຮ່ງ
ເທົ່າໃດກໍ່ແຮ່ງ.....ເທົ່ານັ້ນ, ຄ່ອຍ, ຄ່ອຍໆ, ຢູ່ສະເໝີ, ເທື່ອ
ລະກ້າວ, ເປັນກ້າວໆ, ຄົງ, ຍັງຄົງ, ຄົງຍັງ, ນັບມື້ນັບ, ຄຸນ
ນາມ + ຂຶ້ນຊັກໄຊ້, ຢ່າງ, ເປັນຢ່າງໃຫ້, ເກີນວ່າ + ຄຸນນາມ +

ຈົນ, ເປັນ, ຍິ່ງ, ຖອກ, ຫາກ, ຊ້າ, ຊ້າພັດ, ສົມພ, ຍ້ອນ
 ຍ້ອນວ່າ, ເປັນຍ້ອນ, ສະນັ້ນ, ເພາະວ່າ, ເພາະສະນັ້ນ, ມີ
 ແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນຈຶ່ງ....., ພໍ...ກໍ....., ພໍແຕ່...ກໍ.....
 ເລີຍ, ກໍ່ເລີຍ, ໂດຍ, ດ້ວຍ, ແຕ່, ເຮັດດ້ວຍ, ກິລິຍາ + ດ້ວຍ
 ກິລິຍາ + ແຕ, ຄຸນນາມ + ແຕ່, ຄຸນນາມ + ດ້ວຍ, ຄຸນນາມ + ໄປ
 ດ້ວຍ, ຖ້າ.....ຫາກ....., ຫາກ + ປະໂຫຍກ + ຕົວຕັ້ງ + ກໍ່
 + ກໍານະ.

໑. ຈົງຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້

- ເຈົ້າມັກເບິ່ງຝົນປະເທດໃດ?
- ເຈົ້າເຄີຍໄປເບິ່ງຝົນຢູ່ໂຮງສາຍຮູບເງົາໃດແດ່?
- ເຈົ້າຕ້ອງຈອງບັດລ່ວງໜ້າບໍ່?
- ເຈົ້າມັກດາລາຄົນໃດທີ່ສຸດ? ເພິ່ນສະແດງນຳໃນຝົນເລື່ອງໜຶ່ງແດ່.
- ເຈົ້າເຄີຍສັງເກດບໍ່ວ່າຝົນທີ່ເຈົ້າເບິ່ງນັ້ນກຳກັບການສະແດງໂດຍໃຜ,
 ແຕ່ງບົດລະຄອນໂດຍໃຜ, ສ້າງໂດຍໃຜ ແລະ ແມ່ນໃຜເປັນຜູ້ຖ່າຍ?
- ເຈົ້າເຄີຍໄດ້ໄປຊື້ເຄື່ອງຢູ່ຮ້ານຂາຍສັບພະສິນຄ້າແຫ່ງນະຄອນຮ່າໂນ້ຍບໍ່?
- ເຈົ້າເຄີຍຊື້ເຄື່ອງຢູ່ຮ້ານຄ້າແຫ່ງລັດບໍ່?
- ຢູ່ຮ້ານຄ້າແຫ່ງລັດມີການຕໍ່ລາຄາບໍ່?
- ຄັນຢາກຖາມລາຄາສິນຄ້າປະເທດໃດໜຶ່ງ ເຈົ້າຕ້ອງເວົ້າວ່າແນວໃດ?
- ຄັນຢາກເບິ່ງສິນຄ້າໃດໜຶ່ງເຈົ້າຊິເວົ້າວ່າແນວໃດ?
- ຄັນເບິ່ງແລ້ວແຕ່ບໍ່ຢາກຊື້ ເຈົ້າຄວນເວົ້າວ່າຈັ່ງໃດຈຶ່ງຈະບໍ່ເສຍໃຈຜູ້ຂາຍ?

ຈ. ຈົງຂຽນຈົດໝາຍຫາຍາດຝີນ້ອງຢູ່ບ້ານເກີດເຈົ້າ ເລົ່າໃຫ້ເພິ່ນຮູ້ກ່ຽວກັບ

- ນະຄອນຫລວງຮ່າໂນ້ຍ

- ເນືອງຫລວງວຽງຈັນ

- ທາດຫລວງ

ສ. ຈົ່ງຂຽນນິທານທີ່ເຈົ້ານັກທີ່ສຸດມາຈັກ 2 ເລື່ອງ.

3. ບົດອ່ານຟື້ນຖານ

ຊຸ່ງ ຫນຶ່ງ

ນີ້ຫນຶ່ງ ມີຈິວນ້ອຍຄົນຫນຶ່ງຍ່າງຫລິ້ນ ຕາມແຄມແມ່ນ້ຳ. ຈິວນ້ອຍເຫັນພໍ່ຄ້າຫມັ້ງ
ຫລາຍຄົນຫາບທໍ່ຫມັ້ງຊີ້ຂ້າມນ້ຳບ່ອນຫາດຕື້ນໆນັ້ນ ພໍ່ຄ້າຫມັ້ງເຫັນຈິວ ນ້ອຍເລີຍ
ຖາມຂຶ້ນວ່າ:

- ອ້າຍຈິວນ້ອຍ ນ້ຳນີ້ຂ້າມໄດ້ບໍ່?

ຈິວນ້ອຍຕອບດ້ວຍສຽງອັນດັງວ່າ:

- ເອົາ! ເຮັດຈັ່ງໃດພວກພໍ່ອອກກໍ່ຂ້າມບໍ່ໄດ້ດອກ ພວກພໍ່ຄ້າຫມັ້ງຫລຽວເບິ່ງຈິວ
ນ້ອຍແລ້ວຖາມວ່າ:

- ຫາກວ່າພວກຂ້ອຍຂ້າມນ້ຳໄດ້ ເຈົ້າຈະເສຍຫຍັງໃຫ້ພວກຂ້ອຍ, ຮິ?

ຈິວນ້ອຍຕອບທັນທີວ່າ:

- ເອ! ຖ້າວ່າພວກພໍ່ອອກຫາກຂ້າມໄດ້ຂ້ອຍຍອມມອບຜ້າຄຸນຜ້າສະບົງໃຫມ່ໆ ນີ້
ໃຫ້ພວກເຈົ້າ ຖ້າພໍ່ອອກຂ້າມບໍ່ວິດເດ ພວກເຈົ້າຕ້ອງ ເສຍຫມັ້ງທັງຫມົດໃຫ້ຂ້ອຍ
ໄດ້. ເນີ! ທັງສອງຝ່າຍຕົກລົງກັນແລ້ວພວກພໍ່ຄ້າຫມັ້ງກໍ່ລຸນນ້ຳຂ້າມມາທັນທີໂລດ
ໃນການພະນັນກັນຄັ້ງນີ້ຜູ້ໃດກໍ່ນຶກວ່າ ໄດ້ກໍ່ໄດ້ເສີຍກໍ່ເສີຍ. ເມື່ອຂ້າມມັນແລ້ວ, ເຂົາ

ເຈົ້າພາກັນຫຸ້ນມາ ປົດເອົາຜ້າຄຸນຂອງຈົ່ວນ້ອຍ ແຕ່ຈົ່ວນ້ອຍທັງຟືດທັງເວົ້າວ່າ:

- ພວກພ່ອນກເສຍການພະນັນໃຫ້ແກ່ຂ້ອຍແລ້ວ ເດີ! ພວກເຈົ້າຕ້ອງມອບຫາບ
ໝັ້ນໃຫ້ຂ້ອຍແນ! ສອງຝ່າຍຖືກຖຽງກັນໄປມາເທິງເຕີບ ແລ້ວ ຖູ່ໄຖກັນໄປຫາ
ພະຍາເມືອງເພື່ອຕັດສິນ ຕາມລະບຽບວິໄນ ແລະ ຮີດຄອງແລ້ວ ຖ້າວ່າ ຝຶກຂຸສາ
ມະເນນມີຄະດີຮ້ອງຟ້ອງຕ້ອງສຶກກ່ອນຈຶ່ງຂຶ້ນສານສະນັ້ນຈົ່ວນ້ອຍຈຶ່ງຕ້ອງສຶກຈາກ
ເພດສາມະເນນແລ້ວຈຶ່ງໄປຮ້ອງຟ້ອງ. ເມື່ອພະຍາຖາມ ຊຽງຕອບວ່າ:

“ໂຢວ! ຂ້ອຍພະນັນໃຫ້ເຂົາເຈົ້າຂ້າມນ້ຳ ໝາຍຄວາມວ່າ ຍ່າງບາດດຽວຂ້າມ
ນ້ຳ ບໍ່ແມ່ນຂ້ອຍພະນັນໃຫ້ເຂົາເຈົ້າລຸຍຂ້າມນ້ຳເຖິງ ຈຶ່ງຊັ້ນກໍ່ແມ່ນຜີບ້າທໍ່ນັ້ນແລ້ວ,
ຂ້ອຍບໍ່ແມ່ນຄົນໂງ່ໄດ້! ຂຸນພໍ່ຄ້າໝັ້ນເບິ່ງໝ້າກັນ ແລະ ພາກັນຕົກສະເງົ້ມ
ຕາລົກໄລ້ຢູ່ ຍ້ອນສູ່ຊຽງນ້ອຍບໍ່ໄດ້ ເປັນໝ້າຢາກຫົວກະດໍ່, ພະຍາຈຶ່ງຕັດສິນໃຫ້
ພໍ່ຄ້າໝັ້ນເສຍໝັ້ນໃຫ້ຊຽງນ້ອຍ ພໍ່ສີຊ້າຫ້າບາດທໍ່ນັ້ນ.

ຊຽງນ້ອຍໄດ້ຍິນພະຍາຕັດສິນບໍ່ທົ່ງທຳປານໃດ ກໍ່ມີຄຣຽດໃນໃຈຈຶ່ງຝ່າວເມື່ອບ່ອນ
ຢູ່ຂອງຕົນ, ຊຽງນ້ອຍເອົາກະຊ້າສີ່ຫນ່ວຍກັບບາດຫ້າຫນ່ວຍມາວາງຕໍ່ໝ້າພໍ່
ຄ້າໝັ້ນທັງເວົ້າວ່າ:

- ນີ້ເດກະຊ້າ! ນີ້ເດບາດ! ພວກເຈົ້າຜອງໃສ່ໃຫ້ຂ້ອຍ ເຕັມສອງອັນນີ້ ເພື່ອເສຍຄ່າ
ການພະນັນ.

ພະຍາແລະພໍ່ຄ້າຕົກສະເງົ້ ເລີຍສັກຕາເຫດຜົນວ່າ ເປັນຫຍັງຈຶ່ງເຮັດຈັ່ງຊັ້ນ? ຊຽງ
ນ້ອຍຕອບວ່າ:

- ພະຍາຕັດສິນໃຫ້ພວກເຈົ້າຕ້ອງເສຍໃຫ້ຂ້ອຍ ສີ່ຊ້າຫ້າບາດທັ້ນເດ ຫລື ພວກເຈົ້າຊິ
ຄິດຂົ່ມເຫັງເຕັກຂ້ອຍອີກຊັ້ນບໍ່?

ພະຍາມີຄວາມຄຣຽດແຄ້ນແຕ່ກໍ່ອິດກັນເອົາໄວ້ເພາະ ຍອມປັນຍາຂອງຊຽງນ້ອຍ
ພະຍາຈຶ່ງບັງຄັບໃຫ້ພໍ່ຄ້າໝັ້ນຮີບໂຮມ ແລະ ເສຍຄ່າພະນັນຢ່າງຄົບຖ້ວນ ໃຫ້

ຊຽງນ້ອຍ.

ນັບແຕ່ນັ້ນມາ ຄົນທັງຫລາຍກໍ່ເລີຍເອີ້ນຊື່ຊຽງໜັງ ຈົນກາລະບັດນີ້.

Từ vưng

ປະມວນສັບ

ຈົ່ວນ້ອຍ

sư tiểu

ພໍ່ຄ້າ

nhà buôn

ໜັງ

chè, trà

ຫາບ

, vác, gánh

ທໍ

sọt

ສຽງ

âm thanh, tiếng

ດັງ

vang

ເສຍ

mất

ຂ້ອຍ

tôi

ຜ້າຄຸມຜ້າສະບົງ

áo choàng, khăn choàng của sư sãi

ວິດ

qua, chót lọt

ພະນັນ

cá cược

ຫຸ້ມມາ

xúm lại

ຝືດ

cãi, chối cãi

ຖືກຖຽງ

cãi lộn

ພະຍາເມືອງ

quan lại

ຕັດສິນ	xử, xử lý
ລະບຽບວິໄນ	kỷ luật
ຮີດຄອງ	phong tục
ຝັກຂຸສາມະເນນ	sư sãi
ຄະດີ	vụ án, vụ kiện
ຟ້ອງ	kiện, tố tụng
ສຶກ	phá giới
ຊຮັງ	thầy tu cấp bậc Siêng, sư bác
ຜີປ້າ	điên, dở hơi
ລຸຍຂ້າມ	lội qua
ໂງ່	dại dột, ngu
ຕົກສະເງື່	ngắn tò te, chừng hững
ທ່ຽງທຳ	công minh
ກາຊະ	sot, cái lẳng
ບາດ	cái dỏ
ຜອງ	đong
ເຫດຜົນ	nguyên nhân
ຂົ່ມເຫັງ	ức hiếp
ຄຽດແຄ້ນ	căm tức
ອົດກັ້ນ	kiềm chế
ບັງຄັບ	bắt buộc, áp đặt

ຈົງຕອບຄໍາຖາມຕໍ່ໄປນີ້

1. ຂຸມພໍ່ຄ້າຫມັ້ງຮຽງຊື່ຂ້າມນ້ຳບ່ອນໃດ?
2. ຂຸມພໍ່ຄ້າຫມັ້ງຖາມຈົ່ວນ້ອຍວ່າແນວໃດ?
3. ຈົ່ວນ້ອຍຕອບຈັ່ງໃດ?
4. ຂຸມພໍ່ຄ້າຫມັ້ງຖາມຄືນວ່າແນວໃດ?
5. ຈົ່ວນ້ອຍພະນັນກັບພໍ່ຄ້າຫມັ້ງວ່າແນວໃດ?
6. ໃນການພະນັນກັນຕັ້ງນີ້ ທັງສອງຝ່າຍນຶກແນວໃດ?
7. ພໍ່ຄ້າຫມັ້ງຮຽງຂ້າມວິດບໍ່? ເພິ່ນຂ້າມແນວໃດ?
8. ເມື່ອຂ້າມນັ້ນແລ້ວ ພວກພໍ່ຄ້າຫມັ້ງເຮັດຫຍັງ?
9. ຈົ່ວນ້ອຍຍອມບໍ່? ເພິ່ນເຮັດແນວໃດ?
10. ຫລັງຈາກຖຽງກັນໄປມາເທິງເຕີບແລ້ວ ທັງສອງຝ່າຍເຮັດຫຍັງ?
11. ເປັນຫຍັງຈົ່ວນ້ອຍ ຈຶ່ງສຶກຈາກເພດສາມະເນນ?
12. ເມື່ອພະຍາຖາມ ຊຽງນ້ອຍຕອບວ່າແນວໃດ?
13. ເປັນຫຍັງພະຍາຈຶ່ງຕັດສິນໃຫ້ພໍ່ຄ້າຫມັ້ງເສຍຫມັ້ງໃຫ້ຊຽງນ້ອຍ?
ເສຍທໍ່ໃດ?
14. ຊຽງນ້ອຍພໍໃຈກັບຄໍາຕັດສິນຂອງພະຍາບໍ່?
15. ຊຽງນ້ອຍຝ່າວກັບເນື້ອບ້ານເຮັດຫຍັງ?
16. ເມື່ອກັບຄືນມາອີກ ຊຽງນ້ອຍເວົ້າວ່າແນວໃດ?
17. ເມື່ອພະຍາສັທາເຫດຜົນ ຊຽງນ້ອຍຕອບວ່າແນວໃດ?
18. ເປັນຫຍັງພະຍາເຖິງວ່າມີຄວາມຄຽດແລ້ນແຕ່ກໍ່ອິດກັນໄວ້?

19. ພະຍາບັງຄັບໃຫ້ພໍ່ຄ້າໜັງຮຽນເຮັດຫຍັງ?
20. ນັບແຕ່ນັ້ນມາເອີ້ນຊຽງນ້ອຍວ່າຫຍັງ?
21. ຈິງເລົ່າເລື່ອງຊຽງໜັງໃຫ້ໝູ່ຮູ້ໄປ!

Trans

3

LOI NHÀ XUẤT BẢN

7

Phân cấp

NGŨ ÂM CHÍNH TẢ

9

Bài 1:

10

14

17

23

Bài 2:

23

28

34

Bài 3:

34

38

MỤC LỤC

ສາລະບານ

	Trang
LỜI NHÀ XUẤT BẢN	3
Phần thứ I	7
NGỮ ÂM CHÍNH TẢ	
Bài 1:	9
1. Các nguyên âm: ຂະ, ຂາ, ສິ, ສີ, ສຶ, ສີ, ຂຸ, ຂູ	9
2. Các phụ âm: ກ, ຂ, ຄ, ງ, ຫງ	14
3. Thanh điệu và dấu thanh	17
Bài 2:	23
1. Các nguyên âm: ເຂະ, ເຂ, ເຂະ, ເເຂ	
ຈ, ສ, ຊ, ຍ, ຫຍ, ອ	23
2. Các phụ âm: ໂຂະ, ໂຂ, ເຂີ, ເຂີ	28
Bài 3:	34
1. Các nguyên âm: ເໝ່ຍ, ເເຍ, ເຂືອ, ເເືອ	
ໂວະ, ໂວ	34
2. Các phụ âm đầu: ດ, ຕ, ຖ, ທ, ນ, ຫນ	38

3. Âm tiết đóng với các phụ âm cuối:

ງ, ມ, ດ, ນ, ມ, ຍ

42

4. Dấu ˊ (mạ công), ˋ (mạ căn)

44

Bài 4:

48

1. Các nguyên âm hỗn hợp: ໄ, ໃ, ເອ້, ອໍ

49

2. Các phụ âm đầu: ບ, ປ, ຜ, ຝ, ພ, ຟ, ມ, ຫ

52

3. Âm tiết đóng với các phụ âm cuối:

ນ, ດ, ບ, ມ

56

Bài 5:

61

1. Các phụ âm: ຢ, ຮ, ວ, ວ, ທ, ອ, ຮ, ຫ, ຫ

61

2. Các phụ âm tròn môi: ກວ, ຂວ, ຄວ, ງວ

ຈວ, ສວ, ຊວ, ທວ, ຫວ, ອວ, ຮວ

67

Bài 6:

72

1. Chữ số và cách đếm

72

2. Các dấu chính tả

77

3. Bảng tổng kết phần chính tả-phát âm

78

4. Ôn tập phần mẫu tự và tập đọc, tập viết

87

Phần thứ II

BÀI KHÓA .

ຫລັກສູດ

ບົດທີ 1:	93
1. ຫັກທາຍ, ຖາມຫາ	93
2. ແບບປະໂຫຍກຍືນຍັນ, ຄຳຖາມ, ປະຕິເສດ	94
3. ວິທີໃຊ້ຄຳແທນນາມ, ຄຳແທນຊື່	102
ບົດທີ 2:	110
1. ຫັດຜັນສຽງ	110
2. ວິທີໃຊ້ສັບ: ມີ, ແປວ່າ, ເອີ້ນ(ວ່າ)	111
3. ລັກສະນະນາມ, ວິທີຖາມວັນ, ເດືອນ, ປີ	116
4. ບົດຫັດອ່ານ: ວັນເດືອນປີ	121
ບົດທີ 3:	130
1. ທົບທວນວິທີອ່ານ	130
2. ແບບປະໂຫຍກຖາມເວລາ	132
3. ແບບປະໂຫຍກບອກເວລາ	134
4. ແບບປະໂຫຍກຖາມການກະທຳໃນປັດຈຸບັນ	135
5. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ກິດລະບຽບພາຍໃນ ແລະ ໂມງຍາມ	139

ບົດທີ 4:

147

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ

147

2. ລັກສະນະນາມ

148

3. ນິຍະນະສັບພະນາມ (ຄໍາແທນຊື່ຊັບອກ)

155

4. ປະໂຫຍກຄໍາຖາມ: “ນາມ + ໃດ?”

“ນາມ + ເປັນແນວໃດ?”

157

5. ຄຸນນາມ ແລະ ການປຽບທຽບຄຸນນາມ

159

6. ບົດອ່ານຜືນຖາມ: ຫ້ອງຮຽນຂອງພວກເຮົາ

161

ບົດທີ 5.

167

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ

167

2. ແບບປະໂຫຍກວະລິບອກສະຖານທີ່

169

3. ວິທີໃຊ້ສັບ: “ບັນດາ, ພວກ, ຊຸມ, ເຫລົ່ານັ້ນ,

174

ເຫລົ່ານີ້, ທັງຫລາຍ, ທັງໝົດ, ທັງນວນ

4. ວິທີໃຊ້: “ຂອງ, ແຫ່ງ”

179

5. ຄວາມໝາຍຂອງຄໍາຊ້າ

182

6. ວະລິຂະຫຍາຍຄໍາກໍານະແບບ: “ຢ່າງ + ຄຸນນາມ”

184

“ເປັນຢ່າງ + ຄຸນນາມ”

7. ບົດອ່ານຜືນຖາມ: ໂຮງຮຽນມະຫາວິທະຍາໄລ ຂອງພວກເຮົາ

186

ບົດທີ 6:

195

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ

195

2. ທົບທວນບັນດາແບບປະໂຫຍກ ແລະ ສັບທີ່ຮຽນແລ້ວ 196

3. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ຄອບຄົວ. 198

ບົດທີ 7: 204

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ 204

2. ແບບປະໂຫຍກປະຕິເສດອະດີດການ 205

3. ວິທີໃຊ້ຄຳວ່າ: "ຕ້ອງ, ຄວນ, ຈຳເປັນ ແລະ ຕ້ອງການ" 206

4. ວິທີໃຊ້: "ໄດ້, ໄດ້ຮັບ, ຖືກ" 209

5. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ເຮັດອາຫານ 211

ບົດທີ 8: 217

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ 217

2. ແບບປະໂຫຍກ ນິປະພັນສັບພະນາມ 'ທີ່' 218

3. ແບບປະໂຫຍກ ຄຳສັ່ງຫລືຂໍ້ຮ້ອງ 220

4. ແບບປະໂຫຍກບອກສາເຫດ: "ຍ້ອນວ່າ" "ເພາະວ່າ" 225

5. ວິທີໃຊ້ສັບ 'ໃຫ້+ພາກຂະຫຍາຍ' 227

6. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ເຮັດອະນາໄມ. 229

ບົດທີ 9: 235

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ 235

2. ແບບປະໂຫຍກ: "ນອກຈາກຈະ... ແລ້ວຍັງ...ອີກດ້ວຍ" 236

3. ແບບປະໂຫຍກ: "ພໍ.....ກໍ....." 238

4. ແບບປະໂຫຍກເງື່ອນໄຂ: “ຄັນ.....ກໍ່.....” 241
5. ວິທີໃຊ້ສັບພະນາມ: “ເຊິ່ງ” 244
6. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ການອອກແຮງງານ 248

ບົດທີ 10:

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ 254
2. ແບບວະລີ “ນັບນີ້ນັບ + ຄຸນນາມ + ຂຶ້ນ” 255
3. ວິທີໃຊ້ສັບ: “ຕ່າງໆ” 256
4. ແບບວະລີ: “ກໍ່.....ຢູ່” 257
5. ແບບວະລີ: “ຈັກວ່າ.....ບໍ່.....ບໍ່” 258
6. ແບບວະລີ: “ແຕ່ງ.....ກວ່າ.....ຊ້າ” 260
7. ວິທີໃຊ້ວະລີ: “ໃຜລາວ, ໃຜນັ້ນ” 263
8. ວິທີໃຊ້ສັບ “ເອງ” 264
9. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ຫລັກກິລາ 266

ບົດທີ 11:

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ 273
2. ແບບປະໂຫຍກ: “ບໍ່ພຽງແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນຫາກຍັງ...
ອີກດ້ວຍ”. 275
3. ວິທີບອກອາການເຈັບໄຂ້ 276
4. ວິທີໃຊ້ສັບ: “ຈົນ” 282
5. ວິທີໃຊ້ວະລີ: “ຢູ່ສະເຫມີ” 284

Trang

6. ປະໂຫຍກຊື່ເງື່ອນໄຂ “ຫາກ.....ຈະ.....” 285

7. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ໂຮງໝໍນ້ອຍຂອງໂຮງຮຽນ 287

ບົດທີ 12: 294

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ 294

2. ວິທີໃຊ້ສັບ“ຫລາຍ, ໜ້ອຍ, ພໍ່, ໄດ້, ຂາດ, ໃຫ້” 295

3. ແບບປະໂຫຍກ: - “ເຖິງວ່າ.....ກໍຕາມແຕ່.....”

- “.....ສາກ່ອນຈິ່ງ”

- “ຄັນວ່າ.....ກໍ” 302

4. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ການປະຊຸມຫ້ອງ 306

ບົດທີ 13: 312

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ 312

2. ທົບທວນແບບປະໂຫຍກທີ່ຮຽນແລ້ວ 313

3. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ນິທານເລື່ອງກະຕ່າຍແລະເຕົ້າ 317

ບົດທີ 14: 322

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ 322

2. ວິທີໃຊ້ຄຸນນາມຊື່ຈຳນວນບໍ່ເຈາະຈົງ: “ຫລາຍ, ໜ້ອຍ, ພໍ່, ເຕັມ, ຄົບ, ຂາດ, ເຫລືອ, ປອດ”. 324

3. ແບບປະໂຫຍກຊື່ເຫດ-ຜົນທີ່ໃຊ້ຄຳເຊື່ອມ:

- “ຈິ່ງ, ຈັ່ງ, ກໍ່ເລີຍ” 334
4. ວິທີປະຕິເສດໂດຍສົມບູນ: “ບໍ່.....ເລີຍ, ໃສ່ຊື່....” 336
5. ວິທີໃຊ້ວະລີ: “ພຽງແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນ
“ພຽງແຕ່.....ຫາກບໍ່” 339
6. ແບບປະໂຫຍກ “ກິລິຍາ + ໂດຍ” 345
7. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ເບິ່ງຮູບເງົາ 346

ບົດທີ 15:

354

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ 354
2. ແບບປະໂຫຍກບອກຜົນໃຊ້ວະລີເຊື່ອມ: “ດັ່ງນັ້ນ, ເພາະສະນັ້ນ,
ດ້ວຍເຫດນັ້ນ, ຍ້ອນແນວນັ້ນ” 356
3. ວິທີໃຊ້ສັບ: “ເຮັດດ້ວຍ...” 357
4. ວິທີໃຊ້ວະລີ: “ສະແດງອອກເຊິ່ງ + ນາມ” 359
5. ວິທີໃຊ້ວະລີ: “ເປັນທີ່ + ກິລິຍາ” 360
6. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ຮ້ານສັບພະສິນຄ້າແຫ່ງນະຄອນຮ່າໂນ້ຍ. 361

ບົດທີ 16:

369

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ 369
2. ວິທີໃຊ້ຄູ່ສັບສຳຮອງ: “.....ໄປ.....ມາ”
“.....ແລ້ວ....ອີກ”
“.....ຊ້າໆຊາກໆ” 371

3. ວິທີໃຊ້ກິລິຍາ: “ໄປ, ນາ” 373
4. ວິທີໃຊ້ກິລິຍາບອກການເຄື່ອນທີ່ເຊິ່ງມີທິດທາງແນ່ນອນ:
“ຂຶ້ນ, ລົງ, ເຂົ້າ” ແລະ ບໍ່ແນ່ນອນ: “ອອກ, ຂ້າມ” 376
5. ວິທີໃຊ້ວະລີ “ຄຸນນາມ + ແຕ່ + ນາມ” 380
6. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ຈົດຫມາຍຈາກບ້ານເກີດ 381

ບົດທີ 17: 389

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ 389
2. ວິທີໃຊ້ວະລີ: “ຄຸນນາມ + ດ້ວຍ + ນາມ” 392
3. ວະທີໃຊ້ຄູ່ຄໍາສັບສໍາຮອງ “ຍິ່ງ.....ຍິ່ງ”
“ແຫ່ງ.....ແຫ່ງ” 393
4. ວິທີໃຊ້ກິລິຍາ: “ກາຍເປັນ, ກັບກາຍເປັນ” 395
5. ວິທີໃຊ້ວະລີ: “ຄຸນນາມ + ຂຶ້ນ
ລົງ” 397
6. ວິທີໃຊ້ວິລີ: “ນໍາມາເຊິ່ງ + ນາມ” 400
7. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ນະຄອນຫລວງຮ່າໂນ້ຍ 401

ບົດທີ 18: 410

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ 410
2. ວິທີໃຊ້ກິລິຍາວ່າ: “ອາດ, ອາດຈະ, ອາດສາມາດ,
ໄດ້-ເປັນ” 412
3. ແບບປະໂຫຍກ ສົມມຸດ 415

4. ວິທີໃຊ້ສັບ: “ຊ່າງ”	417
5. ວິທີໃຊ້ສັບ: “ຮີ”	419
6. ວິທີໃຊ້ວະລີ “.....ທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຈະ.....ໄດ້	423
7. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ເມືອງຫລວງວຽງຈັນ	425

ບົດທີ 19: 431

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ	431
2. ແບບວະລີ: “ສຸດທີ່ + ຄຸນນາມ + ກິລິຍາບອກຄວາມຮູ້ສຶກ”	433
3. ວິທີໃຊ້ກິລິຍາຊ່ວຍ: “ຄົງ”	435
4. ແບບວະລີ: “ຍັງຄົງ.....ຢູ່”	437
5. ວິທີໃຊ້ຄຳຕໍ່: “ຈົນ”, “ຮອດ”	439
6. ແບບປະໂຫຍກ: “ມີແຕ່.....ເທົ່ານັ້ນຈຶ່ງ.....”	441
7. ວິທີໃຊ້ສັບສຳຮອງ “ຄ່ອຍໆ”	443
8. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ທາດຫລວງວຽງຈັນ	445

ບົດທີ 20: 453

1. ທົບທວນວິທີອ່ານ	453
2. ທົບທວນການໃຊ້ຄຳສັບ, ແບບວະລີ ແລະ ແບບປະໂຫຍກ	454
3. ບົດອ່ານພື້ນຖານ: ນິທານເລື່ອງຊຽງຫມ້ຽງ	458
ສາລະບານ	459

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM XUÂN XỨNG

XỈ VIÊNG KHỆC CONNIVÔNG

Biên tập: ĐẶNG XUÂN TRIỀU

Kỹ thuật: PHÒNG MỸ THUẬT

Bìa: NGUYỄN THỊ HÒA

Sửa bản in: ĐẶNG XUÂN TRIỀU

ສຳນັກຜິມການເມືອງແຫ່ງຊາດ

24 ກວາງຈູງ, ຮ່າໂນ້ຍ

ໂທ: 8252008

ຝັກ: 84-4-251881

ຊອກອ່ານ:

ສະຖາບັນຄົ້ນຄ້ວາອາຊີອາຄະເນ:

- ວັດຈະນານຸກົມ ລາວ - ຫວຽດ

ຮ.ປ.ລ.ຍ.-ຮ.ອ.ຈ. ດົງແຫນເຫວ້, ຈິ່ງດຶກຫຽນ

- ແບບຮຽນພາສາຫວຽດ(ສຳລັບຄົນລາວ)

ຄອຍອ່ານ:

ພັກກອນນູນິດຫວຽດນາມ:

- ເອກະສານກອງປະຊຸມໃຫຍ່ຄັ້ງທີ VIII (ເປັນພາສາລາວ)

ພັກປະຊາຊົນປະຕິວັດລາວ:

- ເອກະສານກອງປະຊຸມໃຫຍ່ຄັ້ງທີ VI (ເປັນພາສາຫວຽດ)

ສະຖາບັນຄົ້ນຄ້ວາອາຊີອາຄະເນ:

- ແບບຮຽນພາສາລາວ(ສຳລັບຄົນຫວຽດ)